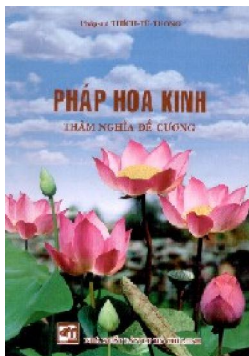


PHÁP HOA KINH THÂM NGHĨA ĐỀ CƯƠNG



Nhà Xuất Bản TP. Hồ Chí Minh 2001



Việt Dịch: HT. Từ Thông

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 28-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tai Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Duyên Khởi Tự

PHÁP HOA KINH THÂM NGHĨA ĐỀ CƯƠNG

PHẠM LỆ

TIÊU DẪN

PHẨM 1: “TỰA”

THÂM NGHĨA

PHẨM 2: PHƯƠNG TIỆN

THÂM NGHĨA

PHẨM 3: THÍ DỤ

THÂM NGHĨA

PHẨM 4: TÍN GIẢI

THÂM NGHĨA

PHẨM 5: DƯỢC THẢO DỤ

THÂM NGHĨA

PHẨM 6: THỌ KÝ

THÂM NGHĨA
PHẨM 7: HÓA THÀNH DỤ
THÂM NGHĨA
PHẨM 8: NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ
THÂM NGHĨA
PHẨM 9: THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ
THÂM NGHĨA
PHẨM 10: PHÁP SƯ
THÂM NGHĨA
PHẨM 11: HIỆN BẢO THÁP
THÂM NGHĨA
PHẨM 12: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA
THÂM NGHĨA
PHẨM 13: KHUYẾN TRÌ
THÂM NGHĨA
PHẨM 14: AN LẠC HẠNH
THÂM NGHĨA
PHẨM 15: TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT
THÂM NGHĨA
PHẨM 16: NHƯ LAI THỌ LƯỢNG
THÂM NGHĨA
PHẨM 17: PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC
THÂM NGHĨA
PHẨM 18 : TUỖ HỈ CÔNG ĐỨC
THÂM NGHĨA
PHẨM 19: PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC
THÂM NGHĨA
PHẨM 20: THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT
THÂM NGHĨA
PHẨM 21: NHƯ LAI THẦN LỰC
PHẨM 22: CHÚC LỤY
THÂM NGHĨA
PHẨM 23: DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ
THÂM NGHĨA
PHẨM 24: DIỆU ÂM BỒ TÁT VĨNG LAI
THÂM NGHĨA
PHẨM 25 : QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM
THÂM NGHĨA
PHẨM 26: ĐÀ LA NI
THÂM NGHĨA
PHẨM 27: DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ
THÂM NGHĨA
PHẨM 28: PHỔ HIỆN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT
THÂM NGHĨA

Duyên Khởi Tự

Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh là một bộ kinh được lưu truyền sâu rộng ở các nước Phật giáo theo hệ tư tưởng Đại Thừa. Ở Trung Quốc, vào thời Diêu Tần khoảng cuối thế kỷ thứ ba, Ngài Cưu-ma-la-thập, là một nhà sư người Ấn dịch từ Phạn-văn ra Hán-văn với nhan đề Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Sư Quách Hoàng, sư Trúc Pháp Hộ dịch nhan đề là Chánh Pháp Hoa Kinh. Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam những nước cùng một khuynh hướng ái-mộ tư-tưởng Đại Thừa đều tôn trọng bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập. Ở Việt Nam khắp tông lâm, tự viện, am thất chỗ nào không có kinh Pháp Hoa gần như chỗ đó được xem như thiếu Phật. Xem thế đủ biết “diệu lực” của Kinh Pháp Hoa, đức tin của người Phật-tử đối với Kinh Pháp Hoa thâm hậu biết chừng nào!

Ở Việt Nam ta có hai bản dịch từ Hán-văn ra Việt-văn sớm nhất. Bản dịch của ông Đoàn Trung Còn xuất bản vào năm 1936. Bản dịch này, ở vào thời đại bấy giờ kinh Pháp Hoa chưa được phổ biến nhiều. Đến năm 1948 bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh ra đời, do Liên Hải Phật Học Đường xuất bản, có lẽ do thiên-thời, địa-lợi, nhơn-hoà, vì mầm chấn hưng Phật-giáo được manh nha từ thời điểm ấy cho nên bản dịch của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh được phổ biến rộng, tái bản nhiều lần và truyền bá, thọ trì, đọc tụng hầu khắp tự viện, tông lâm cho đến ngày nay.

Vấn đề: Vì sao đồng bào Phật-tử ham tụng Kinh Pháp Hoa? Có sự linh nghiệm, cảm ứng thế nào? Tôi xin phép miễn bàn về mặt đó.

Riêng tôi xin dâng hết tâm thành lên đức Phật, mà khẳng định rằng: “Tụng kinh giả, minh Phật chi lý” nghĩa là: Đọc kinh cốt để tìm hiểu giáo lý đức Phật muốn dạy gì cho mình.

Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, người co chủng-tánh Đại-thừa, có được ít nhiều tuệ-nhãn, nhìn vào như hạt ngọc kim cương. Tùy góc đứng khác nhau mà ngọc kim cương ảnh hiện màu sắc khác nhau, nhưng màu sắc nào cũng đều rực rỡ. Tùy khả năng tư duy tu của hành giả mà nhận thức cái “diệu nghĩa” của kinh một khác. Bởi lẽ đó, kinh Diệu Pháp Liên Hoa xuất hiện ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam đến nay đã ngót hai ngàn năm mà sức sống ngày càng mạnh và rộng. Các tiền bối trong Phật giáo đã đầu tư trí tuệ, ra sức phát huy cái “diệu nghĩa”, “huyền nghĩa”, “thông nghĩa”, “mật nghĩa” của kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà hình như chưa có vị nào có thể cho

là mình bằng lòng trọn vẹn. Bởi Kinh Pháp Hoa là kinh: “ Duy hữu Phật dữ Phật cãi năng tri chi” (chỉ có Phật với Phật mới hiểu hết diệu lý của kinh). Tuy nhiên, mỗi ngài đều có cái tâm đặc, cái tuệ nhãn riêng để nhận thức tương đương với sự thâm ngộ và thể nhập của mình. Mỗi ngài viết ra thành tác phẩm giữ lại thành tài liệu nhằm ghi lại cái kết quả đó. Còn vấn đề đem lại lợi lạc ít hay nhiều cho tăng tín đồ Phật giáo, thì còn tùy thuộc nhân duyên, căn cơ và chủng tánh nữa.

Nhìn lịch sử nghiên cứu sơ thích giảng giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đã thấy trong quá khứ:

Pháp Hoa Văn Cú của Thiên Thai Trí Giả Đại Sư
Pháp Hoa Nghĩa Sớ của Sa-môn Cát Tạng
Pháp Hoa Du Ý của ngài Khuy Cơ
Pháp Hoa Huyền Tán của ngài Nguyên Hiểu
Pháp Hoa Tông Yếu của ngài Minh Chánh
Pháp Hoa Huyền Nghĩa của Cư-sĩ Chánh Trí

Và sinh tiền:

Pháp Hoa Cương Yếu của Hoà Thượng Thích Trí Tịnh

Nhìn chung, sự nhận thức và triển khai của các Ngài, mỗi người một vẻ, vẻ nào cũng có cái hay cái diệu riêng của nó.

Tôi, một hậu học là một bần-tăng cô-lậu, có chút ít quá trình lạm dụng bút nghiêng vận dụng cái vốn của những bậc Thầy tôn kính của tôi: Hoà-thượng Thượng Trí Hạ Tịnh, Hoà-thượng Thượng Thiện Hạ Hoà, Hoà Thượng Thượng Thiện Hạ Hoa ... đã dày công uốn nắn giáo dục tôi và truyền thọ cho tôi phần gia bảo vô giá mà các ngài đã thừa kế sự nghiệp Như Lai để lại.

Tâm đặc nguồn tư-tưởng liễu-nghĩa Thượng thừa trác tuyệt của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, theo sở ngộ của mình tôi viết ra những tinh-hoa thâm-nghĩa ở sau mỗi phẩm của kinh văn đã được tóm lược và đặt cho giáo-án này cái nhan-đề:

---o0o---

PHÁP HOA KINH THÂM NGHĨA ĐỀ CƯƠNG

Gọi là “giáo án” hay “giáo trình” cũng vậy, vì những kinh luận tôi biên soạn để triển khai, giảng dạy cho những người hậu học chớ không nhằm phục vụ cho tụng đọc cho nguyện cầu để được phước. Bởi vì, theo lời Phật dạy, người được phước phải là người chế ngự được những thói hư tật xấu, những bất-thiện-nghiệp của thân, khẩu, ý của mình.

Ngoài lý tưởng thiêng liêng đó, tôi hy vọng đền đáp phần nào công ơn của những bậc thầy tôn kính của tôi, đã lao tâm khổ trí đào tạo ra tôi. Tôi xúc động bù ngùi khi ôn lại lời nhắc nhở, thiết-tha của tổ Quy Sơn:

“Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tâm bối diệp, tinh sưu nghĩa lý truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức. Thời quang diệp bất hư khí, tất tu dĩ thử phò trì, trụ chỉ oai nghi, tiện thị tăng trung pháp khí. Khởi bất kiến ý tông chi cát, thượng tủng thiên tâm, phụ thác thắng nhưn phương năng quang ích”. Có nghĩa là: Nếu mình chưa phải là bậc thượng lưu, vượt thắng bên kia bờ giác thì hãy để tâm nơi giáo-pháp, ôn tâm kinh điển, rút ra nghĩa lý tinh-hoa, truyền bá tuyên dương, tiếp dẫn hậu lai, đó là cách trả ơn cho Phật tổ. Ngày giờ không nên bỏ luống, phải sử dụng nó trong việc rèn luyện thân-tâm. Khi đi cũng như lúc ở, sống đúng oai nghi để làm kho tàng đựng pháp trong chư tăng, há chẳng thấy dây sấn nương quán cội tông, nhờ có thắng duyên mà lên cao được đó sao?

Âm vang của Tổ giục-giã tôi tinh-tấn làm cái việc tuy nhẹ bồng mà đòi hỏi nội lực khá nặng-nề này.

Viết tại HUỲNH MAI TỊNH THẤT

Mùa Xuân năm Giáp Tý 1984. DL

Pháp-sư: THÍCH TỪ THÔNG

Kính đề

---o0o---

PHẠM LỆ

Độc Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương kính mong độc giả lưu ý hai điểm sau đây:

1. Phần nguyên văn kinh được in chữ đứng, đó là phần dịch lược từ kinh Hán tự ra Việt văn.

2. Phần thâm nghĩa in chữ nghiêng để cho dễ dàng phân biệt. Phần này do bỉ-nhân tôi đóng góp viết ra những điều tâm đắc bằng kiến giải của riêng mình. Hy vọng phần thâm nghĩa sẽ giúp cho độc giả mạnh mẽ để tư duy, gọi trí nhận xét trong tiến trình hiểu học tu theo con đường Phật.

Mấy lời kính cáo, mong độc giả lưu tâm.

Pháp sư: THÍCH TỪ THÔNG

Cần bạch

---o0o---

TIÊU DẪN

Bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa thường được gọi với cái tên giản lược là kinh Pháp Hoa. Để phân biệt với các kinh thuộc hệ tư tưởng Tiểu Thừa, gọi là Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Diệu Pháp Liên Hoa, đề kinh được cấu tạo theo thể cách Pháp và Dụ. Diệu Pháp ám-tỷ cho cái Tri Kiến Phật nhiệm mầu vốn có của tất cả chúng sanh mà mọi người thường không hay không biết. Cái Tri Kiến Phật ấy lúc thành Phật không phải nó mới sanh ra, lúc còn là phàm-phu nó tiềm tàng, ẩn-mật mà không hề sút giảm hao bớt tí nào. Trên bình diện Tri Kiến Phật, chúng-sanh và Phật, không hề có sự hơn kém thấp cao.

Với Phật-nhãn, nhìn qua lăng kính Bát-nhã Ba-la-mật thì “ Tâm, Phật và chúng sanh” dù tên gọi có ba, mà thực chất không có phạm trù đơn vị riêng rẽ.

Cái ví dụ Liên Hoa, đức Phật vận dụng để chỉ bày một cách kín-đáo, về Phật chất, về khả năng thành Phật của mọi người. Rằng hoa sen nở toàn diện, hoa sen nở 70, 80 phần trăm; hoa sen vừa trôi lên khỏi nước; hoa sen đang

trong nước; cho đến hoa sen còn lúi dưới bùn, dù mức độ lớn nhỏ khác nhau, thời gian sanh trưởng không đồng mà cái tánh đặc thù của hoa thì y nhau không hề sai khác; Gương, hạt ở ngay trong cánh nhụy và cánh nhụy bao trùm lấy gương hạt. Mượn đức tánh này, đức Phật “giới thiệu” cho mọi chúng sanh biết, rằng trong cái “nhân phàm phu” của các vị, còn có cái “quả Phật chất” ở ngay trong các vị, các vị chớ có kinh mình.

Hoa sen từ bùn như nước đục mà ngời lên, nhưng không vì nước đục bùn như mà khiến cho hoa sen phải nhạt sắc hương thanh-thoát của nó. Với đặc-tánh đó, đức Phật chỉ dạy: “ Hỡi tất cả chúng-sanh, các vị hãy vươn lên, tự mình thấp đước lên mà đi”. Các vị hoàn toàn đủ tiêu-chẩn thành Phật, dù các vị đang ở trong hoàn cảnh “ Ngũ trược ác thế” của cõi nước đục “ Ta bà”...

Phật chỉ là một hoa sen nở trước, nở toàn diện , hiển bày cánh, nhụy, gương, hạt một cách viên mãn, vậy thôi. Phàm Phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-Tát đều là sen tất cả. Tất cả chúng-sanh không nên tự khinh mình! Trong các vị, ai ai cũng đều sẵn có Tri Kiến Phật.

Cái “Đại sự nhân duyên” xuất thế của Như Lai nhằm:

- Giới thiệu Tri Kiến Phật cho chúng sanh.
- Chỉ rõ Tri Kiến Phật của chúng sanh cho chúng sanh biết.
- Hướng dẫn chúng sanh hiểu kỹ về Tri Kiến Phật của mình
- Động viên chúng sanh sống đúng và sống hợp với Tri Kiến Phật mà mình vốn có.

Do vậy, tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, tất cả chúng sanh sẽ thành Phật. Và tư tưởng “thuần viên độc diệu” của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đức Thế Tôn ta với âm giọng hải triều tuyên bố”

“Tất cả chúng sanh đã thành phật”

Pháp-sư THÍCH TỪ THÔNG

Khê thủ

---o0o---

PHẨM 1: “TỰA”

Kinh này tôi nghe, một lúc nọ đức Phật trụ ở núi Kỳ-xà-quật cùng với số chúng tụ họp xung quanh Phật rất đông, gồm đủ các thành phần:

Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán 12.000 người. Bậc hữu-học và vô-học 2.000 người. Tỳ-kheo-ni 6.000 người. Bồ-tát 80.000 người. Trời Đế-thích và quyến thuộc 20.000 người. Tứ Đại-Thiên-Vương và quyến thuộc 10.000 người. Trời Tự-Tại và Đại-tự-tại cùng quyến thuộc 30.000 người. Phạm-Thiên-Vương và quyến thuộc 12.000 người. Tám vị Long-Vương và quyến thuộc; A-tu-la-vương và quyến thuộc; Ca-lâu-la-vương và quyến thuộc nhiều trăm ngàn người. Có vua A-xà-thế, con bà Di-đề-hi cùng quyến thuộc tùy tùng câu hội...

Đại chúng đều đánh lễ cúng dường tán thán Phật, rồi lui ngồi qua một phía.

Bấy giờ đức Thế-Tôn vì chư đại Bồ-tát nói kinh Đại-Thừa tên là:

Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm

Nói kinh xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân tâm không lay động.

Chư Thiên vull mừng rải thiên hoa cúng dường Phật, hàng Nhân-Thiên tán thán chấp tay một lòng chiêm ngưỡng đức Như Lai.

Lúc bấy giờ, từ tướng lông trắng chạng giữa đôi mày Phật, phóng ra ánh hào quang chiếu khắp mười vạn tám ngàn thế giới ở phương Đông. Trên từ cõi sắc cứu cánh dưới suốt ngục A-tỳ. Chúng sanh trong sáu đường đều thấy rõ lẫn nhau.

Lại thấy chư Phật ở các quốc-độ đang nói pháp và được nghe pháp của các Phật rõ ràng. Cũng thấy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Cận-sự-nam, Cận-sự-nữ tu hành đắc đạo. Thấy các Bồ-tát thực hành lục độ trong việc tự-lợi lợi-tha tinh-tấn trên đường Bồ-đề. Lại thấy có đức Phật nhập Niết-bàn, có nơi xây dựng tháp tôn thờ xá lợi...

Bồ-tát Di-lặc và đại chúng đều lấy làm lạ trước điềm lành này. Thay mặt cho tất cả Bồ-tát, Ngài Di Lặc cầu xin Đại Trí Văn Thù là bậc xuất chúng, giải thích cho đại chúng về những sự kiện trên.

Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi giải đáp rằng: theo chỗ tôi biết thì Thế-Tôn nói pháp lớn. Bồ-tát Văn Thù nói tiếp: Tôi từng ở trong vô lượng Phật quá-khứ đã thấy điềm lành này. Chư Phật phóng hào quang như thế, sau đó liền nói “pháp lớn”. Cho nên tôi biết chắc rằng, hôm nay Phật vì muốn cho chúng sanh được nghe biết “pháp nhiệm mầu” mà tất cả người đời khó tinh cho nên hiện ra điềm lành ấy...

Bồ-tát Văn Thù kể tiếp: Cách vô lượng A-tăng-kỳ-kiếp về trước có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh đủ mười đức hiệu diễn nói chánh pháp, ban đầu, chặng giữa và rốt sau đều lành, nghĩa lý sâu xa, trước sau không mâu thuẫn, thuần nhất không tạp. Phật vì người Thanh-Văn thừa nói “Tứ-Đế” cầu ra khỏi sanh, già, bệnh, chết được cứu cánh Niết-bàn. Vì hạng cầu quả Duyên-giác nói pháp “Thập nhị nhân duyên”, vì hàng bồ-tát nói pháp “Lục-ba-la-mật” khiến cho chúng quả Vô thượng Bồ-đề thành tựu Nhất-thiết chủng-trí. Kế tiếp có 20.000 đức Phật cùng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh và cùng một họ Phả-loa-đọa. Pháp của tất cả chư Phật nói ra ban đầu, chặng giữa và rốt sau đều lành.

Đức Phật rốt sau vốn là một nhà vua, lúc chưa xuất gia có tám vị vương-tử tên là Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bảo Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hương Ý và Pháp Ý. Nghe vua cha xuất gia tu hành thành đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác đều bỏ ngôi xuất gia theo.

Thuở đó, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cũng như đức Phật Thích-Ca hiện nay, nói kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói xong bèn nhập chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ thân tâm không động.

Hàng Chư-Thiên hân hoan rải hoa cúng dường. Đại chúng vui mừng chấp tay nhìn Phật với tất cả lòng kính mộ. Lúc bấy giờ từ tướng lông trắng, chặng giữa đôi mày Như-Lai phóng ra ánh hào quang soi suốt 18.000 thế giới ở phương Đông, y như điềm lành hiện nay mà đại chúng cùng đang thấy.

Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh Như-Lai từ chánh định dậy, vì Bồ-tát Diệu Quang và tám trăm đệ tử mà nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, trải 60 tiểu kiếp, chẳng rời chỗ ngồi. Người nghe pháp cũng ngồi một chỗ đến 60 tiểu kiếp thân-tâm không động, không mỗi một và xem thời gian ấy mau chững như trong một bữa ăn.

Sau 60 tiểu kiếp nói kinh, trước chúng hội; Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên-long, Ma Phạm, Nhơn phi-nhơn, đức Nhật Nguyệt Đăng Minh tuyên bố: hôm nay vào nửa đêm, Như-Lai sẽ nhập Vô Dư Niết Bàn . Trước khi vào Niết-bàn, Phật thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng, trước đại chúng rằng: Đức-Tạng Bồ-tát này sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như-Lai đủ mười đức hiệu thọ ký xong, đúng như lời tuyên bố đức Phật nhập Vô Dư Niết Bàn vào lúc nửa đêm.

Sau Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang thọ-trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải tám mươi tiểu kiếp vì người diễn nói và dạy bảo cho tám vị vương tử ở vững trong đường Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất cả tám vị lần lượt đều thành Phật và vị Phật chót hiệu là Nhiên Đăng.

Trong tám trăm đệ tử của Bồ-tát Diệu Quang có một người tên là Cầu Danh. Sở dĩ người này có cái tên ấy là vì còn tham ưa danh lợi, tuy có đọc tụng kinh điển nhiều mà không thuộc rành. Dù vậy, đó cũng là một “căn lành” đã từng “gieo giống Phật” trong vô lượng ngàn muôn ức kiếp.

Sau khi kể lại câu chuyện trên, Bồ-tát Văn Thù kết luận: Bồ-tát Diệu Quang lúc đó đâu phải người nào lạ, chính là ta đây, còn Cầu Danh Bồ-tát lúc đó, nay chính là Di-Lặc ngài đây.

Hôm nay đức Phật Thích Ca phóng quang hiện điềm giống hệt xưa kia, tôi nghĩ là đức Phật cũng sẽ nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Học kinh Phật các tiền bối thường hay quan tâm đoạn mở đầu. Các ngài cho rằng ở phần thông tựa phải có đủ những yếu tố “ Lục Chung Thành Tựu” thì nó mới được xem là chánh thống kinh Phật nói. Thí dụ:

“Kinh Pháp Hoa này, tôi nghe một thời nọ, đức Phật trụ tại Linh-Thứ-Son, cùng với số Tăng-Ni đại chúng cả thầy có bao nhiêu ngàn người”.

“Lục Chung Thành Tựu” hay “Lục Trùng Chứng Tín” tên gọi khác nhau, nhưng tiền bối quan niệm: Kinh Phật nói thì phải hội đủ những điều như thế.

Thật lý mà suy: muốn thành tựu một việc gì cần phải hội đủ yếu tố của việc đó. Điều đó là tất nhiên; nhưng nếu là kẻ gian, họ đem “Lục chủng thành tựu” thay đổi cái “địa danh” na-ná, phịa ra tên “kinh mới” cùng một số đại chúng tương tự... cho vào phần đầu... cái quyển kinh sách “dòm” của họ. Điều đó, nếu người ta muốn làm thì chẳng phải khó khăn gì. Vì vậy đọc kinh điển Phật với tôi vẫn đề Văn-Nhi-Tu. Tu-Nhi-Tu mới đem lại cho người Phật tử cái “trí tuệ” đích thực của chính mình.

Trước khi nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phật vì các hàng Bồ-tát, nói kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Việc làm này của Phật có dụng ý sâu-xa. Có nghĩa là muốn học hiểu kinh Pháp Hoa, phải “chuẩn bị tư tưởng” qua kinh Vô Lượng Nghĩa. Nói cách khác, có ý thức trong sự tiếp thu tốt về chân lý “thuần viên độc diệu” đệ nhất nghĩa của kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Kinh Vô Lượng Nghĩa, nhưng không được hiểu rằng kinh này có nhiều nghĩa. Hiểu thế là sai. Vô Lượng Nghĩa ở đây phải hiểu là không cắt nghĩa được, cắt nghĩa kiểu nào, ngôn từ khéo léo đến đâu, nói hoài, nói mãi, nói “vô lượng ngữ ngôn” thậm chí “vô lượng kiếp số” cũng không diễn đạt thấu đáo được cái chân lý của ý kinh Phật dạy, ngoại trừ người “thể nhập”.

“Nhu nhưn ẩm thủy lãnh noãn tự tri”. Cốc nước đó, nóng hay lạnh, chỉ có người được uống mới biết cái chừng độ của nó.

Người đệ tử Phật, phải hiểu Vô Lượng Nghĩa qua tinh thần tu học đó.

Sau đây, lời Phật dạy cho Bồ-tát Đại Trang Nghiêm và các Bồ-tát phải tu học về giáo lý Vô Lượng Nghĩa của Đại Thừa.

Phật bảo: Này Đại Trang Nghiêm! Bồ-tát muốn tu học pháp môn Vô Lượng Nghĩa thì phải nên quan sát: Hết thấy các pháp, từ trước đến nay, tánh tướng thường rỗng rang vắng lặng, thanh tịnh bản nhiên, không sanh, không diệt, không như, không sạch, không thêm, không bớt, không đến, không đi, không một, không khác, không thường, không đoạn, không ra, không vào, không lùi, không tiến... Ví như hư không, không có cái hai. Chỉ vì chúng sanh hoạnh chấp. Chấp lấy cái giả dối rồi cho là cái này, cái kia, là được, là mất... khởi ra tâm niệm không lành, tạo mọi điều ác nghiệp; do vậy mà loanh quanh trong sáu nẻo chịu mọi sự khổ đau vô lượng ức kiếp mà không tự biết để tìm lấy cái lỗi ra!

Này Đại Trang Nghiêm! Tu học Vô Lượng Nghĩa, Bồ-tát phải quán chiếu tu duy:

Pháp tướng “ như vậy”, nó sanh “như vậy”.

Pháp tướng “ như vậy”, nó trụ “ như vậy”.

Pháp tướng “ như vậy”, nó di “như vậy”.

Pháp tướng “ như vậy”, nó diệt “như vậy”.

Pháp tướng “ như vậy”, nó sanh ác pháp.

Pháp tướng “ như vậy”, nó sanh thiện pháp.

Pháp trụ, di, diệt cũng sanh thiện pháp và ác pháp “như vậy”.

Tóm lại tu học Vô Lượng Nghĩa là tu học cách quán chiếu Thật Tướng các pháp. Tu học nhận thức về cái tự tánh “Như Thị” thanh tịnh bản nhiên của hiện tượng vạn pháp cho đến khi tự mình thể nhập cái chân lý “ Thật Tướng Vô Tướng” “ Vô Tướng Bất Tướng” (Thật tướng của vạn pháp là “Không” mà ý niệm “không” cũng không lưu giữ).

Bồ-tát tu học Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa, chuẩn bị cho mình một tư thế sẵn sàng để tiếp thọ tư tưởng “Duy Nhất Phật Thừa Vô Hữu Du Thừa Nhược Nhị Nhược Tam” của kinh Diệu Pháp Liên Hoa (chỉ có một Phật thừa duy nhất, không có thừa nào khác để gọi là hai hoặc ba).

Với giáo lý vô thượng thậm thâm vi diệu đó, nên kinh Vô Lượng Nghĩa và kinh Diệu Pháp Liên Hoa là thứ chân lý “Duy Hữu Phật Dữ Phật Nãi Năng Tri Chử” (Chỉ có Phật với Phật mới hiểu rõ nguồn giáo lý đó)

Xét cho cùng, thì Như Lai thường trụ trong chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, chứ không phải chỉ có cơ hội sau khi nói kinh Vô Lượng Nghĩa Như Lai mới nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ. Thập lực, tứ vô-sở-úy, thập bát bất cộng pháp, Như Lai lúc nào chẳng có!

Tướng Long trắng giữa đôi mày Phật là một tướng trong 32 tướng của Phật. Còn ánh sáng thông thường người ta gọi là “hào quang” của Phật. Hào quang có phóng hay không phóng là một vấn đề khác cần phải học và hiểu

kỹ về Phật thì người đệ tử Phật mới tránh được bệnh chấp ảo tưởng hoang đường.

Nội dung Kinh Pháp Hoa, về việc phóng ánh sáng (người đời thường linh thiêng hoá bằng cái từ “hào quang”) trước sau đức Phật sử dụng ba lần khác nhau, để nói lên công dụng khác nhau về giáo lý mà đức Phật muốn truyền đạt cho Pháp Hoa hải hội từng lúc khác nhau.

Ở phẩm Tựa này, đức Phật chỉ phóng ánh sáng từ điểm lông trắng chạng giữa đôi mày (chỗ huyệt ấn đường) soi sáng khắp một vạn tám ngàn thế giới chư Phật ở phương Đông. Đại chúng xem thấy rõ việc làm của Phật trong sự nghiệp giáo hoá, thuyết pháp độ sanh. Thấy rõ các chúng Thanh-văn tinh-tấn tu-hành với pháp tứ-đế. Thấy các Bồ-tát đang thực thi lục độ trên đường tự lợi, lợi tha. Thấy rõ, có đức Phật đang chuyển pháp luân. Có đức Phật đang nhập Niết Bàn. Có nơi trà tỳ thân xá lợi... trên từ Trời Sắc cứu cánh nhìn thấu suốt địa ngục a-tỳ, lục đạo chúng sanh thông đồng trông thấy lẫn nhau...

Một điểm “hào quang” tức là một chút “trí tuệ” Phật mà khiến cho mọi người trong đại chúng có khả năng nhìn những sự việc trong một vạn tám ngàn thế giới... Vừa thấy vừa nghe như cận kề trước mắt. Sự kiện này nhằm dạy cho toàn thể Pháp Hoa Hải Hội về “Trí Tuệ Phật” về “Tri Kiến Như Lai”. Rằng khi con người đủ khả năng sử dụng “Trí Tuệ Phật” “Tri Kiến Như Lai” thì một vạn tám ngàn thế giới cũng chẳng có gì ngăn sông cách núi.

Phóng hào quang lần hai, đức Phật sử dụng hai điểm. Một ở tướng bạch hào và một ở tướng vô-kiến-đảnh. Hai điểm hợp lại, khiến cho đại chúng trông thấy thế giới chư Phật nhiều như số cát 42 sông Hằng.

Phóng quang lần ba, ánh sáng phát ra từng lỗ chân lông Phật, toàn thể Pháp Hoa Hải Hội trông thấy Pháp Giới Nhất Chân. Cõi nước trong mười phương không còn ranh giới nữa.

Thế cho nên giáo lý: “chư pháp tương tức” “nhất đa tương dung” “đồng thời cụ túc tương ứng” cũng được hiểu ở nơi sự kiện “phóng quang” này (xin đọc thêm Kinh Duy Ma Cật Trực Chỉ Đề Cương cùng một biên dịch giả). Để chứng minh sáng tỏ ý nghĩa đó, ta hãy đọc đoạn vãng trưng tụng này:

... “Ngã kiến Đăng Minh Phật

Bổn quang thụ như thử

Dĩ thị tri kiến Phật

Dục thuyết Pháp Hoa Kinh

Kim tướng như bổn thoại

Thị chư Phật phương tiện

Kim Phật “phóng quang minh”

Trợ pháp thật tướng nghĩa”...

Có nghĩa là: xưa kia tôi thấy Phật Đấng Minh, phóng hào quang giống như hiện giờ. Vì vậy tôi biết hiện nay Phật sắp nói kinh Pháp Hoa. Điem hôm nay y hết diem xưa. Đó là phương tiện của chư Phật. Nay Phật phóng hào quang, nhằm hỗ trợ cho sự diễn bày “thật tướng”.

Vậy, nói đến “hào quang” phải hiểu là “Trí tuệ Phật”. Tùy trường hợp sử dụng trí tuệ ít hay nhiều, toàn diện hay chưa toàn diện và tầm nhận thức chân lý, nhận thức thế giới rộng hẹp khác nhau.

Sự thông đồng giữa một vạn tám ngàn thế giới của chư Phật... và Lục Đạo chúng sanh, nên triết lý “một tâm đủ mười pháp giới” của đạo Phật, được Phật khai thị một cách kín đáo qua sự kiện phóng quang này.

Bồ tát Di Lặc không biết duyên cớ của sự hiện diem, thay mặt đại chúng hỏi để tìm hiểu duyên cớ. Bồ tát Đại Trí Văn Thù thì giải đáp một cách tận tường, khúc chiết. Kinh nêu ra sự kiện này, nhằm dạy cho người đệ tử Phật ghi nhớ và quan tâm đến vấn đề “nhân quả” và vấn đề “chủng tử” trong quá trình tu học ở thời đức Phật Nhật Nguyệt Đấng Minh xa xưa. Đại Trí Văn Thù ngày nay là bồ tát Diệu Quang thời đó. Ở thời kỳ Bồ tát Diệu Quang dạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho 800 đệ tử vững bước tiến tu trên đường Bồ-đề thì Di Lặc lúc bấy giờ mang biệt hiệu là Bồ-tát Cầu Danh, thường biếng trễ trên đường tu học.

Gieo hạt giống trí tuệ sâu, sẽ thành cái quả “Đại Trí”. Trông cái nhân biếng trễ kết quả chỉ là Từ Thị Di Lặc vậy thôi.

Giáo lý của kinh Pháp Hoa thuộc về pháp lớn, thứ pháp chỉ để dạy cho những người có chủng tánh Đại Thừa, khác với giáo lý dạy cho những hàng căn tánh Tiểu Thừa. Phật nói kinh Pháp Hoa là tuông mưa pháp lớn; thổi còi pháp lớn, đánh trống pháp lớn. Thứ giáo pháp mà người đời kho nghe, khó hiểu và khó tin.

Ở nơi phẩm Tựa của Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đức Phật đã cho Pháp Hoa Hải Hội biết về cái nguyên tắc chung của ba đời chư Phật thường làm. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cách hằng hà sa số kiếp trước đã làm, như vậy, hiện nay đức Phật Thích Ca cũng đang làm như vậy và Phật tương lai thì cũng thế. Lời nói của chư Phật là lời chân chính, chắc thật. Lời nói trước sau như một, ban đầu, chặng giữa và rốt sau đều lành, không hề có dụng ý lừa dối phỉnh gạt người nghe.

Về phương diện thuyết pháp giáo hóa chúng sanh thì vì hạng căn-cơ Thanh Văn Phật nói cho họ về pháp “ Tứ-diệu đế, hầu mong ra khỏi sanh tử; chứng đắc Niết Bàn”; vì hàng Duyên Giác nói cho họ về pháp “ Thập nhị nhân duyên ”; vì hàng Bồ Tát nói pháp “Lục-ba-la-mật” khuyến cáo thăng tiến lên Bồ-đề Vô Thượng thành tựu Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Sư Trí của mình. Đó là thông lệ của ba đời chư Phật, trong sự nghiệp hóa độ chúng sanh.

Vấn đề 20.000 đức Phật cùng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, pháp của đức Phật nói: ban đầu, chặng giữa và rốt sau đều lành. Phải hiểu vấn đề này, rằng: không những 20.000 mà 200.000 hay 200.000.000... đi nữa, pháp của các Phật nói ra cũng đều lành như vậy cả. Danh hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh vừa là danh hiệu Phật và vừa biểu trưng “ Phật” là hiện thân chân lý muôn đời trong sáng cũng như sự soi sáng của vàng nhật nguyệt vàng vạc muôn đời...

Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh thứ 20 ngàn, xuất thân từ gia tộc nhà vua. Tức nhiên là vinh hoa phú quý tột bậc. Có tám con ngoan, tức nhiên có hoàng hậu hiền. Vì muốn cầu quả Phật, Vô-thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, con đường duy nhất là phải xuất gia, xuất gia xả đi cái “ Ta”, cái “ Trẫm” của một đấng quyền uy tối thượng, sanh sát trong tầm tay ấy và để phải giữ hết những cái sở hữu “ của ta”, mệnh mông một thời giang san cầm tú! Bấy giờ, trước cảnh gió lộng trời thanh, trong những đêm trăng trong gió mát, nhìn giang san với tâm hồn thanh thoảng ngâm nga:

“ Nhất phái thanh thiên cảnh sắc u

Tiền nhân điền thổ hậu nhân thu

Hậu nhân thu đắc mạc hoan-hỉ

Hoàn hữu thu nhơn tại hậu đầu

(Một dải giang san cảnh đẹp thanh

Cơ đồ người trước kẻ sau giành

Người sau cướp được khoan mừng vội

Chẳng mấy lâu sau có gả tranh)

”

Thường thức được cái thi tứ đậm đà chân lý đó, thì ngày thành Phật, sao mai dần dần lộ dạng.

Xuất gia hành đạo, thực ra không phải chuyện ngẫu nhiên, mà mỗi đều có nguyên nhân của nó. Nguyên nhân có 2 thứ: “Viễn nhân” và “Cận nhân”. Người chỉ có “Viễn nhân” thì xuất gia trước, rồi chế ngự, bồi dưỡng uống nắng “thức tâm” sau. Người có “Cận nhân” thì trau dồi chế ngự “thức tâm” trước, sau đó đủ điều kiện mới xuất gia hành đạo.

Cha xuất gia tu hành, độ các con, đắc thành chánh quả. Đây là thể hiện theo nguyên tắc “Viễn nhân”.

Ngược lại, con và vợ xuất gia tu hành độ vừa cha thành tựu đạo quả. Sự thanh tịnh hóa “thức tâm” trước, là thể hiện theo nguyên tắc “Cận nhân”. Như trường hợp Diệu Trang Nghiêm Vương (Phẩm thứ 27)

Thuyết giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa thời gian 60 tiểu kiếp, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh không rời chỗ ngồi mà Bồ tát Diệu Quang 800 tử đệ cùng đại chúng không hề mỏi mệt và với thời gian ấy mà tương chừng như thời gian của một bữa ăn. Điều này nói lên sự kết quả to lớn của người nói và người nghe. Thể nhập “Pháp Hoa Tam Muội”, nhận thức được chân lý “Pháp Giới Nhất Chân” “Chư pháp tương tức, tương dung, tương ứng” thì ngay điểm thời gian hiện tại có đủ mười đời. “Thập thể cách pháp dị thành môn” vì thời gian cũng tương tức, tương dung và tương ứng. (Xin đọc thêm

“Thập Huyền Duyên Khởi” có giảng rõ ở kinh Duy Ma Cật Trục Chi Đề Cương cùng một biên soạn giả)

Sanh tử là việc bình thường, từ ngàn xưa, con người đã chấp nhận sự thật đó. Hễ có sanh tất phải có tử. Chỉ khác nhau ở điểm chúng sanh thì “Sanh tử bị lao” đau đớn, khổ sở triền miên, vì cái nhân đa dục. Còn Phật “Sanh thuận tử an” sống chết là thuận theo chân lý biến dịch tuần hoàn của vạn pháp, cho nên cái chết của Phật gọi là “nhập Niết-Bàn”.

Vấn đề thọ ký cũng được báo trước trong ánh hào quang, để chuẩn bị tư tưởng cho đại chúng trong hội Pháp Hoa khởi ngạc nhiên và bỏ ngỡ sau này. Vì Phật sẽ thọ ký dài dài cho nhiều đối tượng, nói đúng hơn, cho tất cả mọi căn cơ.

Giáo lý kinh Pháp Hoa là thứ chân lý Đại Thừa liễu nghĩa, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đã nói, Bồ tát Diệu Quang thuộc hàng đệ tử tiếp tục truyền bá kinh Pháp Hoa, dẫn dắt tám vị vương tử tu hành đều thành Phật.

Người nghe được kinh Pháp Hoa là người trông sâu căn lành cho nên sớm muộn gì rồi cũng được thành Phật. Một bồ tát có biệt hiệu là Cầu Danh, nghe qua là có thể biết đạo hạnh của vị bồ tát thế nào rồi. Dù vậy, cũng đã tiếp thu gieo giống Pháp Hoa cho nên hạt sen Pháp hoa đến thời Phật Thích Ca đã trở bông bảy tám chục phần trăm mở bày cánh nhụy.

Văn Thù và Di Lặc trong cương vị Bồ-tát, có hơn kém nhau trong mức độ phần trăm nào đó, chỉ vì khi gieo giống có trước sau, có nông sâu, từ khi cùng tu học dưới thời Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh xa xưa ấy.

Thuật lại một sự kiện xưa để đoán định hiện tượng xảy ra hiện tại, để kết luận rằng: Phật sắp nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, như Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đã nói cách đây vô lượng hằng sa kiếp trước.

Trong sự kiện phóng quang ngầm tuyên cáo với tất cả chúng sanh hậu thế rằng những việc Phật nói, Phật làm trong kinh Pháp Hoa để dạy cho chúng sanh là việc của chư Phật quá khứ đã nói, đã dạy, đã làm. Chẳng những thế, mà chư Phật vị lai cũng nói, cũng dạy và cũng làm như vậy.

Ánh sáng mặt trời nóng. Ánh sáng mặt trăng mát, dù ở quá khứ, hiện tại hay vị lai thì ai cũng nói như vậy thôi. !

---o0o---

PHẨM 2: PHƯƠNG TIỆN

Bấy giờ đức Thế Tôn xuất định bảo Xá-Lợi-Phất: Trí tuệ của chư Phật sâu sa vô lượng, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bích-Chi-Phật không thể biết được. Bởi vì trí tuệ đó là kết quả của quá trình gạn gùi vô số chư Phật, tu hành vô lượng đạo pháp viên mãn, dũng mãnh tinh tấn. Trí tuệ và sự hiểu biết sâu xa chưa từng có của Phật, giáo hóa theo thời, tuy cơ nói pháp ý thú khó lường.

Xá-Lợi-Phất ! Sau khi thành Phật Như Lai vận dụng nói nhiều thí dụ, phân tích các thứ nhân duyên, diễn bày nhiều ngôn giáo, linh hoạt trong vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến cho xa lìa lòng chấp. Như Lai là bậc đầy đủ tri kiến và các Ba-la-mật. Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa. Tứ vô-ngại trí, thập trí-lực, tứ vô sở úy, thiền định, giải thoát tam-muội sâu thẳm và mệnh môn không ngăn mé.

Như Lai tùy thời phân biệt khéo nói pháp, lời lẽ đẹp, đáp ứng sở thích của nhiều hạng căn cơ.

Nhưng, thôi đi! Xá-lợi-phất! Không cần nói nữa!

Bởi vì pháp ít có và khó hiểu bậc nhất mà Phật có, pháp đó chỉ có Phật với Phật mới hiểu biết thấu tột “Thật tướng”. Rằng:

“ Các pháp Tướng của nó như vậy.

 Tánh của nó như vậy.

 Thể của nó như vậy.

 Lực của nó như vậy.

 Tác của nó như vậy.

 Nhơn của nó như vậy.

 Duyên của nó như vậy.

 Quả của nó như vậy.

Báo của nó như vậy.

Và từ đầu chí cuối của nó như vậy. ”

Bấy giờ có một số Thanh Văn, Duyên Giác, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, những người phát tâm tiểu thừa đều có cùng ý nghĩa rằng: Lạ thật! Có chi hôm nay đức Phật tán thán pháp của Phật chứng đắc cao sâu, khó nghe, khó hiểu...nào là Như Lai phương tiện nói pháp khéo léo, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể hiểu được...!

Tại sao Như Lai nói thế! Từ lâu đức Phật dạy chúng ta pháp tu giải thoát, chúng ta đã chứng đắc Niết Bàn rồi. Có chi hôm nay đức Phật như có ý chê trách những điều tu học và chứng đắc của hàng Thanh Văn, Duyên Giác bấy lâu nay!

Ông Xá-lợi-phất cảm thông ý của đại chúng cũng như nỗi lòng hoang mang của chính mình, bèn thưa hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì hôm nay Thế Tôn ngợi khen pháp phương tiện nhiệm mầu sâu xa khó hiểu của chư Phật? Hiện giờ bỗng chúng có lòng nghi, xin Như Lai dạy rõ cho về duyên có ấy!

Phật bảo: Xá-lợi-phất! Thôi! Thôi đi! Đừng hỏi việc đó. Nói việc đó ra thì tất cả người, trời, a-tu-la ở trong đời đều sẽ kinh sợ và nghi ngờ, không tốt.

Bạch Thế Tôn! Ông Xá-lợi-phất thưa, xin Thế Tôn nói cho. Trong hải hội này có người lãnh hội được lời dạy của Phật và có thể đủ sức kính tin.

Đức Phật lại khuyên ngăn: Rằng nếu nói việc đó thì người, trời, a-tu-la đều kinh nghi, Tỳ kheo, tăng-thượng-mạn sẽ sa vào hầm tội lỗi.

Ông Xá-lợi-phất lại ân cần cầu thỉnh xin Phật rủ lòng thương...

Sau ba lần cầu thỉnh thiết tha của ông Xá-lợi-phất, đức Phật vừa hứa khả, tức thì trong hải hội có các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, cả thầy năm ngàn người đứng dậy bái Phật xin được rút lui.

Đức Thế Tôn an nhiên, không ngăn cản và bảo ông Xá-lợi-phất: Rằng trong đại chúng giờ đây không còn những trái đào hạt lép mà chỉ còn toàn trái tốt và hạt chắc.

Xá-lợi-phát! Những hạng người tăng thượng mạn như vậy, lui đi vẫn tốt. Vậy ông lắng ý mà nghe, Như Lai sẽ nói về sự nhiệm mầu khó nghe, khó hiểu. Và Như Lai cũng nói cho ông biết lý do của sự có mặt của Như Lai trong cõi đời này.

Này! Xá-lợi-phát! Pháp mầu sâu thẳm của chư Phật, đúng thời mới đem ra nói. Như hoa Linh thoại đến thời tiết mới nở một lần.

Xá-lợi-phát! Chư Phật thuyết pháp phải đúng thời, tùy đối tượng, hợp căn cơ cho nên mỗi người, mỗi lúc khác nhau. Vì vậy, pháp của chư Phật nói khó nghe, khó hiểu, vì ý thú rất nhiệm mầu, Chư Như Lai vận dụng vô số phương tiện, giảng nhiều cách, dẫn nhiều tỷ dụ, thay đổi ngôn từ, lời lẽ khéo đẹp, đáp ứng cho mọi hạng người. Vì vậy mà pháp Phật nói không thể suy lường phân biệt hời hợt thông thường mà có thể hiểu được. Chỉ có Phật và Phật mới thấu hiểu hết ý của nhau.

Xá-lợi-phát ơi! Ông làm sao hiểu được cái lý do cực kỳ quan trọng mà các đức Phật xuất hiện ở đời!

Này! Xá-lợi-phát! Như Lai xuất hiện ở đời nhằm:

Mở bài và giới thiệu “ Tri Kiến Phật ” của chúng sanh

Vận dụng ngôn từ, tỷ dụ, khéo léo để “chỉ” Tri Kiến Phật của chúng sanh cho chúng sanh biết.

Hướng dẫn cho chúng sanh “Hiểu Kỹ ” về Tri Kiến Phật của mình.

Khuyến cáo, khích lệ cho chúng sanh sống bằng Tri Kiến Phật mà mình vốn có.

Đó là cái lý do cực kỳ quan trọng mà chư Phật Như Lai xuất hiện ở cõi đời. Mục đích của chư Phật ra đời chỉ vì một việc: Đem Tri Kiến Phật chỉ dạy cho chúng sanh tỏ ngộ đầy mà thôi!

Chư Phật Như Lai nói pháp cho chúng sanh chỉ vì dạy cho họ một “ Phật thừa” chứ không có hai thừa, ba thừa nào khác. Pháp của chư Phật trong mười phương cũng đều như vậy. Chư Phật trong quá khứ, chư Phật hiện tại cũng như chư Phật vị lai vận dụng vô số phương tiện, triển khai nhiều cách, ngôn từ khéo léo, tỷ dụ dồi dào, nhưng tất cả nhằm dạy cho chúng sanh “

một Phật thừa ” khiến cho những chúng sanh tu hành đều đạt thành “ Nhất thiết chủng trí ”.

Xá-lợi-phất! Chư Phật giáo hóa Bồ tát vì muốn đem Tri Kiến Phật “chỉ” cho chúng sanh, muốn cho chúng sanh tỏ ngộ, hiểu kỹ về Tri Kiến Phật và thể nhập, sống trong Tri Kiến Phật của chính mình. Tất cả cõi nước trong mười phương không có hai thừa làm gì có đến ba! Tại vì chúng sanh sống trong đời đầy năm trước ác mà chư Phật dùng sức phương tiện ở một Phật thừa phân biệt tạm nói có ba.

Xá-lợi-phất! Các ông nên một lòng tin hiểu, thọ trì lời dạy của Phật. Lời của chư Phật không hề có hư vọng. Rằng không có thừa nào khác, mà chỉ có một “ Phật thừa” thôi!

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên rằng một bài kệ:

... Xá-lợi-phất ! Nên biết

Ta vốn lập thế nguyện

Muốn tất cả chúng sanh

Bằng như ta không khác

Như ta xưa đã nguyện

Nay đã viên mãn rồi

Độ tất cả chúng sanh

Đều khiến vào Phật đạo

... Xá-lợi-phất ! Nên nhớ

Ta vì bày phương tiện

Nói các đạo diệt khổ

Chỉ cho họ Niết Bàn

Ta dù nói Niết Bàn

Mà không thật diệt độ
Các pháp từ xưa nay
Tướng nó thường vắng lặng
Phật tử hành đạo rồi
Sau đó được thành Phật

... Nếu có hạng chúng sanh

Nghe pháp Phật tu hành

Những người như thế đó

Đều đã thành Phật đạo

... Các Phật diệt độ rồi

Người cúng dường Xá lợi

Nhóm đất làm tháp Phật

Những hạng người như thế

Đều đã thành Phật đạo

... Các đồng tử vui chơi

Nhóm cát thành miếu Phật

Những trẻ con như thế

Đều đã thành Phật đạo

... Nếu có người mến Phật

Chạm trở các hình tượng

Nặng vẽ hình tượng Phật

Những người như thế đó

Đều đã thành Phật đạo

... Có người trước tháp miếu

Dùng hoa, hương, phan lọng

Thành kính mà cúng dường

Ca ngâm khen ngợi Phật

Nhẫn đến tiếng thì thào

Đều đã thành Phật đạo

... Hoặc người tâm tán loạn

Vào trong tháp miếu Phật

Một xung nam mô Phật

Đều đã thành Phật đạo

... Với chư Phật quá khứ

Tại thế hoặc diệt độ

Nghe tin chư Phật ấy

Đều đã thành Phật đạo

... Nếu có người nghe pháp

Không ai chẳng thành Phật

Các Phật vốn thế nguyện

Tu hành thành Phật đạo

... Phật là thầy trong đời

Thường phương tiện tùy nghi

Diệt bỏ tâm nghi hối

Tự biết sẽ thành Phật.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Vận dụng “phương tiện” nhằm đạt đến chỗ “cứu cánh”... Cũng như khi người ta sử dụng “sách lược” nhằm đạt đến “mục đích lý tưởng”... Vận dụng “phương tiện” để đạt đến cứu cánh là chủ trương phương cách giáo hóa, uốn nắn thực hiện theo con đường “vương đạo”; sử dụng “sách lược” để đạt đến mục đích là có tính thủ đoạn cai trị, theo con đường “bá đạo” nói theo ngôn từ của các nhà chánh khách, thời xưa.

“Phương tiện” trong việc giáo hóa, có nghĩa là “Nói vậy mà chưa phải vậy”. Bảo rằng: “Học vậy đi! Hiểu vậy đi! Làm vậy đi! Lợi ích lắm đó! Tốt lắm đó!” Nhưng cái lợi ích và sự tốt đó, chưa phải là cái “lợi ích” cứu cánh và muốn đạt đến các “tốt” cứu cánh, cần phải học, phải hiểu, phải làm nhiều hơn nữa. Bấy giờ sự học, hiểu và việc làm đó mới đến nơi đến chốn, mới đến chỗ cứu cánh trọn vẹn...

Vì sao hơn 40 năm thuyết pháp, Phật chỉ dùng “phương tiện” giáo hóa chúng sanh?

Tại vì, Phật xuất hiện ra đời với mục đích cao đẹp “tuyệt trần” mà trong khoảng thời gian đó, Phật chưa thể nói rõ ra được.

Tại vì chúng sanh đang sống trong cuộc đời đầy năm trước ác, cấu chương nặng nề, ba nghiệp không lành, sáu căn chưa trong sạch, nếu dạy pháp tu hành “thành Phật” chúng sanh ngần ngại khó khăn.

Tại vì, nói chúng sanh có khả năng thành Phật, chúng sanh không dám tin nhận ở khả năng mình

Thế cho nên Như Lai phải vận dụng “phương tiện” mà dẫn dụ, uốn nắn, bồi dưỡng trí tuệ cho chúng sanh một cách dần dần, ngay từ thời thuyết pháp đầu tiên ở Lộc-giả-uyển, thành Ba-la-nại...

- Lẽ ra Như Lai phải nói thẳng với chúng sanh rằng: Sự xuất thế của Như Lai và trí tuệ của Như Lai có, không phải là sự ngẫu nhiên do sự đưa đẩy trôi xuôi theo dòng nghiệp lực...
- Lẽ ra Như Lai phải nói thẳng với chúng sanh về hoài bảo duy nhất và mục đích tối thượng của Như Lai ngay lúc bắt đầu cuộc hành trình thuyết giáo độ sanh, nhưng Như Lai chưa nói rõ ra được điều đó.
- Lẽ ra Như Lai phải nói thẳng với hàng Thanh Văn, Duyên Giác, rằng pháp mà Như Lai dạy cho họ chỉ là pháp “Tiểu Thừa” và Niết Bàn họ chứng đắc chưa phải thật diệt độ, nhưng hơn 40 năm qua, Như Lai chưa nói điều đó.
- Lẽ ra “mười hai bộ kinh”, Như Lai phải bình đẳng dạy cho tất cả chúng sanh, nhưng vì căn tánh không đồng, đối với hạng chúng tánh Nhị-thừa Như Lai dạy cho họ chỉ có 9 kinh.
- Lẽ ra từ lâu, Như Lai phải nói thẳng với chúng sanh rằng: Tất cả chúng sanh đều sẵn có Tri Kiến Phật, nhưng Như Lai đã bí mật dấu hẩn điều này vì căn cơ của chúng sanh còn thấp kém chưa đủ trí tuệ để tiếp thu.
- Lẽ ra, trước đây Như Lai phải nói thẳng với chúng sanh rằng: Tu hành là “thành Phật”, không có quả Nhị thừa, Tam thừa nào khác, nhưng từ lâu nay, Như Lai nói có. Vì đó là phương tiện của Như Lai.
- Lẽ ra Như Lai phải nói thẳng với chúng sanh rằng: Tất cả chúng sanh là Phật, nhưng cho đến bây giờ, trước giờ phút nhập Niết Bàn, Như Lai mới mở kho tàng bí mật, để giao trọn gia tài pháp bảo vô giá của Như Lai cho tất cả chúng sanh.

Trong quá trình thuyết giáo độ sanh, với một lập trường kiên định và linh hoạt tuyệt vời, Như Lai vận dụng “Tứ-tất-đàn” một cách vô cùng phong phú. Nhờ vậy, mọi căn cơ đều được thấm nhuần mưa pháp. Người học Phật không được lãng quên tiêu chuẩn:

1. Thế giới tất-đàn
2. Vị-nhân tất-đàn
3. Đối-trị tất-đàn, và

4. Đệ-nhất-nghĩa tất-đàn.

Để hiểu một cách quyết định và tin sâu về “Tri Kiến Phật” về “Phật Tánh” của mình, người học kinh Pháp Hoa còn phải am tường về nguồn giáo lý “Lục Túc Phật”:

1. Lý túc Phật.
2. Danh tự túc Phật.
3. Quán hành túc Phật.
4. Tương tợ túc Phật.
5. Phân chứng túc Phật.
6. Cứu cánh túc Phật.

Dựa trên nguồn giáo lý “Lục túc” mỗi người có thể tự nhận xét và đánh giá địa vị “Đã thành Phật” của mình.

---o0o---

PHẨM 3: THÍ DỤ

Lúc bấy giờ ông Xá-lợi-phất hớn hờ vui mừng, đứng dậy cung kính chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan Phật và bạch rằng: “Hôm nay con được nghe những điều Phật dạy, lòng con hân hoan chưa từng có. Bao nhiêu nghi ngờ của con đã hết. Trước kia con thường nghĩ ngợi và tự hỏi: Phật cũng ở trong Pháp tánh như mình, có sao Phật được là Phật, còn mình thì lại không? Có sao Như Lai lại đem pháp “Tiểu Thừa” mà dạy cho? Có sao các Bồ tát được thọ ký thành Phật, còn mình chẳng được dự vào việc đó? Con tự cảm thương mình! Chẳng lẽ mình mất hết vô lượng Tri Kiến Phật, mất hết khả năng thành Phật hay sao?” Nay nghe Phật dạy, con mới hiểu rằng, lỗi tại chúng con, vì mê mờ thiên cận, vừa được nghe pháp phương tiện là đã vội ham, tư duy tu tập để cầu chứng đắc. Nay con đã hiểu rõ, rằng giáo lý Tiểu thừa là “pháp phương tiện” tùy nghi dẫn dụ của Như Lai. Dù “chứng đắc Niết Bàn” nhưng chưa hoàn toàn diệt độ. Giờ đây con rất sung sướng tự biết mình là con thật của Phật. Từ kim khẩu Phật sanh ra, từ pháp hóa của Phật sanh ra, con được dự phần trong “Phật tánh và Pháp tánh” vô thượng.

Ông Xá-lợi-phất thưa tiếp: “ Lúc mới nghe Phật “thọ ký” con sẽ thành Phật, con nghi ngờ tự hỏi có phải ma giả Phật để nã loạn lòng con. Nhưng sau nhờ những tỷ dụ của Phật, con mới hết nghi và tin quả quyết rằng con sẽ thành Phật”.

Đức Phật lại bảo: Xá-lợi-phất! Ta xưa đã từng giáo hóa ông, từng dẫn dắt ông trong thời gian dài ở hai muôn đức Phật. Ta hướng dẫn ông đi trên con đường thành Phật, nhưng ông lại quên mà tưởng là diệt độ trong khi chưa đến đích. Nay ta muốn cho ông nhớ lại chí nguyện thành Phật xưa kia mà vì hàng Thanh Văn nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm này. Như Lai cũng nói trước cho ông biết, trong vị lai vô số kiếp, ông cúng dường vô số Phật, phụng trì chánh pháp làm đủ đạo Bồ tát rồi ông sẽ thành Phật hiệu Hoa Quang Như Lai đủ mười đức hiệu, nước tên Ly-Câu, kiếp tên Đại Bảo Trang Nghiêm. Số Bồ tát được ông giáo hóa nhiều vô lượng.

Xá-lợi-phất! Đức Hoa Quang Như Lai sau đó “thọ ký” cho Bồ tát Kiên Mãn sẽ thành Phật hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai đủ mười đức hiệu và cõi nước cũng trang nghiêm như vậy.

Đại chúng thấy Phật “thọ ký” ông Xá-lợi-phất được thành Phật, vui mừng hơn hở, mỗi người cõi thượng y của mình dâng lên cúng Phật.

Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn! “ Trước kia Phật thường dạy: “ Giáo pháp của Như Lai có công năng xa lìa sanh, già, bệnh, chết và được cứu cánh Niết Bàn”. Các hàng Thanh Văn đã nghe và hành theo, ai cũng tưởng là mình được Niết Bàn rồi. Nay Phật lại đưa ra thứ giáo pháp chưa ai từng nghe: Rằng “ Niết Bàn ấy chưa phải rất ráo tịch diệt, mà rất ráo phải thành Phật”. Con e sợ hàng Thanh Văn còn chổ nghi ngờ. Cúi xin Thế Tôn, vì bôn chúng giải thích rõ ý thú của lời Phật.”

Phật bảo: Trước đây Như Lai há chẳng nói rằng, tất cả giáo pháp của Phật dạy đều là phương tiện đưa đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đó sao? Nhưng thôi, để cho người trí hiểu được Như Lai có cái thí dụ này:

Trong một xứ nọ, có ông trưởng giả giàu to của cải vô lượng, nhưng tuổi đã già suy. Nhà của ông rộng lớn chứa rất nhiều người, trong số có các con của ông, nhưng phải cái nguy là ngôi nhà mục nát, cột kèo ngả đổ, vách phên xiêu xập, rần rít rất nhiều thêm nổi lửa cháy bốn bề mà lối ra thì chỉ có một cửa.

Ông Trưởng Giả đứng ngoài lo sợ cho các con, nghĩ bụng rằng: Ta có thể xông vào cứu chúng, nhưng nhớ đến cửa nhỏ hẹp, sợ các con dùng dằng không đem ra được hết. Trong lúc nguy hại trước mắt các con của ông cứ đùa giỡn vui chơi, không biết sợ sệt gì hết và cũng không có ý muốn ra, vì không biết nhà cháy là gì, chết thêu là gì, lửa là gì !

Ông Trưởng Giả bèn lập kế, ông hô to: “ Các con! Cha có những đồ chơi đẹp lắm đây. Xe dê, xe hưu , xe trâu trắng, xe nào cũng đẹp để trang sức lồng lầy, các con mau ra tự chọn lấy xe theo ý thích”.

Các con ganh đua xô đẩy lẫn nhau kéo nhau chạy ra khỏi nhà cháy. Ông Trưởng Giả rất mừng khi thấy các con được an ổn. Ở nơi ngã tư đường không còn nguy hại.

Bây giờ các con xúm lại đòi đồ chơi, với ước muốn riêng, xe dê, xe hưu theo ý thích, nhưng ông Trưởng Giả chỉ ban cho các con đồng một thứ xe lớn tốt đẹp vô cùng, đầy đủ tiện nghi trang hoàng lồng lầy. Vì sao, ông Trưởng Giả không cho ba thứ xe lớn nhỏ, tốt đẹp khác nhau mà lại cho đồng một thứ xe tuyệt đẹp. Vì ông Trưởng Giả quá giàu, kho tàng đầy ngập, của cải vô lượng!

Đến đây, đức Phật hỏi ông Xá-lợi-phất: “Ông Trưởng Giả trước hứa cho ba thứ xe, nay lại cho có một thứ, mà là thứ lớn, đẹp nhất. Vậy ông Trưởng Giả có lỗi nói dối không?”

Ông Xá-lợi-phất đáp: “ Dạ không. Giả như cho chiếc xe nhỏ và xấu nhất, ông Trưởng Giả cũng không có lỗi nói dối, huống gì cho thứ xe lớn và đẹp nhất. Vì sao? Vì việc hứa cho xe chỉ là một sách lược, một cách phương tiện, nhằm cứu các con ra khỏi nhà lửa đang ngùn ngụt cháy.”

Phật khen: Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Như Lai là cha của tất cả thế gian. Tuy đã ra khỏi thế gian vẫn vì sự lợi ích của thế gian mà trở vào nhà lửa tam giới cũ mục nguy hiểm này để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa sanh già, bệnh , chết, lo buồn, khổ não, tham lam, hung bạo, si mê, đắm mình trong biển độc hại khổ đau. Sống trong cảnh khổ nhà cháy như thế mà chúng sanh vẫn cứ vui chơi hỉ hả, chẳng hay mình đang bị lửa đốt, không sợ, không nhàm, không có ý cầu ra khỏi.

Trong việc cứu độ chúng sanh, Như Lai đã từng suy nghĩ: Đem trí tuệ thân thông, giảng nói các tri kiến, trí lực, vô sở úy... của Như Lai không thể được. Vì chúng sanh đang dong duỗi nô đùa trong rừng vô minh tam độc, bị

thêu đốt trong nhà lửa sanh , già, bệnh, chết, khổ não, ưu bi thì làm gì nghe hiểu mà tiếp thu. Do vậy, Như Lai phải dùng phương tiện, quyền lập pháp tu: Một là Thanh Văn thừa (xe dê). Hai là Duyên Giác thừa (xe hươu). Ba là Bồ Tát thừa (xe trâu trắng). Đó là Như Lai vận dụng phương tiện đáp ứng căn cơ của mỗi hạng chúng sanh.

Ông Trưởng Giả cho đều các con mỗi đưa một cỗ xe to đẹp, khi chúng ra khỏi nhà lửa. Như Lai cũng vậy, khi chúng sanh ra khỏi sự khổ não, ưu bi, sanh, già, bệnh, chết, bất luận là Thanh Văn, Duyên Giác, hay Bồ Tát, Như Lai bèn cho cái vui tuyệt đỉnh là: Thiền Định, Trí Tuệ và Tri Kiến Phật... là những cỗ xe đưa đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng như ông Trưởng Giả kia, đức Phật không phạm tội nói dối.

Xá-lợi-phất! Vì nhân duyên đó, các Như Lai dùng sức phương tiện: chỉ có một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Cho đến lúc sắp nhập Niết Bàn, Như Lai mới nói thật hoài bảo của mình. Thì ra trong quá trình thuyết giáo độ sanh đằng đằng hơn 40 năm, Như Lai sử dụng vô số “phương tiện”.

Hiểu được chủ ý của Phật, ông Xá-lợi-phất trút bỏ gánh nghi ngờ, ân hận, trách phạt, thương thân, ông tự xác định lỗi do mình “hấp tấp” vừa nghe pháp “phương tiện” vội ham... mong cầu chứng đắc Niết Bàn. Giờ nghe Phật dạy, con biết rõ quả chứng đắc của Tiểu Thừa dù được Niết Bàn, nhưng chưa phải là thật diệt độ. Thật diệt độ, phải là người đi cỗ xe Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác. Và đến đây ông tự xác định ông có điều kiện, đủ khả năng đi trên cỗ xe lớn đó. Ông tự nhận một cách quả quyết rằng mình là Phật tử (Tùng Phật khẩu sanh, tùng pháp hóa sanh, đắc Phật pháp phần cô danh Phật Tử).

Với nguồn giáo lý Tiểu Thừa, đức Phật dạy cho họ có 9 bộ kinh. “Phương quảng”, “thọ ký” và “vô vấn tự thuyết” đối với người Tiểu Thừa Phật chưa đề cập đến. Vì vậy với hàng Thanh Văn được “thọ ký” thành Phật là một sự bất ngờ sững sốt, quá sức tin hiểu của mình. Nhưng giờ thì ông Xá-lợi-phất đã hiểu chân lý đó.

Trong nguồn giáo lý Phật dạy cho Tiểu Thừa vẫn có mầm móng Đại Thừa. Và lại, trong những thời của hai muôn đức Phật xa xưa, Xá-lợi-phất và Phật đã từng gieo trồng hạt giống Đại Thừa: “Thế thế thường hành Bồ Tát đạo”. Nếu không vậy, làm sao có sự hội ngộ ngày nay.

Đức Phật nói: “ Nay tôi muốn ông nhớ lại chí nguyện thành Phật xưa kia và vì hàng Thanh Văn mà nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm này”.

Ông Xá-lợi-phất là người được Phật “thọ ký” trước hết trong số những đối tượng được “thọ ký” ở kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Nguồn tư tưởng của kinh Pháp Hoa và vấn đề Thọ Ký thành Phật được xem là chân lý phổ biến. Vì là chân lý cho nên đó là việc của ba đời chư Phật đã làm, đang làm và sẽ làm. Được Phật “thọ ký thành Phật” là một việc. Điều kiện thành Phật lại là việc phải đặc biệt quan tâm.

Tâm trạng nghi ngờ của hàng Thanh Văn không có gì đáng trách. Pháp Tứ Đế, Phật dạy, họ đã tu hành, Niết Bàn tịch diệt giáo lý Phật nói ra, họ đã chứng. Nay thì Phật nói Niết Bàn của Thanh Văn, La Hán quả chưa phải là đích đến cuối cùng.

Ở phẩm này, kinh dùng một thí dụ để giải thích tại sao chỉ có một “Phật thừa” mà trước kia Phật lại dạy có ba (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát)

Trong thí dụ hỏa trạch (nhà bị cháy). Ông Trưởng Giả chỉ Phật. Những đứa con chỉ chúng sanh. Lửa cháy, mục nát, rần rít... chỉ cảnh thống khổ: sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não của chúng sanh trong “tam giới”. Ba xe, dụ ba thừa, hay ba bậc tu hành là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Thanh Văn tiểu quả, ví xe dê. Duyên Giác trung thừa, ví xe hưu. Bồ Tát hay Phật thừa, ví xe trâu trắng lớn.

Xe nhỏ, ví hạng người chỉ có khả năng tự độ, không giúp ích được cho người khác. Xe lớn, ám chỉ tánh tích cực của hạng người ngoài phần tự độ còn xem trọng việc độ tha.

Sở dĩ từ lâu Phật nói Pháp tam thừa vì chúng sanh ham mê cuộc sống “dục vọng”, cuộc sống “vật chất” và những niệm tưởng “trừu tượng hoang đường” của ba cảnh giới (Dục, Sắc và Vô-sắc giới). Phật không thể đem chân lý liễu nghĩa Đại Thừa ra mà dạy. Giả sử có đem ra dạy chúng sanh cũng không hiểu, cũng chẳng tiếp thu. Do vậy, Phật phải dùng “phương

tiện” dạy pháp tu tập lần lần (tiệm tu, tiệm ngộ, tiệm chứng) tùy khả năng của từng hạng người để ai cũng được có phần an ổn thanh thoát. Khi căn cơ, trình độ nhận thức của chúng sanh có khả năng tiếp thu, bấy giờ mới đem thứ giáo pháp “đệ nhất nghĩa” ra mà dạy.

Những người con của ông Trưởng Giả ra khỏi nhà cháy, ám chỉ chúng sanh, nhờ sự dẫn dụ của giáo lý tam thừa mà ra khỏi cảnh ba giới: Dục, Sắc, và Vô sắc được an ổn, thanh thoát gọi là Niết Bàn.

Ông Trưởng Giả cho các con một thứ xe lớn nhất và đẹp nhất khi các con ra khỏi ngôi nhà lửa. Cũng như đức Phật cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác giáo pháp Đại Thừa liễu nghĩa là thứ giáo pháp hoàn bị tốt mức trên con đường chuyển hóa tâm linh, từ phàm đến thánh, từ chúng sanh đến địa vị Phật.

Ngôi nhà rộng lớn mà chỉ có một cửa ra, ám chỉ ba cõi (cảnh giới) thênh thang không ranh giới, nhưng muốn ra khỏi chỉ có một con đường, con đường “bát chánh” và một cửa, cửa “tam giải thoát môn”.

Cửa tuy mở nhưng khó ra, tại vì không có người muốn ra: chỉ vì chúng sanh mãi mê dục lạc trong ba cõi, mà không nhận biết sự nguy hiểm của sanh, lão, bệnh, tử, khổ não, ưu bi...

Ông Trưởng Giả chỉ “ứng thân Phật” xuất thế cứu độ chúng sanh vì lợi lạc mọi căn cơ mà vận dụng phương tiện thuyết giáo có tam thừa, nhưng mục đích tối hậu nhằm hướng dẫn mọi chúng sanh thể nhập “Phật thừa tự tánh” vốn có.

Cũng như ông Trưởng Giả hứa cho các con ba xe, rốt cuộc lại cho có một. Đức Phật hơn 40 năm thuyết Tam Thừa, giờ đây, Phật nói chỉ có một Phật thừa chứ không có thừa nào khác.

Đứng trên lập trường “đệ nhất nghĩa” thì chỉ có một Phật thừa, chứ không có “ba thừa”.

Khi đề cập “tam thừa”, “ngũ thừa”, phải hiểu đó là phương tiện của Như Lai.

---o0o---

PHẨM 4: TÍN GIẢI

Ông Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Đại-ca-diếp, Mục-kiền-liên thấy Phật thọ ký cho Xá-lợi-phất sẽ được thành Phật vui mừng hơn hờ và phát khởi lòng tin kiên cố, rằng rồi đây mình sẽ được thành Phật. Ở trước Phật, các ông cùng nói lên lời tự trách rằng chúng con từ lâu đã tự cho rằng mình đã được Niết Bàn và tự thấy đã thỏa mãn với pháp thiên: Không Vô Tướng, Vô Tác của Tiểu Thừa, không có ý chí tiến leyn cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Để chứng minh sự “tin hiểu” của mình, các đại đệ tử này xin nói một thí dụ:

Có một người, lúc nhỏ bé đã bỏ nhà bỏ cha đi hoang sau mấy mươi năm rày đây mai đó phiêu bạt, lại thêm nghèo khổ rách rưới lang thang, phải đi xin mà độ nhật. Tình cờ chàng ta trở về đến xứ sở mà không hay biết.

Thời gian ấy cha của chàng tìm con khắp nơi mà không gặp. Ông là Trưởng Giả một nhà giàu lớn, châu báu đầy kho, tàn sản vô lượng, trai trai tứ gái đầy nhà. Ông chẳng những là một nhà giàu trong nước mà còn là người giao dịch thương mại lớn của cả vô số ở khắp nhiều nước khác.

Không nói với ai về việc cha con ly biệt, ông thường suy nghĩ: Ta nay giàu có thế này mà con không có, một mai chết đi thì sự nghiệp này giao phó cho ai, chắc phải mất hết. Ước gì ta gặp được con giao phó gia tài cho nó thì lúc chết được an lòng.

Một hôm đứa con lạc loài tình cờ đến trước nhà cha mà không biết. Đứng ngoài cổng ngó vào, thấy Trưởng Giả sang trọng uy nghiêm, đang ngồi trên ghế cao, xung quanh có đông người hầu hạ, trong nhà thì ngọc ngà châu báu không biết bao nhiêu. Chàng ta đăm hốt hoảng thầm nghĩ là mình bị lạc đến chỗ vua chúa. Nghĩ vậy, chàng sợ bị bắt, lén bỏ đi tìm một xóm nghèo hợp với tình cảnh chàng đề kiếm việc làm lấy tiền độ nhật.

Nhưng Trưởng Giả đã thấy và nhận biết chàng cùng tử ấy là con mình. Ông liền sai hai gia nhân theo bắt chàng lại.

Bị bắt, chàng ta sợ quá, van xin mà không được tha, chàng ngã xuống đất chết ngất.

Ông Trưởng Giả thấy vậy ra lệnh: Thôi ta không cần con người ấy nữa đâu, hãy lấy nước lạnh rưới lên mặt cho nó tỉnh rồi cho đi, đừng nói gì với nó nữa.

Biết con mình quen sống với cảnh nghèo hèn, ty tiện nay nếu đột nhiên nhận nó làm con mình và mình lại giàu sang tốt bậc, chắc chắn nó không tin mà còn đem lòng sợ sệt. Chi bằng thả nó đi rồi lập kế mà dẫn dụ nó.

Ông Trưởng Giả mật sai hai người giả dạng bần khổ, tìm đến anh chàng cùng tử, rủ đi làm thuê với công việc hót phân. Khi nghe biết được trả công gấp đôi, chàng cùng tử nhận lời và cả ba vào làm việc hót phân, ở nhà sau vườn ông Trưởng Giả.

Thấy con tiêu tụy phân đất bần thủ khắp người, Trưởng Giả thương xót quá, ông thay bỏ áo quần tốt đẹp sang trọng, mặc đồ thô rách lấm nhơ để lân la với ba người hót phân. Một hôm Trưởng Giả bảo chàng cùng tử: Anh này, nên tiếp tục làm việc ở đây đừng đi đâu nữa. Ta sẽ thêm tiền công cho. Nhà ta giàu có của cải vô số muốn cần dùng gì tùy ý ta sẽ thuận cho hết. Từ nay về sau cứ xem như con đẻ của ta và hãy gọi ta là cha nhé! Nói xong ông Trưởng Giả gọi chàng cùng tử bằng con. Chàng ta rất mừng, nhưng chàng vẫn tự đặt mình là kẻ hạ tiện làm thuê.

Ít lâu sau, ông Trưởng Giả có bệnh cho kêu anh chàng đến, giao cho anh việc quản lý gia tài và cho anh được quyền xuất nhập bất cấm trong nhà. Anh làm tròn bổn phận, nhưng không bao giờ dám tiêu xài quá số tiền công nhật của anh. Ở thì cũng ở nhà sau, chỗ cũ không dám tự tại lui tới nhà trên.

Thời gian lâu sau, Trưởng Giả biết mình sắp lìa trần, và đưa con nay đã thông minh có chí lớn. Ông bèn gọi hết thân tộc, trước mặt vua quan, ông chỉ chàng cùng tử mà tuyên bố: Anh này là con ruột của tôi. Bây lâu xa cách, vì nó bỏ nhà ra đi từ lúc bé. Nay cha con chúng tôi được trùng phùng, tôi giao cho nó tất cả gia tài của tôi mà trước đây nó đã quản lý và biết rõ.

Người con nghe nói mừng quá, cho là việc chưa từng có và tự nghĩ: “ Ta vốn không có lòng mong cầu, nay kho tàng châu báu này tự nhiên mà đến”.

Nói câu chuyện “thí dụ” xong, ông Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên... bạch Phật:

Ông Trưởng Giả ví như đức Như Lai, còn chúng con thì như chàng cùng tử, thất lạc bỏ cha bỏ nhà... Như Lai là cha, chúng con là con Phật mà không biết.

Chúng con vì ba món khổ mà trong cảnh sanh, già, bệnh, chết, khổ não, sầu lo, chịu các sự mê lầm, ngu dốt cho nên ưa thích giáo pháp Tiểu Thừa làm cái việc hốt phân tâm thường mà tự cho là thỏa mãn với cái giá trả công : Niết Bàn

Như Lai không “bắt”, không cưỡng bức chúng con đi theo con đường: Tất cả đều có phần hưởng thọ kho tàng tri kiến Như Lai mà tha cho chúng con theo ý chí thấp hèn, rồi phương tiện thuận theo chúng con mà lần lần dạy bảo.

Chúng con là con của Phật mà không biết. Vì không biết nên không dám mong hưởng thọ cái sự nghiệp, cái gia tài vĩ đại của cha là Phật mà chỉ cam phận với số tiền làm thuê Nhị Thừa. Ấy tại vì chúng con không dám nhận mình là con Phật nên Phật cũng không thể tự nhận là cha (không thể dạy pháp Đại Thừa)

Nay thì kho tàng pháp bảo vô giá của pháp vương lại tự nhiên mà đến, không mong cầu mà được.!

---ooo---

THÂM NGHĨA

Tín là đức tin, phát khởi lòng tin.

Giải là hiểu rõ, là tiếp thu nhận thức được lời Phật, ý kinh.

Nội dung phẩm Tín-Giải có hai ý chánh:

- Trước Phật, ông Tu-bồ-đề, ông Đại-ca-diếp... xin được nói lên nỗi vui mừng và lòng hối hận của mình trong những thời gian trước, đối với giáo lý Đại Thừa.
- Xin được nói một thí dụ trình lên Phật về sự tiếp thu và “tin hiểu” vững chắc của mình

Nhận thức được thế nào là phương tiện, thế nào là cứu cánh qua lời dạy của Phật, ông Tu-bồ-đề và Đại-ca-diếp rất vui mừng. Trước Phật các ngài nói lên sự ăn năn tự trách, rằng từ lâu nay chỉ biết ham học pháp Tiểu Thừa, trước hiện tượng vạn pháp thường quán niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác. Với giáo lý xây dựng cõi Phật thanh tịnh, hóa độ chúng sanh, hòa quan đồng sự của Bồ tát hạnh, không có lòng ưa thích. Nay nghe được hàng Thanh

Văn sẽ được thành Phật, lòng vui mừng vô hạn. Chẳng khác nào vô lượng trân bảo không cầu mà được.

Đến đây, sự chuyên biến nội tâm và ý chí hướng thượng của Nhị-thừa, không còn là ý niệm cá biệt. Ông Tu-bồ-đề thay lời đại chúng xin được nói lên cái thí dụ Cùng Tử để trình lên Phật về Tín Giải của Nhị thừa, nói lên quá trình tiếp thu tin hiểu của hàng Thanh Văn đã thâm hậu kiên cố.

Cùng Tử là đứa con bần cùng cơ cực. Bần cùng cơ cực vì bỏ cha, bỏ nhà đi hoang, cho nên cùng-tử cũng có nghĩa là “đứa con hoang”.

Bỏ cha bỏ nhà ra đi hoang có nghĩa là trước đây cha con cùng ở chung một chỗ một nhà. Chỗ đó là Viên Giác Diệu Tam Thanh Tịnh Như Lai. Tất cả chúng sanh và Phật đều cùng một nguyên quán. Nói khác đi, nghĩa là cùng một bản thể chân tâm thanh tịnh sáng suốt tròn đầy mâu nhiệm. Nhưng từ khi bất giác, sống trái với chân tánh, bấy giờ am-tế (1), lục-thô (2) diễn biến theo một tiến trình liên tục nghiệp thức. Khi cảm thọ sắc thân “nghiệp hệ” thì lục trần trở thành đối tượng có sức hấp dẫn cuốn lôi. Từ đó, bỏ nhà Viên Giác, xa đấng cha lành thành đứa con hoang, làm chàng “cùng tử”! một chút trí tuệ không có, đành chịu xoay vần lưu lạc.

Cha lúc nào cũng nhớ con, tìm con với ước mong tha thiết là giao hết cho con cái gia tài vô giá của mình, trước ngày nhắm mắt. Phật ra đời vì chúng sanh, tất cả cho chúng sanh, không lúc nào xao lãng nguyện vọng truyền trao trọn vẹn cho chúng sanh cái Tri Kiến Phật mà chúng sanh vốn có, trước khi nhập Niết Bàn.

Cha bỏ xứ đi tìm con, chỉ cái việc Phật xuất thế, hạ trần vì chúng sanh mà vào đời ngũ trược.

Khi cha con gặp nhau thì quá cách biệt. Cha thì giàu có tột bậc, con thì nghèo khổ rách rưới lang thang. Cha biết rõ con mà con thì tự thấy mình quá hèn, quá thấp, không dám nói thì còn nói chi tới việc nhìn cha. Phật xuất thế tìm đến chúng sanh nhưng Phật thì Chánh Biến Tri Giác Vô Thượng, còn chúng sanh thì vô minh dày đặc, nghiệp chướng nặng nề, một chút chánh kiến không có, thì ai mà dám bảo mình là con của Phật (Phật tử). Ai dám nghĩ rằng mình có quyền thừa hưởng kho tàng pháp bảo của Như Lai?

Đó là lý do, phát xuất từ ý nghĩa không chánh lý nhưng vì đó mà chúng sanh thường nảy sanh ý nghĩ tự khinh.

Cha biết con mình quen đời sống ăn xin bần tiện, không sao chuyển hóa tư tưởng nhanh chóng được, ông dùng kế mật, sai hai người tiểu tụy không oai đức tìm rủ con ông vào nhà mượn làm cái việc ti tiện là hốt phân. Người con thì rất bằng lòng nhận lấy việc làm này.

Cũng vậy, Phật biết chúng sanh thường sống trong vô minh, phiền não, nghèo nàn trí tuệ, không thể dạy thẳng cho chân lý Nhất thừa. Không thể nói rằng tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành, cho nên phải phương tiện nói có hai thừa sai hai người không uy đức làm môi giới dẫn dụ chúng sanh cùng tử lần theo vào nhà Tri Kiến Phật, nhưng chàng cùng tử thì rất bằng lòng làm cái việc hốt phân ti tiện để đổi lấy giá tiền công nhật ít xịt của chính cha mình.

Muốn gần con để lần hồi dạy bảo dẫn dụ, cha đổi quần áo sang trọng, mặc áo bả trỉn dơ, ví cho Phật hiện ứng thân hạ liệt để gần gũi chúng sanh trong đời ngũ trước.

Gặp được con, cha khuyến khích làm việc, ví như Phật nhắc nhở tinh tấn tu hành. Hứa ban thưởng xứng đáng, muốn gì được nấy, ví như Phật hứa cho Niết Bàn của Tiểu Thừa để cho chúng sanh quen dần, lần hồi sử dụng châu báu trí tuệ trong cái gia tài đồ sộ Tri Kiến Phật.

Cha có bệnh gọi con giao gia tài cho quản lý, như Phật đem Tri Kiến Phật ra dạy bảo tu tập. Nhưng có không dám dùng, cũng như không có ý muốn dùng, đó là lòng hoài nghi của tất cả chúng sanh, đối với khả năng thành Phật của mình.

Đến giờ sắp chết cha hội thân tộc tuyên bố chàng cùng tử là con ruột và trao cho tất cả sản nghiệp, bấy lâu nay tập cho chàng thu xuất nay đã thông thuộc, ví như khi sắp nhập Niết Bàn trong một hội Pháp Hoa Phật thọ ký: Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật. Kho tàng pháp bảo vô giá mà bấy lâu nay dạy dỗ, tập cho sử dụng, nay trao trọn cho tất cả chúng sanh, con Phật.

Con vui mừng nghĩ thâm: kho tàng trân bảo vô giá này, ta không cầu mà có, tự nhiên mà được! Chân lý thì không phải vậy. Tri Kiến Phật, Như Lai Viên Giác Diệu Tâm là cái tất cả chúng sanh vốn có.

(1) Tam tể:

1. Vô minh nghiệp tướng

2. Năng kiến tướng

3. Cảnh giới tướng

(2) Lục thô:

1. Trí tướng

2. Tương tục tướng

3. Chấp thủ tướng

4. Kế danh tự tướng

5. Khởi nghiệp tướng

6. Nghiệp hệ khổ tướng

---o0o---

PHẨM 5: DƯỢC THẢO DỤ

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo ông Ca-diếp và các đại đệ tử: Tốt lắm, Ca-diếp ! Ông khéo nói được công đức chơn thật của Như Lai. Đúng như lời các ông, Như Lai còn có vô lượng vô số công đức khác, dù các ông có nói suốt ức kiếp đi nữa cũng không hết được.

Ca-diếp, nên biết ! Như Lai là vua của các pháp, nói ra lời gì đều không sai không dối. Đối với tất cả các pháp Phật dùng sức trí tuệ và phương tiện mà diễn nói. Pháp Phật nói phát xuất từ “Nhất thiết chủng trí”. Như Lai biết chỗ quy thú của tất cả pháp; rõ biết tâm hành của chúng sanh và thường đem trí tuệ mà chỉ bày cho.

Ca-diếp! Ví như trong cõi tam thiên đại thiên đất đai sông núi sanh ra cây cối lùm rừng và các thứ cỏ thuốc, chủng loại, tên gọi, màu sắc đều khác. Một vàng mây đen, búa giăng trùm khắp và mưa xuống khắp nơi nhuần thấm. Cây cối, lùm rừng, các thứ cỏ thuốc, cây lớn, cây vừa, cây nhỏ, thứ nên thuốc, thứ không nên thuốc, tùy hạng thượng, trung, hạ mà hấp thụ nước khác nhau. Một vàng mây tuôn mưa, tùy giống loại mà sanh trưởng, đơm bông kết trái. Dù một cõi đất sanh, một trận mưa thấm mà cây cỏ đều sai khác.

Ca-diếp, nên biết ! Như Lai hiện ra đời ví như vàng mây lớn nổi lên ấy. Giữa trời, người, A-tu-la... trong ba ngàn thế giới, Phật đường hoàng tuyên bố:

“Ta là đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Người chưa được độ thì làm cho được độ. Người chưa tỏ ngộ thì làm cho ngộ. Người chưa an thì làm cho an. Người chưa có Niết Bàn thì làm cho chứng. Đời này và đời sau Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc nhất thiết trí, bậc nhất thiết kiến, là bậc tri đạo, bậc khai đạo, bậc thuyết đạo. Hàng trời, người, A-tu-la đều nên đến để nghe và học pháp”.

Bấy giờ có vô số chúng sanh đến với Phật để nghe pháp. Như Lai xét căn tánh thông minh hay ám độn, tinh tấn hay giải đãi, tùy cơ, vừa sức mà nói pháp, khiến các chủng loại đều được sự lợi lành. Hiện đời được an ổn, lần lần tiến lên đường đạo, đời sau được sanh vào quốc độ thánh thiện an vui.

Như Lai thuyết pháp chỉ có một tướng, một vị, nghĩa là tướng giải thoát, tướng viên ly, tướng Niết Bàn tịch diệt, quy về tướng KHÔNG, rốt ráo đến bậc “Nhất thiết chủng trí”, vì Như Lai biết chủng tánh, thể tướng của chúng sanh nhớ gì, nghĩ gì, tu gì, nhớ thế nào, nghĩ thế nào, tu thế nào, Như Lai đều thấy biết đúng như thật, còn cây cối lùm rùm cỏ thuốc không tự biết thánh thượng, trung, hạ của nó.

Phật biết như vậy, rồi xem xét tâm ưa muốn của từng đối tượng mà dắt dẫn, cho nên không dạy liền cho chúng sanh về “Nhất thiết chủng trí”.

Ca-diếp ! Sự nhận thức của các ông hi hữu. Các ông đã biết rõ Như Lai tùy cơ nghi nói pháp khó tin, khó hiểu, nay mà các ông đã tin tốt và tiếp nhận tốt.

Bấy giờ đức Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ:

Ca-diếp ! Ông nên biết

Ta dùng các nhân duyên

Và nói nhiều thí dụ

Để chỉ bày đạo Phật

Đó là phương tiện của ta

Các đức Phật cũng thế

Nay ta vì các ông

Nói việc chân thật này

Quả chứng của Thanh Văn

Chưa phải thật diệt độ

Đạo sở hành của các ông

Phải là Bồ tát đạo

Học tu tiến lên dần

Tất cả sẽ thành Phật

---o0o---

THÂM NGHĨA

Dược-thảo-dụ là lấy các loại cây cối và thảo mộc có tánh chất nên thuốc, ví cho ba hạng người có căn tánh bậc thượng, bậc trung, và bậc hạ. Đó là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ngoài ra còn loại cây lùm rùm, những thứ “ không nên thuốc” gì hết, cũng được đề cập chung với dược thảo này, để nói lên sự có mặt, sự hưởng thụ nước của một trận mưa bình đẳng của một số giống loại cỏ cây, nhưng là cỏ cây vô dụng. Đó là thứ cỏ cây sanh trưởng thuộc vùng đất “ bạc địa phàm phu”.

Phật thuyết pháp bình đẳng. Thật lý mà nói chỉ có một Phật thừa. Trong những kinh điển thường được xem là Tiểu Thừa vẫn có cái mầm Đại Thừa, có tư tưởng tối thượng thừa trong đó. Tùy trí tuệ nhận thức của từng căn tánh, từng đối tượng mà thấy có hoặc không. Giống như, cùng nhìn một bầu trời cảnh vật ngày xuân, thấy quang cảnh đẹp hồng hay ảm đạm âm u là tùy cặp kính hồng hay đen mà mình đang mang trên mắt.

Để chứng minh cụ thể, ta cùng đọc một đoạn kinh A-hàm thuộc hệ tư tưởng Tiểu thừa.

“Này các Tỳ-kheo ! Tự mình thấp đuốc lên mà đi, thấp lên cây đuốc trí tuệ của mình, đừng ý lại nương theo ai khác. Tự mình qui y với mình, qui y với tự tánh mình, đừng hướng ngoại, qui y với ai khác”.

Thế mà hàng Thanh Văn, Duyên Giác từ lâu, đối với Đại Thừa Diệu Pháp không hiểu biết chút nào, tự xem như mình không được dự phần. Rõ ràng, do sự hấp thụ của từng loại cây cối, chủng loại cỏ thuốc mà giá trị trường dưỡng khác nhau, còn nước mưa từ một vầng mây tuôn xuống thì chỉ có một tánh đượm nhuận. Tất cả giáo pháp của Như Lai chỉ có một tướng là tướng Giác Ngộ và Giải Thoát.

Học giáo lý phẩm Dược-Thảo-Dụ, người chúng tánh Đại Thừa cảm nhận sâu sắc nỗi khó khăn của đức Phật trên bước đường hóa độ chúng sanh và hiểu rõ lý do: Vì sao thời gian trước, chính Phật đã từng giảng dạy có “ba thừa” mà nay thì Như Lai lúc nào cũng dường như sẵn sàng quở trách !.

---o0o---

PHẨM 6: THỌ KÝ

Bấy giờ Thế Tôn bảo đại chúng: Ma-ha-ca-diếp ở đời vị lai sẽ phụng thờ 300 muôn ức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và nói vô lượng đại pháp của chư Phật. Thân rốt sau được thành Phật hiệu là Quang Minh đủ mười đức hiệu. Nước tên là Quang Đức. Kiếp tên Đại Trang Nghiêm. Phật thọ 12 tiểu kiếp. Chánh pháp trụ thế 20 tiểu kiếp. Cõi nước tốt đẹp không có các thứ dơ xấu, không sạch. Đất đai bằng phẳng, lưu ly trong suốt, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây trang trí bên đường, hoa báo thơm đẹp tung rải khắp nơi. Bồ tát và Thanh văn số đông vô lượng. Dầu có ma và dân ma, nhưng không có việc ma, họ luôn luôn hộ trì Phật pháp.

Nói xong, Phật thuyết một bài kệ lập lại ý trên.

Lúc bấy giờ ngài Đại-mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Đại-ca-diếp... thấy đều run sợ. Chắp tay chiêm ngưỡng Phật và cùng có chung tâm niệm đại ý như sau: Thế Tôn, nêu thấu rõ lòng chúng con, xin ban cho chúng con lời thọ ký để được an lòng. Chúng con biết lỗi của Tiểu thừa, nhưng chưa tin khả năng của mình có thể được Phật tuệ. Chúng con ví như người đói gắp bữa tiệc vua, nhưng chưa dám ăn. Dù nghe Phật nói tất cả sẽ thành Phật, nhưng chưa

được Phật thọ ký thì lòng chúng con vẫn còn lo ngại. Phật thọ ký rồi, lòng chúng con thỏa mãn, như kẻ đói được bao ăn.

Biết tâm niệm của các đệ tử, Thế Tôn bèn bảo:

“Ông Tu-bồ-đề, đời vị lai phụng thờ 300 muôn ức na-do-tha Phật cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen, thường tu hạnh thanh tịnh, tròn đủ đạo Bồ tát. Thân rốt sau thành Phật hiệu danh tướng Như Lai, đầy đủ mười đức hiệu. Kiếp tên Hữu-Bửu, nước tên Bửu Sanh, quốc độ bằng phẳng, đất lưu ly, cây báo trang nghiêm, hoa báu khắp đất. Không có các thứ nhiễm ô bất tịnh. Dân cõi nước đó chỗ ở đẹp đẽ, nguy nga, tráng lệ. Hàng đệ tử Thanh Văn đông không kể xiết. Chúng Bồ tát vô số ức na-do-tha. Đức Phật thọ 12 tiểu kiếp. Chánh pháp trụ ở đời 20 tiểu kiếp. Phật thường trụ trong hư không thuyết pháp độ thoát vô lượng Bồ tát và Thanh văn.

Rồi đức Thế Tôn cũng nói bài kệ lập lại ý nghĩa trên.

Đức Thế Tôn dạy tiếp: Ông Ca-chiên-diên đời vị lai dùng các đồ cúng dường và phụng thờ 8.000 ức Phật. Sau khi chư Phật diệt độ, ông dựng tháp cao 1.000 do tuần, rộng 500 do tuần, toàn bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, san hô, hổ phách, còn cúng các thứ hoa thơm, chuỗi ngọc, hương xoa, hương đốt, lọng nhiều, tràng phan... làm cho tháp miếu huy hoàng tráng lệ. Sau đó lại cúng dường 20 muôn ức Phật nữa. Bảy giờ đầy đủ đạo Bồ tát, ông sẽ được thành Phật hiệu Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai đủ mười đức hiệu. Quốc độ của Phật toàn thất bảo hợp thành. Lan can trang trí bằng vàng ròng, châu ngọc báu lạ, cõi nước của Phật Kim Quang Như Lai không có 4 đường dữ: Địa ngục, ngã quý, súc sanh và a-tu-la. Chỉ có Trời, Người, và vô lượng Thanh Văn, Bồ Tát. Phật thọ mạng 12 tiểu kiếp, chánh pháp trụ thế 20 tiểu kiếp, tượng pháp cũng vậy.

Đức Thế Tôn tuyên lại ý nghĩa trên bằng một bài kệ.

Sau hết, đức Phật thọ ký cho ông Đại-mục-kiền-liên rằng ông Đại-mục-kiền-liên sau này sẽ cúng dường 8.000 ức Phật. Sau các Phật diệt độ, dựng tháp miếu cao 1.000 do tuần, rộng 500 do tuần, cũng toàn bằng thất bảo. Trang trí hương hoa, chuỗi ngọc vàng ròng, lọng nhiều, tràng phan... để cúng dường trang nghiêm tháp miếu.

Sau đó, lại cúng dường 200 muôn ức Phật, rồi được thành Phật hiệu Đa-ma-la-bạt-chiên-đàn-hương đủ mười đức hiệu. Kiếp tên Hi Mãn, nước tên Ý Lạc. Quốc độ bằng phẳng. Đất pha lê cây vàng, lá bạc, hoa trân châu, khắp

nơi sạch sẽ, ai thấy cũng hoan hỉ. Trời Người vô số, Thanh Văn, Bồ Tát không thể đếm xiết. Phật thọ 24 tiểu kiếp, tượng pháp cũng vậy.

Để tuyên lại ý nghĩa trên đức Thế Tôn nói một bài kệ:

... Các đệ tử của ta

Bạc oai đức đầy đủ

Số đó năm trăm người

Ta đều sẽ thọ ký

Ở nơi đời vị lai

Đều sẽ được thành Phật

Ta cùng với các ông

Đời trước kết nhân duyên

Ta nay đã thuật nói

Các ông khéo lắng nghe

---o0o---

THÂM NGHĨA

Thọ ký là một môn đặc biệt, chỉ có trong kinh giáo thuộc hệ tư tưởng tối thượng thừa. Khó mà định nghĩa gọn gàng giản đơn về hai chữ “thọ ký”. Rằng “thọ ký” tức là dự đoán. Không phải. Vì dự đoán có thể đúng hoặc có thể sai. Rằng thọ ký giống như tiên tri. Không đúng. Vì tiên tri chỉ có nghĩa là biết việc sau này, mà cũng không lấy gì bảo đảm! Rằng thọ ký giống như một mệnh lệnh tối thượng “phán” truyền ! Càng không thể chấp nhận vì “thọ ký” không phải là sự đền ơn hay một ân sủng của đấng chúa tể nào hay một vị thần quyền thiêng liêng tối thượng.

Thọ ký là nói lên một sự thật, một chân lý tất yếu tất nhiên. Sự thật ấy sẽ được hiện thực trong tương lai và đã hiện thực trong ngược dòng quá khứ. Cho nên bộ môn “thọ ký” được xem là một thông lệ của ba đời chư Phật

thường làm. Làm trong lúc sắp kết thúc cuộc hành trình giáo hóa chúng sanh và chỉ đến lúc chúng sanh có thể nhận biết khả năng thành Phật của mình, Phật mới đem sự thật này ra dạy bảo.

Thành Phật có nghĩa là đạt đến địa vị giác ngộ chân lý hoàn toàn và giải thoát vô minh trọn vẹn. Phật đã đạt đến, chúng sanh tu hành rồi cũng sẽ đạt đến, vì chúng sanh sẵn có Tri Kiến Phật rồi.

Ông Tu-bồ-đề, Đại-ca-diếp, Đại-mục-kiền-liên... được thọ ký thành Phật sau này. Đó là đức Phật nói ra một sự thật. Chẳng những hàng Thanh Văn, Duyên Giác ở trong Hải Hội Pháp Hoa được thọ ký mà còn nhiều hạng người khác cũng sẽ được thọ ký dài dài... Đó là chỗ dụng nghĩa thâm kín sâu xa của bộ môn thọ ký trong hệ giáo lý tối thượng thừa.

Là Phật, thì Phật nào cũng đầy đủ ba đức: Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát. Nói một cách đơn giản dễ hiểu là Phật nào cũng có Bồ-đề và Niết-bàn. Cho nên quốc độ của Phật thì dứt khoát không có điều kiện ô nhiễm môi trường, cũng không có lý do sanh ra sự khổ đau hoặc xấu xí.

... “Hằng dụng giới hương đồ vinh thể

Thường trì định phục dĩ tư thân

Bồ-đề diệu hoa biên trang nghiêm

Tùy sở trụ xứ thường an lạc...”

Lấy giới làm phân để thoa thân

Dùng định làm áo mặc hằng ngày

Hái hoa trí tuệ làm vật trang điểm

Vì vậy, người đó ở đâu thì chỗ đó trở nên an lạc.

Quốc độ của chư Phật thanh tịnh, trang nghiêm đẹp đẽ, phát xuất từ chân lý:

“Tùy kỳ tâm tịnh, tất Phật độ tịnh”

Thật lý mà suy. Nếu toàn quốc độ cấu tạo bằng vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, san hô, hổ phách... thì các thứ ấy còn quý giá gì nữa mà ham ! Đó là Như Lai vận dụng lối thuyết pháp “phổ vị thế giới tất đàn”,

nói cho đẹp lòng vừa ý, êm tai để “dụ” những chúng sanh còn nặng lòng tham lam báu vật.

“ Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng huyễn bào ảnh

Như lộ diệc như điện

Ứng tác như thị quán.”

Có đức Phật nào quên chân lý ấy đâu. Dù là vàng bạc, lưu ly, pha lê... vẫn là “ pháp hữu vi”. Mà “ pháp hữu vi” thì như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như chớp rớt cuộc chẳng có gì !

Vấn đề cúng dường, đọc cho đúng thì nên đọc là “cung-duỡng” có nghĩa là vun bồi cung cấp và bồi dưỡng cho tăng trưởng thêm lên. Để đem lại hiệu quả cứu cánh giải thoát giác ngộ, người đệ tử Phật có hai cách “cúng dường”:

Một là cúng dường Phật tánh. Quay về với “bản lai diện mục” với tự tánh thanh tịnh bản nhiên vốn có của con người, hàng ngày sinh hoạt không rời Tri Kiến Phật. Đó là cách cúng dường Phật tánh.

Hai là cúng dường Pháp tánh. Hành động trong vạn pháp, cọ xát thực tế vạn pháp. Xây dựng, trang trí, thẩm mỹ, nghệ thuật từ vạn pháp duyên sanh có ra. Là một Bồ-tát hạnh, vì mục đích giải thoát giác ngộ, Bồ tát không tránh né, không từ nan, không sợ tiêm nhiễm vì giá trị quý giá của những vàng bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não, san hô, hổ phách... ấy. Do vậy, dù sử dụng thất bảo xây pháp, nhưng thất bảo ấy trở thành “pháp tánh” một thứ pháp mà tự tánh của nó vốn thanh tịnh bản nhiên. Người xây tháp và nguyên liệu xây tháp không có dính mắc gì nhau. Đó là việc làm biểu thị về nghị lực của Bồ-tát là “ tâm cảnh như như”. Cho nên việc xây tháp miếu cúng dường như thế là hành động thả một cầu phao mà vớt cả hai con thuyền. Dựa trên Pháp Tánh mà tôi luyện Phật tánh của mình. Đứng vững ở Phật Tánh mình mà bồi dưỡng đức thanh tịnh bản nhiên của Pháp tánh, vì Phật tánh và Pháp tánh không hai.

Phật mỗi vị có một đức hiệu riêng, vì khi tu nhơn hành Bồ-tát đạo, mỗi vị riêng có một tâm đặc một sở trường. Điều đó cũng còn có nghĩa là pháp tu, pháp hành của các BồTát trong lúc tu nhơn không có một nguyên tắc chung

nào gò bó. Ai tu pháp môn gì cũng được, miễn là đừng lạc vào tà đạo, mê tín dị đoan, hoang đường, ảo tưởng là tốt. Đối với nền giáo lý Phật thì phóng khoáng và tôn trọng dân chủ tuyệt đỉnh từ đầu, cho nên kinh điển Phật có câu “ Vô Lượng Pháp Môn Tu”.

Do tu nhơn sai khác cho nên thành quả cũng sai khác. Đến như việc thọ mạng dài ngắn, đệ tử ít nhiều mỗi mỗi đều khác biệt, nhưng tất cả chư Phật đều có một thành tựu chung cùng đến cái đích cứu cánh là:

VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC

---o0o---

PHẨM 7: HÓA THÀNH DỤ

Phật bảo các thầy Tỳ-kheo: Thuở quá khứ, vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ a-tăng-kỳ kiếp. Hồi ấy có đức Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Nước của Phật tên là Hảo Thành. Kiếp tên Đại Tướng. Từ đức Phật đó diệt độ đến nay rất lâu xa. Ví như đất của cõi tam thiên đại thiên, giả sử có người đem mài mực rồi đi khỏi 1.000 cõi nước ở phương Đông, chấm một điểm chừng như hạt bụi, lại đi qua 1.000 cõi nước nữa chấm một điểm, cứ như thế, lần lượt chấm cho hết nước mực nói trên.

Này các Tỳ-kheo ! Những cõi nước của người đó qua, hoặc có chấm mực hoặc không có chấm mực, đều đem nghiền nát ra làm bụi. Một hạt bụi kể là một kiếp. Từ đức Phật đó diệt độ đến nay lâu hơn số đó vô lượng nghìn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp. Ta dùng sức Trí Kiến Như Lai xem việc lâu xa đó, dường như việc ở hiện nay.

Đức Đại Thông Trí Thắng thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha kiếp. Lúc ngồi đạo tràng, phá xong ma quân, sắp thành Vô Lượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Pháp Phật chẳng hiện ra. Tiếp tục Ngài ngồi kiết già “ thân tâm bất động trải một tiểu kiếp, rồi mười tiểu kiếp mà pháp Phật vẫn chẳng hiện ra.

Thuở đó, các trời Đao Lợi, vì Phật trang trí một tòa sư tử dưới cội cây Bồ-đề, Phật ngồi lên tòa thì chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các chư thiên tiếp tục rải hoa cúng dường. Các Trời Tứ Thiên Vương... cũng trở nhạc đánh trống... mãi 50 tiểu kiếp đến lúc Phật nhập Niết Bàn.

Này các Tỳ-kheo ! Đại Thông Trí Thắng Phật, trải quá trình “ bất động” mười tiểu kiếp pháp Phật mới hiện ra.

Lúc Phật chưa xuất gia, có 16 người con trai. Người con cả tên là Trí Tích. Các người con đều có các thứ đồ chơi tốt đẹp và báu lạ, nghe cha chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều bỏ đồ chơi báu của mình, đến chỗ Phật. Các bà mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là Chuyển Luân Thánh Vương cùng 100 vị đại thần và muôn ức nhân dân khác cùng nhau đến đạo tràng , gần gũi Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen.

Nghĩ đến sự an ổn lợi ích cho Trời, người, 16 vị vương tử thỉnh cầu đức Thế Tôn chuyển pháp luân độ thoát chúng sanh.

Phật bảo các tỳ-kheo ! Lúc Đại Thông Trí Thắng thành Phật, cõi nước của chư Phật trong mười phương đều chấn động sáu cách. Những chỗ tối tăm bừng sáng, các chúng sanh đều được thấy nhau, và đồng nói : “ Trong đây tại sao bỗng sanh ra chúng sanh”.

Do ánh sáng cùng khắp mười phương. Bấy giờ chư Thiên, trời Phạm ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên, phương dưới tìm đến chỗ Phật, dâng các thứ hương hoa, trân bảo, kỹ nhạc, tràng phan, cung điện... cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen và một lòng cầu xin đức Đại Thông Trí Thắng Phật chuyển pháp luân độ thoát cho hàng Trời, Người.

Đức Đại Thông Trí Thắng nhận lời của hàng chư Thiên và 16 vị vương tử.

Trước hết, Đại Thông Trí Thắng Phật vận dụng ba lần chuyển pháp Tứ Đế với 12 hành:

“Đây là khổ. Đây là khổ tập. Đây là khổ diệt. Đây là đạo diệt khổ”

Kể tiếp, Phật chuyển về 12 nhân duyên:

“Vô minh duyên hành. Hành duyên thức. Thức duyên danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập. Lục nhập duyên xúc. Xúc duyên thọ. Thọ duyên ái. Ái duyên thủ. Thủ duyên hữu. Hữu duyên sanh. Sanh duyên lão, tử, ưu bi khổ não”.

“ Vô minh diệt, hành diệt. Hành diệt, thức diệt. Thức diệt, danh sắc diệt. Danh sắc diệt, lục nhập diệt. Lục nhập diệt, xúc diệt. Xúc diệt, thọ diệt. Thọ diệt, ái diệt. Ái diệt, thủ diệt. Thủ diệt, hữu diệt. Hữu diệt, sanh diệt. Sanh diệt, lão tử, ưu bi, khổ não diệt.”

Phật nói pháp đó có 600 vạn ức na-do-tha người, không thọ tất cả pháp, mà phiền não hết tâm được giải thoát.

Lúc Phật nói lần thứ hai, lần thứ ba, có muôn ức hằng hà sa chúng sanh, cũng vì không thọ tất cả pháp mà vô minh phiền não hết, tâm được giải thoát. Từ đấy, các chúng Thanh Văn ngày càng nhiều vô lượng vô số không thể tính kể hết.

Bấy giờ 16 vị vương tử đều là đồng tử, xin xuất gia làm Sa-di. Các Sa-di này đều thông minh, bén nhạy. Trí tuệ sáng suốt, từng cúng dường trăm ngàn muôn ức Phật, siêng tu hạnh thanh tịnh, cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đồng bạch Phật rằng:

“ Bạch Thế Tôn ! Chúng Thanh Văn vô lượng đây, việc làm đã thành tựu, Thế Tôn nên vì chúng con nói pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng con nghe rồi đồng tu học. Chí nguyện của chúng con thường mong được Tri Kiến Phật . Đó là chỗ nghĩ tưởng trong thâm tâm của chúng con, mong Phật biết cho.

Lúc bấy giờ, tám muôn ức người trong số tùy tùng Chuyển Luân Thánh Vương, thấy 16 vị vương tử xuất gia cũng xin xuất gia. Vua thuận cho.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh cầu của 16 vị Sa-di, qua hai muôn kiếp sau, ở trong hàng tứ chúng, nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Phật nói kinh đó suốt tám ngàn kiếp không gián đoạn. Nói xong, Phật vào tịnh thất, trụ trong thiền định tám muôn bốn ngàn kiếp.

Mười sáu vị Sa-di bèn thay Phật lên pháp tòa rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng tám muôn bốn ngàn kiếp. Mỗi vị độ hằng sa chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Qua tám muôn kiếp, đức Phật Đại Thông xuất định bảo rằng: “ 16 vị Sa-di thật là ít có. Vì các căn thông lợi, trí tuệ sắc bén, các hàng Thanh Văn,

Duyên Giác, Bồ Tát nếu biết gần gũi và kính tin thọ trì tu học Pháp của các vị ấy sẽ được đạo Vô Thượng”.

Đức Phật Thích Ca bảo các Tỳ-kheo: Hằng sa chúng sanh đã được 16 vị Sa-di hóa độ, đời đời đều sanh ra cùng chung nghe pháp với các vị ấy và 16 vị ấy nay đã thành Phật với danh hiệu như:

Phật A Súc và Phật Tu Di Đảnh thành Phật ở phương Đông.

Phật Sư Tử Âm và Phật Sư Tử Tướng thành Phật ở phương Đông Nam.

Phật Hư Không Trụ và Phật Thường Diệt thành Phật ở phương Nam

Phật Đế Tướng và Phật Phạm Tướng thành Phật ở phương Tây Nam.

Phật A Di Đà và Phật Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Nã thành Phật ở phương Tây.

Phật Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Thân Thông và Phật Tu Di Tướng thành Phật ở phương Tây Bắc.

Phật Vân Tụ Tại và Phật Vân Tụ Tại Vương thành Phật ở phương Bắc.

Phật Hối Nhứt Thiết Thế Gian Bồ Úy thành Phật ở phương Đông Bắc.

Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật ở cõi Ta Bà.

Đức Phật Thích Ca nói tiếp: Các Tỳ-kheo lúc chúng ta làm Sa-di, mỗi người giáo hóa vô lượng hằng sa chúng sanh, vì đạo vô thượng mà theo nghe pháp. Những chúng sanh đó, đến nay có người đã ở vào địa vị Thanh Văn, ta thường lấy pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà giáo hóa. Hằng sa chúng sanh được giáo hóa thuở đó, nay là Tỳ-kheo các ông đó. Sau khi ta diệt độ, những Thanh Văn trong đời vị lai cũng là những chúng sanh đã kết duyên từ thuở ấy. Tuy vậy, cũng có hàng đệ tử không nghe kinh này, không hay không biết những hạnh của Bồ Tát, tưởng được một ít công đức tu tập là đã diệt độ chứng đắc Niết Bàn.

Nên biết, chỉ do Phật thừa mới được diệt độ, không có thừa nào khác. Nếu có khác thì đó chỉ là phương tiện của Như Lai vận dụng mà thôi.

Đến đây đức Phật Thích Ca đưa ra một tỷ dụ:

“ Có một chỗ chứa nhiều của báu. Muốn đến nơi đó phải trải qua đường dài những 500 do tuần nhiều nguy hiểm hoang vắng đáng ghê sợ. Một nhóm người muốn đến nơi ấy để lấy của báu. Có một người nhiều thông minh hiểu biết dẫn đường. Dù vậy, vì đường dài, nhóm người ấy mệt nhọc, sợ sệt tỏ ý chán nản muốn lui về. Thương xót bọn người ấy sao lại có ý bỏ của báu mà muốn lui về. Vị dẫn đường bèn ở nơi hai phân đường, dùng phép lạ hóa ra một tòa thành và bảo nhóm người kia vào ở sẽ được an ổn sung sướng. Rồi muốn đi nữa để đến chỗ châu báu thì cũng tiện.

Nhóm người kia nghe theo, vào thành ở được an ổn và rất bằng lòng.

Khi biết nhóm người kia hết mỏi mệt, vị dẫn đường mới nói: “Thành ấy là do ta hóa ra để chúng người tạm nghỉ mệt, chớ chưa phải là chỗ các vị cần đi đến. Hãy cố gắng lên, chỗ chứa châu báu gần đây”.

Cũng vậy, biết chúng sanh sợ con đường dài thành Phật, phải tinh tấn và cần khổ lắm mới đi đến chỗ cuối cùng. Phật như vị dẫn đường, phương tiện nói có hai thứ Niết Bàn. Một cho Thanh Văn. Một cho Duyên Giác. Chúng sanh lại tưởng hai nơi đó là cứu cánh, Phật phải đưa sự thật ra mà dạy rõ:

Rằng sự tu hành đến quả vị Thanh Văn, Duyên Giác là chưa xong, cần phải tiến thêm lên nữa. Tuy vậy đừng sợ. Từ đây đến chỗ chứa châu báu gần và rất dễ đi.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Đức Phật Thích Ca kể lại sự tích về quá trình hành đạo, chứng quả của đức Đại Thông Trí Thắng Phật cách đây bất khả thuyết, bất khả thuyến vô lượng a-tăng-kỳ kiếp. Thế mà, với Tri Kiến Phật sự kiện đó như là việc hiện tiền. Như Lai thấy biết không cần có sự hồi ức khó khăn. Nói sự việc này, nhằm dạy cho người đệ tử Phật rằng: Tri Kiến Như Lai là thứ tri kiến bản thể. Hiện tượng duyên khởi hình thành lâu hay mau, sự kiện diễn biến sanh ra lớn hay nhỏ đều sanh khởi từ bản thể, hiện hữu trong bản thể “ bất biến tùy duyên” ấy. Vì vậy, chuyện xa xưa hun hút ấy, với Tri Kiến Phật y như đang có hiện giờ.

Đã gọi là Phật hay thành Phật thì người đó phải là người đạt đến Giải Thoát, Giác Ngộ. Nói cách khác là người phải thực chứng quả vị Vô Thượng Bồ Đề và Vô Thượng Niết Bàn.

Trên đường tu nhơn thành Phật, Định và Tuệ, ví như hai cánh của một con chim. Khi chim bay, hai cánh vận chuyển nhịp nhàng đồng bộ thì chim mới bay đến đích. Xệ đi một cách thì chim chẳng bay được. Đức Phật Thích Ca cho biết đức Đại Thông Trí Thắng chuyên tâm thiền định trọn một tiểu kiếp hàng phục, phá ma-quân rồi mà pháp Phật không hiện ra (Pháp Phật không hiện ra, có nghĩa là Trí Tuệ chưa đầy đủ, Bồ Đề chưa viên mãn).

Sau đó, tiếp tục thiền định thêm 10 tiểu kiếp mà cũng chưa thành Phật. Cuối tiểu kiếp thứ 10 với sự hoạt động có tánh cải tạo xây dựng của chư Thiên, bảy giờ Đại Thông Trí Thắng ngồi lên tòa sư tử mới chứng thành Vô Lượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thiền định nhằm dứt bật tâm thức, kiểu như chết lịm không tốt. Trong Phật pháp gọi đó là “khô định”. Thứ “định” không có “tuệ”. Nó chỉ có công dụng pháp ma-quân (tức là ngăn chặn hết vọng tưởng). Muốn thành Phật phải chuyển hóa các tâm sở, cải tạo tánh xấu, xây dựng đức tốt, ngăn dứt việc ác, phát triển hạnh lành. Khi tột đến đỉnh cao của Trí Tuệ lúc bảy giờ gọi là thành Phật.

Thành Phật là cái đích đến của một con người tu tập mong cầu. Nhưng vai trò của một vị Phật mà dừng ở đây thì chưa trọn vẹn, dù pháp Phật hiện ra. Bởi vì thành quả đạt được đó chỉ mới hoàn thành bên mặt “Tự Giác, Tự Lợi”. Còn cần có sức cảm hóa, giáo dục và truyền bá cái chủ nghĩa cái đạo lý giải thoát, giác ngộ đến mọi tầng lớp con người để hoàn thành nhiệm vụ “Giác tha, tha lợi” của một vị Phật.

Điều kiện và hoàn cảnh của Phật Đại Thông Trí Thắng thì trước cảm hóa người thân và dần dần cảm hóa những người thân của người thân. Làm cái việc cảm hóa, giáo dục truyền bá chân lý, nói cách khác là truyền bá chánh pháp, cho đến hết cuộc đời, ngày mà người đời hiểu là Như Lai Diệt Độ.

Do vậy, là một đấng Thế Tôn thì đầy đủ hai nhiệm vụ: Tự Giác, Giác Tha cho nên Phật nào cũng được tôn xưng là đấng Giác Hạnh Viên Mãn.

Thành Phật là ngày trở về “ thể nhập bản thể chân như thanh tịnh”. Theo giáo lý đạo Phật, “bản thể chân như thanh tịnh” ấy cũng tức là Như Lai Viên Giác Diệu Tâm của con người. Do vậy, Đại Thông Trí Thắng thành Phật, cõi nước của chư Phật, thế giới chư Thiên trong mười phương đều sáng rõ và rung động. Chúng sanh trong 9 cõi đều được thấy rõ nhau. Ý thú đoạn kinh này nhằm nhắc lại một lần nữa cái chân lý: Tất cả là một và một là tất cả.

“... Mộng lý minh minh hữu lục thú

Giác hậu không không vô đại thiên...”

Khi mê thì sáu nẻo luân hồi cách phân ranh giới mịt mờ. Lúc giác thì quốc độ mười phương không còn có tướng hai.

Ở phẩm TỰA, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ vô lượng kiếp xa xưa thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, trước cũng nói pháp “Tứ Đế” kế nói “Thập Nhị Nhân Duyên” hóa độ cho hàng Tiểu Thừa, sau rốt nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, độ cho hàng Đại Thừa Bồ Tát thời gian 60 tiểu kiếp, rồi sau đó Phật tuyên bố sẽ nhập Niết Bàn.

Ở phẩm này, cũng chuyện xa xưa, bất khả tư nghĩ a-tăng kỳ kiếp Đại Thông Trí Thắng Như Lai sau khi chấp nhận lời thỉnh cầu của 16 vị Sa-di và hàng Trời, Người cũng vận dụng “tam chuyên pháp luân”. Qua 12 cách gồm : 4 cách “thị chuyên”, 4 cách “khuyến chuyên” và 4 cách “chứng chuyên”.

Sau đó, chỉ dạy lời quán chiếu và thực hành pháp “Thập nhị nhân duyên” để diệt trừ sanh tử, ưu bi, khổ não. Sau hai muôn kiếp cũng nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói xong, Phật vào tịnh thất nhập thiền định tám muôn bốn nghìn kiếp.

Phật Thích Ca hiện nay cũng trước nói “tam thừa” sau nói “nhất thừa” để đưa chúng sanh đến địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trước giờ phút Như Lai nhập Niết Bàn, trí tuệ và phương tiện của Như Lai vận dụng thành một quy tắc. Quy tắc đó hữu hiệu trong việc giáo hóa chúng sanh.

Các vị Sa-di là những người truyền đăng tục diệt hoằng dương chánh pháp, gieo rắc vào lòng người đạo lý Giải Thoát Giác Ngộ cho nên ai nghe, học hành theo đều đi đến Phật quả được.

Kinh thường nói Phật nào cũng có cha mẹ, vợ con và thương xuất thân từ gia đình vọng tộc có thể thỏa mãn mọi hưởng thụ trên đời. Vậy mà các vị không ham hưởng thụ. Để rồi từ đó xả tục xuất gia, trở thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi vì theo giáo lý truyền thống của đạo Phật chỉ có hưởng thụ được thành quả “viễn ly” mới là người thật hưởng thụ cái “chân hạnh phúc”.

Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Sa-di thứ 16, con út của Phật Đại Thông Trí Thắng. Các Tỳ-kheo và cư sĩ nam nữ ở hội Pháp Hoa hiện tại là những

người từng nghe pháp của 16 vị Sa-di. Đọc ý thú, lời kinh đó, mọi Phật tử chúng ta đừng vội khẩn nguyện van xin “mau thành Phật” nhé ! mà nên nhớ câu:

... “ Hành tàng hư thật, tự gia tri

Họa phúc nhơn do cánh vấn thù

Thiện ác đáo đầu chung hữu báo

Chi tranh lai tảo dữ lai trì”...

Và

“ Dục tri tiên thế nhân, kim sanh thọ giả thị

Yếu tri lai thế quả kim sanh tác giả thị”

Có nghĩa là:

Việc làm của mình đúng, sai mình biết hết rồi. Họa đến hay phúc đến không cần hỏi thầy bói, thầy tướng mà chi. Làm thiện được quả báo thiện, làm ác bị quả báo ác, chân lý là như vậy. Có điều quả báo đến sớm hoặc đến chậm mà thôi.

Còn muốn biết đời trước mình là người thế nào thì xem cuộc sống của bản thân, của gia đình trong hiện tại. Muốn biết sẽ vui hay khổ của thân sau thì trông vào tánh nết đức độ, cách ăn ở của mình đối với mọi người trong hiện tại.

Tóm lại, sự tu hành cầu thành Phật cũng như sự làm lụng để được nhà giàu. Làm nhiều, siêng năng thì mau giàu; làm ít, lâu giàu; lười biếng nghèo suốt đời. Ước ao không được gì. Khẩn nguyện van xin cũng không được gì.

Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là kinh tối thượng thừa, là thứ chân lý cứu cánh. Phật nói kinh này rồi là đã làm xong nhiệm vụ truyền đạt chánh pháp trao trọn gia bảo của Như Lai. Chúng sanh nghe, học , hành theo kinh này quyết định thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vậy mà Phật xa xưa cũng như Phật Thích Ca hiện tại, nói kinh Pháp Hoa xong là tuyên bố sẽ nhập Niết Bàn mà vào thất an trụ thiền định tám muôn bốn ngàn

kiếp, thì cũng không còn nói thêm gì nữa được, cũng y như đã nhập Niết Bàn rồi vậy.

---o0o---

PHẨM 8: NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Ông Phú-lâu-na sau khi nghe Phật nói về những phương tiện tùy cơ thuyết pháp... lại nghe Phật thọ ký cho các vị đệ tử lớn, lại nghe việc nhân duyên đời trước... và sức tự tại thần thông của chư Phật trong lòng hớn hờ bèn quý gồi đánh lễ Phật và bạch rằng:

“ Như Lai Thế Tôn thật là hi hữu, làm việc khó làm, thuận theo tâm tánh của vô lượng chúng sanh mà thuyết pháp cứu vớt. Chúng con không thể dùng lời nói tuyên bày cho hết công đức của Thế Tôn. Nhưng xin Thế Tôn biết bản nguyện trong thâm tâm của chúng con”.

Phật bèn nhắc công phu tu hành của ông Phú-lâu-na ở các tiền kiếp: rằng ở 90 ức đức Phật thuở quá khứ, Phú-lâu-na từng hộ trì, phụ trợ tuyên bày chánh pháp của Phật. Ông là người bậc nhất trong số người thuyết pháp thuở đó. Về nghĩa “không” của các pháp ông thông suốt tận tường, đầy đủ “bốn trí vô ngại”, thường hay suy gẫm sâu xa, nói pháp thanh tịnh không chỗ nghi lầm. Tuy ông đầy đủ việc làm của Bồ-tát, mà người thời bấy giờ đều hiểu ông là Thanh Văn thật. Ông dùng phương tiện qua hình thức Thanh Văn mà làm lợi ích vô số chúng sanh và giáo hóa vô số người khởi lòng tin vững chắc nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Các Tỳ-kheo, ở vào thời bảy đức Phật quá khứ, Phú-nâu-na cũng là bậc nhất trong hàng người nói pháp, trong tương lai ông cũng là người bậc nhất và hộ trì truyền bá chánh pháp của vô lượng vô biên chư Phật. Vì muốn xây dựng cõi Phật thanh tịnh mà Phú-lâu-na thường tinh tiến giáo hóa chúng sanh lần lần đầy đủ đạo Bồ Tát. Nhờ đó mà qua vô lượng kiếp sau, Phú-lâu-na sẽ thành Phật, hiệu là Pháp Minh, lấy hằng sa tam thiên, đại thiên thế giới làm thành một cõi Phật, lấy bảy báu làm đất. Cõi nước bằng phẳng như mặt bàn tay, không núi đồi, khe rãnh, gò nổi, ghò ghề. Đài thất bảo đầy đầy, cung điện của chư Thiên gần với hư không, Trời, Người giao tiếp nhau và đều thấu được nhau, không ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) cũng không có người nữ.

Chúng sanh cõi ấy thần thông tự tại chí nguyện bền chắc, tinh tấn và trí tuệ. Nhân dân nước ấy thường sử dụng hai cách ăn: Một là “thiền duyệt”. Hai là “pháp hỉ”.

Bồ tát cõi đó đông vô số, Thanh Văn cũng vậy. Nước Phật tên là Thiện Tịnh. Kiếp tên Bửu Minh.

Để lập lại nghĩa trên, đức Phật nói một bài kệ...

Bấy giờ 1.200 vị La-Hán, những vị tâm được tự tại nghĩ rằng: Nếu Phật đều thọ ký cho mình như đã thọ ký cho các vị đệ tử lớn thì sung sướng biết bao. Đức Phật biết tâm niệm đó, bèn lần lượt thọ ký cho 500 vị A-la-hán. Trước hết là tỳ-kheo Kiều-Trần-Như và tất cả đều sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phổ Minh.

Được thọ ký xong, 500 A-la-hán vui mừng lễ Phật thưa:

Bạch Thế Tôn ! Từ trước tới nay chúng con cứ tưởng là mình được diệt độ rồi. Nay mới biết chúng con vô trí. Vì sao? Vì đáng được trí tuệ của Như Lai mà cứ bằng lòng với trí nhỏ của mình cho là đủ. Rồi các vị đồng tâm, trình lên Phật một thí dụ:

Trong kho tàng Phật báu, chúng con mới được một phần mà tự cho là đủ. Chẳng khác một người nghèo đến chơi nhà bạn thân giàu lớn. Tiệc rượu xong, anh nghèo say vùi năm ngủ. Bạn giàu vì có việc đi xa gấp, bèn lấy một viên ngọc vô giá buộc vào vạt áo của bạn say để tặng. Hết say, anh nghèo ra đi, không hay trong người có ngọc. Đến một nước khác, cầu y cầu thực làm ăn vất vả, mỗi khi được một ít của cải tự cho là đủ, không dám mong một tình cảnh tốt đẹp hơn. Về sau anh bạn giàu gặp trở lại anh bạn nghèo, thấy bạn khốn khổ quá mới trách: Sao không dùng viên ngọc trong vạt áo để kinh doanh, tạo cho mình cuộc sống giàu sang. Chừng ấy anh nghèo mới hay là mình giàu, liền dùng vốn ấy mà kinh doanh và trở nên giàu có.

Các vị A-la-hán kết luận: chúng con cũng như vậy, từ lâu xưa, Thế Tôn thường giáo hóa cho. Vậy là Thế Tôn đã gieo trong lòng chúng con hạt giống Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế mà chúng con vô trí không hay không biết, được chút phần Niết Bàn cho là đủ rồi, không cần gì nữa. Nay Phật giác ngộ cho chúng con, dạy cho biết phải được Phật tuệ Vô Thượng mới thật là Diệt Độ.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Phật thọ ký cho 500 đệ tử Thanh Văn, đọc tụng phẩm kinh này cần quan tâm về hiện tượng Phú-lâu-na, Phú-lâu-na là một trong 10 đệ tử Phật được tôn vinh vào hàng “đệ nhất” theo sở trường của mỗi vị.

Phú-lâu-na được Phật khen thuyết pháp “đệ nhất” trong hàng đệ tử Thanh Văn. Việc đó, có nguyên nhân chánh đáng, không phải chuyện ngẫu nhiên. Bởi vì thời quá khứ, ông Phú-lâu-na cũng từng cộng sự trợ tuyên chánh pháp với 90 ức đức Phật, thời Phật nào ông cũng được ngợi khen như vậy. Giờ đây đức Phật Thích Ca thọ ký cho ông ở tương lai ông cũng là người “thuyết pháp đệ nhất” giúp chư Phật giáo hóa chúng sanh, để rồi sau đó ông thành Phật với hiệu Phổ Minh, có nghĩa là ông gieo rắc ánh sáng trí tuệ khắp đến mọi người.

Phật nói lại sự việc này, cũng như thọ ký cho ông Phú-lâu-na sắp tới, dạy cho Phật tử hậu lai bài pháp sâu sa về giáo lý Nhân Quả. Muốn có quả phải gieo nhân và chăm nom vun bồi liên tục cái nhân ấy. Thuyết pháp giỏi là chính mình đã gieo sâu hạt giống đa-văn Phật pháp. Giáo hóa chúng sanh là truyền đạt cho mọi người ánh sáng trí tuệ giải thoát giác ngộ. Vì vậy ông Phú-lâu-na được Phật thọ ký thành Phật hiệu Phổ Minh. Từ nhận xét đó, ta thấy rõ Nhân-Quả không sai và Nhân-Quả không đời nào mất.

Sự nghiệp thuyết pháp độ sanh trong quá khứ của ông Phú-lâu-na đáng được ghi vào “bảng công đức vàng son oanh liệt” Phật sự hiện tại của ông là một trong những người được Phật ngợi khen là “đệ nhất”. Thế mà ông chưa thành Phật cũng như không tha thiết mong cầu thành Phật ở kiếp này. Điều đó thể hiện Đại Thừa chủng tánh ở trong ông, cho nên Phật mới gọi ông là “Thanh Văn bên ngoài, bên trong là Bồ Tát” (Nội bí Bồ Tát, Ngoại hiện Thanh Văn tướng). Vì vậy mà đối với ông thành Phật sớm hay muộn không phải là việc cần để tâm mong ước

Giới hương làm phấn thoa thân

Chàng manh áo định tư sanh hình hài

Bồ-đề hoa hái trang cài.

Niết-bàn tại chỗ ta ngồi thưởng trăng...

Việc thọ ký chúng sanh thành Phật là một khía cạnh trong hoài bảo của Như Lai xuất hiện ở đời. Nhưng không thể thọ ký xô bồ, ồ ạt. Dù rằng quả Phật là bình đẳng, mọi người đều có khả năng đạt đến. Song quá trình hành động sinh hoạt trong cuộc sống, động lực pháp tâm chí nguyện tu hành của mỗi người đều khác biệt. Như Lai thọ ký từng đợt có trước có sau đều có ý nghĩa. Tất cả mọi người đều bình đẳng, mọi người đều có quyền thụ hưởng thành quả do ý chí, nghị lực, khả năng tu tập của mình. Trước tiên, ông Xá-lợi-phất, kế tiếp nhóm ông Tu-bồ-đề. Đến đây nhóm ông Phú-lâu-na và 500 đệ tử lớn. Những vị này nhất trí với nhau, xin Phật được trình bày cái thí dụ: “Hạt ngọc trong vạt áo” để nói lên nỗi lòng hối hận vì sự sai trái của mình khi chưa có điều kiện tu học Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Cái thí dụ “Hạt ngọc trong vạt áo” còn nói lên nỗi lòng xúc động sâu xa: Giờ đây mới biết mình là con Phật. Từ lâu với ý chí thấp hèn và tự mãn, bằng lòng với quả vị Nhị Thừa. Lại ngỡ rằng mình đã tuyệt phần, không có khả năng với tới quả Phật. Quả là “chàng cùng tử” đáng thương. Ôi! Một bạn hữu vô cùng cao đẹo đáng kính biết bao! Bạn đã cho hạt ngọc vô giá buộc vào vạt áo. Vậy mà bao tháng năm khổ cực vất vả để đổi lấy cái ăn, cái mặc tầm thường mà đã bằng lòng mãn nguyện. Giờ đây không còn là chàng cùng tử ấy nữa mà là người cự phú nhất đời.

Từ lâu không biết mình có hạt ngọc vô giá bởi khi người bạn tốt tặng cho là lúc bị hôn mê cơn say chưa tỉnh.

“Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật” !

Phật là người bạn tốt vô vàng khả kính, còn “cùng tử” khốn khổ kia là những Phật tử chúng ta đang hôn mê trong đêm trường cùng đồng-sàng mà quá nhiều dị-mộng.

---o0o---

PHẨM 9: THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Lúc bấy giờ A-nan và La-hầu-la nghĩ thầm: “ Nếu mỗi chúng ta đều được thọ ký thì sung sướng biết bao”. Hai vị liền đến trước Phật làm lễ, bạch rằng: “ Chúng con nghĩ cũng có phần được thọ ký, vì bao giờ cũng quy hướng về Như Lai. Lại chúng con là người quen biết của tất cả trời, người và A-tu-la trong thế gian. A-nan là người hầu và hộ trì tạng pháp, còn La-hầu-la là con của Phật, nếu hai chúng con được thọ ký thì nguyện của chúng con sẽ mãn mà chỗ trông mong của chúng con cũng được đầy đủ”.

Hai ngàn đệ tử Thanh Văn, bậc hữu học và vô học cũng đứng dậy lễ Phật, chấp tay chiêm ngưỡng dung nham Thế Tôn, tỏ ý cùng một sở niệm với A-nan và La-hầu-la.

Phật bảo A-nan: “Đời sau, người sẽ được làm Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai... Người sẽ cúng dường 62 ức Phật, hộ trì tạng pháp, rồi sau được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác giáo hóa 20 ngàn muôn ức hằng hà sa Bồ tát... khiến những Bồ tát ấy thành tựu đạo Bồ đề.

Nước của Phật Sơn Hải Huệ tên là Thường Lập Thắng Phan, thanh tịnh đất bằng lưu ly. Kiếp của Phật tên Diệu Âm Biến Mãn, thọ mạng của Phật vô lượng và mười phương Như Lai đồng ca ngợi công đức của Phật”.

Nói xong, Thế Tôn đọc một bài kệ lập lại nghĩa trên.

Lúc bấy giờ, 8.000 Bồ tát mới phát tâm, đều nghĩ: “ Chúng ta chưa nghe các vị Bồ tát lớn được thọ ký như thế, cố sao mà các Thanh Văn lại được như vậy”.

Đức Phật biết tâm niệm ấy, bèn bảo rằng: “ Này các thiện nam tử, ấy vì ở nơi Phật Không Vương, ta và A-nan đã đồng thời phát tâm cầu sự giác ngộ vô thượng. A-nan thường ưa học rộng, còn ta thì siêng cần tinh tấn, cho nên ta đã được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn A-nan thì theo bản nguyện, hộ trì pháp ta và trong tương lai, tiếp tục hộ trì pháp tạng của Chư Phật, để giáo hóa thành tựu chư Bồ tát. Bản nguyện của ông như thế nên đặng thọ ký dường ấy”.

Lòng rất vui mừng, A-nan tức thời nhớ lại tạng pháp của vô lượng ngàn muôn ức Phật thưở quá khứ, luôn cả lời nguyện của mình.

Bấy giờ Phật bảo La-hầu-la: “Đời sau người sẽ đặng làm Phật hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai. Người sẽ cúng dường chư Phật Như Lai đồng như vi trần trong mười thế giới và thường vì các đức Phật mà làm trưởng tử như hiện nay”

Đức Phật Đạo Thất Bảo Hoa đó, cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp và tượng pháp cũng đồng như Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. Người sẽ làm trưởng tử cho Phật Sơn Hải Huệ, rồi về sau sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thế Tôn lập lại nghĩa trên bằng một bài kệ...

Thấy các bậc hữu học, vô học 2.000 người ý căn nhu nhược, tịch nhiên thanh tịnh, một lòng nhìn Phật, Phật bèn nói với A-nan: “ Tất cả những người ấy sẽ cúng dường chư Phật Như Lai đông như vi trần trong 50 thế giới, cung kính hộ trì pháp tạng, rốt sau đồng thời, ở các nước trong mười phương, mỗi mỗi đều được thành Phật, đồng một hiệu là Bảo Tướng Như Lai, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm số đệ tử Thanh Văn, Bồ Tát và thời gian chánh pháp, tượng pháp thảy đều đồng nhau.

Lúc đó, các hàng hữu học, vô học nghe đức Phật thọ ký, vui mừng hơn hờ như được rưới nước cam-lộ.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Thọ ký cho tất cả những người hữu học và vô học đều được thành Phật một hình thức khác, nhằm nói lên cái chân lý: “ Tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật”. Chân lý đó được Bồ Tát Thường Bất Khinh phát hiện từ vô lượng đời kiếp trước được Phật nhắc lại ở phẩm 20 sau. Bồ tát Thường Bất Khinh xa xưa nhờ quán triệt chân lý mà nay thành Phật. Phật là hiện thân của chân lý, nói rằng Phật thọ ký, kỳ thực là nói ra cái chân lý hiển nhiên ấy, vậy thôi.

Hữu học, vô học là ai?

Vô học là những người đã không bị ràng buộc vướng mắc bởi những nghiệp nhơn phiền não trong ba cõi, không còn khiếp sợ và đau khổ bởi vô thường, lão, bệnh trong vòng sanh tử luân hồi, ưu bi khổ não. Họ “xuất ly tam giới” được quả A-la-hán.

Hữu học là những người còn chịu sự chi phối của hạt giống hữu-lậu của nghiệp nhơn nhiễm ô của ba cõi. Đó là những người Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm và A Na Hàm quả.

Hàng hữu học và vô học có đến 2.000 người, Phật thọ ký cho tất cả đều được thành Phật và đồng một hiệu là Bảo Tướng Như Lai đủ mười đức hiệu. Về bình đẳng môn thì như thế. Ai cũng có khả năng thành Phật, có quyền hưởng thụ thành quả giải thoát giác ngộ do công lao tu tập rèn luyện của mình. Nhưng về sai biệt môn thì rõ ràng nhân nào quả nấy. Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Không có tâm trạng “ ngồi chờ sung rơi !..” trong toàn bộ giáo điển của Phật.

Hai ngàn Thanh Văn hữu học, vô học được thọ ký thành Phật sau này có điều kiện. Phải cúng dường các Như Lai nhiều như số vi trần trong 50 thế giới nghiền ra. Và phải thọ trì pháp tạng, nghĩa là phải lãnh thọ, hành trì kho tàng chánh pháp. Xã hội quan của Phật giáo cách đây những mấy ngàn năm, vậy mà tư tưởng Phật giáo và đạo đức của xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa hiện đại lại gặp nhau ở quan điểm: “ Không chấp nhận chế độ ngòi mát ăn bát vàng”. Phải ra sức làm việc mới có ngày quang vinh, gia tư mới sung mãn chứ !

Ở đây có 2 vấn đề cần được đặt ra:

Một, là số chư Phật nhiều như số vi trần của 50 thế giới nghiền ra. Tìm đâu cho có đủ số Phật như thế để cúng dường? Ngổ hầu được thành Phật?

Hai, là vấn đề tuổi thọ của Như Lai. Lấy tuổi thọ của Như Lai nào làm tiêu chuẩn để có thể lượng định thời gian, để hy vọng và ước mơ ngày công viên quả mãn thành Phật của mình? Chắc chắn là bế tắc. Dù thầy toán hay bậc thầy của thầy toán cũng không giải đáp được.

Vấn đề đó phải được hiểu: Như Lai là Như Lai Viên Giác Diệu Tâm là cái Tâm Như Lai vốn có của tất cả chúng sanh.

Tâm Như Lai này có hai mặt: Thể và Dụng. Thể của nó thì bất biến. Dụng của nó thì tùy duyên. Thể ví như nước. Dụng như bọt sóng mồi... Sóng mồi bọt bóng nghìn sai muôn khác, những điều kiện (duyên) khuấy động hết thì tất cả là một thể nước lặng trong. Chúng sanh mê muội, thì tùy nghiệp duyên trôi lặng trong sáu nẻo luân hồi, nhưng nếu giác ngộ thì là Như Lai Phật. Đó là lúc “trở về” cái bản vị “bất biến” của mình.

Do vậy, cúng dường chư Phật nhiều đời, cúng dường chư Phật thật đông có nghĩa là ta phải vun bồi “cung cấp” “duỡng nuôi” cái giác tánh tròn đầy màu nhiệm, tùy duyên bất biến của ta một cách thường xuyên liên tục ở mọi chốn nơi, mọi hoàn cảnh, trong đời sống của ta. Khởi một niệm lành là cúng dường một Phật. Thể hiện một hành động của thân, của miệng, của ý có tánh cách lợi lạc chúng sanh, vị tha vô ngã, có chất liệu giải thoát giác ngộ là cúng dường Phật. Cúng dường như thế là ở đâu cũng có Phật để cho ta cúng dường. Và muốn cúng bao nhiêu cũng có đủ số Phật để chứng minh lòng thành kính của ta. Đó là điều kiện để thành Phật đó. Bậc hữu học, vô học trong nhóm 2.000 người làm việc ấy, tất cả Phật tử chúng ta cũng có thể thực hiện sự cúng dường như vậy và kết quả đảm bảo như nhau. Chớ cúng Phật “ngoại” cảnh mà mong đem lại giác ngộ giải thoát “nội” tâm thì làm sao có được việc đó? Và lại, theo giáo lý nhà Phật không có một ông Phật

nào có quyền ban cho bất cứ ai về cái quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phải học và hành theo nhà bác học, mới có khả năng và có ngày trở thành nhà bác học. Lạy, cung cấp bạc vàng, vật dụng cho nhà bác học để cầu xin cho được bác học, điều đó không phải việc của người trí làm.

Học và hành là 2 yếu tố không thể thiếu của người tu Phật. Học ví như đôi mắt. Hành ví như đôi chân. Chân khỏe có thể đi xa, đi bền nhưng nếu đôi mắt tối thì khó đạt mục tiêu muốn đến. Ngược lại, mắt sáng thấy suốt rộng xa, nhưng không đi thì cái đích muốn đến không bao giờ thành tựu.

Phật cùng ông A-nan đồng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở thời Phật Không Vương. Nhưng Phật chú trọng hành (tinh tấn) cho nên Phật đã thành Phật. Còn ông A-nan thiên về học rộng đa văn cho nên giờ hãy còn hộ trì pháp Phật và được Phật thọ ký.

Ông A-nan sẽ thành Phật hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại, nói rõ cái đạo lý:

“Gieo hạt gì thu hoạch hạt ấy”

Là Phật tử chúng ta hãy chính chắn nghĩ suy !

---o0o---

PHẨM 10: PHÁP SƯ

Để dạy cho tám muôn Đại Sĩ, khi bấy giờ Phật nói với Bồ-tát Dược Vương rằng: Trong đại chúng đầy đủ hạng người Chư Thiên, Long Vương, Càn-thát-bà, A-tu-la... Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thanh Văn, Duyên Giác cho đến những người cầu thành Phật đạo. Không để riêng ai, nếu người nào ở trước Phật nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, một câu một bài kệ nhắc đến một niệm tùy hỉ, Như Lai đều thọ ký họ là người sẽ thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật dạy tiếp: Sau Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa một câu một bài kệ cho đến một niệm tùy hỉ, Như Lai cũng thọ ký cho quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Người nào thọ trì, đọc, tụng, giảng nói, biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa cung kính cúng dường bằng các thứ trân bảo, hương thơm, trang nghiêm đẹp đẽ... Dược Vương nên biết ác người đó đã từng cúng dường mười muôn ức

Phật, đã thành tựu đại nguyện, vì thương xót chúng sanh mà sanh vào nhân gian đây.

Dược Vương! Nếu có người hỏi trong thời vị lai, những chúng sanh nào sẽ được thành Phật thì nên chỉ những người vừa kể trên mà nói rằng những người đó sẽ thành Phật. Vì sao? Nếu có người trai lành, gái tốt nào thọ trì , đọc tụng, biên chép, giảng nói dầu là một câu của kinh Diệu Pháp Liên Hoa và dùng các thứ hương hoa, báu vật mà cúng dường, thì người đó đáng được nhân gian chiêm ngưỡng và cúng dường như cúng dường Phật vì đó là hàng Đại Bồ tát đã thành tựu Chánh Giác nhưng vì thương chúng sanh mà nguyện sanh trên đời để phân biệt giảng nói kinh Pháp Hoa. Dược Vương nên biết ! Người đó từ bỏ phước báu thanh tịnh để sanh vào đời trược ác, vì chúng sanh mà truyền bá giảng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau Như Lai diệt độ, nếu có người trai lành gái tốt có thể vì riêng một người mà nói kinh Pháp Hoa nhắc đến một câu kinh phải biết người đó là sứ của Như Lai. Như Lai sai làm việc của Như Lai, còn nói chỉ người ở trong đại chúng vì nhiều người giảng nói.!

Dược Vương .! Nếu có người bất thiện, dụng ác tâm ở trước Phật chê mắng Phật suốt một kiếp tội còn nhẹ. Nếu có người hung hãn chửi mắng người tại gia hay xuất gia thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa thì tội rất nặng.

Dược Vương.! Người đọc tụng kinh Pháp Hoa, phải biết người đó dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình. Như Lai dùng vai mà vác người đó. Mọi người nên dùng những thứ: hương hoa, kỹ nhạc quý báu nhất trong cõi đời để cúng dường. Vì sao? Bởi vì nghe pháp của người đó nói trong khoảng giây lát bèn được tỏ ngộ chân lý rốt ráo đối với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Để lập lại nghĩa trên đức Thế Tôn nói một bài kệ.

Rồi đức Phật dạy tiếp: Dược Vương .! Kinh điển của ta có thể nói nhiều vô lượng, đã nói đang nói và sẽ nói mà trong đó kinh Pháp Hoa khó tin và khó hiểu. Kinh này là tạng bí yếu của chư Phật, không thể truyền trao khinh suất bừa bãi cho những người không đúng đối tượng căn cơ. Đây là thứ kinh chư Phật giữ gìn cẩn mật chưa từng diễn nói. Bởi vì Như Lai còn tại thế nói ra còn nhiều người oán ghét hướng chi sau khi Như Lai diệt độ.

Dược Vương nên biết: Sau Như Lai diệt độ, người nào thọ trì , đọc tụng, biên chép , giảng nói cho người khác nghe, Như Lai lấy y mà trùm, người đó

được chư Phật trong mười phương hộ niệm. Như Lai lấy tay xoa đầu và người đó cùng với Như Lai ở chung.

Dược Vương.! Ở nơi chốn nào có kinh này hoặc giảng nói hoặc đọc tụng nên xây tháp bằng bảy báu cao rộng đẹp đẽ mà trong đó không cần tôn trí xá lợi. Bởi vì trong đó có toàn thân Như Lai rồi. Nên dùng các thứ hương hoa, trân bảo, tràng phan... để cúng dường tháp. Người nào thấy tháp lễ bái cúng dường, phải biết những người đó đã gần gũi với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ tát hành đạo mà chưa thấy chưa nghe được kinh Diệu Pháp Liên Hoa là Bồ tát chưa khéo tu đạo Bồ tát. Những chúng sanh cầu Phật đạo, hoặc thấy hoặc nghe, nghe rồi tin hiểu thọ trì nên biết người đó đã gần gũi với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi. Thí như có người khát nước đào giếng ở gò cao, đào thấy đất còn khô, biết rằng gần tới nước. Bồ tát cũng vậy, thọ trì, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa phải biết quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với Bồ tát đó gần kề.

Dược Vương.! Nếu Bồ Tát nào nghe kinh Pháp Hoa mà kinh nghi sợ sệt đó là Bồ tát mới phát tâm. Nếu hàng Thanh Văn nghe kinh này mà kinh nghi sợ sệt đó là hàng Thanh Văn tăng-thượng-mạn.

Dược Vương .! Nếu có trai lành gái tốt sau Như Lai diệt độ muốn vì hàng tứ chúng mà nói kinh Pháp Hoa thì nên ở trong nhà Như Lai, mặc y Như Lai và ngồi trên tòa của Như Lai mà thuyết kinh. Nhà Như Lai là tâm từ bi. Y Như Lai là nhẫn nhục. Tòa Như Lai là “ Vạn Pháp Giai Không”.

Dược Vương, Phật dù ở thế giới khác xa xăm nhưng Phật sai hàng hóa nhơn, hàng tứ chúng (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di) đến nghe pháp và tin nhận thuận theo không chống trái. Nếu nói pháp ở chỗ vắng Như Lai sai Thiên Long, Càn Thát Bà... đến nghe pháp. Phật dù ở nước khác nhưng khiến người nói pháp luôn luôn được thấy thân ta. Nếu có quên sót câu lời. Như Lai sẽ nhắc cho họ nói kinh được đầy đủ.

Đề lập lại nghĩa trên Thế Tôn nói một bài kệ...

---o0o---

THÂM NGHĨA

Pháp sư là người học hiểu pháp pháp, sống với chánh pháp và truyền bá chánh pháp. Thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết đều được công đức vô lượng, đều được gọi là Pháp sư.

Pháp Hoa Pháp Sư cần có những điều kiện căn bản thể hiện trong đời sống hằng ngày, thì việc lợi mình lợi người mới được viên mãn.

Kinh nói:

“ Lấy đại từ-bi làm nhà

Lấy nhu hòa nhẫn nhục làm áo

Lấy pháp không làm tòa ngồi

Ở nơi đó mà thuyết pháp

Nếu lúc nói kinh này

Có người ác mắng nhiếc

Đá, ngói, dao gậy, hại

Nhớ Phật nên nhẫn nhục...”

Pháp Hoa Pháp Sư có thể có khó khăn như vậy. Bởi vì kinh Pháp Hoa có những đặc điểm dị thường, ở nhiều kinh khác Phật chưa từng dạy đến.

1. Chỉ nghe chừng một bài kệ hoặc một câu kinh Pháp Hoa, Phật cũng thọ ký cho thành Phật.
2. Hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc biên chép, hoặc giảng nói chừng một bài kệ, Phật nói người đó không phải người thường.
3. Hỏi ai là người sẽ được thành Phật? Hãy chỉ những người có nghe và thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa.
4. Dùng ác tâm chê mắng Phật trọn kiếp, tội còn nhẹ hơn chê mắng người tại gia hay xuất gia thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa.

5. Đọc tụng kinh Pháp Hoa là dùng đức trang nghiêm của Phật mà tự trang nghiêm mình.
6. Kinh đã nói, đang nói và sẽ nói nhiều vô lượng, chỉ có kinh Pháp Hoa khó tin và khó hiểu.
7. Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu không trao dạy cho người không đúng đối tượng. Phật tại thế kinh Pháp Hoa còn bị nhiều người oán ghét còn nói chi sau Như Lai diệt độ!
8. Sau Như Lai diệt độ, có ai biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa, Như Lai lấy y mà trùm, lấy tay mà xoa đầu người đó.
9. Chỗ nào có kinh Pháp Hoa hoặc có người thọ trì, đọc tụng, biên chép giảng nói nên dựng tháp thất bảo cúng dường. Khỏi để Xá-Lợi Phật mà trong đó có toàn thân Như Lai rồi.
10. Pháp sư nói kinh Pháp Hoa nếu ở chỗ vắng vẻ, Phật sai Thiên-long, bát-bộ chúng đến nghe pháp. Còn Phật dù ở nước khác nhưng khiến cho vị Pháp sư luôn luôn thấy Phật. Và nếu quên mất câu nghĩa Phật dạy cho nhớ hiểu đầy đủ.

Quả là những sự kiên dị thường. Nếu có người bảo đó là chuyện hoang đường, thần thoại của thời tiền sử xa xưa, dường như chẳng có gì oan ức lắm. Người đệ tử Phật có trách nhiệm nghiên cứu tìm hiểu và dung hóa nó qua “bộ óc” trí tuệ để “nhận thức” lấy tinh hoa chánh pháp, bỏ đi cái bã văn tự ngôn từ vốn mượn để làm thứ “tá dược”. Cái tinh hoa của kinh Pháp Hoa là thứ dược liệu cực mạnh trị chứng bệnh “tự khinh” nặng nề của chúng sanh. Chừng nào chúng sanh còn bệnh tự khinh thì Pháp Hoa Pháp Sư chưa được nghỉ ngơi. Chừng nào chúng sanh biết mình là Phật, ở chung với Như Lai, thường thấy Như Lai, được Như Lai xoa đầu nhắc nhở... Bây giờ, Pháp sư nhiệm vụ mới hoàn thành.

Ta hãy tìm hiểu mười sự kiện dị thường được nêu ở trên:

1. Ta thử rút ra một câu kinh xem nào?

“Tôi không dám khinh các Ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật” (ngã bất cảm khinh ư như đấng, như đấng giai đương tác Phật)

Thế nào? Bạn có bằng lòng chấp nhận “bạn sẽ thành Phật” không?

Có.

Thế là Phật đã thọ ký cho bạn rồi đó. Nói rằng Phật thọ ký kỳ thật bạn thọ ký cho bạn chứ không phải cần đến Phật. Bởi vì Phật dù có nói thọ ký hay không, địa vị Phật, bạn cũng chẳng mất phần. Vì bạn đã nhận hiểu Phật-tánh của bạn thì sớm hay chậm bạn sẽ thành Phật. Nói cách khác là bạn “trở về” với cái ông Phật-tánh sẵn có của bạn. Bạn không biết mình là con trưởng giả nên phải dối rách, lang thang, lưu lạc. Khi bạn nhận ra ông trưởng giả là cha mình, bạn “trở về nhà” thì cái gia tài nguy nga đồ sộ, những kho tàng ngập đầy bảo châu vô giá của ông trưởng giả ấy là của bạn, chứ còn của ai nữa?

2. Những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa, Phật nói những người đó không phải người thường.

- Tại sao vậy? – Vì người thường vốn có tánh “tự khinh”. Họ không tin mình có khả năng thành Phật. Càng không thể tin rằng mình là Phật, có Phật chất, có Như Lai ở trong tâm mâu nhiệm. Người thường nghĩ rằng Phật phải là một ông không phải là mình thì mới là Phật. Ông đó ngồi trên chánh điện chùa, đi lững thững trên mây hay phải ngồi trên một tòa sen đẹp.

Hiểu Phật như thế thì biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa có nhằm gì ! Cho nên họ chẳng cần làm việc đó. Ngược lại, người thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh Pháp Hoa, tự tin Tri Kiến Phật của mình. Tin mình có tâm Như Lai mâu nhiệm. Rồi quyết chí tu hành, cải tạo vô minh, diệt trừ phiền não, do đó, sớm muộn gì cũng đến ngày thành Phật. Thế không phải sứ-giả Như Lai là gì?

3. Nếu hỏi ai là người sẽ được thành Phật? Hãy chỉ những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa.

- Vì sao vậy?

- Vì người này tự tin mình thành Phật. Biết mình có Phật Tri Kiến, biết có Như Lai Viên Giác Diệu Tâm.

4. Dùng ác tâm chê mắng Phật trọn kiếp, tội còn nhẹ hơn chê mắng người tại gia hay xuất gia thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa.

- Sao lạ thế?

- Tai hãy chính chắn tư duy vấn đề này: Giả sử có người xỉ vào mặt ông Cù-đàm, ông Thích Ca Mâu Ni mà mắng. Thế nào? Họ đã mắng được Phật chưa?

Xin đáp rằng: Chưa. Họ mắng như thế không trúng Phật. Họ chỉ mắng được ông Cù-đàm, ông Tất-đạt-đa, ông Thích Ca theo danh ngôn thường xưng gọi. Cái hiện tượng tứ đại duyên khởi là Phật thì cả thế giới thành Phật cả, còn ai để gọi “chúng sanh”? Phật là cái giác tánh linh-tri, cái tinh-hoa trí tuệ chứa đựng ở trong cái hiện tượng duyên sanh đó, cái đó là Như Lai, là Viên Giác Diệu Tâm là Tri Kiến Phật. Tất cả cái đó chứa đựng trong toàn bộ hệ tư tưởng giáo lý Pháp Hoa Kinh. Cho nên chê mắng kinh Pháp Hoa tức là chê mắng Phật tánh mình, xua đuổi Như Lai tâm mình, không tin mình có khả năng thành Phật. Người tự mắng, tự xua đuổi, tự khinh Phật mình như vậy tức là tự mình đốt cháy hạt giống thành Phật thì cái quả Phật dứt khoát tuyệt phần. Thế là làm cản trở con đường tiến lên Như Lai, Phật, của tất cả chúng sanh cho nên mang tội rất nặng.

Còn việc chê mắng ông Tất-đạt-đa, ông Thích Ca thì chưa đá động gì được Phật, Như Lai cả.

Ta ôn lại lời Phật dạy ở kinh Bát Nhã Kim Cương:

“Nếu dựa vào 32 tướng cho là Như Lai

Dựa vào âm thanh thuyết pháp cho là Như Lai.

Hiểu Như Lai như thế là người tà đạo.

Không hề thấy biết Như Lai đích thực.”

Hiểu Như Lai qua âm thanh sắc tướng không đúng thì mắng Như Lai qua huyền tướng và âm thanh cũng không nhằm được. Cho nên... gọi là tội chỉ là biểu lộ sự ác tâm của chính mình, tội “ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình”, tội “tự chiêu kỳ họa ấy...” chớ Như Lai cũng chẳng bắt tội làm gì. Và thật sự Như Lai cũng chẳng có quyền gì để bắt. Vì Như Lai không phải “đấng thiêng liêng” có quyền thưởng phạt.

“Tùy trần tục cảnh, ngã pháp huyễn sanh, vô minh cứu cánh vọng thành tham, sân, si, mạn hữu lậu nghiệp”

“Tuyệt tướng triền căn, tự tha bất cách, giác tánh bản lai cụ túc từ bi, hỉ, xả vô lượng tâm”.

Đó là câu đối của cụ Tâm Minh Lê Đình Thám, tôi thích quá viết vào đây để tặng chư độc giả cùng thưởng thức. Và nhớ rằng nền giáo lý của Phật giáo đại để là vậy đó. Như Lai có quyền thưởng phạt ai đâu!

5. Thọ trì, đọc tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa là dùng đức trang nghiêm của Phật mà tự trang nghiêm mình.

- Có thật vậy không? Tại sao?

- Có. Tại vì đã chấp nhận, đã tin Phật tánh mình thì mình là Phật, tin tâm Như Lai của mình thì mình là Như Lai. Do đó cái gì Phật có, Như Lai có thì mình có. Người ăn mày thì không có cân đai áo mũ trường giả để mặc. Nhưng đã là trường giả thì mặc đồ trường giả, chứ sao!

6. Kinh điển Phật đã nói, hiện nói và sẽ nói nhiều vô lượng. Nhưng chỉ có kinh Pháp Hoa là khó tin và khó hiểu.

- Tại sao vậy?

- Tại vì các kinh “phương tiện”, “bất liễu nghĩa” thì dễ thích hợp với chúng sanh căn cơ vốn hạ-liệt, những tâm hồn yếu đuối thích ý lại vào sự ban ân, giảng phúc của một “đấng tha nhân”. Còn kinh Pháp Hoa thì Phật dạy phải tin mình là Phật. Niết bàn không phải ở “cảnh giới” xa xôi nào khác. Phải khai thác cái “tự tánh thanh tịnh Niết Bàn”. Phải sử dụng “Niết Bàn Vô Trụ Xứ” của Phật. Vì thế chúng sanh khó hiểu và khó tin.

7. Kinh Pháp Hoa phải đúng đối tượng mới nên trao truyền. Lúc Phật tại thế, kinh Pháp Hoa còn bị nhiều người oán ghét, huống là sau Như Lai diệt độ.

- Tại sao thế?

- Tại vì chúng sanh có tánh tự khinh, không tin nổi rằng mình có thể thành Phật. Mà kinh Pháp Hoa thì chỉ thẳng cái Tri Kiến Phật sẵn có, khiến chúng sanh tự ngộ-nhập, tự thành.

8. Sau Như Lai diệt độ, có ai thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa Như Lai lấy y mà trùm, lấy tay xoa đầu người đó. Người đó cùng Như Lai ở chung.

- Sự thật có thể ư? Hình mạo Như Lai thế nào, khi Như Lai làm những điều đó?

- Như ta đã biết, Như Lai Viên Giác Diệu Tâm thì ai cũng có, cái thể bất biến của Tâm là Như. Cái dụng tùy duyên của tâm là Lai. Vì vậy, Như Lai là Thể Dụng là Tâm Tánh thanh tịnh bản nhiên vốn có của mọi người.

“ Tâm sanh chủng-chủng pháp

Tùy duyên thủy thượng âu

Tánh chân-như bất biến

Như thủy, bốn thanh trừng

Bất biến tùy duyên chân thủ tánh

Tùy duyên bất biến thị tha tâm

Minh tâm, minh liễu âu bào thượng

Kiến tánh thâm tri thủy diện trừng”

Dịch:

“ Tâm sanh ra muôn pháp

Tùy duyên như bọt nước xao

Tánh, chân như bất biến

Như nước vốn lặng trong

Bất biến tùy duyên là tánh ấy

Tùy duyên bất biến chính là tâm này

Minh tâm? Nhận rõ lao xao bọt

Kiến tánh? Nhìn sâu mặt nước bình”.

Ai mà chẳng sống bằng tâm tánh, chẳng ở cùng tâm tánh, chẳng tương quan tác động giữa nhục-thân và tâm tánh. Tách rời tâm tánh ra mà còn là một con người thì Phật không có nói bao giờ trong toàn bộ giáo lý Phật. Những đợt sóng “tùy duyên” bao giờ cũng phát xuất, cũng ở trong lòng nước “bất biến”. Nước duyên khởi ra sóng là việc dễ hiểu. Sóng nước không rời là việc tất nhiên. Cũng vậy mọi người ai cũng có Tâm Tánh Như Lai, khi thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa là lúc “trở về” với Như Lai Tâm làm việc Như Lai Tánh thì được ở chung với Như Lai, được Như Lai rờ đầu vậy. Chỉ lo là mình có nhớ Như Lai, bằng lòng trở về ở chung với Như Lai không? Hay là bỏ nhà đi hoang để cho Như Lai phải khắc khoai nhớ thương như ông trưởng giả nhớ thương đứa con hoang “cùng tử” của mình.

Người ham thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa, là người “trở về nhà” chứ không là “chàng cùng tử” tha phương cầu thực nữa, thì còn lạ gì việc ông trưởng giả choàng cho con mình chiếc áo đẹp, xoa đầu nựng nịu và ôm vào lòng ngủ chung một giấc yên lành mãi ngàn vạn năm! Vì bởi con cùng mà!

9. Chỗ nào có kinh hoặc có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa, nên dựng tháp bảy báu cúng dường, nhưng không cần để Xá Lợi Phật, vì trong đó có toàn thân Như Lai rồi

- Thân Như Lai là gì? Không cần Xá lợi mà vẫn có toàn thân Như Lai trong tháp?

- Sao lại dựng tháp để cúng dường kinh? Đem phẩm vật để cúng dường cho Phật còn dễ hiểu. Dựng tháp để cúng dường kinh thì nghĩa lý thế nào?

Kinh Pháp Hoa là Pháp, thứ pháp tối thượng thừa triển khai Tri Kiến Phật trong tất cả chúng sanh. Thế thì Pháp là Phật vậy. Tháp tức là Pháp. Mà tánh của Pháp tức là tánh của Phật, vì Phật tánh và Pháp tánh không hai. Danh thì khác mà thể thì đồng. Trong Pháp tánh có Phật tánh, trong Phật tánh có Pháp tánh.

Luật Hiền-dương Chánh-giác nói:

“ Phật tánh tại hữu tình

Pháp tánh tại vô tri

Phật pháp bản lai vô nhị tánh

Nhất hỏa năng siêu bách vạn sài”

Vốn cùng một tánh “chân như” nhưng tùy duyên sanh khởi và tác động vào hữu tình thì tánh chân như được trở thành tên gọi : “PHẬT TÁNH”. Cũng tánh chân như ấy tùy duyên vận động sanh khởi và tác động vào vô-tình thì gọi đó là “PHÁP TÁNH”. Kỳ thực Phật tánh và Pháp tánh không hai. Ví như một thứ lửa đem đốt nhiều thứ củi mà tên lửa và độ nóng của lửa có khác: lửa phân bò, lửa rơm, lửa củi, lửa than đước, lửa than đá ...

10. Pháp sư nói kinh Pháp Hoa ở chỗ vắng vẻ, Phật sai Thiên-long, bát bộ và tứ chúng đến nghe. Phật dù ở chỗ khác nhưng khiến cho Pháp sư luôn luôn thấy Phật. Pháp sư quên, Phật dạy cho nhớ đầy đủ.

- Phải hiểu thế nào về sự kiện có vẻ huyền hoặc này?

- Phải hiểu thế này: Tâm Pháp sư đã có sẵn Như Lai, Phật, tâm Pháp sư tự có đủ Tứ Thánh, Lục Phạm, khắp trùm mười pháp giới. Phật và ta cùng ở chung nhau, lỡ quên mất câu lối thì “Thiền Định” để mời Phật đến, ôn cố tri tân, “tư duy” lời Phật, thì Phật, Như Lai Thanh Tịnh Tâm xuất hiện dạy bảo cho mà biết mà nhớ. Phật Thích Ca cách đây hơn hai nghìn năm trăm năm trước, cũng thỉnh Phật đến hộ niệm cho để thuyết kinh Pháp Hoa cũng bằng lối này. Còn Thiên Long bát bộ thì lúc nào chẳng túc trực ở tâm ta. Cứ “tu duy” trong thiền định, cứ giảng nói kinh Pháp Hoa đi, Thiên Long bát bộ vẫn nghe rõ, chín cõi chúng sanh đều nghe rõ.

Phật Thích Ca, Phật Di Đà, Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai dù ở nước khác, nhưng “ Như Lai Viên Giác” “ Tri Kiến Phật” lúc nào chẳng có ở lòng mình.

Muốn thấy Phật, gặp gỡ Phật chỉ cần dời chúng sanh đi nơi khác thì Phật cùng Pháp sư đối diện, đàm đạo Phật pháp, khó gì.!

---o0o---

PHẨM 11: HIỆN BẢO THÁP

Lúc bấy giờ trước Phật có một ngôi tháp bằng thất bảo cao 500 rộng 250 do tuần từ dưới đất hiện lên rồi trụ lơ lửng giữa hư không. Ngôi tháp cực kỳ tráng lệ tỏa ra mùi thơm “ly cầu chiêm đàn” khắp cùng cõi nước. Các hàng Thiên long bát bộ cùng đem các thứ phan lọng, hương hoa, chuỗi ngọc... của cõi trời để cúng dường tôn trọng và ngợi khen.

Bấy giờ trong tháp báu vang ra tiếng khen rằng: Hay lắm! Hay lắm! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, có thể dùng tuệ bình đẳng vì đại chúng nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Đúng vậy! Lời Thích Ca Mâu Ni nói là chân lý chân thật!

Trước sự kiện hi hữu này, đại chúng được pháp hỉ, đồng thời cho là chuyện lạ nhưng không ai nói ra đều cung kính chấp tay đứng qua một bên. Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết biết tâm niệm tứ chúng bèn bạch Phật:

“ Bạch Thế Tôn! Do duyên cớ gì mà có tháp từ đất hiện lên lại từ phía trong có tiếng vang ra như thế?”

Đức Phật đáp: Trong tháp báu này có toàn thân Như Lai. Thời quá khứ, cách đây vô lượng lâu xa, tại nước Bảo Tịnh có Phật Đa Bảo, lúc còn hành đạo Bồ-tát, đã phát lời nguyện rằng, nếu được thành Phật thì, sau khi diệt độ, chỗ nào có nói kinh Pháp Hoa, tháp báu của Ngài sẽ hiện ra khen ngợi để chứng minh. Vì vậy, bất luận chỗ nào trong mười phương hễ có nói kinh Pháp Hoa thì tháp báu hiện ra, toàn thân Phật trong tháp nói: “ Hay lắm ! Hay lắm !”

Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết thay lời đại chúng bạch: “ Chúng con muốn thấy thân của đức Phật Đa Bảo”

Phật Thích Ca đáp: Theo đại nguyện của Phật Đa Bảo, khi tháp Ngài hiện ra mà có đức Phật nào muốn chỉ cho tứ chúng thấy thân của Ngài thì đức Phật ấy phải nhóm lại một chỗ tất cả “ phân thân” của mình, rồi sau đó thân Phật Đa Bảo mới hiện ra. Vậy nay ta sẽ nhóm tất cả “ phân thân” của ta hiện đang thuyết pháp ở các cõi nước trong mười phương.

Bấy giờ đức Thích Ca phóng một đại hào quang từ tướng lông trắng giữa đôi mày, hăng sa cõi nước ở mười phương hiện bày, trong đó vô lượng Bồ-tát đang vì chúng sanh nói pháp.

Thấy ánh sáng ấy, chư Phật mười phương đều bảo các Bồ-tát “ Chúng ra phải qua thế giới Ta Bà, chỗ của đức Phật Thích Ca để cùng cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai”. Chư Phật ấy đều là phân thân của đức Thích Ca.

Lúc bấy giờ, cõi Ta Bà biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, có cây báu, vàng ròng trang nghiêm, không có tụ lạc thành ấy, xóm làng, biển cả, sông ngòi, rừng núi.

Mỗi đức Phật có một Bồ-tát làm thị giả, các đức “ phân thân” qua đến Ta Bà, lên ngôi kiết già trên tòa sư tử đặt dưới cội mỗi cây báu, lần lượt như thế khắp tam thiên đại thiên thế giới mà vẫn không đủ chỗ ngồi.

Để dung chứa tất cả các phân thân đức Thích Ca bèn biến thêm ở tám phương, 200 muôn ức na-do-tha nước, nước nào cũng thanh tịnh trang nghiêm.

Lại để có chỗ cho các phân-thân Phật sẽ đến, đức Thích Ca dời trời, người đi nơi khác, biến thêm 200 muôn ức na-do-tha nước khác, nước nào cũng thanh tịnh, trang nghiêm, bình đẳng như trên.

Chư phân-thân Phật trong mười phương tuần tự về đủ nhóm ngôi ở tám phương. Chư Như Lai ngôi đầy khắp 400 muôn ức na-do-tha cõi nước.

Khi đâu vào đấy rồi, các phân-thân Phật sai thị giả qua cõi Ta Bà dâng hoa cúng dường Phật Thích Ca và dạy thị giả bạch rằng: “ Như Lai có được ít bệnh, ít khổ, sức khỏe an vui và các Bồ-tát Thanh-văn đều được an-ôn chăng?” Sau khi cúng dường hoa, các thị-giả bạch với đức Thích Ca là chư phân-thân Phật đều muốn mở tháp báu đang lơ lửng trên không. Đức Thích Ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lấy ngón tay mặt mở cửa tháp, làm vang ra một tiếng lớn như tháo khóa một cửa thành.

Tức thì tất cả chúng sanh trong hội đều thấy Đa Bảo Như Lai trong tháp báu ngồi trên tòa sư-tử toàn thân nguyên vẹn như người nhập định. Lại nghe Đa Bảo Như Lai nói : “ Hay lắm! Hay lắm ! Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa hay quá. Vì muốn nghe kinh nên ta mới đến đây”. Hàng tứ chúng thấy việc chưa từng có, hân hoan đem các thứ hoa báu tung rải lên cúng dường Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca.

Chia nửa tòa sư tử trong tháp báu, Phật Đa Bảo nói: “ Phật Thích Ca ! Xin mời lên ngồi trên tòa này”. Tức thời đức Phật Thích Ca vào trong tháp ngồi kiết-già trên chỗ được Phật Đa Bảo nhường.

Thấy hai Như Lai cùng ngồi xếp bằng trên tòa Sư Tử trong tháp, đại chúng thàm nguyện: “ Phật ngồi cao quá, cúi mong Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được gần Như Lai ở trên hư không”.

Đức Thích Ca bèn dùng thần thông tiếp đại chúng lên hư không, rồi nói lớn khắp bảo: “ Nay chính là lúc nói kinh Pháp Hoa cho những ai, ở Ta Bà , có khả năng nói kinh ấy”.

Để diễn lại ý trên, đức Thích Ca nói một bài kệ mà đại ý như sau:

“Đức Phật Đa Bảo diệt độ đã lâu, nay vì muốn nghe kinh Pháp Hoa khó gặp mà hiện ra trong tháp báu, hà huống các người mà chẳng siêng nghe.

Ai nói được kinh này là đã thấy ta cùng Phật Đa Bảo và cá vị phân-thân Phật.

Các thiện nam tử! Nên suy nghĩ, phải phát nguyện rộng lớn mới nói được kinh Pháp Hoa. Đó là một cái khó hơn tất cả các thứ khó khác. Thật vậy, nói được tất cả các kinh điển khác: dời núi Tu Di, lấy chân hất ba ngàn đại thiên thế giới, dùng sự tướng mà rộng chỉ chân lý, lấy tay nắm bắt hư không, đem cả đại địa để lên móng chân rồi bay lên cõi trời Phạm Thiên, mang cỏ khô vào lửa mà không bị cháy, trì tám muôn bốn ngàn kinh điển rồi vì người đem nói ra, khiến chứng được 6 thần thông, nói pháp làm cho vô lượng chúng sanh đều đắc quả A-la-hán, tất cả những việc làm ấy rất khó, nhưng chưa khó bằng sau khi Phật diệt độ mà nói kinh Diệu Pháp, trong đời ác trược, biên chép nắm giữ được kinh này, vì một người mà nói kinh này, nghe lãnh và tìm thâm nghĩa trong kinh này, tôn trọng và thực hành kinh này.

Kinh Diệu Pháp là bậc nhất. Thọ trì, đọc tụng được ắt làm cho chư Phật hoan hỉ. Ai làm được là người đồng mãn tinh tấn. Đó mới thật là người tri giới, tu khổ hạnh, là người được mau chứng quả Vô Thượng Bồ Đề.

Đời sau, ai đọc giữ kinh này là Phật tử chân chánh, là bậc thuần thiện.

Sau khi Phật diệt độ, ai hiểu được kinh này là mắt sáng suốt của Trời, Người trong thế gian.

Trong cảnh đầy sợ hãi, ai nói được kinh này trong chốt lát, là người đáng cho Thiên, Nhân cúng dường”.

---000---

THÂM NGHĨA

Một ngôi tháp bằng thất bảo, cực kỳ tráng lệ nguy nga, cao 500 rộng 250 do tuần, từ đất nổi lên trụ trong hư không rồi vang ra lời thán tán rằng: “ Phật Thích Ca nói kinh Pháp Hoa rất hay dạy rõ về chân lý”.

Đề cời mở mỗi kinh nghi trong lòng đại chúng, đức Phật Thích Ca nói: “ Trong tháp báu này có toàn thân Như Lai. Đó là Phật Đa Bảo. Phật và tháp báu này vốn có từ vô lượng vô số hằng hà sa kiếp...”

Quả là một việc ly kỳ!

Tháp tức là Pháp. Pháp mà đã có từ vô lượng vô số hằng hà sa kiếp mà vẫn trường tồn không hoại. Thế là không phải pháp hữu vi rồi. Ở đây ý Phật muốn giới thiệu và dạy cho chúng sanh biết về Pháp Tánh vậy. Chỉ có Pháp tánh mới là pháp bất hoại, chân thường.

Phật Đa Bảo Như Lai “ thọ lượng” lâu đời như ngôi bảo tháp, thì không phải là “ứng thân Phật”. Qua sự kiện này Phật muốn “ chỉ” (Thị Phật Tri Kiến) cho chúng sanh biết về cái Phật tánh bất diệt là như thế đó.

Đất ở thế gian thì nay động mai chuôi, đây bồi kia lở bại hoại vô thường. Vậy đất trường tồn phải là đất bất sanh bất diệt vô-thỉ vô-chung, tuổi thọ của nó phải đồng với cái “thọ lượng” của Phật tánh, Pháp tánh ở trên đã nói. Có vậy mới dung chứa được cái tháp (Pháp) và Đa Bảo Như Lai (Phật) bất sanh bất diệt. Vậy đây đó phải là đất Tâm là Tâm Địa vậy.

Kinh Tâm Địa Quán nói: “ Trong tam giới lấy tâm làm chủ. Người năng quán tâm chắc chắn giải thoát, người không quán tâm chắc chắn trầm luân. Tâm chúng sanh ví như Đại Địa. Ngũ cốc, ngũ quả từ đại địa mà sanh. Cái Tâm cũng thế, nó sanh ra pháp thế và xuất thế: Hữu học, Vô Học, Độc Giác, Bồ Tát cho đến Như Lai. Do đó, Tam Giới duy tâm. Tâm được gọi là Đất.

Vậy Pháp, Phật từ đất nổi lên, có nghĩa là Phật tánh, Pháp tánh không ngoài Tâm tánh. Tâm tánh bao trùm hàm chứa Phật tánh và Pháp Tánh.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

“ Tâm ví như chàng họa sĩ

Vẽ ngũ âm thế gian

Tất cả thế gian này

Vạn pháp từ đây tạo

Tâm, Phật cũng như thế

Và Phật, chúng sanh cũng vậy

Tâm Phật và chúng sanh

Ba tên mà đồng một bản thể”

Phật Đa Bảo khi tu nhơn có lời thệ sâu nặng: “ Nếu tôi được thành Phật thì sau Phật diệt độ trong mười phương ở đâu có nói kinh Pháp Hoa thì tháp của tôi sẽ hiện đến để nghe và thán tán! Hay lắm! Hay lắm! Và nếu đức Phật đó muốn giới thiệu thân tôi cho tứ chúng thấy thì phải nhóm hết phân-thân Phật của mình đang thuyết pháp trong mười phương lại. Bấy giờ thân tôi mới hiện ra”.

Cái bản thể sâu nặng của Phật Đa Bảo hiện đã thành hiện thực.

Sự kiện ấy có ý nghĩa gì? Ta có thể hiểu sự kiện này qua hai ý:

Một, để chứng minh. Qua sự chứng minh này, nói lên ý nghĩa kinh Pháp Hoa là kinh Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Rằng kinh Pháp Hoa, đức Thích Ca đang nói là kinh của chư Phật trong hằng hà sa số kiếp đã nói. Đó là chân lý tối thượng của Phật thừa, không phải chỉ có một mình Phật Thích Ca tự nói.

Hai, cũng qua sự chứng minh này, nhằm “tạo điều kiện” để Phật Thích Ca giới thiệu cho chúng sanh biết rằng: “tuổi thọ” của “pháp thân Phật” về thời gian thì xuyên suốt “ba đời”, về không gian thì khắp khắp “mười phương”.

Đức Phật Thích Ca nhóm phân-thân về cõi Ta Ba với phạm vi tam thiên đại thiên thế giới nhưng cõi Ta Bà không đủ chỗ ngồi. Phật phải biến thêm 200 muôn ức na-do-tha hằng hà sa cõi nước ở phương Đông, cũng không đủ chỗ

ngồi. Lần lượt biến thêm ở phương Nam, phương Tây và phương Bắc số cõi nước cũng nhiều như vậy mà cũng không đủ chỗ ngồi. Phải tận dụng bốn hướng cạnh, Phật biến mỗi phương cạnh số cõi nước cũng bằng như thế. Bảy giờ mới đủ sức dung chứa số phân-thân Phật của đức Thích Ca.

Kinh nói lại sự kiện này không phải để giới thiệu cái tài ảo-thuật biến hóa của đức Phật với đệ tử mình. Không. Phật Thích Ca không bao giờ bằng lòng mình là nhà ảo-thuật, dù là nhà ảo-thuật thiên tài ! Ở đây, cái “ thâm nghĩa” của kinh nhằm giới thiệu, dạy cho tứ chúng rằng:

Phật thường trụ và Pháp thường trụ.

Sự hiện hữu của tháp và Phật Đa Bảo tồn tại qua vô lượng vô số kiếp nhằm dạy Phật pháp thường trụ về mặt thời gian. Sự kiện Phật Thích Ca biến hóa cõi nước đầy khắp tám phương, cây báu bồ-đề, tòa sư tử (Pháp) và các phân thân Phật nhằm dạy Phật pháp thường trụ về mặt không gian vậy.

Do nghĩa đó, kinh nói: Người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa bất cứ ở điểm không gian nào và khoảng thời gian nào thường được Phật rờ đầu, lấy y mà trùm và được cùng Phật ở chung.

Tháp của Phật Đa Bảo vốn trụ trong hư không Phật Thích Ca muốn mở tháp cũng phải trụ trong hư không. Tứ chúng muốn ra mắt Phật Đa Bảo phải nhờ sức thần Phật trụ trong hư không mới thấy được.

Người đệ tử Phật phải học lấy bài pháp sâu xa ấy. Đó là điều kiện tiên quyết của người con Phật có ý chí cởi mở những ràng buộc vương vấn khổ đau. Là con người thì còn ăn ở thì phải còn làm. Làm thì làm tất cả, nhưng rồi phải tập luyện xả đi tất cả, đừng trụ (Thật tế lý địa, bất thọ bất trần, sanh diệt môn trung bất xả nhất pháp). Bởi Trụ là chấp, là mắc, là dính dáng. Có chấp, có mắc, có dính dáng là có khổ đau, không thấy được Phật.

Phật pháp: vô trụ (Đa Bảo Như Lai và tháp) vốn là cái chân lý vô trụ nên lơ lửng trong hư không. Còn Phật Thích Ca sở dĩ được Phật Đa Bảo chia nửa tòa mời ngồi là do có khả năng “trụ hư không” để mở cửa tháp. Tứ chúng trong hội Pháp Hoa muốn thấy được Phật phải nhờ sức thần Phật, sức thần Phật chứ không phải là sức thần của Phật, nghĩa là nhờ sức tinh thức, giác ngộ chân lý, phải giũ những vô minh chấp mắc, có khả năng trụ trong hư không rồi mới thấy được Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca.

Trụ hư không có nghĩa là “ Vô sở trụ”

Kinh Kim Cương Bát Nhã nói “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, Nhược tâm hữu trụ tức vi phi trụ”. Tâm có chỗ trụ là xa rời chân lý phạm phải sai lầm rồi.

Phật Thích Ca tiêu biểu Thi-giác mở tháp để ra mắt Phật Đa Bảo tiêu biểu bốn giác, bằng một chuyển biến lớn lao chớ không dễ dàng đơn giản. Yếu tố đầu tiên là khả năng “Trụ hư không”. Kế đó, phải có một nghị lực thần kỳ, một động tác nhẹ nhàng mà có khả năng phá vỡ một vật thể cách ngăn kiên cố, mở cửa tháp mà như tháo chốt cửa của một đại thành.

Sự thật trên đường tu tập của chúng sanh cũng đòi hỏi nghị lực và khả năng như vậy. Bốn giác và thi giác vốn không có cự ly ngăn cách, thế mà vận dụng thi giác quay về trực diện với bốn giác, đòi hỏi phải có điều kiện, phải có nghị lực phi thường mới đạt mục đích ngang hàng với bốn giác được, mặc dù bốn giác là cái sẵn có, còn thi giác chỉ là sự phản chiếu hồi quang, sự “trở về” chớ không phải là cái chi mới lạ.

Khi đại chúng chiêm ngưỡng hai Như Lai, Phật Thích Ca tuyên bố: “ Ai ở cõi Ta-Bà truyền bá giảng nói kinh Pháp Hoa phải hiểu rõ ý nghĩa của những sự kiện nói trên. Như Lai chẳng bao lâu nhập Niết Bàn và muốn phó chúc kinh Pháp Hoa cho người thừa kế có khả năng đó”.

Phải hiểu ý nghĩa những sự kiện Như Lai nói, người đó mới là người được Như Lai phó chúc kinh Pháp Hoa, mới là người có khả năng thừa kế truyền bá giảng nói kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ Thế Tôn tuyên lại nghĩa trên bằng một bài kệ có ý nghĩa như sau:

Các thiện-nam-tử

Đều nên suy nghĩ

Đây là việc khó

Phải phát nguyện lớn

Bao nhiêu kinh khác

Số như hằng sa

Nói hết kinh đó

Chưa đủ làm khó

Bưng núi Tu Di

Ném đẽ phương khác

Vô số cõi Phật

Chưa lấy làm khó

Nếu dùng ngón chân

Khều cõi Đại Thiên

Ném xa cõi khác

Cũng chưa làm khó

Đứng trên hữu-đảnh

Nói vô lượng kinh

Để giáo hoá người

Chưa lấy làm khó

Nếu sau Phật diệt

Ở trong đời ác

Nói được kinh này

Đây là rất khó

Giả sử có người

Tay nắm hư không

Để mà dạo đi

Cũng chưa là khó

Sau ta diệt độ

Nếu tự biên chép

Hoặc bảo người chép

Đây là mới khó

Hoặc đem côi đất

Để trên móng chân

Bay lên Phạm Thiên

Cũng chưa là khó

Tạm đọc kinh này

Đây thì rất khó

Giả sử kiếp thiêu

Mang gánh cỏ khô

Vào lửa không cháy

Cũng chưa là khó

Sau ta diệt độ

Nếu trì kinh này

Vì một người nói

Đây là mới khó

Nếu trì tám muôn

Bốn nghìn tạng pháp

Mười hai bộ kinh

Khiến các người nghe

Được sáu thần thông

Dầu được như thế

Cũng chưa là khó

Sau ta diệt độ

Nghe lãnh kinh này

Hỏi nghĩa thú kinh

Đây là rất khó

Hoặc người nói pháp

Làm nghìn muôn ức

Vô lượng vô số

Hằng hà chúng sanh

Chứng quả La Hán

Đủ sáu thần thông

Dầu có lợi đó

Cũng chưa là khó

Sau ta diệt độ

Nếu phụng trì được

Kinh điển này đây

Thế mới là khó

Ta vì Phật đạo

Ở vô lượng cõi
Từ trước đến nay
Nói rất nhiều kinh
Đối với kinh này
Đây là bậc nhất.

---o0o---

PHẨM 12: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Lúc bấy giờ Phật bảo các Bồ-Tát và bốn chúng: trong quá khứ vô lượng kiếp, ta đã tìm cầu kinh Pháp Hoa không hề biếng trễ. Nhiều kiếp tu thường làm vua phát nguyện cầu đạo Bồ-đề lòng không thôi chuyển vì muốn đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, ta siêng làm việc bố thí lòng không luyến tiếc một vật gì, dù đó là tiền bạc, châu báu, đất đai, vợ con, tôi tớ hay thân thể của ta. Vì lòng mến chánh pháp, ta nhường ngôi cho Thái tử và truyền rao trong dân chúng, rằng ai nói được pháp Đại Thừa cho ta nghe, ta sẽ trọn đời hiến thân làm tôi tớ hầu hạ.

Bấy giờ có vị Tiên, nhận tuyên nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, nếu nhà vua không trái ý ông. Vua chịu theo và hầu hạ vị Tiên làm đủ mọi việc, trải một ngàn năm hết lòng siêng năng vì trọng pháp.

Phật nói tiếp: Nhà vua thuở ấy nay là ta, còn vị Tiên nay là Đề-Bà Đạt-Đa đấy. Ta nay thành Phật là nhờ vị thiện tri thức đó. Trong vô lượng kiếp về sau, Đề-bà Đạt-đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương, nước của Phật là Thiên Đạo. Phật Thiên Vương trụ ở đời 20 trung kiếp, hằng hà chúng sanh nhờ pháp nhiệm màu của Phật mà được quả A-la-hán, quả Bích-chi-Phật và phát tâm Vô Thượng Bồ Đề được Vô-sanh pháp nhãn đến bậc bất-thối-chuyên.

Sau khi Phật Thiên Vương nhật Niết Bàn, chánh pháp trụ ở đời 20 trung kiếp. Nhờ cúng dường tháp bảy báu dựng toàn thân Xá lợi của Phật Thiên Vương mà chúng sanh được quả A-la-hán, Bích-chi Phật và phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Trong vị lai thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe phẩm Đề-bà Đạt-đa mà sanh lòng trong sáng, kính tin không nghi ngờ thì những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không đoạ vào ba đường ác, được sanh nơi các nước Phật và chỗ người đó sanh thường được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu sanh vào cõi nhân thiên thì hưởng sự vui sướng tốt cùng. Nếu sanh ở trước mặt Phật thì từ hoa sen hoá sanh.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Trí-Tích thị giả của Phật Đa Bảo bạch xin phép Phật Đa Bảo trở về nước. Đức Phật Thích Ca mới bảo Bồ-tát Trí-tích: Thiện nam tử! hãy chờ giây lát ở đây có Bồ-tát Văn Thù và ông cùng Văn Thù có thể cùng nhau ra mắt mà luận nói pháp mầu, xong rồi sẽ về.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Văn Thù và các bồ tát tùy tùng ngồi trên hoa sen lớn từ nơi cung rồng Ta-kiệt-la trong biển lớn vọt lên trụ trong hư không, đến núi Linh-thứ từ hoa sen bước xuống làm lễ đức Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca. Kế đến hỏi thăm Bồ tát Trí-tích rồi quay qua một bên.

Bồ-tát Trí-tích hỏi bồ tát Văn Thù: “ Ngài qua cung rồng hoá độ được bao nhiêu chúng sanh?” Bồ-tát Văn Thù đáp: “Vô Lượng. Trong giây lát Ngài sẽ tự chứng biết.”

Văn Thù nói chưa dứt lời, vô số Bồ-tát ngồi hoa sen từ biên vọt lên, đến núi Linh-thứ, trụ trong hư không. Tất cả đều do Bồ tát Văn Thù hoá độ.

Bồ-tát Trí-tích thấy vậy bèn nói một bài kệ tán thán:

Đức của Đại-trí thật mạnh mẽ

Hoá độ được vô lượng chúng sanh

Nay trong đại hội này

Tất cả nhận thấy rõ

Đại trí nói nghĩa “ Thật-tướng”

Mở bày pháp “ Nhất-thừa”

Rộng độ các chúng sanh

Khiến mau thành Chánh-giác

Bồ-tát Đại Trí Văn Thù nói: Ở biển tôi thường tuyên dạy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Bồ-tát Trí-tích hỏi: Kinh này rất thâm diệu. Vậy có chúng sanh nào siêng tu theo kinh này mà mau thành Phật không? Bồ tát Văn Thù đáp: Có con gái của Long Vương mới lên tám tuổi mà đầy đủ trí-đức, trong khoảnh khắc pháp Bồ đề tâm là được bất thối chuyển, biện-tài vô-ngại, từ bi rộng lớn, công đức đầy đủ, có khả năng đến quả Bồ Đề.

Bồ tát Trí-tích nói: Chính đức Phật Thích Ca còn phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ chứa nhiều công đức làm những việc khó làm mới thành được đạo Bồ-đề, làm sao tin được chuyện Long Nữ trong chốc lát mà chứng thành Chánh giác. Luận đàm chưa dứt bỗng nhiên Long nữ hiện ra lễ Phật rồi đứng qua một bên nói bài kệ tán thán Pháp-thân, Báo-thân và Ứng-thân Phật và cho biết là nàng do đã nghe được nghĩa “ thật tướng” của nền giáo lý “ nhất thừa” mà được chóng thành Bồ-đề đạo. Nhưng viện này chỉ có Phật mới chứng biết mà thôi.

Bấy giờ ông Xá-lợi-phất nói với Long Nữ: Thân gái như-uế có năm điều chướng ngại: không được làm Phạm Thiên, Đế-Thích, Ma-Vương, Chuyển-luân-thánh-vương và Phật thì làm sao cô thành Phật được? Vả lại con đường Phật xa vời phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ mới đi cùng mà cô nói tu không bao lâu là chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm sao tin được?

Long-nữ liền lấy một hạt châu hiện dâng cho đức Phật. Phật nhận.

Long-nữ hỏi Trí-tích: Tôi hiến châu, Thế-tôn nhận lấy, việc ấy có mau chăng?

- Mau. Trí-tích đáp!

- Ông hãy lấy sức thân của ông xem đây, tôi thành Phật còn mau hơn việc đó.

Toàn thể chúng hội liền thấy Long-nữ thoát nhiên biến thành nam-tử, đủ hạnh Bồ-tát qua cõi Vô-cấu ở phương Nam, ngồi tòa sen báu thành bậc Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Trí-Tích và Văn Thù làm thỉnh.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Phật nói Phẩm Đề-bà-đạt-đa như mở thêm một đại lộ trong hệ tư tưởng tối-thượng-thừa.

Kinh nói: “ Nghe phẩm Đề-bà-đạt-đa mà kính tin không nghi hoặc thì người đó không đọa vào ba đường ác”.

Nhà vua ham cầu pháp Đại Thừa thuở xưa, nay là Phật Thích Ca. Tiên A-tư-đà trong quá khứ nay là Đề-bà-đạt-đa. Qua kinh sử Phật người ta biết nhiều về hành động thù nghịch của ông đối với Phật. Không những một hai đời mà còn lắm nhiều kiếp khác nữa. Ông tạo cơ mưu ám hại giết chết Phật, bày chước độc, phi báng thanh danh. Tiên thân Đề-bà-đạt-đa là người xấu, xan lãn kinh pháp, trao đổi kinh pháp với giá quá đắt. Hiện tại ông là người ác manh tâm hãm hại Phật nhiều cách nhiều lần. Căn cứ vào hành động tội ác đối với giáo lý Phật thì Đề-bà-đạt-đa thuộc hạng người “ Nhất-xiển-đề” trong Phật pháp. Thế mà Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa sẽ thành Phật hiệu Thiên Vương Như Lai...

Thọ ký Đề-bà-đạt-đa thành Phật đồng nghĩa với thọ ký “nhất-xiển-đề” thành Phật rồi vậy. Đây là một “giáo điều” cấm kỵ ở các kinh điển bất-liễu-nghĩa trong hệ tư tưởng Tiểu Thừa. Đối với hệ tư tưởng liễu nghĩa của Đại Thừa thì đây là con đường khoát đạt mà vọt vọt đến tuyệt đỉnh của nền giáo lý “Diệu Pháp Liên Hoa”: “ Tất cả mọi người là Phật”. Đây là tư tưởng đặc thù của kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

“Tất cả chúng sanh đều có thân tướng, có phước tướng, có trí tuệ Phật” (nhất thiết chúng sanh cụ hữu trí tuệ Như Lai đức tướng) được Phật long trọng tuyên cáo ở thời Kinh Hoa Nghiêm mà đến thời Kinh Pháp Hoa này đức Phật mới tóm kết “ bài pháp” dài gần 49 năm thuyết giáo của mình. Toàn bộ tư tưởng giáo lý Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là “ kết luận” cuối cùng của thời pháp mấy mươi năm.

Nghe phẩm “Đề-bà-đạt-đa” mà kính tin không nghi có nghĩa là mình tin Phật tánh mình, tin khả năng hoán cải của tâm mình và tin khả năng thành Phật của mình. Đã có được đức tin như thế, sớm muộn gì rồi cũng tu hành phát triển cái vốn liếng ấy, rồi cũng có ngày thành Phật. Đã biết mình có bảo châu trong túi áo thì ai dại gì để mình lang thang đói khổ suốt đời.

“ Nhất xiển đề” mà còn được thành Phật hà huống Phật tử chúng ta không phải là hạng người “ nhất xiển đề”.

Nghe phẩm “Đề-bà-đạt-đa” kính tin thì được phước lớn không đoạ vào ba đường ác là do ở chỗ mình tin mình và mình không khinh mình vậy.

Đã là cuộc đời luôn luôn có mâu thuẫn, luôn luôn có mầm đối lập dù trong một cuộc đời, một thể thống nhất. Ngoại cảnh hay tự thân đều cùng chung một qui luật ấy. Có thiện thì có ác, có tốt thì có xấu. Đó là chân lý tất yếu của cuộc đời. Phật thuật chuyện Bồ-đề-đạt-đa xấu với Phật trong quá khứ, ác với Phật trong hiện tại nhằm nhắc cho hàng Phật tử chúng ta về qui luật tất yếu tất nhiên đó. Đừng nghĩ rằng mình thiện thì luôn luôn có cái thiện điều tốt nó đáp lại ngay cho mình và đừng có cái xấu việc không may, người không lành đến với mình. Vấn đề “Nhân Quả” trong đạo Phật không phải quá giản đơn như người ta tưởng, mà nó vận hành theo nhịp độ thời gian làm cho nhân quả khác thời, khác giống và không khur khur cố định. Ta đang chăm sóc cánh đồn lúa rất tốt nhưng có khi phải ăn khoai ăn bắp mà làm công việc đó. Có người hiện tiền thụ hưởng mỹ vị cao lương, lụa là nhung gấm, ai có ngờ mấy năm sau họ trở thành người bần hàn cơ cực.

Có lửa cao mới biết tuôiia vàng, có chở nặng mới biết sức mạnh của con long tượng. Có kẻ ác như Đề-bà-đạt-đa thì sức tinh tấn Phật trong quá khứ, sức nhẫn nhục của Phật ở hiện tại mới thành tựu đến đỉnh cao: “ Ba-la-mật”. Nếu người biết học đạo, kẻ ác cũng có thể là thầy ta được. Ta sẽ học với họ cái mà ta vĩnh viễn phải chừa.

Danh hiệu của một bồ tát là một biểu trưng, một sự thể hiện đạo đức và hành vi của Bồ tát ấy. Danh nói lên cái hạnh. Đại Trí Văn Thù biểu trưng “ căn bản trí”, thứ trí tiếp tục chân lý thể nhập thật tướng một cách vô ngại tự tại. Trí-Tích biểu trưng thứ trí “hậu đắc” đối với thật tướng chưa thể thoải mái tiếp thu. Vì vậy, với giáo lý Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, ngài nghe không phấn khởi, không có gì tâm đắc cho nên thỉnh cầu đức Phật Đa Bảo hãy trở về nước cũ. Trái lại, Đại Trí Văn Thù thì tâm đắc Diệu Pháp Liên Hoa cho nên thường tuyên giảng cho chúng sanh ở Long cung.

Qua sự kiện đó, ta thấy kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là kinh tối thượng tối tôn, nhưng không phải quý với mọi hạng Bồ-tát trên cõi đời. Có người ham thích mà cũng có người không thể nghe, không thể hiểu và không thể chấp nhận.

Biển cả mênh mông bao to sóng lớn mà có thuyền tàu chắc chắn, có thủy thủ tài ba thì vẫn có thể cứu vớt được những ai lâm nguy đắm chìm trong đó. Chúng sanh dù chìm lặn trong sông ái bễ mê, mà được Đại Trí Văn Thù

giáo hoá cho, cầm lèo bẻ lái cho thì sóng gió vô minh không nhận chìm được mà còn có được toà sen báu để ngồi. Lại còn có khả năng vọt lên không trung để vượt khỏi những trần tục nhiễm ô dính mắc. Thành quả to lớn do sự hướng dẫn của Đại Trí Văn Thù vẫn còn chưa hết. Tất cả Bồ Tát ngồi trên toà sen lại còn thẳng lên núi Linh-thứu đến chỗ Phật, có nghĩa là nhờ có Đại Trí Văn Thù mà đưa con người từ biển mê vượt lên núi giác và ở đây không những diện kiến được Phật hiện tại là Phật Thích Ca Mâu Ni mà còn được ra mắt Phật Đa Bảo Như Lai vô lượng kiếp xa xưa trong quá khứ.

Đa Bảo Như Lai biểu trưng Pháp-thân Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu trưng cho ứng thân Phật.

“Đại Trí” là yếu tố căn bản để vượt ra biển khổ Ta-Bà, “Đại Trí” cần cho những ai muốn gặp Phật. “Đại Trí” là hướng dẫn lên tận đỉnh cao của giải thoát giác ngộ. Nhờ “Đại Trí” mà gặp được Phật quá khứ. Nhờ “Đại Trí” mà có cơ hội ra mắt Phật Hiện Tại. Nhờ “Đại Trí” mà hội ngộ vô số Phật Vị Lai.

Phật tánh vốn bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, không có giai cấp trong chủng tộc, không có hạn cuộc trong lứa tuổi, không có phân biệt trong giới tính nam nữ, thậm chí trong hạng người mà người ta cho là còn phần nào về “súc sanh tính”; Người mà người ta có thể quan niệm không mấy đẹp đẽ, thông minh như nàng Long nữ (rồng cái). Thế nhưng nếu có ý chí chịu học hỏi, ham tu tập theo sự hướng dẫn của “Đại Trí” thì vẫn có khả năng chuyển biến tiến và cuối cùng vẫn thành Phật.

Câu chuyện Long nữ tám tuổi thành Phật, đức Phật dạy cho Phật-tử chúng ta về chân lý Phật tánh bình đẳng đó.

Cuộc đối thoại giữa ông Xá-lợi-phất và Long nữ về “người nữ có 5 điều trở ngại... không được thành Phật...”. Ông Xá-lợi-phất nói đúng, biết đúng chớ chẳng phải sai. Nhưng cái thấy biết đó là cái thấy biết của người căn cơ chủng tánh Nhị Thừa, được học thuộc qua những kinh điển phương tiện bất liễu nghĩa.

Sự thành Phật mau chóng của Long nữ ở thế giới Vô-cầu là một chứng minh cho nền giáo lý Đại Thừa nữ nam bình đẳng và phủ định quyết liệt về cái thuyết “người nữ có 5 điều chướng ngại...” của nguồn tư tưởng “sách lược” ở kinh điển Tiểu thừa.

Tuy nhiên, thực tế khách quan mà nói, đa số phái nam chất cương nghị quả cảm, lý trí nhiều và mạnh bạo hơn phái nữ. Cho nên gọi “chuyển nữ thành nam” có nghĩa là trước khi thành bậc đại giác ngộ cần có chất liệu của một “nam nhân”. Được vậy, để có thái độ dứt khoát giữa hai con đường tình cảm và lý trí, vô minh và giác ngộ, triền phược và giải thoát. Còn cái nam căn hay cái nữ căn không phải yếu tố quan trọng cản trở sự giải thoát giác ngộ đối với một vị Phật.

---o0o---

PHẨM 13: KHUYẾN TRÌ

Lúc bấy giờ Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết cùng hai muôn Bồ-tát quyến thuộc, ở trước Phật nói lên lời thề rằng:

Cúi xin Thế-Tôn chớ lo, sau Phật diệt độ chúng sanh tôi sẽ tuân giữ, đọc tụng kinh điển này. Chúng sanh trong đời ác về sau, căn lành lần lần ít, kiêu ngạo nhiều thêm tham lợi háo danh, trồng sâu nghiệp bất thiện, xa lìa giải thoát. Tuy khó giáo hoá như vậy, chúng con sẽ dùng sức nhẫn lớn, trì tụng biên chép điển nói, hy sinh mọi cách thậm chí không tiếc thân mạng để giáo hoá cho họ.

Bấy giờ trong đại chúng 500 A-la-hán đã được thọ ký, bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Chúng con cũng tự thệ nguyện truyền bá rộng kinh này ở những nước khác.

Lại có 8.000 vị hữu học, vô học cũng đã được thọ ký rồi, lập lời thề trước Phật: Chúng con cũng ở nơi nước khác giảng nói rộng kinh này. Tại vì cõi nước Ta-Bà phần lớn con người hay che giấu điều ác, ôm lòng tăng-thượng-mạn, công đức cạn mỏng, hận thù, nịnh hót vì tâm không thành Phật.

Lúc bấy giờ bà Di của Phật là Tỳ kheo ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề cùng với 6.000 Tỳ kheo ni của hai hạng hữu học và vô học, đồng đứng dậy, chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan Phật, mắt không tạm rời. Thế Tôn mới hỏi: Kiền-đàm-di! Vì có nào mà nó Như Lai với vẻ lo âu như vậy? Phải chăng vì ta không kê tên thọ ký cho chúng ngươi? Nay Kiền-đàm-di, ta trước thọ ký tổng quát cho tất cả Thanh-Văn, nay ngươi đã muốn thì ta nói trước cho biết, đời sau, ngươi sẽ làm Đại Pháp Sư của 68.000 Phật pháp còn 6.000 Tỳ kheo ni trong hàng hữu học và vô học, cũng sẽ làm Pháp Sư. Lần hồi ngươi sẽ đầy đủ đạo Bồ tát và sẽ được thành Phật, hiệu Nhất-thiết-chúng-sanh-hi-kiến

Như Lai. Nay Kiều-đàm-di, Phật Hỉ Kiến và 6.000 Bồ tát sẽ tuần tự thọ ký được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, mẹ của La-hầu-la là Tỳ-kheo-ni Gia-du-đà-la thâm nghĩ: Thế Tôn thọ ký cho mọi người sao riêng mình chẳng nói tới tên? Phật kêu Gia-du-đà-la nói: Đời sau, trong năm ngàn vạn nước pháp môn của Phật, người sẽ tu hạnh Bồ-tát, làm Đại Pháp Sư, lần hồi đầy đủ Phật đạo, rồi ở nơi nước Thiện, sẽ thành Phật hiệu Cự-túc-thiên-vạn-quang-tướng Như Lai.

Kiều-đàm-di, Gia-du-đà-la và tất cả Tỳ kheo ni đều vui mừng hơn hờ, cho là được của quý giá chưa từng có.

Sau khi đọc một bài kệ, các Tỳ-kheo-ni bạch Phật: Thế Tôn, chúng con có thể rộng nói kinh này ở các nước phương khác không?

Phật bèn ngó 80.000 muôn vạn ức na-do-tha Bồ-tát. Các Bồ-tát này toàn là bậc bất-thối-chuyên và đã được các “tổng trì”, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, chấp tay nghĩ nói trong lòng rằng: “ Nếu Thế Tôn dạy, chúng con sẽ như lời Phật mà rộng nói kinh này”. Rồi lại nghĩ: “ Phật nay làm thinh không dạy, bây giờ chúng ta sẽ nói gì đây?”

Khi ấy, vừa đề thuận theo ý Phật, vừa đề thoả mãn sở nguyện của mình, các Bồ-tát bèn thề lớn trước Phật: “ Thế Tôn, sau Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới, khiến chúng sanh biên chép kinh này, lãnh giữ, đọc tụng, giải nói ý nghĩa, theo pháp tu hành, sửa điều nghĩ nhớ cho chân chánh được như thế là toàn nhờ uy lực của Phật. Cúi xin Thế Tôn ở phương khác, xa thấy mà hộ trì cho !”

---o0o---

THÂM NGHĨA

Là đệ tử Phật vấn đề Văn-tư-tu phải là một tiến trình liên tục không thể thiếu. Các vạc ba chân, thiếu một không đứng vững. Văn-tư-tu thiếu một, sẽ không có quả giải thoát giác ngộ.

Nguyện trì Kinh Pháp Hoa đồng nghĩa với nguyện tu theo Kinh Pháp Hoa, chấp thọ hành trì theo giáo lý Pháp Hoa. Đó là ý nghĩa trì kinh ở mặt tiêu cực. Về mặt tích cực, trì có nghĩa là xiển dương, là truyền bá, là biên chép, giảng nói cho nhiều người nhập Tri Kiến Phật. Chữ trì ở phẩm này gồm ý nghĩa của cả hai mặt đó.

Từ các phẩm trước được Khai Thị về Tri Kiến Phật. Đại chúng trong hội Pháp Hoa đã nhận thức rõ về “ Chánh nhơn thành Phật” của mình: Rằng Tri Kiến Phật hay là Phật tánh là cái mà tất cả chúng sanh bình đẳng có. Còn thành Phật hay sẽ thành Phật chỉ là vấn đề thời gian, cũng như sự phát triển sớm muộn của những hoa sen trong cánh đồng sen vậy. Điều kiện đất nước, thời tiết thuận lợi thì sen ở đây mọc sớm, trổ hoa sớm, hoa to và đẹp. Đất xấu, điều kiện trợ duyên kém thì hoa nở muộn... Dù muộn, nhưng tánh chất trong nhân có sẵn quả: quả ở chính trong nhân của tất cả hoa sen thì không có một mảy may sai khác.

Tri kinh là Duyên nhơn Phật tánh là điều kiện kích phát sức nảy nở làm cho hoa Tri Kiến nở nhanh, cũng như đất nước, thời tiết cần cho sự nảy nở hoa sen vậy.

Nhưng ai là người có khả năng trì kinh tốt nhất? Có gì khó khăn trở ngại trong việc trì kinh?

Có bốn hạng người có khả năng làm việc đó:

1. Hàng Đại Bồ Tát (những người giàu đức tánh vô ngã vị tha)
2. Bậc A-la-hán (những người trừ sạch nhân hữu lậu trong ba cõi)
3. Hàng hữu học vô học (những bậc nhập lưu, đi theo chiều hướng giác ngộ giải thoát)
4. Hàng Tỳ Kheo Ni (những người quyết tâm tu giải thoát)

Trì kinh với nghĩa tiêu cực thì tất cả giống nhau, bốn hạng người có cùng ý chí ham tu hiểu học đối với Kinh Pháp Hoa.

Nhưng về mặt tích cực, phát nguyện trì kinh phải có điều kiện:

- Phải có nhiệt tình, vô ngã vị tha
- Phải có khả năng nghị lực
- Phải có trình độ kiến thức nội minh
- Phải có biện tài chinh phục vv...

Bởi lẽ địa bàn hoạt động truyền bá Kinh Pháp Hoa không phải ở lãnh vực nào cũng thuận lợi, ở quốc độ nào cũng dễ dàng.

Ta hãy nghe về tinh thần bất khuất chuẩn bị chịu đựng sự khó khăn của những Bồ tát tự nguyện trì Kinh Pháp Hoa ở cõi Ta Bà, qua bài kệ dưới đây:

Cúi mong Phật chớ lo

Sau Phật diệt độ rồi,

Trong đời ác ghê sợ

Chúng con sẽ rộng nói

Dẫu có người không trí

Dùng lời ác mắng rủa...

Cùng gậy dao đập chém

Chúng con đều sẽ nhẫn

Dẫu Tỳ Kheo đời ác

Trí tà-dâm vạy méo,

Chưa chứng, xưng đã chứng

Kiêu căng đầy trong lòng,

Hoặc có hạng “A-nhã”

Y, nạt xem ra phết,

Tự cho hành nhân đạo,

Xem nhẹ người thế gian:

Vì lòng tham lợi dưỡng,

Thuyết pháp cho bạch y

Với ý được cung kính
Như lục thông La Hán
Lòng hạo ấỵ chứa ác
Thương nghĩ việc thế tục
Giả danh A-luyện-nhã
Bớị sai lầm chúng con
Mà nói những lời này:
Các thầy Tỳ kheo ấỵ
Vì lòng tham lợi dưỡng,
Luận giả theo ngoại đạo
Tự tạo kinh điển này,
Láo dối người thế gian.
Hoặc vì cầu danh tiếng
Mà phân biệt kinh này.
Hoặc thường trong đại chúng,
Muốn nói xấu chúng con;
Hướng nhà vua, quan lớn
Bà-la-môn, nhà giàu
Cùng các Tỳ kheo khác
Mà phỉ báng chúng con:
Bảo chúng con tà kiến

Luận giải theo ngoại đạo.
Vì lòng kính tin Phật,
Chúng con đều sẽ nhẫn.
Dầu họ có khinh khi,
Tự xưng là Phật sống,
Trước lời kiêu ngạo ấy,
Chúng con cũng sẽ nhẫn.
Trong đời ác kiếp trước,
Có nhiều sự sợ hãi,
Các qui nhập thân người
Mắng rủa nhục chúng con,
Chúng con kính tin Phật,
Sẽ mang giáp nhẫn nhục.
Để giảng nói kinh này,
Chúng con sẽ nhẫn mọi khó.
Thân mạng không hề tiếc
Chỉ tiếc vô thượng đạo.
Chúng con trong đời sau,
Sẽ giữ gìn lời Phật.
Thế Tôn sẽ tự biết:
Tỳ kheo đời ác trước

Không biết Phật phương tiện

Tuỳ nghi mà thuyết pháp,

Châu mày dùng miệng ác,

Lúc lúc đuổi chúng con.

Xa lìa nơi chùa tháp.

Các việc ác như thế

Nhớ lời Phật dạy bảo,

Chúng con sẽ nhẫn hết

Nơi thành ấp, tụ lạc

Nếu có người cầu pháp

Chúng con đều đến nơi

Nói pháp của Phật truyền

Chúng con là sứ Phật

Ở trong chúng không sợ

Vì thiện sẽ nói pháp,

Xin Phật hãy an lòng.

Nay đứng trước Thế Tôn

Cùng mười phương chư Phật

Chúng con có lời thệ này,

Phật ắt tự rõ lòng con

Sự khó khăn của Bồ-tát trì kinh Pháp Hoa ở cõi Ta Bà như thế đấy. Tìm hiểu nguyên nhân ta thấy:

Phát xuất từ hàng Tỳ Kheo được mệnh danh là Tăng-Thượng-Mạn. Họ tự bảo thủ quả vị La-Hán cho là cứu cánh Niết Bàn, không có ý mong cầu thành Phật. Từ mặc cảm tự ti này họ chống đối phỉ báng Kinh Pháp Hoa.

Xuất phát từ lòng Tỳ Kheo mưu cầu lợi dưỡng; hạng người này cố chấp tự tôn, cho rằng mình, chỉ có mình là người tu chơn đạo khả kính trên thế gian này. Còn tất cả người thế gian không ai có thể đạt đến cái chơn đạo của họ tu chứng.

Trong khi nền giáo lý Pháp Hoa chủ trương Khai Thị Chúng Sanh Ngộ Nhập Phật Tri Kiến; tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành. Quả là một tạc đạn bắn ra sụp đổ một lúc hai toà thành bảo thủ tự ti và cố chấp tự tôn của hai hạng người tiêu nha bại chủng ấy. Do đó, bằng mọi cách họ công kích, phỉ báng những Bồ Tát Trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở cõi Ta Bà. Vì thế, phát nguyện trì kinh ở cõi Ta Bà chỉ có Bồ Tát Đại Dược Vương, vua của y-dược-sĩ, có khả năng trị bệnh tà kiến tự tôn, tự ti của thế nhân và Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết, nhà biện tài vô ngại, có khả năng tòi tà phụ chánh, cầm đầu thì việc làm mới thành tựu tốt đẹp. Nói rõ ra là muốn xiển dương truyền bá Kinh Pháp Hoa ở vào đời ngũ trước này phải là người có những đức tánh của một Bồ-tát vô ngã, vị tha, cương nghị, quả cảm, thông minh, trong đó nội minh phải vững vàng, có biện tài, có khả năng thuyết phục, giải đáp được những chấp mắc sai lầm... thì mới đủ điều kiện triển khai truyền bá Kinh Pháp Hoa; nếu không có những yếu tố cần thiết đó thì khó mà trì kinh ở cõi đời lắm người “ tự ti”, lắm người “ tự tôn” vì mưu cầu hư danh huyễn lợi này.

Hàng Đại A-La-Hán, những người hữu học vô học, các hàng Tỳ kheo ni, trước Phật có phát tâm nguyện trì kinh; nhưng không ở trong hàng ngũ của Bồ-tát Đại Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết thì xin đi nước khác mà trì, vì ở nước khác sẽ được an lành hơn, không có đối lập nguy hiểm như ở cõi Ta Bà. Biện tài không giải đáp nổi nghĩa lý thậm thâm; trí lực và pháp lực không đủ khả năng trị liệu các bệnh tà kiến, biên kiến, kiến thủ của người đời thì nên đi “ cõi khác” mà truyền bá Kinh Pháp Hoa vậy.

---o0o---

PHẨM 14: AN LẠC HẠNH

Bấy giờ, Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: Thế Tôn! Các vị Bồ-tát này làm việc khó có là phát nguyện hộ trì, đọc nói kinh Pháp Hoa trong đời ác trước về sau. Thế Tôn! Làm thế nào mà các vị Bồ-tát này nói được kinh

Pháp Hoa trong đời ác trước? Phật bảo Văn Thù: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, ở đời ác trước, muốn nói kinh này thì nên an trú vào 4 pháp sau đây:

1. Hành Xứ: Bồ-tát hành xứ là đứng vững trên đất nhẵn nhục, diệu hoá thuận thảo mà không nóng nảy, tâm cũng chẳng sợ sệt, lại ở trong muôn vật mà lòng không xao xuyên, xem muôn vật trông không như “thật tướng”, không nghĩ ngợi gì mà cũng không phân biệt.

2. Thân Cận Xứ: Bồ-tát không gần gũi:

- Hạng người quyền thế (vua, con vua, quan lớn, quan nhỏ)
- Hạng người tu theo ngoại đạo (Phạm-chí, Ni-kiền-tử...)
- Hạng văn nhân, thi sĩ của thế tục
- Các phái Lộ-già-da-đà, Nghịch-lộ già-da-đà.
- Hạng người chơi hung, lấy sự đâm chém, đánh đá làm thích.
- Bọn Na-la quen chơi với sự tà thuật biến hoá.
- Bọn Chiên-đà-la.
- Hạng người làm sai giới luật như nuôi heo, dê, gà, chó, đi săn, chài lưới

Những người trong các giới ấy, nếu có lúc họ đến với mình, thì Bồ-tát phải vì họ mà giảng dạy cho họ nghe, lòng đừng hy vọng mong cầu một điều gì

Cũng không nên làm thân với những người cầu được làm Thanh Văn, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cũng không nên hỏi chuyện họ. Dầu ở trong phòng, dầu lúc đang đi kinh hành, dầu lúc ở giảng đường, bất luận ở đâu, không nên cùng họ đứng dừng một chỗ. Nếu gặp lúc họ đến với mình thì tùy nghi mà thuyết pháp, lòng đừng hy vọng mong cầu một điều gì.

Văn Thù Sư Lợi - Bồ-tát lại còn không nên ngó thân người nữ mà sanh lòng ham muốn rồi nói pháp cho họ nghe, cũng đừng ưa thấy nữ nhân. Khi vào nhà người, đừng nói chuyện với trẻ gái nhỏ, con gái lớn và đàn bà goá. Cũng không nên gần những người “bất nam”. Đừng một mình vào nhà

người. Nếu có duyên có cần phải vào nhà người một mình, thì phải giữ một tâm niệm Phật.

Khi nói Pháp cho đàn bà, con gái nghe, đừng cười hở răng, đừng bày hông, ngực. Thậm chí đối với người vì pháp mà đến, cũng không nên gần gũi thân mật với họ, hà huống là đối với những người đến vì chuyện khác.

Không nên thích nuôi những đệ tử ít tuổi, những sa-di trẻ con. Cũng không nên ưa dùng chúng một thầy, mà nên ưa người ngồi thiền ở chỗ vắng lặng, sửa năm tâm mình.

Đó là “thân cận xứ” thứ nhất của Bồ-tát

Lại nữa, Bồ-tát phải thấy muôn vật đều “không” như “thật tướng” không điên đảo, không động, không thối, như hư không, thấy muôn vật không có thực tánh, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, vô danh, vô tướng, thực không có gì cả, vô lượng vô biên, vô ngại, vô chướng: thấy những danh từ lời nói dùng để chỉ vật này sự nọ, đều là trái với chân lý (ngữ ngôn đoạ đoạn), chỉ vì cái nguyên nhân đảo điên nên mới thế này thế nọ. Phải vui xét cái tướng của vạn vật là như thế.

Đó là “Thân cận xứ” thứ nhì của bồ tát

3. An Lạc Hạnh: Phật nói tiếp: Sau Như Lai diệt độ, trong đời mạt pháp muốn nói kinh này, Bồ-tát phải ở yên trong “An lạc hạnh”. Nghĩa là, khi nói cũng như khi đọc kinh này, chẳng nên vừa nói đến sự sai quấy của người và của kinh điển, cũng chẳng nên có lòng khinh rẻ, kiêu ngạo đối với các Pháp sư, chẳng nên nói đến sự tốt xấu, hay dở của người khác, đối với hành Thanh Văn, chẳng nên kêu đích danh mà vạch sự sai lầm, gàn dở của họ, cũng không nên kêu đích danh mà khen tặng cái hay của họ, lại cũng không sanh tâm thù hiềm. Khéo sửa lòng cho được an lạc như vậy thì không làm nghịch lý người nghe. Còn có ai vẫn nạn thì đừng giải đáp bằng pháp Tiểu Thừa mà bằng pháp Đại Thừa, để cho người hỏi được Chánh Giác.

Bồ Tát muốn thuyết pháp phải giữ lòng an vui, trong sạch, thân thể phải tắm rửa cho sạch, mặc y mới, nói tóm là trong ngoài phải thanh tịnh, nhiên hậu mới lên ngồi pháp toà, tùy lời hỏi của người mà giảng. Đối với người vì Đạo thì đem diệu nghĩa ra mà dạy, mặt mày hoà nhã, đối với người vẫn nạn, thì tùy nghĩa mà đáp, khi thì dùng nhân duyên, khi thì dùng thí dụ mà diễn mà giải rạch ròi, để lần hồi dắt dẫn họ vào đường sáng (Phật Đạo). Tự mình, phải trừ mọi ý niệm ý lại, mọi tư tưởng lười biếng, xa lìa mọi lo nghĩ,

buồn rầu, mở rộng lòng từ, ngày đêm nói pháp để mở mắt cho chúng sanh mà không bao giờ mong cầu sự cúng dường, chỉ một lòng tưởng nhớ đến việc lấy pháp làm nhân duyên để thành Phật đạo, khiến người nghe cũng cùng một tâm niệm.

Trong thời mạt pháp, Bồ tát nào thọ trì, đọc tụng kinh này thì không nên chứa chấp sự ganh ghét, tà-vạ, khinh khi người học Phật, không làm cho hạ tu hành chán nản, cũng không nên đem Đạo Pháp ra bàn chơi, tranh cãi. Phải:

- Đối với tất cả chúng sanh, khởi lòng đại bi.
- Đối với Chư Như Lai, sanh lòng kính trọng như Cha lành
- Đối với Bồ-tát, sanh lòng tôn kính như Thầy.
- Đối với mười phương Bồ-tát, sanh lòng cung kính cúng dường.

Thực hiện đầy đủ pháp “ an lạc” thứ ba này, thì khi thuyết kinh, không làm cho người nghe hoang mang, được người cùng theo mình mà đọc tụng, còn đại chúng sẽ tới nghe lãnh lời kinh, lãnh rồi nắm giữ, giữ rồi sẽ đọc, đọc rồi sẽ thuyết, thuyết rồi sẽ chép và khiến người cùng chép.

4. Pháp Đại Bi Tâm

Lại nữa này Văn Thù ! Trong đời mạt pháp, ai là người muốn nắm giữ Kinh Pháp Hoa, phải sanh đại bi tâm đối với hàng xuất gia và tại gia. Đối với người chẳng phải là Bồ-tát (chưa tu hạnh vị tha), cũng phát đại bi tâm mà nghĩ như vậy:

Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, mà họ lại chẳng nghe, chẳng biết, chẳng tỉnh, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng giữ, thật là bất lợi vô cùng. Ngày nào ta được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sẽ dùng thần lực trí lực mà dắt dẫn họ vào ở yên trong Đạo Pháp.

Đó là pháp “ An Lạc” thứ tư.

Như Lai diệt độ rồi, Bồ-tát nào thành tựu được pháp thứ tư này thì khi thuyết Kinh Pháp Hoa, không bao giờ có sự sai lầm, mất mát. Người thế gian từ vua tới dân, sẽ cung kính cúng dường, trong hư không Chư Thiên sẽ luôn luôn hộ vệ cho. Tại sao thế? Vì kinh này được tất cả chư Phật ba đời bảo

hộ. Nay Văn Thù, trong vô lượng nước, nghe được tên kinh này còn chưa có, hà huống được thấy, được thọ trì, đọc tụng. Thí như nhà vua dẹp giặc xong, muốn thưởng công tướng sĩ, có thể cấp cho đất cát, y phục, ngọc ngà, châu báu, xe ngựa, nô tỳ, nhưng không bao giờ cho viên ngọc vô giá trên mão của vua. Như Lai cũng thế. Nhờ sức mạnh của thiên định và trí tuệ, Như Lai làm vua “nước Pháp”, thống ngự ba cõi. Vì ma vương không hàng phục nên Như Lai mới dùng Hiền Thánh làm tướng để đánh ma vương. Đối với các bậc hữu công trong trận chiến này, Pháp vương Như Lai ban cho tiền của thiên định, giải thoát, vô lậu, thành quách niết bàn, tạm nói là dịch độ, để dẫn dắt tâm họ, khiến mọi người hoan hỷ nhưng chưa vì họ mà nói Kinh Pháp Hoa. Nhưng khi binh sĩ lập được công to, nhà vua sẽ cho viên ngọc vô giá. Như Lai cũng thế, thấy đội quân Hiền Thánh đã lập được đại công chiến thắng ngũ âm ma, phiền não ma, tử ma, đã diệt ba độc, ra khỏi ba cõi phá lưới ma, nên ban cho Kinh Pháp Hoa là lời thuyết cao cả nhất của Như Lai.

---o0o---

THÂM NGHĨA

An Lạc Hạnh là việc làm đem lại sự an vui. Đạo Phật dạy tu hành nhằm đem lại cho mọi người sự an vui trong cuộc sống. Chớ Niết Bàn không phải là một “cảnh giới” xa xăm nào khác.

Ở phẩm kinh này, Phật dạy cho các Bồ-tát, cho những ai phát tâm nắm giữ, duy trì, truyền bá, giảng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa những phương cách đem lại cho mình cho người nghe đều được sự “an lạc”

Để cho sự thọ trì truyền bá giảng nói được trong sáng, cảm thông sâu sắc giữa người nói và người nghe, một Pháp sư Pháp Hoa cần lưu tâm bốn điểm. Thực hiện bốn điều này không sai phạm thì hành giả Pháp Hoa có được sự lợi ích “an lạc” trọn vẹn. Bốn điều đó là:

- Hành Xứ
- Thân Cận Xứ
- An Lạc Hạnh

· Phát Đại Từ Bi Tâm

1. Hành Xứ là những việc làm hằng ngày trong cuộc sống. Trong cuộc sống Bồ-tát thường vận dụng trí tuệ, tư duy, quán chiếu vạn Pháp trước mắt, để thể nhập “thật tướng” của các Pháp là “vô tướng”. Đối với nền giáo lý liễu nghĩa thượng thừa thậm thâm, Bồ-tát tu học, thọ trì, truyền bá không hề nhàm mỏi, không dấy niệm kinh nghi, khéo nhẫn nhục nhu hoà, không chao đảo thối thất trước nghịch cảnh, không nóng vội trước khó khăn. Bồ-tát vận dụng căn bản trí quán sát vạn pháp qua cái nhìn trực giác “vô phân biệt”, ung đúc thành thứ “Tri Kiến Vô Kiến”, xa lìa tánh “biến kế chấp” thường tình, vượt ra ý thức phân biệt “Tri Kiến Lập Tri”.

2. Thân Cận Xứ là tiêu chuẩn qui ước của Bồ-tát, của Pháp sư Pháp Hoa trên con đường tự độ hoá tha. Thân cận xứ có hai: Một là thân cận. Hai là không nên thân cận.

Nên thân cận là chỗ mà Bồ-tát có thể thân cận và những việc mà Bồ-tát nên làm. Nói rõ ra là Bồ-tát nên luôn luôn quán niệm tư duy: “Nhất thiết Pháp không”. “Nhất thiết Pháp như thật tướng”. Bồ-tát nhận thức rằng: tất cả pháp từ xưa đến nay rời ngoài ngôn ngữ, vượt ra văn tự, tuyệt đường nghĩ ngợi so lường, rốt ráo bình đẳng, thanh tịnh bản nhiên.

“...Chưa từng có một pháp

Không do nhân duyên sanh

Thế nên tất cả pháp

Không pháp nào chẳng không”

Bồ-tát thường quán sát vạn pháp với cái tánh Như Thị của chính nó. Rằng: “Tướng của nó Như Vậ. Tánh của nó Như Vậ. Thể của nó Như Vậ. Tác của nó Như Vậ. Lực của nó Như Vậ. Nhơn của nó Như Vậ. Duyên của nó Như Vậ. Quả của nó Như Vậ. Báo của nó Như Vậ. Và trước sau, từ đầu đến cuối nó vốn Như Vậ”.

Đó là những chỗ “Nên thân cận” của Bồ-tát:

Không nên thân cận là những chỗ, những người và những việc mà Bồ-tát phải tránh:

- Không nên thân cận người có quyền thế như: vua, con vua, các quan lớn , nhỏ.
- Không nên thân cận với những bọn Phạm-chí, hảo hán, bọn Ni-kiều-tử, chủ trương loã hình.
- Không nên thân cận với hàng văn nhân, thi sĩ không lành mạnh
- Không nên thân cận với hạng ngoại đạo, “ thuận thế” và “ nghịch thế”
- Không nên thân cận những người tà thuật, biến hoá huyền hoặc.
- Không nên thân cận với những người chỉ mong cầu quả vị Thanh Văn (Tiểu căn, tiểu trí, tự độ)
- Không nên thân cận với hàng quả nữ, xử nữ, và tiểu nữ
- Không nên thân cận với bọn trẻ nít và sa-di ít tuổi.

Trường hợp không đặng đừng phải tiếp xúc thân cận với những hạng người trên, vì giảng nói kinh pháp cho họ nghe, lòng đừng hy vọng cây trồng nơi họ một điều gì.

3. An Lạc Hạnh: Bồ-tát trì Kinh Pháp Hoa phải giữ tâm khinh an, thanh thoát, hoan hỉ trong lúc giảng nói, định tĩnh khi thọ trì đọc tụng và tự cảnh tỉnh!

- Không nói lỗi lầm của người khác và của kinh điển
- Không khinh khi ngạo mạn với những người tu hành khác
- Không sanh tâm oán thù, hiềm khích với mọi người
- Không chê bai hạnh tu của hàng Thanh Văn, Duyên Giác khiến cho mất niềm tin trên đường tiến lên chánh đạo.
- Nếu có người vấn nạn không giải đáp bằng pháp Tiểu thừa, phải hướng dẫn họ pháp Đại thừa, chỉ cho họ đi vào con đường “ Nhất Thiết Chúng Trí”. Đối với tất cả chúng sanh khởi lòng đại bi. Với chư Như Lai sanh lòng kính trọng như đấng cha lành. Với Bồ-tát tôn kính như Thầy. Nên khởi lòng cung kính cúng dường Bồ-tát trong mười phương.

Bồ-tát thực hiện đầy đủ pháp “ An Lạc” thứ ba này, khi thuyết giảng kinh người nghe không ngờ vực, hoang mang. Đại chúng sẽ hoan hỷ tiếp thu lời kinh ý Phật, lãnh hội nắm giữ rồi sẽ đọc, đọc rồi sẽ thuyết, thuyết rồi sẽ biên chép và khuyến khích nhiều người cùng thọ trì, đọc tụng, biên chép để lưu bố rộng nhiều.

4. Phát khởi tâm Đại Từ Bi: Bồ-tát “ trì” kinh Pháp Hoa ở vào thời mạt pháp, đối với hạng xuất gia hay tại gia nên phát khởi lòng đại từ. Đối với hạng người không phải Bồ-tát, nên sanh lòng đại bi. Bồ-tát nên nghĩ rằng: “ Như Lai vô số phương tiện tùy nghi nói pháp, thế mà họ không biết, không nghe, không tỉnh ngộ, không hiểu, không tin và không học hỏi thật là mất lợi rất nhiều. Dù vậy, ngày thành Phật, ta sẽ vận dụng sức trí tuệ dẫn dắt họ vào an trụ nơi pháp Đại thừa của Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Đây là pháp “ An Lạc” thứ tư của Bồ-tát.

Sau Như Lai diệt độ, Bồ-tát thành tựu viên mãn “ An Lạc Hạnh” thì lúc thuyết kinh sẽ không phạm phải sai lầm, người nghe sẽ đẹp lòng mà cung kính, chư thiên hoan hỷ hộ vệ cho.

Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, ở vô lượng cõi nước chưa hề nghe được tên kinh, còn nói chi đến việc thấy kinh và đọc tụng thọ trì. Ví như vị Đại quốc vương, sai binh tướng xuất quân dẹp giặc, dẹp giặc xong, để thưởng công cho tướng sĩ ba quân nhà vua có thể cấp cho nhà cửa, ruộng vườn, y phục, vàng bạc, ngựa xe... nhưng không bao giờ cho viên minh châu trên mão của nhà vua. Cho đến khi tướng sĩ lập được chiến công vô cùng hiển hách, nhà vua lúc bấy giờ mới đem viên minh châu trên mão của mình mà ban tặng. Đây là một sự kiện cả hoàng tộc và thần dân kinh dị sững sờ. Như Lai cũng vậy. Nhờ sức mạnh thiền định và trí tuệ, Như Lai làm “ vua nước pháp, điều phục và chế ngự ba cõi vì hàng phục ma quân, Như Lai dùng Hiền, Thánh làm tướng binh để đánh dẹp. Với các bậc hữu công trong trận chiến, Pháp Vương Như Lai ban cho của báu: Thiền định, giải thoát, căn, lực, vô-lậu pháp và cả thành đô Niết Bàn. Với ngàn ấy “ Thánh Tài” mọi người rất bằng lòng và hoan hỷ, Như Lai chưa vì họ mà nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Cho đến khi thấy đội quân Hiền, Thánh đã lập được công to, oanh liệt, quét sạch bọn ma quân ngũ âm, ma phiến não, ma thiên và ma tử, triệt tiêu tam độc, ra khỏi ba cõi. Bấy giờ Như Lai vui mừng, mới đem Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa ra mà trao dạy.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là tạng bí yếu của Như Lai. Đối với các kinh, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là “ thừa tối thượng”.

---000---

PHẨM 15: TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT

Lúc bấy giờ, các Bồ-tát, nguyên từ các nước phương khác lại, đông hơn cát của 8 sông Hằng, ở trong đại chúng, đồng đứng dậy chấp tay bạch Phật: “ Thế Tôn! Nếu Thế Tôn nhận lời, chúng con nguyện, sau khi Phật diệt độ, sẽ rộng nói kinh Pháp Hoa ở thế giới Ta Bà, để gia tăng tinh tấn và hộ trì những người đọc, tụng, sao, chép, cúng dường kinh này”.

Phật đáp: “ Thôi khỏi. Nay thiện-nam-tử! Không cần các con hộ trì kinh này. Vì sao? Vì thế giới Ta Bà của ta tự có Bồ-tát đông như cát của sáu muôn sông Hằng. Những Bồ-tát và quyến thuộc ấy, sau khi ta diệt độ, sẽ có khả năng giữ gìn, đọc tụng, rộng nói kinh này”.

Lúc Phật nói lời này, trong ba ngàn thiên quốc-độ ở thế giới Ta Bà, đất đều rung nứt và từ trong lòng đất, vô lượng ngàn muôn ức Bồ-tát đồng thời vọt lên. Các Bồ-tát ấy, thân như vàng ròng, đầy đủ 32 tướng tốt, sáng ánh khôn lường, trước kia trú trong hư không của chỗ thấp nhất ở thế giới Ta-bà, nay nghe tiếng của Phật Thích Ca, nên từ chỗ thấp ấy mà xuất hiện đến. Mỗi mỗi Bồ-tát đều là bậc thủ lãnh dẫn đường cho đại chúng và mỗi vị đều có hoặc 6, hoặc 5, 4, 3, 2, và một muôn Hằng sa quyến thuộc, hoặc một hằng hà sa, nửa hằng hà sa, một phần hằng hà sa hay một phần trong ngàn ức na-do-tha phần hằng-hà-sa, hoặc từ ngàn muôn ức na-do-tha sụt lần xuống cho tới một muôn, một ngàn, một trăm, mười, năm, bốn, ba, hai, một quyến thuộc đệ tử. Lại cũng có những Bồ-tát chỉ có một mình, thích hạnh “ viễn ly”. Tất cả các Bồ-tát ấy đông vô số kể.

Từ dưới đất vọt lên rồi, các Bồ-tát ấy đều đến ngọn tháp bảy báu nhiệm màu trên hư không, là chỗ Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca đang ngự, vập đầu xuống chân làm lễ, rồi lại đến toà sư tử, dưới cột báu, chỗ Phật ngồi mà làm lễ. Xong, các vị đi quanh bên mặt Phật ba vòng, rồi chấp tay cung kính chiêm ngưỡng Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca.

Từ lúc các Bồ-tát xuất hiện cho đến khi làm lễ xưng tán Phật, một khoảng thời gian trôi qua, lâu năm mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ đức Thích Ca ngồi yên nín lặng bốn hạng đệ tử cũng đều nín lặng. Nhờ sức thần Phật, đại chúng thấy 50 tiểu kiếp trôi qua như nửa ngày. Cùng một lúc và cũng nhờ sức thần Phật, bốn chúng thấy Bồ-tát đầy khắp hư không của vô lượng ngàn muôn ức quốc độ.

Trong số Bồ-tát ấy, có bốn vị đứng đầu: 1. Thượng-hạnh; 2. Vô-biên-hạnh; 3. Tịnh-hạnh; 4. An-lập-hạnh. Đồng chấp tay nhìn đức Thích Ca, bốn vị kính hỏi: “ Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn có được ít bệnh, ít buồn, và được an vui không? Những người đáng độ, có thọ giáo dễ không? Họ không có làm cho Thế Tôn mệt nhọc chứ?”

Thế Tôn nói: Đúng thế ! Đúng thế ! Nay các thiện nam tử, Như Lai an vui, ít bệnh, ít buồn, các hàng chúng sanh dễ mà hoá độ, không có mệt nhọc. Tại sao thế? Vì những chúng sanh ấy, từ trước đến nay, đời đời thường được ta hoá độ cho và chính họ cũng đã cung kính tôn trọng chư Phật trong thời quá khứ và trông các gốc lành. Các chúng sanh ấy, thấy thân ta, nghe tiếng ta nói, là liền tin lãnh và nhập vào tuệ Phật, trừ những người trước đã tu tập theo Tiểu thừa. Đối với hạng người này, ta cũng sẽ khiến cho nghe được kinh Diệu Pháp Liên Hoa và đi vào tuệ Phật.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di Lặc cùng tám ngàn hàng sa Bồ-tát trong Pháp hội đều thầm lấy làm lạ việc vô số Bồ-tát đã từ đất vọt lên. Muốn giải nghi cho tất cả và cho riêng mình, Bồ-tát Di Lặc bạch Phật: “ Nguyện Thế Tôn cho chúng con biết, vô lượng Bồ-tát này từ đâu mà đến và nhóm họp để làm gì? Ai đã thuyết pháp giáo hoá cho các vị? Các vị theo ai mà phát tâm, đã thọ trì và thực hành kinh điển thế nào? Lại tu tập Phật đạo nào mà có sức trí thần thông to lớn như thế? Bạch Thế Tôn, chúng con chưa từng thấy một việc như vậy. Con thường đi qua nhiều nước, gặp gỡ nhiều người, chưa hề biết một vị trong số Bồ-tát ấy. Vậy kính xin Thế Tôn nói cho con biết các Bồ-tát ấy ở nước nào đến mà hốt nhiên từ đất vọt lên”.

Cùng lúc ấy, các phân thân Phật Thích Ca từ vô lượng ngàn muôn ức cõi khác đồng đến ngồi xếp bằng trên toà sư tử, dưới các cội cây báu trong tám phương. Những thị giả của các phân thân Phật Thích Ca cùng bạch hỏi về lai lịch của các Bồ-tát từ đất vọt lên. Chư phân-thân Phật đáp: “ Bồ-tát Di Lặc đã hỏi Phật Thích Ca. Phật sẽ đáp. Vậy hãy chờ !”

Khi ấy Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ-tát Di Lặc: “ Hay thay lời hỏi của Di Lặc ! Ta sẽ tuyên bày trí tuệ, thần thông, sức mạnh và uy thế của chư Phật, vậy hãy một lòng và tinh tấn nghe ta nói”.

Sau khi nói một bài kệ lập lại lời vừa nói, Thế Tôn kêu Bồ-tát Di Lặc nói: “ Những Bồ-tát đông vô số kể đã từ đất vọt lên, đều do ta giáo hoá chỉ dẫn, sau khi ta đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất cả đều là bậc đã điều phục tâm mình, lòng sanh ý đạo, và ở trong hư không phía dưới thế giới Ta-bà. Tất cả đã từng đọc tụng thông suốt kinh điển, phân biệt trong chỗ nghĩ suy và sửa cho ngay thẳng những nhớ tưởng của mình. Nay Di Lặc, các Bồ-tát ấy không thích ở chỗ đông người, ồn ào, mà thường ưa ở nơi vắng lặng, siêng tu tinh tấn, chưa hề ngơi nghĩ lại cũng không dừng bước ở cấp Nhân, Thiên mà thường thích được trí tuệ thâm sâu, không còn vướng phải một chướng ngại nào. Lại cũng thường vui nơi pháp Phật, một lòng tinh tấn cầu tuệ Vô Thượng.

Bồ-tát Di Lặc và vô số Bồ-tát, lòng sanh nghi hoặc, tự hỏi: “ Làm thế nào trong khoảng thời gian ngắn mà Thế Tôn giáo hoá được một số Bồ-tát đông như thế?” nghĩ xong bèn bạch Phật: “ Bạch Thế Tôn, từ ngày còn là Thế-tử bỏ cung điện ra đi, rồi đến khi ngồi dưới cội bồ-đề đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, từ ấy đến nay, vừa hơn bốn mươi năm, vậy làm thế nào trong khoảng thời gian ngắn ấy Thế Tôn lại giáo hoá cho vô lượng vô biên Bồ-tát ấy được? Vì muốn thành tựu như Bồ-tát ấy phải là người trong ngàn muôn ức kiếp, trông các căn lành ở vô lượng vô biên nước Phật và thường tu phạm hạnh. Thế Tôn thì thành đạo đến nay chưa bao lâu, các Bồ-tát kia thì phải tu hành trong vô lượng kiếp mới đặng thần thông lớn như vậy. Thế thì làm sao hiểu được câu chuyện cha trẻ con già này? Riêng chúng con một lòng tin Phật, vì Phật không bao giờ nói ngoa, nhưng các Bồ-tát mới phát tâm tu hành, sau Phật diệt độ, có thể không tin lời Phật dạy. Vậy kính xin Thế Tôn giải nghi cho hàng mới phát tâm này, để họ khỏi phải đoạ vào nẻo ác.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Để được sáng nghĩa hơn, ta có thể gọi tiêu đề của phẩm kinh này là Bồ-tát Tùng Địa Dũng Xuất. Nội dung phẩm kinh nói về một sự kiện lạ lùng: Bồ-tát từ dưới đất hiện ra.

Chữ Địa ở đây nên hiểu là Tâm Địa, là cõi Đất Tâm của chính con người. Bồ-tát bốn nguyện, bốn hạnh, bốn thế đều phát xuất từ tâm địa mà ra, chớ không do ở tha nhân hay tha phương mà đến.

Phật từ chối hảo ý giúp đỡ của chư Bồ-tát ở mười phương, đông hơn số cát của 8 con sông Hằng. Điều đó cho thấy ý nghĩa: “ Cầu người không bằng cầu ở mình”. Tha lực sẽ vô ích, nếu không có sự cố gắng của tự lực.

Phật giới thiệu cõi Ta-bà tự có Bồ-tát đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng và vô số quyến thuộc đủ sức hộ trì, đọc tụng, giảng nói kinh Pháp Hoa, sau Phật diệt độ. Điều này dạy cho chúng ta hãy dựa vào tự lực phát huy cái khả năng trí tuệ nghị lực của chính ta. Tự lực là chánh nhơn, quyết định để cải tạo và xây dựng chơn hạnh phúc cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội. Ở đây cho sự giải thoát giác ngộ của mình. Sự giúp đỡ của tha nhân dù nhiệt thành đến đâu vẫn là hữu hạn. Chỉ có sự cố gắng của sức mình mới đạt đến mục đích, đáp ứng thoả mãn trọn vẹn ý chí hoài bảo của mình. Con số Bồ-tát tình nguyện giúp đỡ hộ trì chỉ ngang số cát của 8 con sông Hằng thôi. Trong khi đó, Phật cho biết số Bồ-tát tự có ở cõi Ta-bà nhiều như số cát của sáu muôn sông Hằng và mỗi Bồ-tát còn có thêm vô số quyến thuộc. Cán cân lực lượng nghiêng nặng về bên tự lực gấp mấy vạn lần.

Nếu tự mê mờ không biết mình có tâm Bồ-tát thì hạnh Bồ-tát dù có sẵn ở nội tâm, cũng không có môi trường xuất hiện. Nếu có tự giác, biết mình có tâm Bồ-tát, thì Bồ-tát hạnh tùy đó mà xuất hiện ra. Đó là chỗ kinh nói: Phật vừa giới thiệu cõi Ta-bà tự có Bồ-tát thì Bồ-tát từ Đất hàng hàng xuất hiện.

“Kim sanh tiệm tu quyết đoán, tướng liệu bất do biệt nhơn” của Tổ Quy Sơn dạy, phát xuất từ ý kinh này. Đừng mơ mộng viễn vông. Thực tế, bạn phải định đoạt số phận bạn, chớ không do ai khác. Bạn phải phát huy cái tinh thần độc lập tự do ở trong bạn, cái Phật tánh vốn có, cái tự tánh Niết Bàn ở trong bạn. Nó là của chính bạn đó.

- Có độc lập tự do về kinh tế, chính trị mới có chơn hạnh phúc cho một dân tộc
- Có độc lập tự do về kiến thức và tài chánh, mới có chơn hạnh phúc cho đôi vợ chồng trẻ xây dựng tổ ấm cho một gia đình
- Có độc lập tự do trong tự lực cánh sinh, mới có chơn hạnh phúc cho người có chí vá trời lấp biển.

- Có độc lập tự do trong giác ngộ giải thoát, mới có chân hạnh phúc cho người quyết tâm đi con đường Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hai mươi lăm thế kỷ trước, Phật dạy: Hãy trông cậy vào sức mình là chính, đừng trông cậy ở nơi ai khác.

Vàng y 24 là thứ vàng trợn vện chất vàng. Nó không thể là đồng, là thau và không bị “Ô-xi hoá” cháy ngảm như các kim loại khác. Mượn tánh chơn thường bất hoại của vàng ròng để ví đức tánh tự giác sẵn có, Bồ-tát tâm, Bồ-tát hạnh sẵn có ở tâm địa mọi người. Đức tánh đó, khi mê nó không mất đi đâu, khi ngộ cũng không phải mới có. Nó là đức bất hoại chơn thường như vàng ròng kia vậy. Do vậy mà thân Phật là thân Bồ-tát là “thân kim sắc”.

Có người hỏi: Thế thì Bồ-tát tâm, Bồ-tát hạnh, là đức tánh vốn có của con người. Vậy sao từ trước cũng như nay, tôi vẫn là một chúng sanh đau khổ?

Đáp rằng: vàng vốn có ở trong quặng, mà chưa phát hiện quặng vàng. Phát hiện quặng vàng rồi cần phải nấu lọc, mới có được vàng y tinh chất. Không có hai điều kiện trên đó, thì vàng có cũng như không có vậy.

Bồ-tát xuất hiện, công việc trước tiên đến viếng Tháp và ra mắt hai Như Lai: một quá khứ và một hiện tại. Tiêu biểu ý nghĩa: Rằng người phát tâm hành Bồ-tát hạnh, công việc trước hết quay về với thi giác và bản giác của chính mình, cũng có nghĩa là quay về với Phật phát thường trụ ở trong khoảng không gian vô tận và thời gian vô cùng, quay về chân lý vậy.

Các Bồ-tát lễ tháp, ra mắt hai Như Lai và các phân thân Phật mười phương nhóm họp, nói lên ý nghĩa: Bồ-tát là Nhân Địa. Nhân Địa luôn luôn hướng lên quả địa. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là cái quả mà chư Bồ-tát cần đạt đến. Ngoài ra, Bồ-tát không mong cầu gì khác. Mong cầu khác là sai lạc mục tiêu, nguy hiểm đó.

Thời gian nửa ngày, năm mươi tiểu kiếp, năm mươi tiểu kiếp chừng nửa ngày, xét cho tốt lý, nó không còn là vấn đề giải thích “vì sao?”. Bởi lẽ sự kiện ấy diễn ra không đặt trong bối cảnh hiện tượng vật chất thì dựa vào đâu để ấn định tiêu chuẩn thời gian! Chi tiết đoạn kinh này, xác định rõ cái lý: Phật và Bồ-tát được nêu trong phẩm “Bồ-tát Tùng Địa Dũng Xuất” là những đức tính tượng trưng cho sự giác ngộ. Sự giác ngộ đó, nhờ sức thần Phật mà được thấy, được nghe, chứ không phải ở nơi cảnh thực. Do đó, ta có thể hiểu: Phật là Phật Tâm. Bồ-tát là Bồ-tát Tâm vốn có ở cõi đất tâm của mọi người vậy.

Nói đến Bồ-tát là nói đến hạnh, nói đến sự thể hiện của việc làm tự-lợi lợi-tha tự-giác giác-tha. Vì hạnh tức là hành vậy. Không làm một việc làm nào là không có hạnh. Không hạnh, ý nghĩa Bồ-tát không có, dù đã có thọ giới Bồ-tát rồi. Do đó, Bồ-tát dù nhiều vô lượng vô số, nhưng để có thực nghĩa, Bồ-tát phải được thể hiện qua những hạnh sau đây:

1. Thượng-hạnh: Hạnh hướng thượng. Phải thường tư duy và hành động trong chiều hướng trong sáng, cao đẹp hướng lên giải thoát, giác ngộ hoàn toàn.

2. Tịnh-hạnh: Hạnh thanh tịnh. Luôn luôn phát triển mặt tích cực: Thầy biết chơn chánh, suy nghĩ chơn chánh, nói năng chơn chánh, hành động chơn chánh, siêng năng chơn chánh, định tâm chơn chánh.

Hạn chế mặt tiêu cực! Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Phẫn, hận, phú, nã, tật, xan, cuồng, xiêm, hại, kiêu, vô tầm, vô quý, điều cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Những vô minh phiền não này nên cải tạo hoà bình có lợi hơn là dụng tâm thô bạo đàn áp diệt trừ:

“ Ngũ uẩn phù hư không khứ lai

Tam độc thuỷ bào hư xuất một...”

Ngũ uẩn thân, vốn đã huyễn hư, vô minh phiền não lại càng huyễn hư hơn nữa.

3. Vô-biên-hạnh: Hạnh rộng lớn. Lấy việc hoằng truyền chánh pháp làm việc nhà, lấy việc lợi lạc chúng sanh làm sự nghiệp. Vượt ra sự ràng buộc của ích kỷ hẹp hòi. Phá vỡ tường thành kiên cố “ chấp ngã” “ chấp pháp”.

4. An-lập-hạnh: Hạnh đứng vững. Lấy giải thoát giác ngộ làm mục tiêu. Lấy Văn-Tư-Tu làm phương tiện. Chống bát phong làm hành động. Dĩ từ bi vi thất. Nhu hoà nhẫn nhục vi y. Nhất thiết pháp không vi toà...

Như Lai thì bao giờ cũng an vui và ít bệnh, ít não Như Lai đã xác định với Bồ-tát như thế. Vì, Như Lai là bản thể như như của vạn pháp, dù tùy duyên mà vẫn thường hằng bất biến.

Có chúng sanh nào mà chẳng sống ở tâm Như Lai của mình. Như Lai có lúc nào chẳng gần gũi giáo hoá chúng sanh khi chúng sanh chưa thành được Phật.

Chúng sanh dù có si mê đen tối đến đâu, cũng có những phút giây thức tỉnh. Dù làm nhiều tội ác nhưng rồi cũng có khi làm được ít nhiều việc thiện. Thế là đã trồng căn lành cội đức ở các Phật quá khứ rồi. Thế nên Như Lai cũng chẳng khó lắm trong việc giáo hoá chúng sanh.

Dù ai có hẹp hòi tiêu cực, một khi giác ngộ cũng sẽ vượt lên sống đời sống tích cực vô ngã vị tha được. Kinh nói: Những người Tiểu thừa Phật cũng khiến cho họ nghe học kinh điển Đại Thừa.

Những yếu tố nào làm nên thành quả Bồ-tát ở cõi Ta-bà?

- Phật dạy: Sở dĩ Bồ-tát cõi Tabà thành tựu được thắng quả như thế là do:

- Bồ-tát trụ ở cõi hư không, phía dưới cõi Ta-bà. Trụ giữa hư không, có nghĩa là không trụ vào một pháp hữu vi nào.
- Đọc kinh điển nhiều, suy nghĩ kỹ, nghĩ tưởng chơn chánh.
- Không thích ở chỗ đông, nói nhiều, nói nhảm, nói thị phi vô ích.
- Thích chỗ tịch tĩnh, thường tinh tấn, không giải đáp pháp lành.
- Ham trí tuệ rộng sâu. Không thích nương Người, Trời.
- Thường ham pháp Phật, cầu tuệ Vô Thượng.

Qua các kinh luận, Bồ-tát Di Lặc là đức hiệu được biểu trưng cho Thức. Khác hơn Bồ-tát Văn Thù được biểu trưng cho Trí. Nhận thức sự kiện bằng thức thì không thể hiểu được sự kiện: Bồ-tát từ đất xuất hiện ra.

Nhận thức sự kiện bằng thức thì Phật Thích Ca thành đạo mới hơn 40 năm, làm gì có thể giáo hoá hàng Bồ-tát có thành tích tu tập và phước đức tương đương với Tam-a-tăng-kỳ! Vì thế, nảy sanh ý nghĩ: “ Con già cha trẻ” cầu Phật nói rõ nguồn cơn...

Để tháo gỡ mối nghi ngờ, Phật nói rõ về tuổi thọ của Như Lai ở phẩm Như Lai Thọ Lượng, thứ 16 tiếp sau.

PHẨM 16: NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Bấy giờ đức Phật Thích Ca bảo các Bồ-tát và đại chúng: “ Các người hãy tin lời chân thật của Như Lai”! Nói xong, Phật lập lại hai lần câu nói đó.

Đứng đầu các Bồ-tát đã ba phen câu thỉnh, đức Phật nói: “ Hãy nghe đúng như sự thật, sức mạnh thần thông bí mật của Như Lai. Tất cả thế gian, trời , người cùng A-tu-la đều nói rằng Phật Thích Ca, rời cung họ Thích, đến thành Già-da cách đó không xa, ngồi nói đạo tràng, chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng này các thiện nam tử, ta từ thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp đã trôi qua. Giả sử có người đem năm trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ tam-thiên đại-thiên thế-giới, tán nhỏ thành bụi, rồi đem hạt bụi ấy đặt nơi hướng Đông, sau khi vượt qua năm trăm ngàn vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ nước. Đặt xong, trở lại lấy một hạt khác và cũng đem đặt ở hướng Đông y như trước, cho đến khi nào số bụi nói trên bị dời đi hết. Này các thiện nam tử, ý các người thế nào? Có thể tưởng tượng , đếm, tính số thế giới trên đó các hạt bụi được đặt lên không?”

Bồ-tát Di Lặc và tất cả đều bạch: “ Thế Tôn các thế giới ấy vô lượng vô biên, làm sao đếm tính cho được, cũng không thể dùng sức tâm mà tưởng tượng được. Tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến bậc “ vô lậu” A-la-hán còn không thể suy tưởng được con số thế giới ấy, huống chi chúng con mới là “ a-bệ-bạt-trí” thì làm sao biết được.”

Đức Phật nói: “ Này các thiện nam tử, ta sẽ nói rạch ròi cho các người nghe. Cứ kể mỗi hạt bụi là một kiếp, thì từ ta thành Phật đến nay, số kiếp trôi qua còn nhiều hơn số trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ hạt bụi ấy. Từ ấy tới nay, ta luôn ở tại thế giới Ta-bà thuyết pháp, giáo hóa, lại cũng ở nơi khác tại trăm ngàn muôn ức na-do-tha nước, dắt dẫn chúng sanh một cách ích lợi. Này thiện nam tử, trong khoảng thời gian đó, ta có nói Phật Nhiên Đăng... và cũng nói có chư Phật nhập Niết Bàn, nhưng tất cả đều là phương tiện mà phân biệt nói có thành Phật, có nhập Niết Bàn. Này các thiện nam tử, nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta ở, ta lấy Phật nhãn xem coi các căn của chúng sanh ấy nhứt bèn thế nào, rồi theo đó mà độ. Mỗi nơi, ta tự xưng với những danh hiệu bất đồng và cho biết tuổi tác lớn nhỏ cũng khác, lại nói sẽ nhập Niết Bàn và còn dùng nhiều phương tiện khác để nói bày pháp vi

diệu, hầu làm cho chúng sanh phát tâm hoan hỷ. Nay các thiện nam tử, vì thấy chúng sanh thích nơi “ tiểu pháp”, đức mỏng, phiền não dày cho nên Như Lai phải vì hạng ấy mà nói rằng ta lúc trẻ xuất gia, rồi đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thật ra từ ta thành Phật đến nay, lâu hơn thời gian ấy nhiều. Đây chẳng qua là phương tiện mà nói như vậy thôi, để giáo hoá chúng sanh và khiến họ nhập Phật đạo. Nay các thiện nam tử, kinh điển của Như Lai nói ra đều nhằm chỗ độ thoát chúng sanh. Khi thì nói về thân mình, khi thì nói về thân người khác, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người khác, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người khác, nhưng dầu trong trường hợp nào, tất cả lời của Như Lai đều chân thực, chẳng dối. Tại sao vậy? Vì đúng như thật, Như Lai thấy tướng của ba cõi không có sanh tử, không lui không xuất, không ở đời mà cũng không diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải khác, chẳng phải ba cõi mà thấy có ba cõi. Các việc như thế, Như Lai thấy rõ, không bao giờ có sự sai lầm. Nhưng vì chúng sanh tâm tánh khác nhau, cho nên phải dùng nhân duyên, thí dụ, lời nói khác nhau để thuyết pháp khiến họ sanh căn lành. Những việc Phật làm (Phật sự) chưa từng dùng bỏ. Như vậy, từ ta thành Phật đến nay, thật rất lâu xa, còn thọ mạng thì dài vô lượng a-tăng-kỳ kiếp và luôn luôn thường trú bất diệt. Nay các thiện nam tử, những việc làm theo Bồ-tát đạo của ta, đến nay chưa phải là hết, vì vậy, thọ mạng của ta còn dài gấp mấy lần con số nói trên. Tuy nhiên dầu chưa thực diệt độ, ta vẫn nói là sẽ diệt độ, để làm phương tiện giáo hoá chúng sanh. Tại sao vậy? Vì nếu Phật ở lâu tại thế thì hạng đức mỏng không chịu trông căn lành, cứ giữ mãi thói bần cùng, hạ-tiện, tham đắm năm món dục lạc (tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ). Đã mắc vào lưới nhớ tưởng vọng kiến mà nếu thấy Như Lai ở đây mãi mãi không diệt độ, thì làm sao không sanh kiêu mạn, phóng tâm, giải đãi, và như vậy thì không tương đến và cũng không sanh lòng cung kính Phật như một bậc khó gặp.

“ Nay các Tỳ-kheo, nên biết chư Phật xuất thế là điều khó gặp. Vì sao? Những người đức mỏng trải qua vô lượng trăm ngàn ức kiếp, có khi gặp Phật mà có khi cũng không gặp. Vì vậy cho nên ta nói Như Lai khó thấy. Nghe lời nói này, chúng sanh tất nghĩ đến lẽ ngàn năm một thủa mà sanh lòng luyến mộ khao khát mà trông căn lành. Bởi có, tuy không thật diệt độ, mà vẫn nói là diệt độ. Lại nữa, nay thiện nam tử, Pháp của chư Phật Như Lai cũng vậy, đều chân thực, không hư dối và chỉ có một mục đích là đưa dắt chúng sanh. Thí dụ có một ông thầy thuốc giỏi, trí tuệ sáng suốt, phương dược khéo luyện, bệnh nào cũng trị hết, nhà con cái rất đông. Gặp lúc ông có việc phải đi ra nước ngoài, các con ở nhà uống phải thuốc độc, con diên nổi lên, té nằm xuống đất. Ngay lúc đó, ông cha về đến nhà. Các con của

ông, có đũa mất tâm, có đũa còn tâm. Nhưng khi thấy cha về, tất cả đều vui mừng, quỳ lạy chào hỏi và thưa : “rằng vì ngu si nên uống phải độc dược , xin cha cứu tử”. Cha thấy con khổ não như vậy, bèn theo các phương đã kinh nghiệm mà chế thuốc, màu sắc hương vị đều tốt đẹp và bảo các con uống: “Đây là lương dược, mùi ngon sắc đẹp, các con hãy uống đi thì sẽ mau trừ khổ não và bao nhiêu khổ hoạn sẽ không tái phục”. Những đũa không mất tâm nghe xong liền uống và dược hết bệnh. Còn những đũa mất tâm, tuy thấy cha cũng vui mừng, cầu xin chữa bệnh, nhưng thuốc thì không chịu uống. Vì sao? Vì bị độc thấm sâu, đã mất tâm trí rồi, cho nên thuốc ngon sắc đẹp lại cho là không ngon không đẹp. Ông cha thấy vậy mới suy nghĩ: Những đũa con này mới đáng thương, thấy cha vui mừng cầu cứu, nhưng khi cho thuốc lại không chịu uống. Ấy cũng vì bị chất độc cho nên tâm trí đều điên đảo. Vậy phải dùng chước mới được. Nghĩ xong ông mới nói rằng: “ Cha nay già yếu, sắp chết nay mai, có mấy món thuốc hay để lại, các con nên giữ mà dùng, khỏi sợ làm thuốc dở. Nói rồi ông bỏ nhà ra đi qua nước khác và cho người về báo tin ông đã chết. Hay tin dữ, các con mất tâm của ông mới nghĩ, cha lành đã chết thì nay còn ai đâu mà cứu hộ cho mình ! Vì thường nhớ thương như thế, tâm bèn tỉnh ngộ, biết thuốc của cha để lại là hay, liền lấy ra dùng, bao nhiêu độc bệnh đều lành hết. Nghe tin này, ông cha trở về xử cho con cái thấy mặt.

“ Nay thiện nam tử, các người nghĩ thế nào? Nói dối như ông lương y kia, có phải là một tội không?”

“ Bạch Thế Tôn, không”

Đức Phật nói: “ Ta cũng thế. Từ thành Phật đến nay, vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, nhưng vì muốn cứu độ chúng sanh, cho nên phương tiện mà nói là sẽ diệt độ. Như vậy đối với sự thật, cũng không thể nói rằng ta đã phạm tội nói sai, nói dối”.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Lời nói của Như Lai quyết định phải là lời chắc thật. Vậy mà trước khi nói về Như Lai Thọ Lượng Phật phải ba lần nhắc nhở: “ Bồ-tát các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”. Bởi vì nói về số lượng tuổi thọ của Như Lai là một sự kiện khó tin đối với thường tình và vì vậy mà trở thành một sự kiện vô cùng quan trọng.

Nói về số lượng tuổi thọ của Như Lai cũng có nghĩa là nói đến sự thường hằng vĩnh cửu của Pháp thân Phật, của Như Lai Viên Giác Diệu Tâm vậy. Còn Thích Ca Mâu Ni là ứng thân Phật, thọ lượng đó không tương quan gì với Như Lai Thọ Lượng ở phẩm kinh này.

Một con số vượt ngoài tính đếm, chỉ có thể dùng từ: bất-khả-thuyết, bất-khả-thuyết, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp để nói. Thế mà Phật nói: Từ ta thành Phật nhân lại, lâu hơn số đó trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp. Từ đó đến nay, ta thường ở cõi Ta-bà nói pháp giáo hoá và cũng ở trong trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ cõi nước khác dắt dẫn lợi ích chúng sanh. Ở chặng giữa đó, ta nói Phật Nhiên Đăng... xuất thế, và các Phật Niết Bàn.. đó là ta dùng phương tiện phân biệt mà nói như vậy.

Đúng như định nghĩa ở kinh Bát Nhã Kim Cương: Như Lai giả tức chư pháp như nghĩa, Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược toạ, nhược ngoạ, thị nhơn bất năng giải ngã sở thuyết nghĩa. Như Lai giả vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai: Như Lai là bản thể chơn như của các Pháp. Nếu ai nói Như Lai có đến, có đi, có ngồi, có nằm, người đó không hiểu gì về Như Lai cả. Như Lai đi không chỗ từ, đến không chỗ tới. Như Lai vô thi vô chung. Phải hiểu Như Lai qua Pháp thân thường trụ mà Đa Bảo Phật tượng trưng Pháp thân Như Lai thường trụ về mặt thời gian. Vô lượng vô số phân thân Phật Thích Ca đầy khắp hằng hà sa cõi nước mười phương, tượng trưng Pháp thân Phật thường trụ về mặt không gian vậy.

Với nhận thức thông thường, đại biểu là Bồ-tát Di Lặc, chỉ biết Như Lai qua bát tướng thành đạo của Phật Thích Ca cho nên nảy sinh nghi vấn: “cha trẻ con già”. Nhận thức bằng trí, hiểu Như Lai qua Viên Giác Diệu Tâm thì “cha không trẻ” mà rất già. Già với một số lượng tuổi thọ không ngôn từ tính đếm được.

Vì chúng sanh ưa pháp nhỏ (tiểu thừa) phước mỏng, tội dày, đáp ứng tâm hiểu biết của chúng sanh, Như Lai nói: Lúc trẻ có xuất gia rồi được thành đạo chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sự thật, Như Lai dùng phương tiện giáo hoá chúng sanh mà nói như vậy thôi. Kinh điển của Như Lai nói ra vì độ thoát chúng sanh. Hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người. Lời nói của Như Lai đều thật chẳng dối. Vì Như Lai nhận thức tam giới đúng như thật: không có sanh tử, không vào không ra, cũng không có người đời và người diệt độ. Nó chẳng phải thật, chẳng phải hư,

chẳng phải như, chẳng phải dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy ba cõi. Các việc như thế, Như Lai thấy rõ không sai lầm. Chúng sanh có nhiều căn tánh, nhiều mong muốn, nhiều nét hạnh khác nhau, Như Lai vận dụng nhưn duyên, thí dụ, lời lẽ thuyết pháp làm Phật sự rồi nói có xuất gia, thành đạo, chuyên pháp luân và nhập Niết Bàn. Sự thực từ Như Lai thành Phật đến nay, thật lâu xa, thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thường còn chẳng mất.

Như Lai nói: Như Lai sẽ diệt độ là để cho những chúng sanh giải đãi lưu tâm khởi ý tưởng khó gặp, sanh lòng cung kính tinh tấn tu hành cũng như vị lương y cắt thuốc rồi đi, để cho bệnh nhân không ỷ lại nơi thầy mà quý thuốc vậy.

Để tóm lược nghĩa trên đức Như Lai nói kệ:

Từ ta thành Phật lại

Trải qua các kiếp số

Vô lượng trăm nghìn muôn

A-tăng-kỳ ức năm

Thường nói pháp giáo hoá,

Vô số ức chúng sanh

Khiến vào nơi Phật đạo

Đến nay vô lượng kiếp

Vì phổ độ chúng sanh

Phương tiện hiện Niết Bàn

Mà thiệt chẳng diệt độ

Thường nơi đời nói pháp

Ta thường ở nơi đây

Dùng các sức thần thông

Khiến chúng sanh điên đảo
Dù gần mà chẳng thấy
Chúng thấy ta diệt độ
Siêng cúng dường xá lợi
Họ thường ôm luyến mộ
Mà sanh tâm khát ngưỡng
Chúng sanh ý chất trực
Đã tin phục nhuyển nhuần
Một lòng muốn thấy Phật
Chẳng tự tiết thân mạng
Giờ đây cùng chúng Tăng
Đều ra khỏi Linh Thứu
Ta nói với chúng sanh
Thường ở đây chẳng diệt
Vì dùng sức phương tiện
Hiện diệt mà chẳng diệt
... Người chất trực nhu hoà
Có tu các công đức
Thì đều thấy thân ta
Ở tại đây nói pháp
... Các ông người có trí

Chớ ở đây sanh nghi
Nên dứt hẳn nghi ngờ
Lời Phật thật không dối
Nhu lương y chước khéo
Nhằm cứu trị cuồng tử
Thiệt còn mà nói chết
Nhưng, không là nói vọng...

---o0o---

PHẨM 17: PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Khi đó, Thế Tôn bảo Bồ-tát Di Lặc: “Này A-dật-đa! Lúc ta nói về thọ mạng lâu dài của Như Lai, thì có:

- Sáu trăm tám muôn ức na-do-tha Hằng sa chúng sanh được “Vô sanh pháp nhẫn”.
- Một số đại Bồ-tát ngàn lần gấp đôi được môn “văn trì đà-la-ni”.
- Một số đại Bồ-tát đông như một thế giới vi trần được “nhạo thuyết vô ngại biện tài”.
- Một số đại Bồ-tát đông như một thế giới vi trần được trăm ngàn muôn ức vô lượng môn “triền đà-la-ni”.
- Một số đại Bồ-tát đông như vi trần của tam thiên đại thiên thế giới chuyển được “pháp luân bất thối”.
- Một số đại Bồ-tát đông như vi trần của nhị thiên quốc độ chuyển được “pháp luân thanh tịnh”.
- Một số đại Bồ-tát đông như vi trần của tiểu thiên quốc độ, trong 8 đời tái sanh, sẽ được “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

- Một số đại Bồ-tát nhiều như vi trần của bốn tứ thiên hạ, trong bốn đời tái sanh, sẽ được “ Chánh Đẳng Chánh Giác”
- Một số đại Bồ-tát nhiều như vi trần của ba tứ thiên hạ, trong ba đời tái sanh, sẽ được “ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”
- Một số đại Bồ-tát nhiều như vi trần của hai tứ thiên hạ, trong hai đời tái sanh, sẽ được “ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”
- Một số đại Bồ-tát nhiều như vi trần của một tứ thiên hạ, trong một đời tái sanh, sẽ được “ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”
- Một số chúng sanh nhiều như vi trần của tam thế giới, đều phát tâm “ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”

Đức Phật nói xong, một trận mưa hoa báu từ hư không rơi xuống trên vô lượng trăm ngàn muôn ức Phật ngồi trên toà sư tử, dưới cội cây báu, trên đức Phật Thích Ca và đức Phật Đa Bảo đang ngồi trong tháp bảy báu, và trên tất cả Bồ-tát và bốn bộ chúng. Lại có trận mưa hương bột chiên đàn, hương trầm thủy, và trống trời tự vang. Lại có trận mưa thiên y và trên không thòng xuống các thứ chuỗi ngọc, các lò hương báu đốt hương vô giá để cúng dường đại chúng.

Trên mỗi đức Phật có các Bồ tát tay cầm phan lọng, trước sau lên đến trời Phạm-thiên, dùng âm thanh vi diệu, ca vô lượng bài kệ tán thán chư Phật.

Khi ấy Bồ-tát Di Lặc đứng dậy lễ Phật rồi nói một bài kệ nhắc lại và xưng tụng những lời Phật vừa dạy.

Bồ-tát Di Lặc nói kệ xong, Phật nói: “ Này A-dật-đa ! Chúng sanh nào nghe Phật thọ mạng lâu dài như thế mà chỉ sanh được một niềm tin tưởng, thì đặng công đức không thể hạn lượng. Công đức này lớn lao cho đến nỗi đem công đức tu 5 Ba-la-mật đầu (Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định) trong 80 muôn ức na-do-tha kiếp ra so sánh thì trong muôn ức ngàn phần công đức tu Ba-la-mật không kịp một. Lại nữa ai được công đức tin tưởng như trên thì không bao giờ thối bước trên đường dẫn đến Chánh Giác.

Sau khi nói một bài kệ lập lại ý trên, đức Phật nói tiếp: “ Này A-dật-đa ! Người nào nghe nói về thọ mạng lâu dài của Phật mà hiểu được cái ý thú trong lời nói đó, thì người ấy được công đức vô lượng, lại có thể phát khởi trí tuệ vô thượng của Như Lai. Huống là người hiểu rộng nghe nhiều về

kinh Pháp Hoa, hoặc bảo người nghe hoặc tự thọ trì, hoặc tự chép ,hoặc bảo người chép, hoặc dùng mọi thứ hương hoa ... cúng dường kinh. Người ấy đặng công đức vô biên có thể sanh “ nhất thiết chủng trí”.

“ Này A-dật-đa ! Còn thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe ta nói mà sanh lòng tin hiểu chắc về thọ mạng lâu dài của Phật, thì người ấy ắt thấy Phật thường trụ tại Kỳ-xá-quật nói Pháp cho các Đại Bồ-tát và Thanh Văn vây quanh nghe. Chẳng những thế mà còn thấy đất cõi Ta-bà bằng lưu ly, mặt liền bằng phẳng, tám nẻo rào bằng dây vàng ròng, bảy cây báu và lâu đài cũng đều bằng bảy báu hợp thành, trong có Bồ-tát ở. Ai mà quán tưởng được như thế, thì nên biết đó là biểu hiện của một lòng tin tưởng sâu sắc.”

“ Lại nữa, sau khi Phật diệt độ, ai nghe kinh này mà không chê bai, sanh lòng tuy hỉ, thì đó cũng là biểu hiện của một lòng tin hiểu sâu chắc. Còn đi đọc, tụng, lãnh , giữ kinh này, thì người đó đầu đội Như Lai.”

“ Này A-dật-đa ! Tin hiểu được như thế, thì không cần vì ta mà dựng chùa tháp, cũng không cần cất tăng phường và dùng “tứ sự” cúng dường chúng tăng. Vì sao? Vì thọ trì, đọc, tụng được kinh này là đã dựng tháp, tạo lập tăng phường, là đã dùng hương hoa, chuỗi ngọc, tràn phan, kỹ nhạc... tán thán chư Phật trong muôn ngàn ức kiếp rồi.”

“ Này A-dật-đa ! Thọ, trì, đọc, tụng kinh này được công đức như thế, hà huống còn tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn , thiền định và trí tuệ, thì công đức này không còn gì hơn”

“ Nếu thọ trì, đọc tụng kinh này mà còn tạo tháp, xây dựng tăng phường, cúng dường, khen ngợi chúng Thanh Văn và Bồ-tát, hoặc giải nói Kinh Pháp Hoa rồi còn thanh tịnh trì giới, nhẫn nhục, quý việc ngồi thiền, tinh tấn mạnh mẽ, căn lành trí sáng, thì đó là những người đã đến Đạo tràng, gần ngồi dưới cội cây Đạo để chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”

Tới đây, đức Phật nói một bài kệ nhắc lại ý trên.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Diệu Pháp Liên Hoa kinh được liệt vào hệ tư tưởng tối thượng thừa trong Phật giáo. Các nhà Phật học uyên thâm còn phê phán: Tư tưởng Pháp Hoa vị trí của nó không những ở vào Đại Thừa Viên Giáo mà còn siêu viên giáo

nữa. Đây là hệ tư tưởng vôi vôi: “Độc diệu thuần viên” . Thế mà tiêu đề của phẩm kinh này lại là Phân biệt công đức . Nếu là thức giả, nghe bằng nhĩ căn đượm ướt giáo lý Bát Nhã không tôn, đáng chẳng nghĩ ngợi lăm sao?

Xin đáp: Phân biệt để không còn gì phân biệt. Phân biệt để chỉ con đường thẳng tắt, để dẫn đến mục đích cứu cánh cuối cùng, để hết đi, hết đến, hết làm, để “rời” tất cả. Phân biệt công đức ở đây là nhằm mục tiêu đó.

Vậy phân biệt công đức là công đức gì?

- Công đức về vấn đề Thọ Mệnh Như Lai ấy. Phật nói về Thọ Mệnh Như Lai, vậy có thể hiểu và tin nổi hay không? Phẩm phân biệt, phân biệt rằng: Hiểu ít thì lợi nhỏ, hiểu vừa thì lợi vừa, hiểu nhiều lợi lớn, hiểu kỹ quả vị cao, hiểu sâu giải thoát trọn vẹn, hiểu đúng giác ngộ hoàn toàn, thường thọ dụng vật chất của mình, ở trong đó kinh hành và nằm ngồi trong lòng Phật:

... Phật tử trị thử địa

Thị tắc Phật thọ dụng

Thượng tại ư kỳ trung

Kinh hành cập tọa ngoạ...

Sau khi được nghe về Thọ Mệnh Như Lai , đại chúng tùy căn tánh để thể nhập và phát khởi lòng tin. Kết quả, đức Phật cho biết có:

- Sáu trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sanh được vô sanh pháp nhẫn
- Bội hơn nghìn lần Đại Bồ-Tát, được môn Văn trì đà-la-ni
- Nhiều như vi trần của một thế giới Đại Bồ-tát, được nhạo thuyết vô ngại biện tài.
- Nhiều như vi trần của một thế giới Đại Bồ-tát được vô lượng môn đà-la-ni.
- Nhiều như vi trần của tam thiên đại thiên thế giới Bồ-tát, chuyển được pháp luân bất thối.

- Nhiều như vi trần của nhị thiên quốc độ Đại Bồ-tát, chuyển được pháp luân thanh tịnh.
- Nhiều như vi trần của tiểu thiên quốc độ Đại Bồ-tát tám đời, sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Nhiều như vi trần của bốn tứ thiên hạ Đại Bồ-tát, bốn đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Nhiều như vi trần của hai tứ thiên hạ Đại Bồ-tát, hai đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Nhiều như vi trần của một tứ thiên hạ Đại Bồ-tát, một đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
- Nhiều như vi trần của tám thế giới chúng sanh, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật vừa nêu kết quả lớn lao trên, tức thì một trận mưa hoa, mưa hương báu từ không trung rơi xuống cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật ngồi ở tòa sư tử dưới cội cây báu. Thích Ca và Đa Bảo Như Lai ngồi trong tháp báu, cùng có vô lượng Bồ-tát và tứ chúng đông vây. Các Bồ-tát cầm phan lọng, dùng âm thanh vi diệu ca ngâm vô lượng bài kệ tán thán chư Phật...

Như ta thấy, đại chúng nghe Thọ Mệnh Như Lai, tùy tin hiểu, kết quả đã lớn lao. Phật nói lại cái kết quả lớn lao kia kết quả còn lớn lao hơn nữa. Sự cúng dường: mưa hoa, mưa hương, mưa thiên y, mưa trầm thủy, chiên đàn, chuỗi ngọc, trời kỹ nhạc, âm thanh tán thán... Cho ta thấy ai nghe hiểu được Như Lai Thọ Mệnh, người đó sẽ hiểu được Như Lai thường trụ trong thời gian vô tận, không gian vô cùng. Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai, không còn là vấn đề “khác ông”, “khác Phật” nữa. Một Phật có đủ 3 đời Phật. Ba đời Phật ở trong một Phật. Cho nên một thời cúng dường. Chỉ một thời thôi đủ cả tam thế Phật: Quá Khứ (Đa Bảo), Hiện Tại (Thích Ca), Vị Lai (Bồ-tát và tứ chúng).

Phân biệt công đức để chỉ cho chúng sanh, cho Phật tử về cái nhận thức, cái hiểu, cái tin đúng chánh pháp, đúng chân lý sẽ đem lại kết quả vô cùng to lớn như vậy. Ngoài ra còn những công đức cũng cần phân biệt sau:

- Công đức của người nghe rồi sanh một niềm tin hiểu.

- Công đức nghe mà hiểu ý thú lời nói của Phật.
- Công đức của người nghe rồi sanh lòng tin sâu hiểu chắc.
- Công đức của người nghe rồi tùy hỉ sau Như Lai diệt độ.

Nghe thọ mệnh Phật mà tin hiểu cũng không thối thất đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Công đức của người tu năm độ trước của lục độ, trải qua vô lượng đời, nhưng so với công đức của người tin hiểu thọ mệnh Như Lai thì không bằng một phần tỷ, cho đến không tỷ lệ được. Tại sao vậy? Tại vì chưa có tuệ. Không có tuệ thì cách Phật còn xa. Còn người tin hiểu Thọ mệnh Như Lai là mầm trí tuệ đã nảy nở rồi, cho nên công đức lớn.

Nghe Thọ mệnh Như Lai mà hiểu ý thú, người này có thể sanh trí tuệ Như Lai vô thượng. Nếu thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói cúng dường kinh, có thể sanh Nhất thiết chủng trí.

Hiểu thế nào thì được gọi là hiểu ý thú? Hiểu ý thú là hiểu rằng: Như Lai là Như Lai Viên Giác Diệu Tâm. Tâm đó tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, là tâm mẫu nhiệm, tròn đầy giác ngộ. Thọ lượng của nó thì vô thi vô chung, vì không sanh không diệt. Nói thọ lượng Như Lai kỳ thật chính là nói thọ lượng của tâm. Tâm đó lại là tâm vốn có của tất cả chúng sanh. Cũng có thể gọi nó là Phật tri kiến, là thường trụ chơn tâm là Phật tánh là Bát Nhã thật tướng của mọi người. Hiểu ý thú như vậy rồi... thì... chợt thấy rằng: Ta là Phật! Phật ở lòng ta! Bây giờ trí tuệ Như Lai Vô Thượng và Nhất thiết chủng trí đồng một thời sanh đầy đủ ở nơi ta vậy.

Nghe Thọ mệnh Như Lai sanh lòng tin hiểu chắc thì người đó thấy Phật thường ở núi Kỳ-xà-quật cùng chúng Bồ-tát Thanh Văn nói pháp. Lại thấy cõi Ta-bà không ô uế nữa. Đất bằng lưu ly, câu báu ngang hàng, lâu đài báu nguy nga. Vàng Diêm phù làm lan can trang trí khắp tám nẻo đường đẹp đẽ...

Nghe qua rất huyền hoặc ! Có thật vậy không? Nếu không thì Phật nói dối? Nếu thật thì thật thế nào?

Đó là sự thật. Nhưng sự thật phải được hiểu như vậy:

Người học Đại thừa tuệ, luôn luôn quán chiếu, từ quán chiếu đi đến chiếu kiến, thấy rõ rằng: Phật là thường trụ. Pháp là thường trụ. Tạng là thường trụ. Đó là thập phương thường trụ Tam bảo ở ngoài. Chẳng những vậy, còn

phải biết cho thật rõ rằng: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ vốn có ở tâm mình và từ đó hiểu rằng:

“ Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mịch Bồ-đề

Kháp như cầu thế giốc”

Nghĩa là:

Phật và Pháp ở tại thế gian

Thành Phật, không xa rời thế gian

Xa rời thế gian, mong cầu quả Phật

Giống như tìm sừng thỏ lông rùa.

(Kinh Pháp Bảo-Đàn)

Không tư duy quán chiếu như vậy, không tin và hiểu như vậy, thì suốt đời dù có tu hành ép xác, khổ thân huỷ thân, rốt cuộc không đem lại kết quả gì. Bởi vì sai lạc chánh như thành Phật thì không sao thành Phật được, cũng như đem cát nấu hy vọng thành cơm, không làm sao có cơm được!

Cõi Ta-bà vốn không ứ tịnh. Tịnh hay ứ do tâm mê ngộ của con người. Mùa Xuân vốn chẳng vui buồn, vui buồn do tâm trạng người nhìn xem cảnh vật:

“ Vui Xuân vui khắp phương trời.

Buồn Xuân riêng để cho người tương tư”

(Nguyễn Du)

Sau Như Lai diệt độ, ai nghe Thọ Mệnh Như Lai mà sanh lòng tùy hỷ, đó là biểu hiện lòng tin sâu chắc. Nếu phát tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói thì người này luôn luôn có Như Lai bên cạnh.

Ta có tâm Như Lai thì ta là Như Lai. Ta là Như Lai thì trên đầu , trên cổ, bên cạnh, trên toàn thân có Như Lai cũng không là việc khó hiểu nữa.

Người nông dân gieo hạt, ương mầm, trồng cây để mong ngày thu hoạch được trái chín. Trái chín đã thu hoạch, có nghĩa là thời kỳ gieo hạt, ương mầm, trồng cây, người nông dân đã làm tốt trước đó rồi.

Tất cả sự cúng dường Tam Bảo dù nhỏ dù lớn, dù ít dù nhiều, nhằm gieo hạt giống giải thoát giác ngộ, trở về Như Lai Phật của mình. Nay hiểu được, hiểu kỹ, hiểu chắc, hiểu đúng về Thọ Mệnh Như Lai có nghĩa là tự biết, tự thể nhập Phật mình, chính mình là Phật thì không cần cúng dường Tam Bảo nữa, vì được xem đã cúng dường viên mãn lắm rồi vậy.

---o0o---

PHẨM 18 : TÙY HỈ CÔNG ĐỨC

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di Lặc bạch Phật: “ Thê Tôn ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe kinh Pháp Hoa mà lòng vui đẹp (tùy hỉ) thì những người ấy đặng bao nhiêu phước đức?”

Phật bảo Bồ-tát Di Lặc: “ A-dật-đa ! Sau Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng hạng người trí khác, nghe kinh này mà lòng vui đẹp, rồi từ trong pháp hội ra đến chỗ khác, hoặc tại nơi chư Tăng ở, hoặc chỗ vắng vẻ, hoặc nơi thành ấp, đường sá, xóm làng, ruộng rẫy, đem điều đã nghe, tùy sức mà diễn thuyết cho cha mẹ, họ hàng, thiện hữu cùng nghe, rồi những người này nghe xong dạy cho người khác. Những người khác nghe xong, dạy cho những người khác nữa, như vậy cho tới người thứ năm mươi.

Này A-dật-đa ! Công đức nghe kinh vui đẹp của hàng thiện nam tử, nữ nhân thứ năm mươi đó sẽ được như lời ta sắp nói đây, người hãy lắng nghe.

Nếu có người làm hạnh bố thí, ban cấp những thứ cần dùng ngọc ngà, châu báu, voi ngựa, xe cộ, cung điện, lầu gác cho vô lượng chúng sanh trong vô số thế giới, suốt một thời gian là 80 năm. Tài thí như vậy xong rồi, vị thí chủ ấy lại nghĩ đến việc đem Phật pháp ra mà dạy dỗ diu dắt chúng sanh lúc ấy đã già suy, tuổi quá 80, tóc bạc mặt nhăn, không bao lâu sẽ chết. Vị thí chủ ấy liền nhóm chúng sanh giáo hoá, khiến chúng đặng quả Tu-đà-hoàn,

Tur-đà-hàm, A-na-hàm hoặc A-la-hán. Ý ông nghĩ sao? Công đức của vị đại thí chủ đó có nhiều chăng?

Bồ-tát Di Lặc bạch Phật: “ Thế Tôn ! Công đức của người ấy nhiều vô lượng vô biên. Chỉ việc tài thí thôi đã là vô lượng rồi, hà huống còn pháp thí đến đặng quả A-la-hán”.

Phật bảo Bồ-tát Di Lặc: “ Ta rành nói người nghe nhé ! Công đức của vị thí chủ ấy không bằng một trong trăm ngàn muôn ức phần công đức của người thứ năm mươi nghe Kinh Pháp Hoa mà lòng vui đẹp.

Này A-dật-đa ! Người nghe kinh Pháp Hoa thứ 50 mà còn được công đức tùy hỷ vô lượng vô biên như thế, huống hồ hạng người nghe kinh lúc ban sơ ngay trong Pháp hội.

Này A-dật-đa ! Nếu có người vì lòng muốn nghe kinh này mà đến chùa, hoặc ngôi, hoặc đứng, dầu trong chốc lát để nghe nhận lời , người ấy có những công đức nhờ đó mà sẽ tái sanh trong cảnh giàu có rồi sau lại lên thiên cung.

Còn người nào, trong chỗ giảng kinh mà biết khuyên người đến sau ngồi nghe, hoặc chia chỗ ngồi thì người ấy, khi chuyển thân, đặng chỗ ngồi của Đế Thích, Phạm Vương hay Chuyển Luân Thánh Vương.

A-dật-đa ! Nếu lại có người giới thiệu và khuyến khích người khác nghe giảng kinh Pháp Hoa, và người được khuyến nhận lời đến nghe, dầu trong chốc lát, thì người giới thiệu và khuyến khích đặng công đức, khi chuyển thân, cùng sanh một nơi với hàng Bồ-tát, đầy đủ “ tổng trì”, căn tánh bén nhạy, có trí tuệ, trăm ngàn muôn đời chẳng hề ngọng câm, miệng lưỡi không hôi thối, môi răng tốt đẹp, mặt mày đoan trang, mũi lớn cao thẳng.

A-dật-đa ! Người thử xem: khuyến một người đi nghe Pháp mà được công đức như thế, hà huống một lòng nghe, nói, đọc, tụng Kinh Pháp Hoa, lại trong đám đông vì người giải thích và tu hành đúng như lời nói trong kinh”.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Khi thấy người khác làm một điều gì mà mình đồng ý vui mừng tán thán hỗ trợ, gọi đó là tùy hỉ. Tùy hỉ cũng có thể là tùy hỉ thiện và cũng có thể là tùy hỉ ác. Về hành động thiện cũng như hành động ác, kinh điển thường chia: Hoặc tự-tác hoặc giáo-tha-tác, hoặc kiến-tác tùy hỉ, có nghĩa là hoặc tự mình làm, hoặc bảo người làm, hoặc thấy ai làm tùy hỉ tán thành. Tùy hỉ tác là gián tiếp giáo-tha-tác; giáo-tha-tác là gián tiếp tự-tác. Thế nên tùy hỉ cũng có thể mắc tội lớn, nếu tùy hỉ với những điều ác, người ác. Tùy hỉ kinh điển Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là một tùy hỉ thiện, tùy hỉ với chân tâm, với Phật tri kiến mình, nên phước đức lớn lao, không thể dùng ngôn từ tán thán, dùng tỉ lệ so sánh được.

Vậy tùy hỉ là tùy hỉ những gì ở kinh Diệu Pháp Liên Hoa?

Tùy hỉ rằng: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là Kinh Đại Thừa viên giáo liễu nghĩa. Ba đời chư Phật chỉ nói kinh Pháp Hoa trước giờ phút sắp nhập Niết Bàn để rồi thọ ký cho tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật. (Phẩm Tựa thứ 1)

Tùy hỉ rằng: Chư Phật Như Lai ra đời chỉ vì một đại sự nhân duyên:

- Giới thiệu (Khai) tri kiến Phật của chúng sanh cho chúng sanh biết.
- Chỉ (Thị) tri kiến Phật của chúng sanh cho chúng sanh thấy.
- Hướng dẫn chúng sanh hiểu kỹ (Ngộ) về tri kiến Phật của mình
- Dạy cho chúng sanh sống bằng (Nhập) tri kiến Phật của mình vốn có. Vì vậy, kinh nói: “ Tất cả chúng sanh đã thành Phật” (Phẩm Phương Tiện thứ 2)

Tùy hỉ rằng: Giáo lý của ba đời chư Phật đều dạy cho chúng sanh pháp Nhất Thừa. Hễ tu hành là thành Phật. Thanh Văn, Duyên Giác thừa chỉ là xe dê, xe nai; Ông Trưởng Giả phương tiện nói đó thôi. (Phẩm Thí Dụ thứ 3)

Tùy hỉ rằng: Phật và chúng sanh cùng ở một nguyên quán: Như Lai viên giác diệu tâm; cũng như đứa con hoang cùng ông Trưởng giả vốn là cha con ruột, cùng ở trong cảnh gia đình một cự phú hào. Con vì bỏ cha, bỏ nhà đi hoang nên đói khổ lang thang lưu lạc. Ngày trở về nhận được cha, thì con hưởng trọn cái gia tài cự-phú-hào vô tận ấy. Chúng sanh không biết mình có

Phật chất đành cơ cực sống với tâm trạng đau khổ của vô minh. Ngày tỉnh ngộ quay về sống bằng tri kiến Phật của mình thì Bồ-đề Niết Bàn là sự nghiệp chung mà tất cả chúng sanh có quyền thừa hưởng trọn. (Phẩm Tín Giải thứ 4)

Tuỳ hi rằng: Sự thật trước sau, Phật chỉ dạy cho tất cả đệ tử của mình về phát Đại Thừa. Nhưng tuỳ căn cơ chủng tánh, nghe ra có Tiểu, có Trung, có Đại khác nhau. Như một trận mưa tuôn chỉ có một vị đượm nhuần mát mẻ, thế mà cây cỏ thụ, cây lựu, cây lê, cây lúa mạ tuỳ sức hấp thụ mà giống cây có to, có vừa, có bé không đồng. (Phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5)

Tuỳ hi rằng: Ông Xá-lợi-phất là người đầu tiên trong hàng Thanh Văn được thọ ký thành Phật. Giờ đây ông Đại-ca-diếp, ông Tu-bồ-đề, ông Ca-diên-chiên, ông Mục-kiền-liên cũng được thọ ký thành Phật. Vì sự thọ ký không phải là sự thi ân riêng lẻ của Phật dành cho người đệ tử dễ thương nào. Cũng không phải là lời tiên tri may rủi hay ước lượng, dự đoán, phỏng chừng. Mà thọ-ký là nói lên một sự thật tất yếu tất nhiên vốn vậy của tất cả mọi người. Cho nên rồi đây 500 đại đệ tử cũng sẽ được thọ ký. Những người hữu học, vô học cũng được thọ ký. Nói thẳng ra, tất cả chúng sanh đều được thọ ký thành Phật với cái vốn liếng Phật tánh sẵn có của mình. (Phẩm Thọ Ký thứ 6, 8, 9)

Tuỳ hi rằng: Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là kinh giáo Bồ-tát pháp, Phật sở hộ niệm. Tu học Diệu Pháp Liên Hoa kinh, mới đi cuối con đường Phật, mới đến nơi Bảo-sở. Không tu học kinh Pháp Hoa, dù có được Niết Bàn nhưng đó là hoá thành, đó là quyền biến phương tiện của một đạo sư... (Phẩm Hoá Thành Dụ thứ 7)

Tuỳ hi rằng: Những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói, và tuỳ hi kinh Diệu Pháp Liên Hoa đều được gọi là Pháp sư. Họ không phải là người thường, vì người thường không thể nghe, không thể chấp nhận nổi kinh này. Họ là những người được Phật thọ ký thành Phật, được Như Lai lấy y mà trùm, lấy tay mà xoa đầu. Họ là sứ giả Như Lai. (Phẩm Pháp Sư thứ 10)

Tuỳ hi rằng: Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ, Đa Bảo Như Lai và Tháp là Phật phát thường trụ về mặt thời gian. Phân-thân Phật nhiều bất khả thuyết, bất khả thuyết vô lượng vô biên a-tăng-kỳ hằng hà sa của Thích Ca Mâu Ni Phật và cây báu... là Phật pháp thường trụ về mặt không gian đó... (Phẩm Hiện Bảo Tháp thứ 11)

Tuỳ hi rằng: Đề-bà-đạt-đa thuộc hạng “ Nhứt xiển đề” mà được thọ ký thành Phật, thì tất cả chúng sanh không phải “ Nhứt xiển đề” thừa khả năng tu hành thành Phật. Long nữ thành được Phật thì tất cả người nữ thừa khả năng tu hành thành Phật. (Phẩm Đề-bà-đạt-đa thứ 12)

Tuỳ hi rằng: Trì kinh Pháp Hoa ở cõi Ta-bà có khó khăn nhưng có sức cố gắng, có khả năng, có phát tâm dũng mãnh vẫn làm được, như Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết đã phát nguyện trì. (Phẩm Trì thứ 13)

Tuỳ hi rằng: Hành xứ, thân cận xứ, an lạc hạnh, đại bi tâm là bốn điều kiện cần có để cho Pháp sư Pháp Hoa hoàn thành công hạnh tự lợi, lợi tha viên mãn. (Phẩm An Lạc Hạnh thứ 14)

Tuỳ hi rằng: Khả năng tu tập của mình là nhân tố quyết định thành công. Đừng hy vọng trong nhờ ở tha nhân nào khác. Nếu có sự giúp đỡ của tha nhân bằng tám lần thành công, thì sự cố gắng nỗ lực của mình gấp 12 vạn lần hơn hảo ý của tha nhân cảm tình giúp đỡ. Phải phát triển nghị lực sẵn có của chính mình và sự thật, mỗi người đều có khả năng nghị lực đó. (Phẩm Bồ-tát Tùng Địa Dũng Xuất thứ 15)

Tuỳ hi rằng: Thọ Mệnh Như Lai vĩnh cửu ở thời gian vô tận, không gian vô cùng. Vì “ Như Lai giả tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược toạ, nhược ngoạ, thị nhơn bất năng giải ngã sở thuyết nghĩa. Như Lai giả vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai”. (Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 16)

Tuỳ hi rằng: Hiểu kỹ, hiểu đúng, ý thú về Như Lai Thọ Lượng tức là hiểu kỹ, hiểu đúng về Phật tánh, về Như Lai Viên Giác Diệu Tâm của mình.

Phát hiện trong quặng có vàng, sẽ nấu lọc quặng để lấy vàng. Biết mình có Như Lai Viên Giác Diệu Tâm sẽ gạn lọc căn bã vô minh để lấy Phật tánh. (Phẩm Phân Biệt Công Đức thứ 17)

Tuỳ hi rằng: Nghe Kinh Pháp Hoa mà sanh tâm vui mừng, tâm đắc là người không phải tầm thường. Nghe rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói và tuỳ hi, khuyến khích cho nhiều người cùng nghe, cùng tu học là Bồ-tát hạnh đã trưởng thành vượt bậc rồi. Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác với người này chẳng còn xa. Người này đang ngồi toà Bồ-đề dưới bóng cây đạo. (Phẩm Tuỳ Hi Công Đức thứ 18)

Tuỳ hi rằng: Kinh Pháp Hoa là kinh tối tôn tối thượng. Những người thọ trì, đọc học, biên chép, giảng nói, và vui mừng tâm đắc với Kinh Pháp Hoa sẽ được công to và phước đức rất nhiều. Tất cả đều được tôn vinh là “Pháp sư”.

Pháp sư Pháp Hoa là người có thể có được “Lục căn thanh tịnh” mà không cần thay đổi, huỷ bỏ “lục căn vốn có của cha mẹ sanh ra”.

“Lục căn thanh tịnh” thì “lục trần” “lục thức” của Pháp sư Pháp Hoa cũng đều được thanh tịnh như vậy. (Phẩm Pháp Sư Công Đức thứ 19)

Tuỳ hi rằng: Câu nói của Bồ-tát Thường Bất Khinh : “Tôi không dám khinh các Ngài, rồi đây tất cả các Ngài đều sẽ làm Phật”. Câu nói đó là một âm vang sấm sét, réo gọi, thức tỉnh những ai còn mê mèm mơ hồ về Tri Kiến Phật và khả năng thành Phật của mình. Trong tất cả thứ ngạo nghễ, khinh khi, khinh khả năng thành Phật của mình là thiệt thòi lớn lao hơn hết. Chàng Cùng-Tử sở dĩ đối khổ lang thang chỉ vì “khinh mình”, vì không nhận biết ở vạt áo mình có viên ngọc minh châu vô giá. Ngày phát hiện ra viên bảo châu là ngày mình trở thành cự phú nhất đời. (Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát thứ 20)

Tuỳ hi rằng: Phật chỉ là một con người. “Thành Phật” là người đạt đến đỉnh cao vô thượng của trí tuệ. Nhận thức bằng “Phật tuệ” thì “Pháp giới bất nhị”. Quán sát bằng “Phật nhãn” thì “Pháp giới nhất chân”.

Ngày thành Phật là ngày toàn thân con người trở thành một khối “trí tuệ” sáng suốt vén tan hết bóng tối vô minh trong mười phương quốc độ. Kinh nói: “Toàn thân Như Lai từng lỗ chân lông, phóng hào quang...” (Phẩm Như Lai Thân Lục thứ 21)

Tuỳ hi rằng: Giá trị Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ngang bằng với giá trị của quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Giữ gìn Kinh Pháp Hoa là giữ gìn quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Truyền bá Kinh Pháp Hoa cho tất cả chúng sanh tức là truyền trao quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho chúng sanh vậy.

Kinh Pháp Hoa là nền giáo lý cô đọng của công trình tu tập trải qua trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ kiếp mà nên, tu học kinh Pháp Hoa tức là tu học về “Nhất thiết trí”, “Vô sư trí”, “Tự nhiên trí” và “Phật tuệ vô thượng”.

Là Bồ-tát , đệ tử Phật gần gũi, đọc học, biên chép, giảng nói và truyền bá Kinh Pháp Hoa là cách đền đáp thâm ân Phật cao quý nhất

“ Trong tất cả cung cách cúng dường, cúng dường “ Pháp” là ưu việt hơn hết” (Phẩm Chúc Lũy thứ 22)

Tuỳ hi rằng: Ví như người bệnh phải cầu thuốc để trị bệnh. Người tu tự coi mình là người đang mắc phải chứng bệnh vô minh. Muốn trị dứt chứng bệnh vô minh phải trải qua quá trình điều trị bằng “ thuốc Pháp” . “ Vi-rút chấp ngã” và “ chấp pháp” là loại “ vi-rút” cực kỳ nguy hiểm. Từ đó sanh nhiều biến chứng: “ tam độc”, “ ngũ cái”, “ thập triền” khiến cho chúng sanh đắm chìm lặn hụp trong ái hà, khổ hải, ưu bi..

Muốn được giác ngộ và giải thoát phải bồi dưỡng thiện pháp lâu dài cũng như phải hoá giải diệt trừ ác pháp lâu dài và cuối cùng phải tiêu hoá chúng với thời gian lâu dài cho đến khi nào cái chất “ ngã tướng”, “ nhân tướng”... tàn rụi hết mới thôi... (Phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự thứ 23)

Tuỳ hi rằng: Hễ sử dụng Phật tuệ thì “ Pháp giới bất nhị” cho nên thế giới “ Nhất Thiết Tịnh Quang trang nghiêm” của đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí hiệnra không xa.

Diệu Âm Bồ-tát là “ nhân cách hoá” cái “âm thanh màu nhiệm của cõi lòng thanh tịnh.” Do vậy, khi cõi lòng thanh tịnh thì “ cõi đất tâm” đẹp đẽ trang nghiêm thanh tịnh.

Diệu Âm Bồ-tát đến cõi Ta-bà thì cõi Ta-bà đẹp đẽ trang nghiêm thanh tịnh. Diệu Âm Bồ-tát trở về bản độ thì cõi Ta-bà trở lại trạng thái uế độ như cũ. (Phẩm Diệu Âm Bồ Tát Vãng Lai thứ 24)

Tuỳ hi rằng:

Diệu Âm, Quán Thế Âm

Phạm Âm, Hải triều âm

Thắng bi thế gian âm

Thị cố tu thường niệm

Niệm niệm vật sanh nghi

Quán Thế Âm tịnh thánh

Có nghĩa là Diệu Âm Quán Thế Âm. Quán Thế Âm tức Diệu Âm, chỉ khác ở chỗ Diệu Âm có lúc đi đến, có lúc trở về còn Quán Thế Âm thì giữ lại không đến không đi. Do vậy, niệm Quán Thế Âm liên tục là cách tu ưu việt hơn hết. Cho nên “Quán Thế Âm là Thánh của sự thanh tịnh”.

“... Phật xuất Ta-bà giới

Thử phương chân giáo thể

Thanh tịnh tại âm văn

Dục thử tam-ma-đề

Thực tụng văn trung nhập”

(Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn thứ 25)

Tuỳ hi rằng: Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là tạng bí yếu của chư Phật. Tu học theo kinh Pháp Hoa là tu học viên giáo liễu nghĩa thượng thừa. Sống theo Kinh Pháp Hoa là sống theo chân lý, sống đúng chân lý. Vì vậy mà các hàng Bồ-tát, Thiên Vương, Ma Vương, phát nguyện đem hết khả năng mình để hộ trì kinh, bảo hộ cho những ai thọ trì đọc tụng, truyền bá kinh bằng những “Đà-la-ni” mà họ có.

“Đà-la-ni” là một thứ ngữ ngôn phủ định ngữ ngôn. Thứ ngữ ngôn “ngôn ngữ đạo đoạn”. Thứ ngữ ngôn nhằm đưa hành giả Pháp Hoa lên đỉnh cao “tâm hành xứ diệt”. (Phẩm Đà-la-ni thứ 26)

Tuỳ hi rằng: Bồ-đề tự tánh, ai cũng có thể trở về để thành Phật, nhưng việc thành Phật không mong cầu nóng vội, mà phải đoạn trừ phiền não có quá trình, chứng nhập “ pháp thân” từng phần, sự giác ngộ giải thoát tiệm tăng từng mức độ. Vua Diệu Trang Nghiêm cách đây vô lượng kiếp, nay là Hoa Đức Bồ-tát. Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, xưa kia nay là Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng

Ở phẩm “ Tựa” thứ nhất, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh vốn là một nhà vua có tám người con. Nhà vua xuất gia tu thành Phật, sau đó độ cho tám người con ở trong Phật pháp làm nhiều phật sự.

Ở phẩm “ Diệu Trang Nghiêm Vương bốn sự” thứ 27, Tịnh Tạng và Tịnh Nhân hai người con xuất gia hành đạo chứng đắc tự tại thần thông rồi độ cho vua cha xuất gia tu hành thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Cải tạo A-lạ-da trước, chuyên hoá tiền thất thức sau hoặc chuyên hoá tiền thất thức trước, cải tạo A-lạ-da sau. Cách tu nào cũng đem lại kết quả được, tùy căn tánh của mỗi người. (Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự thứ 27)

Tuỳ hỉ rằng: Thọ trì, đọc, học Kinh Pháp Hoa là bồi dưỡng cái trí “ năng tri”. Dem lại cho con người sự giải thoát, giác ngộ cốt yếu là ở nơi cái đức “ năng hành”.

Bồ-tát Đại Trí Văn Thù tiêu biểu cho cái trí “ năng tri” xuất hiện ở phẩm thứ nhất để khai đạo giáo nghĩa Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ-tát Đại Hạnh Phổ Hiền cuối cùng mới xuất hiện để động viên tinh thần “ hành giả Pháp Hoa” với cái nhan đề “ Phổ Hiền khuyến phát” thứ 28.

Điều đó nói lên: Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa không phải là thứ kinh để cho mọi người đọc tụng được phước, hợp nhất mới đem lại kết quả lớn lao.

Tóm lại, Tuỳ Hỉ Kinh Pháp Hoa có nghĩa là vui mừng chấp nhận nội dung, tư tưởng toàn bộ giáo lý của hệ tư tưởng Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa để làm kim chỉ nam cho tiến trình tu tập của mình và trọng yếu đạt đến thành công là : “ Tri hành hợp nhất”. (Phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Pháp thứ 28).

---o0o---

PHẨM 19: PHÁP SỰ CÔNG ĐỨC

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Thường Tinh Tấn: Nếu có trai lành gái tith nào lãnh giữ kinh Pháp Hoa này bằng cách đọc, tụng, giảng nói hoặc biên chép thì người đó:

- Về mắt sẽ được 800 công đức.
- Về tai sẽ được 1.200 công đức.
- Về mũi sẽ được 800 công đức.
- Về lưỡi sẽ được 1.200 công đức.
- Về thân sẽ được 800 công đức.
- Về ý sẽ được 1.200 công đức.

Dùng những công đức ấy mà trang nghiêm, bồi dưỡng, cải tạo sáu căn, thì sáu căn được thanh tịnh.

1. Nhãn căn công đức: Đôi mắt thịt cha mẹ sinh ra, khi thanh tịnh, thì thấy được tất cả núi rừng, sông biển trong ba ngàn đại thiên thế giới, thấp đến địa ngục A-tỳ, cao đến cõi trời hữu đánh, cũng thấy được các chúng sanh trong các thế giới ấy, cùng những nghiệp nhân, nghiệp quả và những nơi sanh do quả báo định. Tất cả những sự việc ấy đều thấy, đều biết với đôi mắt thanh tịnh của mình.

2. Nhĩ căn công đức: Đôi tai cha mẹ sanh ra, khi thanh tịnh, nghe được tất cả các thứ tiếng khắp ba ngàn đại thiên thế giới, như:

- Tiếng voi, ngựa, trâu, xe (thú vật)
- Tiếng khóc la, buồn than
- Tiếng trống, tiếng loa, chuông lớn, chuông nhỏ.
- Tiếng cười, tiếng nói
- Tiếng trai, tiếng gái, tiếng con nít, nam nữ.
- Tiếng pháp, tiếng chẳng phải pháp.
- Tiếng khô, tiếng ướt
- Tiếng phàm phu, tiếng thánh nhân.
- Tiếng đáng vui, tiếng chẳng đáng vui.
- Tiếng trời, tiếng rồng, tiếng các hàng A-tu-la.
- Tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió.

- Tiếng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Tiếng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật.

Tóm lại, tuy chưa được thiên nhĩ, nhưng với đôi tai của cha mẹ sanh ra mà thanh tịnh thì tất cả các thứ tiếng trong ngoài ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe được và phân biệt từng loại nhưng không vì đó mà “nhĩ căn” bị hư hoại.

3. Tỷ căn công đức: Thọ trì Kinh Pháp Hoa thì mũi được thanh tịnh, nhờ đó mà “nghe” được cá thứ mùi trong ba ngàn đại thiên thế giới và phân biệt được:

- Mùi các thứ hoa tu-mạn-na, xà-đề, mật-lợi vv...
- Mùi các thứ hoa sen xanh, vàng, trắng, đỏ.
- Mùi cây có hoa, mùi cây có trái.
- Mùi các thứ hương

Lại rõ biết các thứ mùi chúng sanh như:

- Mùi thú vật (voi, ngựa, dê, trâu ...)
- Mùi trai, gái, rừng bụi, hoặc xa hoặc gần.
- Các mùi cây, hoa trên trời
- Mùi nhân dân cõi trời ở các cung điện hưởng phước, hoặc ở diệu pháp đường nói pháp, hoặc khi dạo chơi.

Lại cũng nghe được:

- Mùi hương của chư thiên đốt
- Mùi Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát và Phật.

“Nghe” nhiều như thế, nhưng tỷ căn không bị hư và không làm lộn. Nếu muốn phân biệt nói cho người khác nghe thì ghi nhớ không sai.

4. Thiện căn công đức: Trì kinh Pháp Hoa thì lưỡi được thanh tịnh, nhờ đó mà:

- Cuối cùng không thọ ác vị.
- Tất cả các thức uống, ăn, xấu tốt, ngon dở, đắng chát đều biến thành vị ngon ngọt như cam-lộ.
- Thuyết pháp nói đến chỗ thâm diệu, thấu đến tâm người nghe, khiến họ vui mừng sướng thích và cảm hoá được chư Thiên và A-tu-la, hàng tu hành giàu có, sang trọng.
- Vì khéo nói Pháp nên được hàng quyền quý, nhân dân theo hầu cúng dường và được chư Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Phật ưa thích và người nói pháp khéo ấy ở đâu thì được chư Phật xoay về phía đó mà nói pháp, nương đó mà có khả năng thọ trì tất cả các pháp Phật, lại có thể nói ra tiếng pháp thâm diệu.

5. Thân căn công đức: Trì Kinh Pháp Hoa, sau khi Phật diệt độ thì thân được trong sạch như ngọc lưu ly, làm cho chúng sanh ưa nhìn xem. Như mảnh gương sáng, thân ấy là thân thanh tịnh của Bồ-tát, trong đó có các sắc tượng đều hiện mà chỉ riêng mình thấy mà thôi. Các sắc tượng ấy hoặc là tất cả chúng sanh trong sáu nẻo luân hồi, hoặc cung điện trên các cõi trời, hoặc địa ngục, hoặc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Phật.

Tuy chưa được “ Vô lậu pháp tánh diệu thân ” nhưng nhờ thanh tịnh, cho nên tất cả đều hiện được trong cái nhục thân đó.

6. Ý căn công đức: Sau khi Phật diệt độ mà trì Kinh Pháp Hoa thì được ý căn thanh tịnh. Dùng ý căn thanh tịnh đó mà nghe một bài kệ, một câu kinh cũng đủ thấu suốt vô lượng nghĩa, hiểu rõ diễn nói cả tháng, cả năm, cũng được; mỗi pháp nói ra có thể có những thú riêng nhưng tất cả đều nói đúng với “ Thật Tướng ”. Thậm chí khi bàn nói đến sách vở ngoài đời, cách xử thế tiếp vật hay nghề nghiệp sanh nhai, cũng vẫn thuận với chánh pháp. Lại nữa còn biết được những hành động, lời nói đùa trong tâm của sáu đường chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Dầu chưa đặt trí tuệ vô lậu, nhưng ý căn thanh tịnh thì tất cả suy nghĩ, tính lường lời nói đều đúng với lời Phật dạy, không chỗ nào là không chân thật và đúng với lời nói của chư Phật trong quá khứ.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Gọi là Pháp sư Pháp Hoa, gồm năm hạng người: Thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng diễn và tùy hỉ.

Nói rằng công đức Pháp sư, kỳ thật nói về công đức sáu căn của Pháp sư vậy. Tu học Pháp Hoa, sáu căn của Pháp sư sẽ thanh tịnh. Do sáu căn thanh tịnh mà có được công đức, nói cách khác là có được những đặc điểm ưu việt của sáu căn, khác hơn người thường.

Mỗi căn công đức ít nhiều, do căn đó bén nhạy chậm lụt.

- Nhãn căn có thể thấy một nửa phía trước, những gì thuộc nửa sau, không thấy. Luận về công đức chỉ được 800
- Nhĩ căn có những đặc tánh “ Viên”, “ Thông”, “ Thường”, công năng của nó rất ưu việt, luận về công đức được 1.200
- Tỷ căn khi thở ra hít vào chặng giữa có khuyết công đức chỉ được 800.
- Thiết căn là mộng mị của tâm. Lưỡi nói chỉ là sự thể hiện của tâm. Vận dụng thiết căn giảng diễn chánh pháp có thể dẫn dắt con người từ triền phược đến giải thoát, từ mê mờ đến giác ngộ. Luận về công đức lưỡi được 1.200
- Thân căn tùy thuộc sự hiệp ly, công năng thụ động. Luận về công đức chỉ được 800.
- Ý căn là cơ quan động lực của tư duy, tác động qua lại giữa tiền trần cảnh giới. Ý rất bén nhạy và lanh lợi

“Động thân phát ngữ độc vi tối.

Dẫn mãn năng chiêu nghiệp lực khiên”.

(Khởi động về thân, phát xuất lời nói chủ động ở ý căn. Thúc đẩy chúng sanh thọ sanh trong sáu nẻo chủ động cũng do ý căn)

Vạn loại hữu tình, vô tình sanh tồn, trường dưỡng luôn luôn quyện chặt với 3 thời: Quá khứ, Hiện tại, Vị lai. Và 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Đem thời gian phối hợp với không gian thấy 3×3 hay $4 \times 3 = 12$. Đó là con số được biểu trưng đơn vị công đức. Đem số 12 phối hợp với mười pháp giới vốn có ở một tâm chúng sanh, ta sẽ thấy $12 \times 10 = 120$. Mỗi pháp giới hiện hữu và tồn tại với qui luật tất nhiên của mười “ như thị”. Đem 120 phối hợp với mười như thị sẽ có $120 \times 10 = 1.200$ công đức. Đó là thứ tá được ngữ ngôn để diễn tả công đức thanh tịnh của sáu căn hơn kém.

* Lục căn mà thanh tịnh thì lục trần cũng thanh tịnh. Trần thanh tịnh thì lục thức cũng thanh tịnh. Căn, trần, thức thanh tịnh thì:

- Thấy tất cả mà như không thấy gì hết; không thấy gì hết mà thấy tất cả.
- Nghe tất cả mà không nghe gì hết; không nghe gì hết mà nghe tất cả.
- Ngửi tất cả mà không ngửi gì hết; không ngửi gì hết mà ngửi tất cả.
- Ném tất cả mà không ném gì hết; không ném gì hết mà ném tất cả.
- Xúc tất cả mà không xúc gì hết; không xúc gì hết mà xúc tất cả.
- Biết tất cả mà không biết gì hết; không biết gì hết mà biết tất cả.

Vì sao vậy?

Vì sáu căn là sắc. Sáu trần cũng là sắc. Nội sắc hay ngoại sắc cũng chỉ là sắc. Cho nên Pháp sư Pháp Hoa thấy suốt, nghe suốt, ngửi suốt, ném suốt, xúc suốt, biết suốt, không phải và việc khó nói khó hiểu. Vì Pháp sư Pháp Hoa còn có thể hiểu biết suốt cả tâm pháp. Tâm sở hữu pháp tâm bất tương ưng hành pháp và vô vi pháp nữa mà.

* Nghe công đức Pháp sư người ngoại cuộc có thể cho là việc khó tin. Kinh Pháp Hoa nói chuyện hoang đường...

Xin thưa: Đó là sự thật. Nhưng muốn biết sự thật đó cần phải có sự thân chứng. Tôi nói “ thân chứng” không phải cái gì cao xa ngê gớm lắm đâu.

Bạn chỉ thử uống một bữa tiệc rược hơi nhiều đi, để bạn “thân chứng” về cái sự hoành hoành tàn phá trí tuệ và cơ thể của bạn. Nếu bạn không uống say

mà bạn chỉ nói về tác hại của say rượu, bạn có khéo diễn tả thế nào cũng không bao giờ chính xác được, vì bạn chưa “ thân chứng” vậy.

Cũng vậy, Pháp sư Pháp Hoa tu tập, khi sáu căn thanh tịnh rồi thì sự nhận thức về thế giới xa rộng hơn, trong sáng hơn, toàn diện hơn người thường. Đó là việc có thật, nhưng ai có thân chứng mới biết.

* Tìm hiểu đại lược về công năng của sáu căn, khi trở thành thanh tịnh.

* Đôi mắt cha mẹ sanh ra, khi thanh tịnh thì thấy được tất cả núi rừng sông biển trong ba ngàn đại thiên thế giới, thấp đến địa ngục A-tỳ, cao đến cõi trời hữu đảnh. Cũng thấy được tất cả nghiệp nhơn và nghiệp quả thiện ác của chúng sanh trong ngàn ấy thế giới bằng đôi mắt thanh tịnh của mình.

* Đôi tai cha mẹ sanh ra, khi thanh tịnh, nghe được tất cả các thứ tiếng khắp ba ngàn đại thiên thế giới như:

- Tiếng khóc la buồn than.
- Tiếng voi, ngựa, trâu, xe.
- Tiếng trống, chuông, linh ốc.
- Tiếng cười, nói, trai, gái, đồng nam, đồng nữ.
- Tiếng pháp, phi pháp.
- Tiếng khổ, vui.
- Tiếng phàm phu, thánh nhân.
- Tiếng trời, rồng, a-tu-la
- Tiếng lửa, nước, gió.
- Tiếng địa ngục , ngạ quỷ, súc sanh.
- Tiếng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Phật.

Dù chưa được thiên nhĩ, nhưng nghe và phân biệt từng loại âm thanh mà nhĩ căn không bị hư hoại.

* Tỷ căn cha mẹ sanh ra khi thanh tịnh, “ nghe” được các thứ mùi trong ba ngàn đại thiên thế giới và phân biệt:

- Mùi các thứ hoa Tu-mạn-na, mạn-lợi, chiêm-bặc, ba-la-la
- Mùi các thứ hoa sen xanh, vàng, trắng , đỏ.
- Mùi cây có hoa, mùi cây có trái.
- Mùi các thứ trầm thủy, chiên đàn.

Lại biết các mùi chúng sanh mê như:

- Mùi thú vật.
- Mùi trai, gái, đồng nam, đồng nữ
- Mùi cỏ cây, rừng bụi, xa gần.

Lại còn nghe được các mùi cây hoa cõi trời như:

- Mùi nhân dân cõi trời, hoặc ở Diệu Pháp đường nói Pháp hoặc lúc dạo chơi.
- Mùi hương chư Thiên đốt.
- Mùi Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Phật.

Bằng Tỷ căn của mình, nghe biết phân biệt như thế mà tỷ căn không bị hư hoại. Khi cần nói cho người khác biết nhớ kỹ, nói không lầm.

* Thiệt căn của cha mẹ sanh ra, khi thanh tịnh tất cả các thức ăn uống, ngon dở, tốt xấu đều trở thành ngon ngọt như cam lồ. Ở trước đại chúng nói pháp, nói ra những ý nghĩ sâu xa mau nhiệm rót vào lòng đại chúng, khiến mọi người vui mừng, sung sướng. Cảm hoá đến Thiên Long bát bộ, đến hàng trí thức, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ đều vui mừng nghe pháp.

* Thân căn cha mẹ sanh, khi thanh tịnh trong sạch như lưu ly làm cho chúng sanh ưa thấy. Vì thân trong sạch, nên chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới cõi bao nhiêu nghiệp duyên sanh, tử, thiện, ác đều hiện rõ trong thân. Dưới là địa ngục A-tỳ, trên đến trời Hữu đảnh, tất cả cảnh vật cùng

các loại chúng sanh hiện rõ, Thanh Văn , Duyên Giác, Bồ-tát, chư Phật thuyết pháp đều hiện rõ trong thân thanh tịnh đó.

* Ý căn khi thanh tịnh, Pháp sư nghe một bài kệ, một câu kinh cũng đủ thấu suốt vô lượng nghĩa và có thể diễn nói cả tháng, cả năm cũng không cạn ý. Mỗi pháp nói ra có ý thú riêng, nhưng tất cả đều đúng với “ thật tướng” (Thật tướng vô tướng, Vô tướng bất tướng, Cố danh thật tướng). Thậm chí luận bàn sách vở ngoại đạo, nói chuyện tế thể an bang, tiếp nhân đãi vật, cũng đều thuận với chánh pháp. Lại còn biết được lòng nghĩ tưởng, lòng động tác, lòng hí luận của chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới. Dầu chưa được trí tuệ vô lậu mà ý căn thanh tịnh rồi thì người đó suy nghĩ, tính lường, nói năng điều chi đều là Phật pháp, hợp với lời trong kinh của chư Phật nói trong quá khứ, cũng như chư Phật sẽ nói ở vị lai.

---o0o---

PHẨM 20: THƯỜNG BÁT KHINH BỒ TÁT

Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ-tát Đắc Đại Thế:

“ Người nay nên biết, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trì kinh Pháp Hoa mà bị mắng nhiếc chê bai, thì người mắng nhiếc chê bai mắc tội báo rất lớn, còn người trì kinh được công đức thanh tịnh lực căn.

Này Đắc Đại Thế ! Thuở xưa cách nay vô lượng vô biên số kiếp, có Phật hiệu Oai Âm Vương ra đời, nhằm thời kiếp Ly-suy, tại nước Đại Thành. Phật vì người cầu quả Thanh Văn nói pháp Tứ-Đế; vì người cầu quả Bích-chi-Phật nói pháp Thập Nhị Nhân Duyên; vì hàng Bồ-tát cầu Vô Thượng giác, nói pháp sáu Ba-la-mật dẫn dắt đến cứu cánh Phật tuệ.

Đắc Đại Thế ! Phật Oai Âm Vương sống lâu 40 ức na-do-tha hằng sa kiếp ! Chánh pháp của Phật trụ trong một số kiếp nhiều như vi trần của một thế gian ! Thượng pháp trụ trong một số kiếp nhiều như vi trần của bốn châu. Sau khi Phật Oai Âm Vương diệt độ, Cháp Pháp, Tượng Pháp diệt hết có đức Phật khác ra đời, cũng có một hiệu là Oai Âm Vương. Sau đó, tuần tự, có hai muôn ức Phật ra đời cùng một danh hiệu.

Phật Oai Âm Vương đầu tiên diệt độ và sau lúc Cháp Pháp diệt hết trong thời Thượng pháp, các Tỳ-kheo tăng-thượng-mạn có thể lực lớn. Bấy giờ có một Bồ-tát tên Thường-Bát-Khinh. Sở dĩ có tên này là vì mỗi khi gặp các

hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bồ-tát lễ lạy khen ngợi: “Tôi rất kính quý vị, không dám khinh quý vị. Vì quý vị đều đi trên đường Bồ-tát và sẽ được làm Phật”. Bồ-tát Thường-Bất-Khinh không hề đọc kinh điển, chỉ thực hành việc lễ bái, thậm chí hễ xa thấy tứ chúng là lạy nói: “Tôi chẳng dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật”.

Trong tứ chúng có người lòng bất tịnh, giận mắng:

“Ông vô trí Tỳ-kheo này ở đâu đến mà cứ nói tôi chẳng dám khinh quý vị, rồi lại thọ ký chúng tôi sẽ thành Phật; chúng tôi không dùng lời thọ ký bá láp đó đâu”.

Tuy trải qua nhiều năm bị mắng nhiếc, Bồ-tát Thường Bất Khinh không giận hờn, cứ luôn nói: “Quý vị sẽ làm Phật”. Lắm khi bị đánh bằng gậy, bị ném gạch đá, Bồ-tát chạy tránh ra xa, miệng vẫn nói: “Tôi chẳng dám khinh quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật”. Vì đó mà ông được gọi tên là Thường-Bất-Khinh.

Lúc Bồ-tát Thường Bất Khinh sắp mệnh chung, trong hư không nghe trọn hai mươi ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương đã nói thưở trước. Nghe xong Bồ-tát thêm hai trăm ngàn ức na-do-tha tuổi, vì người rộng nói kinh Pháp Hoa.

Lúc đó, những người trong tứ chúng trước kia đã khinh rẻ Bồ-tát Thường Bất Khinh, nay thấy Bồ-tát được sức thần thông, sức nhạy thuyết biện tài, sức đại-thiện-tịch và nghe Bồ-tát thuyết pháp, đều tin phục và theo làm đệ tử.

Bồ-tát Thường Bất Khinh giáo hoá ngàn muôn chúng khiến không suy thoái trên đường Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những chúng ấy, sau khi mệnh chung, được gặp 2 ngàn ức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh trong hội Pháp Hoa. Nhờ nhân duyên đó, những chúng ấy lại gặp 2 ngàn Phật đồng hiệu Vân Tụ Tại Đăng Vương ở trong pháp hội của các đức Phật có thọ trì, đọc tụng vì hàng tứ chúng nói kinh Pháp Hoa, do vậy mà sáu căn được thanh tịnh, thuyết pháp cho tứ chúng nghe mà không sợ sệt.

Này Đắc-Đại-Thế ! Sau khi cúng dường cung kính, tôn trọng bao nhiêu đức Phật như thế và trồng các rễ lành, cuối cùng Bồ-tát Thường Bất Khinh lại gặp ngàn muôn ức Phật ở trong pháp hội của chư Phật đó nói kinh Pháp Hoa. Do vậy mà thành tựu công đức vô biên và sẽ được thành Phật.

Này Đắc Đại Thế ! Bồ-tát Thường Bất Khinh thuở ấy đâu phải người nào lạ ! Chính là thân ta hiện nay vậy. Nếu đời trước ta chẳng thọ trì, đọc tụng và giải nói cho người khác nghe kinh này, thì ta chẳng thể mau được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vì ta đã ở trong cõi nước của chư Phật, thọ trì, đọc tụng vì người khác nói kinh này, nên mau được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Đắc Đại Thế , những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thuở ấy, vì khinh tiện ta, nên trong hai trăm ức kiếp luôn luôn chẳng gặp Phật, chẳng gặp Pháp, chẳng thấy Tăng, ngàn kiếp ở địa ngục chịu khổ não lớn. Hết tội rồi, lại gặp Bồ-tát Thường Bất Khinh giáo hoá cho đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Đắc Đại Thế ! bốn chúng đã khinh khi Bồ-tát Thường Bất Khinh nào phải ai lạ chính đó là những người hiện nay đều là bậc bậc-thối-chuyên trên đường chánh giác, tức là bọn 500 Bồ-tát của Bạc-đà-bà-la, bọn 500 Tỳ-kheo của Su-tử-nguyệt, bọn 500 Ưu-bà-tắc của Ni-tư Phật, đang ở trong pháp hội này.

Này Đắc Đại Thế ! phải biết kinh Pháp Hoa này rất lợi ích cho các đại Bồ-tát có thể giúp họ đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho nên sau khi Phật diệt độ , phải thường thọ trì, đọc tụng, giải nói.”

Đức Phật bèn đọc một bài kệ nhắc lại nghĩa trên.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Thường Bất Khinh là danh hiệu do những Tỳ-kheo và những người Tăng-thượng-mạn đặt, để tặng cho người với ác ý mỉa mai khinh thị. Nhưng với hệ giáo lý thuần viên độc diệu của Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát là một âm thanh réo gọi, thức tỉnh những ai còn mê mết, mơ hồ về Tri Kiến Phật, và khả năng thành Phật của mình.

Trong tất cả thứ khinh, khinh khả năng thành Phật của mình là tai họa, là thiệt thòi lớn lao hơn hết. Chàng cùng-tử sở dĩ đói khổ lang thang, chỉ vì không nhận biết ở vạt áo mình có hạt bảo châu vô giá.

Vấn đề khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Vấn đề Phật thọ ký tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật, đến đây càng thấy rõ, những vấn đề đó đã có

từ thời Phật Oai Âm Vương mà người truyền bá tích cực cái chân lý đó, là Bồ-tát Thường Bất Khinh vậy.

Phật Oai Âm Vương xuất thế độ sanh hai muôn ức Phật tiếp nối ra đời có cùng một hiệu Oai Âm Vương như vậy. Sự việc đó, nhằm nói lên cái ý:

Tâm trước tâm sau là một.

Chân lý trước, chân lý sau không khác.

Đề cập sự kiện Oai Âm Vương Phật ở phẩm 20 là một dấu hiệu chỉ dẫn hướng đi, để dẫn đến hành pháp, cách tu quán niệm “ Diệu Âm” và “ Quán Thế Âm” ở phẩm 24 và 25 sau này.

Vấn đề âm văn là vấn đề quan trọng bậc nhất, vì phù hợp căn cơ chúng sanh ở cõi Ta-bà, sau khi so sánh 25 cách tu qua 18 giới và 7 đại, đúc kết thành quả, Bồ-tát Văn Thù bạch Phật:

“ Phật xuất Ta-bà giới

Thử phương chân giáo thể

Thanh tịnh tại âm văn

Dục thủ tam ma đề

Thực tụng văn trung nhập”

Cách giáo hoá cõi này

Bén nhảy ở âm văn

Muốn được tam ma đề

Phải từ nghe mà nhập. (Kinh Thủ Lăng Nghiêm)

Oai Âm Vương Phật, phải được hiểu là Phật tâm, tiếng lòng trong trắng của con người, khi con người còn “ oai quyền”, còn khả năng tự chủ. Phật xuất hiện ở kiếp Ly Suy, nghĩa là ở vào thời điểm mà tâm không có các suy tàn bệ rạc: Tham, Sân, Si, Mạn... Đó là thời điểm Phật Oai Âm Vương hiện ở

lòng ta. Và cũng chính lúc đó là lúc Oai Âm Vương Phật ở nước “Đại Thành” viên mãn nhất.

Nếu là thời kỳ chánh pháp, những Tỳ-kheo tăng-thượng-mạn chưa có cơ hội thao túng hoành hành. Bồ-tát Thường Bất Khinh ở vào thời kỳ tượng pháp bấy giờ tăng-thượng-mạn Tỳ-kheo,... có thể lực lớn mới áp đảo người lành, chỉ vì cái tội nói lên sự thật:

“ Tôi không dám khinh các Ngài

Vì các Ngài đều sẽ thành Phật”

Tu nhưn thành Phật, cốt ở chỗ nhận thức chân lý rồi thực hiện những gì phù hợp quy luật của chân lý. Nhận thức rõ quặng vàng rồi đem đốt, nung nấu, lọc thì vàng ròng sẽ hiển hiện ra. Bồ-tát Thường Bất Khinh là người thực hành chân lý chỉ dạy ở kinh, mà không chuyên đọc tụng kinh điển qua ngữ ngôn văn tự:

Tế Diên Hoà Thượng nói:

“Tụng kinh giả minh Phật chi lý” (Tụng kinh cốt để hiểu lý Phật dạy cái gì)

Phải “sắp chết” , có khi cần phải chết thật cũng nên. Có chết đi cái cũ kỹ, cái hạn hẹp, cái ô trược để có cái mới mẻ hơn, cái to lớn hơn, cái thanh tịnh hơn. Bồ-tát Thường Bất Khinh chỉ qua một cơn “ sắp chết” mà thâm nhập Pháp Hoa tam muội vượt hơn gấp 20 nghìn muôn ức lần. Qua một cơn “ sắp chết” để rồi sống thêm hai muôn trăm ức na-do-tha tuổi, để vì người giảng nói Pháp Hoa. Đó là sự phủ định để tiến lên theo đường xoắn tròn ốc trong quá trình tu tập vậy.

Chánh nghĩa sẽ thắng mặc dù quá trình tranh đấu có gian khổ gay go. Chân lý sẽ thắng mặc dù bọn người tăng-thượng-mạn, bọn người lợi dưỡng, bọn người kiến thủ áp đảo lấn lướt một thời. Bồ-tát Thường Bất Khinh thành công trong giải thoát tự tại, trong đại thiện tịch của mình. Nhóm người tăng-thượng-mạn... cuối cùng quay về quy thuận phục tùng chân lý.

Chánh nghĩa sáng ngời, chân lý luôn luôn tỏ rạng. Bồ-tát Thường Bất Khinh an nhiên tự tại giảng kinh Pháp Hoa ở pháp hội của hai muôn ức Phật cùng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Và trong pháp hội của hai nghìn Phật cùng hiệu Vân Tụ Tại Vương. Nói trắng ra: Bồ-tát Thường Bất Khinh đường hoàng tự tại giảng nói kinh Pháp Hoa hướng dẫn chúng sanh đi trên con

đường Phật , dưới bầu vũ trụ thăng thang, trời quang mây sáng, từ kiếp này sang kiếp khác, để hoàn thành sứ giả Như Lai, bồi dưỡng mãi lên cái nhân thành Phật cho mình.

Những người mắng nhiếc đánh đập Bồ-tát Thường Bất Khinh, nghìn kiếp ở địa ngục a-tỳ, hai trăm ức kiếp không gặp Phật-Pháp-Tăng. Đó là điều chí lý. Bởi vì họ không chịu sống trong chân lý, trong ánh sáng thì họ sống trong mê mờ, trong bóng tối vậy. Sống trong mê mờ, trong bóng tối thì họ sẽ chịu khổ dài dài trong địa ngục A-tỳ. Bởi vì A-tỳ ngục có nghĩa là chỗ thọ khổ liên tục, không có lúc được xả hơi.

Không biết mình có Phật chất, không hiểu được Tri Kiến Phật của mình, thì đừng mong gì thấy Phật ở một nơi nào khác. Pháp và Tăng cũng vậy. Người Phật tử phải học kỹ ba pháp tự quy y:

- Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh thể giải đại đạo phát vô thượng tâm
- Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng trí huệ như hải.
- Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thông lý đại chúng nhất thiết vô ngại.

Hiểu rõ ý nghĩa tam tự quy y, ta cũng có gặp gỡ Phật-Pháp-Tăng thường xuyên trong đời sống hàng ngày của ta đó.

Xưa kia là Bồ-tát Thường Bất Khinh, nay là Phật Thích Ca hiện tại. Xưa kia là những người tăng-thượng-mạn, Tỳ-kheo và cư-sĩ, nay là nhóm ông Bạt-đa-la 500 Bồ-tát. Nhóm ông Sư Tử Nguyệt 500 Tỳ-kheo, nhóm ông Ni Sư Phật 500 Ưu-bà-tắc.

Qua câu chuyện “bổn sanh”, “bổn sự” đó, người Phật tử thấy rằng: Gieo giống sớm thì thu hoạch sớm. Chần chờ ương hạt thì trái chín muộn hơn. Nhưng có cái vinh hạnh ưu việt chung cho tất cả mọi người: Dù sớm, dù muộn hạt giống Phật của mỗi người không đời nào mất !

Người Phật tử phải luôn luôn đừng khinh mình (Thường-Bất-Khinh). Mỗi chúng ta phải là một Bồ-tát Thường-Bất-Khinh đối với chúng ta. Ngày đêm ta nên tự nhủ:

“ Ngươi sẽ thành Phật”

---o0o---

PHẨM 21: NHƯ LAI THẦN LỰC

Lúc bấy giờ, vô số Bồ-tát đã từ đất vọt lên ở trước Phật, tất cả đều nhất tâm chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Sau Phật diệt độ, chúng con sẽ rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở xứ nào mà phân thân Phật đã diệt độ hết. Bởi vì chúng con cũng muốn đọc, tụng, biên chép, giảng nói để cúng dường “Đại Pháp Chân Tịnh” này”.

Lúc ấy, trước mặt Văn Thù Sư Lợi và vô lượng Bồ-tát xưa kia ở thế giới Ta-bà, cùng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Thiên Long bát bộ, Thế Tôn hiện sức thần thông lớn: le lưỡi rộng dài tới cõi trời Phạm thế và các lỗ chân lông phóng ra vô số hào quang đủ màu, khắp soi mười phương thế giới. Các đức Phật ngồi trên toà sư tử dưới cội cây báu, cũng làm như thế: le lưỡi rộng dài và phóng ra vô lượng hào quang.

Đức Phật Thích Ca và các đức Phật dưới cây báu hiện sức thần thông mãn trăm ngàn năm, sau đó mới rút lưỡi vô vàn đồng thời tăng hắng, cùng chung khảy móng tay. Hai tiếng vang đó lang khắp mười phương thế giới của chư Phật, Đại địa rung động sáu cách. Trời, rồng, dạ-xoa... người và loài chẳng phải người,... nhờ sức thần Phật đều thấy cõi Ta-bà vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức Phật ngồi trên toà sư tử, dưới những cây báu, thấy Phật Thích Ca và Đa Bảo Như Lai ngồi trên toà sư tử trong tháp báu. Lại thấy vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức Bồ-tát và tứ chúng cung kính vây quanh đức Phật Thích Ca. Tất cả đều vui mừng như được cái chưa từng có.

Ngay lúc ấy, chư thiên trong hư không lớn tiếng xưng lên: “ Cách đây vô lượng thế giới, có nước tên là Ta-bà, nơi ấy có Phật hiệu Thích Ca, hiện đang vì các Đại Bồ-tát nói kinh Đại Thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Các ngươi nên vui theo trong thâm tâm, cũng nên lễ bái cúng dường Phật Thích Ca”.

Chúng sanh nghe tiếng hư không ấy rồi bèn chấp tay, quay về cõi Ta-bà, cử thanh niệm:

“ Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật !”

Rồi dùng các món hoa, hương, chuỗi ngọc, cờ, lọng, xa rải xuống thế giới Ta-bà. Các vật rải đó, từ mùi hương đến ví như mây mù, biến thành một bức màn báu trùm khắp không gian, phía trên chư Phật. Bấy giờ, thế giới mười phương thông suốt với nhau, không gì ngăn ngại, quốc độ chư Phật trở thành “ Pháp giới không hai”.

Lúc bấy giờ, Phật bảo các hàng Bồ-tát bậc thượng hạnh rằng: “ Sức thần thông của chư Phật vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn như thế. Nếu ta dùng sức thần thông ấy mà nói bày công đức của kinh Diệu Pháp Liên Hoa để lưu truyền về sau, thì dầu có trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức kiếp cũng chẳng nói hết. Tóm lại tất cả pháp của Như Lai, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả kho tàng bí yếu của Như Lai, tất cả những điều hết sức thâm sâu của Như Lai đều được tuyên bố, bày giải, nói rõ trong Diệu Pháp Liên Hoa. Cho nên, sau Như Lai diệt độ, các người phải một lòng thọ trì, đọc tụng biên chép, giảng nói và tu hành đúng theo lời nói trong kinh. Nơi nước nào mà có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói, tu hành đúng theo lời kinh, hoặc chỗ nào có quyển kinh Pháp Hoa, bất luận nơi đó là: vườn, rừng, dưới cội cây, phòng chư tăng, nhà người thế tục, chỗ thờ Phật, núi hoang, đồng trống thì nên dựng tháp cúng dường. Phải biết chỗ có kinh đó là: đạo tràng, là nơi chư Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là nơi chư Phật chuyển Pháp luân, là nơi chư Phật nhập Niết Bàn.

Đề lập lại nghĩa vừa nói, Thế Tôn nói một bài kệ.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Như Lai thần lực là sức thần Như Lai

Nói “ sức thần Như Lai” là nói cái sức nhiệm mầu huyền diệu sự giác ngộ chân lý tận cùng, sự giải thoát cứu cánh của con người đạt đến đỉnh cao trí tuệ. Sức thần Như Lai là kết quả của Giới, của Định, của Tuệ mà mọi người đệ tử Phật ai cũng có thể tu hành và thành tựu được sức thần đó. Cho nên sức thần Như Lai không được hiểu lầm với “ Sức thần của Như Lai”. Bởi vì, nếu là sức thần “ của Như Lai” thì mọi người không hy vọng nhờ cậy được gì. Phật “ biểu diễn” sức thần là nhằm nhắc nhở cho hành giả Pháp Hoa và đề cao về Tri Kiến Phật của những người “ Nhập Phật tri kiến” là thế

đầy. Đạt đến đỉnh cao của trí tuệ, thể nhập “ Phật tri kiến” dùng sức tri kiến này mà quán sát thế giới mười phương, thì thánh phàm không còn gì ngăn cách, chúng sanh và Phật đều thấy suốt được nhau trong một pháp giới “ nhất chân” “ bất nhị”.

Bằng tri thức của con người, qua quá trình tu tập Giới-Định-Tuệ, con người có thể đạt đến sức thần Vô thượng. Thể hiện khả năng đó, Thế Tôn ở trước Bồ-tát, Bát bộ, Thiên Long và tứ chúng hiện sức thần. Bày tướng lưỡi rộng dày đến cõi trời Phạm Thế. Tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng, vô số hào quang đủ sắc màu, khắp soi tất cả thế giới mười phương chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, có cả vô lượng phân-thân Phật Thích Ca và chư Phật vị lai đều hiển hiện đồng thời. Sức thần Như Lai là thế đấy.

Vô lượng hằng hà sa Bồ-tát “ từng địa dũng xuất” phát nguyện thọ trì truyền bá kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, sau Phật diệt độ, điều phát nguyện đó rất chánh đáng. Thế tại sao Phật chẳng đề cập , chẳng nói năng gì?

Sự kiện này có thể hiểu qua 2 ý:

1. Theo tập quán thông lệ của Phật, khi có người tác bạch cúng dường hay thỉnh nguyện điều chi, nếu chấp nhận thì mặc nhiên không nói, không chấp nhận bấy giờ đức Phật mới nói lý do.

2. Chấp nhận bằng lời “ mặc nhiên” ở đây còn có ý nghĩa sâu xa, tuy không nói mà nói rất nhiều. Rằng: “ Bồ-tát các ông chẳng những nên thọ trì, đọc tụng, biên chép , giảng nói , tuy hỉ kinh Diệu Pháp Liên Hoa bằng ngữ ngôn văn tự mà còn phải dẫn dắt chúng sanh đến chỗ ngôn vô ngôn, hành vô hành hạnh , nghĩa là nói bằng cách nói không lời, hành bằng cái hạnh vô hành nữa !

Lời nói của Như Lai là “ chân chính”, là “ thành thực” lời nói trước sau như một “ lời nói không có ý xấu đối gạt” chúng sanh. Lời nói được đảm bảo bằng chân lý, có giá trị trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Như Lai hiện bày “ tướng lưỡi rộng dài” (Quảng trường thiết tướng là một trong 32 tướng tốt của đức Phật) để khẳng định với tất cả chúng sanh điều đó.

Hướng dẫn chúng sanh tu hành phương cách nào có kết quả tốt nhất:

Hãy tu cách quán niệm âm văn. Hãy niệm: Oai Âm Vương Phật, Diệu Âm Bồ-Tát, Quán Thế Âm Bồ-Tát mà đức Phật sẽ dạy kỹ ở sau này.

Bởi vì:

Phật xuất Ta-bà giới..

Thanh tịnh tại âm văn...

Phật Thích Ca và vô lượng vô số phân thân Phật, sau khi thu hoàn tướng lưỡi, cùng một lúc tăng hắng và khai móng tay. Đó là cách trả lời, đồng thời là cách hướng dẫn cho vô lượng Bồ-tát về công tác giáo hoá chúng sanh ở cõi Ta-bà đó.

Chư Thiên và các hạng chúng sanh ở các cõi nước trong mười phương, hướng về cõi Ta-bà tán thán Phật, tán thán Pháp Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa là rất đúng thời. Bởi vì sức thần Phật đến đây đã viên mãn. Từ trí-huệ nhận thức thế giới, phiên diện có đối tượng “ năng”, “ sở” hiển nhiên, từ phóng hào quang soi sáng nhận thức thế giới toàn diện, “ pháp giới nhất chân”, “ bất nhị”. Đó là quá trình tiến triển, lên tột đỉnh của con đường xoắn tròn ốc ròi. Cho nên tất cả chư Thiên chấp tay hướng về cõi Ta-bà niệm:

“ Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật...”

Chỉ có kinh Pháp Hoa tuyên bày nói rõ tất cả thần lực Như Lai, tất cả tạng bí yếu Như Lai, tất cả việc sâu thăm Như Lai. Cho nên, Bồ-tát Thượng Hạnh... các ông phải thọ trì, đọc tụng, như thuyết mà tu hành. Đức Phật nói tiếp:

Chỗ nào có quyển kinh này nên dựng tháp cúng dường. Chỗ đó là đạo tràng, các đức Phật ở đó mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, các đức Phật ở đó mà chuyển Pháp luân, các đức Phật ở đó mà nhập Niết Bàn. Còn người nào tu học kinh này, thực hành đúng như lời kinh, nên chỉ người đó mà nói rằng:

“ Ngài là Phật !”.

---o0o---

PHẨM 22: CHÚC LỤY

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ pháp toà đứng dậy, hiện sức thần lớn, dùng tay mặt xoa đầu vô lượng đại Bồ-tát mà nói rằng:

Trong vô lượng trăm ngàn muôn ức A-tăng-kỳ kiếp, ta đã tu tập pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này , nay đem giao cho các người, các người nên hết lòng truyền bá để đem lại sự ích lợi cho nhiều người.

Đức Phật ba phen xoa đầu các Bồ-tát và ba phen lập lại câu nói trên.

Như Lai có từ bi lớn, không tham tiếc cũng không có điều sợ sệt, năng cho chúng sanh trí tuệ Phật, trí tuệ Như Lai, trí tuệ tự nhiên. Như Lai là đại thí chủ của tất cả chúng sanh, các người nên thọ học theo pháp của Như Lai, chớ nên tham tiếc. Đời sau, nếu có trai lành gái thiện nào tin trí tuệ Như Lai thì các người nên vì những người ấy mà diễn nói Kinh Pháp Hoa, để họ nghe biết tu hành, thành tựu được Phật tuệ. Nếu gặp hạng chúng sanh không tin lãnh lời kinh, thì nên dùng pháp khác trong các giáo pháp thâm diệu của Như Lai mà chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng. Làm được như thế là các người đã báo ân Phật rồi vậy.

Khi nghe Phật nói xong, các Đại Bồ-tát đều cảm thấy sự vui mừng lan khắp thân thể. Lòng thêm cung kính, các Bồ-tát nghiêng mình cúi đầu, chấp tay hướng Phật đồng bạch: Chúng con sẽ làm đầy đủ theo lời Thế Tôn dạy, kính xin Thế Tôn đừng lo nghĩ nữa !

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca truyền cho các phân thân Phật đã từ mười phương đến, đều trở về nước mình và nói rằng:

“ Chư Phật mỗi vị tùy chỗ an trú của mình mà trở về bốn độ tháp của Phật Đa Bảo hoàn nguyên bản vị”

Trong lúc Phật nói, mười phương vô lượng phân thân Phật đang ngồi trên toà sư tử dưới cây báu, cùng Phật Đa Bảo với vô biên vô số Bồ-tát như Xá-lợi-phất... hàng Thanh Văn, bốn chúng và tất cả thiên, nhân, a-tu-la, nghe lời Phật nói đều rất vui mừng.

THÂM NGHĨA

Chúc-lụy có nghĩa là dặn dò, uỷ thác, là giao phó.

Trước khi chết, cha gọi các con dạy bảo những điều đạo đức cần có để sống ở đời. Trò sắp xa thầy, thầy truyền đạt cho những ngón nghề tâm huyết sâu xa trong học vấn... Ở đây Phật dặn dò uỷ thác cho các Bồ-tát “Phật sự” trọng đại, để lợi lạc chúng sanh. Ý nghĩa chúc lụy đại để giống lời cha, lời thầy dạy cho con, cho trò trước khi xa cách.

Bồ-tát tâm nào cũng ở trong Phật tâm. Bồ-tát hạnh nào cũng phát xuất từ Phật hạnh, cho nên Bồ-tát dù đông vô lượng, nhưng vẫn ở trong “tầm tay” Phật mà thôi. Đó là ý nghĩa “Phật hiện sức thần lớn” xoa đánh vô lượng Bồ-tát.

Phật “chúc lụy” cho Bồ-tát, những bậc thượng căn thượng trí nên hiểu đó là câu chuyện: “lòng dặn lòng”

Lời chúc lụy đầu tiên của Phật là uỷ thác: “Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được”. Các Bồ-tát phải hết lòng lưu bố cho thêm nhiều, rộng.

Qua ba phen xoa đánh vô lượng Bồ-tát, Phật nói lên lời uỷ thác lần hai: Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp tu tập pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông. Bồ-tát các ông phải thọ trì đọc tụng tuyên nói pháp này cho tất cả chúng sanh đều được nghe biết.

Nếu là pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì có gì thọ trì đọc tụng. Ở đây Phật 3 phen xoa đánh Bồ-tát dặn dò: Phải thọ trì đọc tụng mà truyền rộng thế có nghĩa là:

Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và kinh Diệu Pháp Liên Hoa là một.

Giá trị kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa ngang bằng giá trị quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.

Các đại sự nhân duyên xuất thế của Phật nhằm: “mang đến cho” chúng sanh trí tuệ Phật, trí tuệ Như Lai, trí tuệ tự nhiên, Như Lai có lòng từ bi lớn, là thí chủ của tất cả chúng sanh, Như Lai không có lòng bòn xén. Nếu có thiện

nam tín nữ nào tin trí huệ Như Lai, Bồ-tát các ông phải vì họ giảng nói kinh Pháp Hoa cho họ được nghe biết, nhằm khiến cho họ được trí tuệ Phật.

Tuy vậy, cũng không nên cố chấp khư khư một mực. Nếu có chúng sanh chưa tin nổi trí tuệ Phật thì có thể nói “Pháp Như Lai” sâu màu khác, chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng. Làm được vậy là Bồ-tát các ông, báo đáp thâm ân chư Phật.

Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin đức Thế Tôn chớ có lo. Các Bồ-tát ân cần trịnh trọng nói ba lần như vậy. Điều đó có nghĩa là các Bồ-tát đã hiểu kỹ rằng: Thế nào là đền đáp thâm ân chư Phật của một Bồ-tát rồi. Đã biết vai trò nhiệm vụ một Bồ-tát trưởng tử Phật, phải làm gì rồi. Đã biết giá trị kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa tâm vóc ngang bằng của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi vậy.

Phật tử chúng ta thọ trì, đọc tụng, tu học Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, đến đây đã biết được gì rồi nhỉ?

---00---

PHẨM 23: DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ

Lúc bấy giờ Bồ-tát Tú Vương Hoa bạch Phật:

“Thế Tôn ! Làm thế nào mà Bồ-tát Dược Vương du hành tự tại nơi thế giới Ta-bà? Bồ-tát Dược Vương có bao nhiêu ngàn muôn ức hạnh khổ khó làm? Nguyên Thế Tôn giải nói một ít cho Thiên Long, Bát Bộ, cho các hàng Bồ-tát từ nước khác đến cùng hàng Thanh Văn ở đây nghe, để tất cả đều được vui mừng.”

Phật đáp:

Trong quá khứ cách nay vô lượng hằng sa kiếp, có Phật hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Ngài có 80 ức đại Bồ-tát, 70 hằng sa đại Thanh Văn, thọ 42 ngàn kiếp, chư Bồ-tát cũng sống lâu như thế. Trong nước của đức Phật ấy không có đàn bà, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la... cũng chẳng có các khổ nạn. Đất bằng lưu ly, mặt phẳng như bàn tay, có trồng cây báu trên có màn báu bao trùm, tràng phan, hoa báu bông thòng. Khắp nước, bình báu, lò hương dầy dầy. Cách mỗi cây khoảng một lần tên có một đài bằng bảy báu. Dưới những cội cây ấy, có chư Bồ-tát, Thanh Văn ngồi. Trên mỗi đài trăm ức chư Thiên trời nhạc trời, hát múa cúng dường Phật.

Lúc bấy giờ, đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức nói kinh Pháp Hoa cho Bồ-tát Nhất-thiết Chúng-sanh Hi-kiến cùng các hàng Bồ-tát, Thanh Văn nghe.

Bồ-tát Hi-kiến ưa tu tập khổ hạnh, trong pháp của Phật Tịnh Minh Đức tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, mà mãi 12.000 năm, được chánh định “Hiển nhất thiết sắc thân”. Bồ-tát mới tự nói trong lòng:”Được chánh định này là nhờ nghe kinh Pháp Hoa. Vậy ta nên cúng dường Phật Tịnh Minh Đức và kinh Pháp Hoa”. Tức thời Bồ-tát nhập định, trong hư không rưới các thứ hoa hương cõi trời cúng dường Phật.

Cúng dường xong, Bồ-tát xuất định và tự nói trong lòng: “Tuy ta đã dùng thân lực cúng dường Phật, nhưng sao bằng lấy thân cúng dường”. Bồ-tát liền uống các chất thơm, kế uống dầu làm bằng các thứ hoa thơm mãi 1.200 năm, rồi lấy dầu thơm thoa thân, dùng áo báu cõi trời quấn mình trước đức Phật Tịnh Minh Đức, rưới các thứ dầu thơm lên áo và dùng sức nguyện thân thông mà tự đốt thân. Ánh sáng toả soi 80 ức hằng sa thế giới. Trong ánh sáng ấy, chư Phật đồng thời đều khen : “Lành thay ! Lành thay ! Như vậy mới thật là tinh tấn, mới thật là cúng dường Pháp. Các lối cúng dường khác bằng hương hoa, chuỗi ngọc... đều chẳng bằng, thậm chí đem cả một nước thành quách, vợ con mà bố thí cũng chẳng bằng. Trong các lối bố thí, bố thí thân là bậc nhất”.

Nói xong, chư Phật im lặng. Lửa thân Bồ-tát cháy trót 1.200 năm mới tắt.

Cúng dường Pháp xong và sau khi mạng chung, Bồ-tát Hi Kiến phục sanh trong nước Phật Tịnh Minh Đức, tại nhà vua Tịnh Đức, phục sanh một cách bỗng nhiên, trong trạng thái ngồi kiết già. Hoá sanh xong bèn vì cha đọc bài kệ:

Đại Vương nay nên biết

Nhờ kinh hành nơi ấy

Tức thời đặng tất cả

Chánh định trong các thân

Sau cần cố gắng hơn

Nên bỏ thân yêu mến

Dâng cúng dường Thế Tôn

Đề cầu tuệ Vô Thượng

Nói xong, thưa với vua cha: “ Trước cúng dường Phật Tịnh Minh Đức, tôi “ giải được tất cả ã-la-ni của tiếng nói chúng sanh”, kể lại nghe vô số kệ của Kinh Pháp Hoa. Nay Phật Tịnh Minh Đức vẫn còn, tôi xin cúng dường nữa. Bò tát bèn ngồi lên đài bảy báu, bay lên hư không, qua đến chỗ Phật Tịnh Minh Đức, làm lễ và đọc một bài kệ khen Phật:

Lạ lòng thay dung nhan

Mười phương soi ánh sáng

Tôi đã từng cúng dường

Nay lại còn thân kiến

Nói kệ xong, Bò-tát Hỉ Kiến bạch Phật Tịnh Minh Đức rằng: “ Thế Tôn còn trụ thế chứ?” Đức Phật bảo: “ Giờ diệt độ đã đến, ngươi nên sắp đặt giường đi, ta trong đêm nay sẽ nhập Niết Bàn”. Phật lại nói thêm: “ Ta nay giao phó Phật – Pháp và Vô Thượng Giác cho ngươi, cho các Bò-tát và các Đại Đệ Tử. Ta cũng giao cho ngươi ba ngàn đại thiên thế giới, bảy báu, các cây báu, đài báu và chư thiên hầu hạ. Sau khi ta diệt độ, ta cũng giao cho ngươi tất cả xá lợi của ta, ngươi nên lưu bố khắp nơi để cho đông người được xây nhiều tháp cúng dường”. Đến cuối đêm, Phật Tịnh Minh Đức nhập Niết Bàn.

Bò-tát Hỉ Kiến đã dùng gỗ chiên-đàn làm giàn hoả thiêu, thâu xá lợi đựng vào 84.000 bình báu, xây 84.000 ngọn tháp cao ba thế giới.

Bây giờ, Bò-tát lại tự nghĩ: Cúng dường xá lợi như thế chưa đủ. Bèn ở trước 84.000 ngọn tháp, đốt 2 cánh tay được trang nghiêm bằng trăm phước, suốt 72.000 năm, khiến vô số hạng cầu quả Thanh Văn và vô lượng người phát tâm cầu Vô thượng giác đều đứng vững trong chánh định “ Hiện nhất thiết sắc thân”.

Các Bò-tát, trời, người A-tu-la... thấy vậy đều sầu khổ buồn thương. Bò-tát trong đại chúng, bèn lập thệ: Ta bỏ 2 tay ắt sẽ được thân Phật. Nếu quả đúng như vậy, thì xin cho 2 tay ta tự nhiên trở lại, ấy là nhờ phước đức và trí tuệ thuần hậu của Bò-tát.

Đức Phật Thích Ca hỏi BỒ-tát Tú Vương Hoa: “Ý người nghĩ sao? BỒ-tát Hỉ Kiến thuở xưa đâu phải ai lạ, chính nay là BỒ-tát Dược Vương đó. Ông ấy đã xả bỏ, bố thí, vô lượng số thân như thế. Nay Tú Vương Hoa, ai phát tâm muốn được Đạo vô thượng mà đốt ngón tay hay ngón chân cúng dường Tháp Phật, còn hơn người dùng nước, thành, vợ, con cùng trân bảo trong 3.000 đại thiên thế giới mà cúng dường. Còn ai dùng bảy báu trong khắp 3.000 đại thiên thế giới mà cúng dường Phật, BỒ-tát, Duyên Giác, La-Hán, cũng không có công đức bằng người thọ trì kinh Pháp Hoa, chừng một bài kệ bốn câu.

Tú Vương Hoa, trong các dòng nước, biển là bậc nhất. Cũng thế, trong các kinh của Như Lai nói, kinh Pháp Hoa là sâu lớn hơn hết.

Trong các thứ núi, núi Tu-di là bậc nhất. Trong các thứ kinh, Kinh Pháp Hoa là cao hơn hết.

Trong các tinh tú, mặt trăng là bậc nhất. Trong cá kinh, Kinh Pháp Hoa là sáng soi hơn hết.

Như mặt trời năng trừ mọi thứ tối tăm. Kinh Pháp Hoa năng phá tất cả những tối tăm của cái chướng lành.

Trong các hàng Tiểu vương, Đại-đế là bậc nhất. Trong các thứ kinh, Kinh Pháp Hoa đáng tôn trọng hơn hết.

Như Đế Thích làm vua thống ngự 33 cõi trời, Kinh Pháp Hoa và vua các kinh.

Như Phạm Thiên là cha của tất cả chúng sanh. Kinh Pháp Hoa là cha của tất cả Hiền Thánh.

Trong hàng Phạm-phu, Tứ Thánh, và Duyên Giác là bậc nhất. Trong tất cả các kinh do Như Lai, BỒ-tát, Thanh Văn nói, Kinh Pháp Hoa là bậc nhất trong hàng chúng sanh.

Trong tất cả Thanh Văn và Duyên Giác, BỒ-tát là bậc nhất. Trong tất cả các kinh, Kinh Pháp Hoa là bậc nhất.

Như Phật là vua các pháp, kinh này là vua của các kinh.

Tú Vương Hoa ! Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh, làm cho chúng sanh xa rời các khổ não; Kinh này có thể cho chúng sanh nhiều lợi ích, làm thoả mãn những mong cầu của chúng sanh, như ao nước trong có thể làm thoả mãn người khát nước. Như người lạnh được lửa, như trần truồng được quần áo, như đi buôn gặp người dẫn mí, như con gặp mẹ, như muốn qua sông gặp thuyền, như bệnh gặp thầy, như tối được đèn, như nghèo được báu, như dân được vua, như hàng hải gặp biển, như đước trừ tối. Kinh Pháp Hoa này cũng thế, có thể làm cho chúng sanh xa lìa mọi thứ thống khổ, mọi thứ bệnh tật, có thể cởi mở sự trói buộc của sanh tử.

Ai nghe được kinh này, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người chép, thì được công đức nhiều cho đến nỗi trí tuệ Như Lai cũng không ước tính được. Nếu chép kinh này mà còn dùng các thứ hoa hương, đèn dầu cúng dường, cũng được vô lượng công đức như thế.

Tú Vương Hoa ! Ai nghe phẩm “ Bồ-tát Dược Vương Bản Sự “ này cũng được vô biên công đức. Nếu là đàn bà thì sau khi dứt báo thân, không còn trở lại làm đàn bà nữa. Năm trăm năm sau Phật diệt độ, người nữ nào nghe kinh này và tu hành đúng theo lời kinh dạy, khi mạng chung, được vãng sanh nơi thế giới thanh tịnh và an lạc.

Bây giờ, các đức Phật đồng khen: Hay thay ! Lành thay ! Đây thiện nam tử, người có thể trong pháp của Phật Thích Ca mà thọ trì, đọc tụng, suy gẫm Kinh Pháp Hoa và nói cho người khác nghe, người đặng công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng đốt được, nước chẳng làm trôi, phá được giấc ma, đánh bại quân sanh tử và diệt trừ các quân thù khác. Thiện nam tử, trăm ngàn đức Phật sẽ hộ trì người, tất cả trời, người, không ai bằng người, trừ Như Lai, không Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn nào có trí tuệ bằng người.

Ai nghe phẩm “ Dược Vương Bản Sự” này mà biết tùy hi khen ngợi, người đó trong đời hiện tại, miệng thường thoảng mùi thơm hoa sen, và các lỗ chân lông thường tiết mùi trầm.

Tú Vương Hoa, ta giao phó phẩm “ Dược Vương Bản Sự” cho người: Năm trăm năm sau khi ta diệt độ, phải đem ra truyền bá nói rộng ở cõi Diêm-phù-đề và đem sức thần thông mà giữ gìn, vì đây là phương thuốc hay cho người bệnh thế gian, ai bệnh mà nghe được kinh này thì bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Thấy ai thọ trì kinh này, Tú Vương Hoa nên dùng hoa sen xanh đựng đầy hương bột rải trên người ấy và nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu quyết

định sẽ trải cỏ ngồi nơi Đạo tràng, phá các ma quân, thổi ốc pháp, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng sanh ra khỏi sanh già bệnh chết ưu bi khổ não.

Lúc đức Phật nói phẩm “ Dược Vương Bồ Tát” này có 84.000 Bồ-tát được Đà-la-ni “Giải nhất thiết chúng sanh ngôn ngữ”.

Đức Phật Đa Bảo trong tháp báu khen Tú Vương Hoa Bồ-tát: Lành thay ! Lành thay ! Tú Vương Hoa, người thành tựu những công đức không thể nghĩ bàn mới hỏi được đức Phật Thích Ca việc như thế, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Dược Vương Bồ Tát Bồ Tát là sự tích xa xưa của Bồ-tát Dược Vương. Mật ý của phẩm kinh này. Phật dạy cho chúng sanh về “ một phương thuốc chúa”. Bởi vì chúng sanh cõi Ta-bà lắm bệnh nguy nan. Trong đó bệnh Chấp ngã, Chấp pháp là thứ bệnh gốc sinh ra các bệnh.

* Theo các tiền bối, bắt đầu từ phẩm Dược Vương là phần * Nhật Phật Tri Kiến. Các phẩm trước, hướng dẫn cho hiểu kỹ (ngộ) về Phật tánh. Đến đây, chỉ cách thực hành, làm cho Phật tánh thể hiện để sống trong Phật tánh ấy (Nhật Phật tri kiến).

* Bồ tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến ở vào thời Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, cách đây vô lượng hằng sa số kiếp xa xưa, nhưng hiện nay là Bồ-tát Dược Vương đệ tử Phật Thích Ca. Đó là một dữ kiện để tìm học hiểu về một phương thuốc chúa.

* Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát là vị Bồ-tát mà ai thấy cũng dễ thương cũng vui mừng.

Muốn thành tựu “ phương thuốc chúa”, trước hết chúng ta phải là một Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến ấy.

* Tam muội: “ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân” của Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến được, là kết quả của quá trình tu học Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Bồ-tát dám làm những hạnh khó, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật ở thời Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai. Chính nhờ cái vốn

liếng Diệu Pháp Liên Hoa đã tu học hồi xa xưa ấy, mà nay thành một phương thuốc chữa, một Bồ-tát Dược Vương trong thời hiện tại.

“ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân” có nghĩa là thứ tam muội “ tự tại vô ngại” trước mọi hạng người, mọi căn cơ, chủng tánh của mỗi hạng chúng sanh. Nói cách khác: thứ tam muội “ như như bất động” trước ngoại cảnh.

Phải cúng dường Phật, đem tất cả những thứ thơm tho nhất, quý giá nhất trong thứ thơm tho để cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai. Cúng dường cho thật nhiều cho thường xuyên bền bỉ. Chẳng những thế, còn cúng dường luôn cả thân mạng nữa. Uống tất cả những thơm tho quý nhất vào cơ thể, ướp tất cả những thơm tho quý nhất vào thân. Làm như vậy trải thời gian cả 1.200 năm để cho thân tâm trở thành một chất thơm tho. Sau đó tự đốt bằng sức nguyện thần thông để cúng Phật.

Cúng dường như thế là chân tinh tấn là “ cúng dường pháp”.

Cúng dường như thế có nghĩa là cúng dường bằng sự chuyển hoá chất lượng không thanh tịnh của thân tâm biến thành chất lượng thanh tịnh thơm tho, chất lượng Phật ở thân tâm mình.

* Đốt. Đốt đi. Đốt nữa. Đốt mãi, đốt với thời gian dài 1.200 năm hay lâu hơn nữa cũng nên. Bởi vì “ cái bản ngã của con người khó mà diệt trừ trong một sớm một chiều”. Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến phải đốt đến 1.200 năm “ cái ta”, “ cái bản ngã” mới hết. Còn Phật tử chúng ta ngày nay, chưa được chúng sanh nào “ Hỷ Kiến” , vậy phỏng độ mình phải đốt thêm bao nhiêu năm nữa mới biểu lộ sự hỷ-kiến khi chúng sanh chiêm ngưỡng dung nhan.

Chết đi cái hoàn cảnh ô trược để sống lại trong hoàn cảnh trong sạch của nhà vua Tịnh Đức . Chết đi cái tứ đại thai sanh ô trược, để sống lại trong hoá sanh tinh khiết. Đó là tiến trình phát triển của sự vật từ giản đơn đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện lên hoàn thiện. Chúng luôn luôn phủ định lấy nhau. Bảo thủ là lạc hậu. Cố chấp là dẫm chân một chỗ.

* Trước giờ phút nhật Niết Bàn, (đây là đức Phật thứ 4, nhập Niết Bàn, sau khi nói Kinh Pháp Hoa xong) Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức phó thác tất cả Phật pháp, Bồ-tát, Đệ-tử, bảo thọ, bảo đài, thất bảo, xá lợi... cho Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến. Một đệ-tử Bồ-tát như thế, thảo nào Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức chẳng uỷ thác chúc luy tất cả Phật sự cho.

* Vào bàn tay Bồ-tát thì nắm xương tàn (xá lợi) cũng làm nên Phật pháp rất nhiều, làm cho Phật pháp cao siêu vĩ đại. Phải làm được như thế thì sự cúng dường xá lợi mới có ý nghĩa. Công đức ở chỗ tuyên dương chánh pháp, lợi lạc quần sanh, chớ tháp cao ba thế giới mà xây đến 84.000 ngôi, thì Bồ-tát “vác dù đi quyên tử” biết đến bao giờ thành tựu, mà thành tựu để được gì cho Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức và Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến.

“ Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. (Hễ là vật chất thì hư huyễn tất cả. Chừng nào thấy được cái tánh “ phi vật chất” của vật chất mới thấy được Như Lai Phật).

* Thiện tâm, thiện hạnh, thiện chí như thế mà Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến chưa tự mãn với công đức của mình. Trước 84.000 tháp Bồ-tát nguyện đốt 2 tay “ trăm phước” trang nghiêm mà người trí hiểu là đốt đi những cặp phạm trù đối đãi: Phải Trái. Ta Người. Thân Sơ. Thương Ghét. Tốt Xấu. Trọng Khinh. Lấy Bỏ. Hơn Thua. Sang Hèn. Trí Ngu. Thành Bại.

Đốt, Bồ-tát đốt mãi 72.000 năm để cúng dường cho đến “ cái ta” tàn rụi mới thôi.

* Nếu đốt để huỷ diệt, đốt để cho tàn đời thì chẳng khác gì những kẻ thất tình thất chí đã làm, chẳng có gì ích lợi cho ai. Bồ-tát đốt 2 tay Phải Trái để có 2 tay Phước Đức, Trí Tuệ. Đó là một hình thức cải tạo để mà xây dựng. Mà xây dựng cái mới, tất nhiên phải tốt đẹp hơn lên.

Cái tinh thần đó của Đại thừa Phật giáo nói lên tánh tích cực lạc quan tự tin khả năng hoá cải, chuyển hoá của chính con người, để đưa con người đến đỉnh cao của giải thoát giác ngộ.

* Tất cả tạng bí yếu của Như Lai đều gồm chứa ở Kinh Pháp Hoa. Cho nên , đối với sông ngòi, kinh rạch, Kinh Pháp Hoa là biển. Với gò nong đồi cao, Kinh Pháp Hoa là núi. Với các tinh tú Kinh Pháp Hoa là trăng. Với các vua quan, Kinh Pháp Hoa là Chuyển LuânThánh Vương. Với tam thập tam thiên, Kinh Pháp Hoa là Đế Thích. Với tứ quả Thanh Văn, kinh Pháp Hoa là A-la-hán. Đối với các pháp, kinh Pháp Hoa là Phật.

Kinh này có thể cứu khổ tất cả chúng sanh. Nghe kinh này, người có bệnh, bệnh sẽ lành. Người sợ già , sợ chết sẽ không già không chết. Vì kinh này là Dược Vương là Phương Thuốc Chúa.

“ Trường không túng sử song phi cốc

Cự hải hà phòng nhất điểm âu”.

(Ngại gì bọt sóng lô nhô biển

Vài áng mây thưa giữa khoảng không)

Tinh thần báy ứ đó của Tuệ Trung Thượng sĩ, chắc chắn là phát xuất từ tư tưởng của Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa này.

---000---

PHẨM 24: DIỆU ÂM BỒ TÁT VĨNG LẠI

Lúc bấy giờ , đức Phật Thích Ca , từ nơi nhục kế phóng một đạo hào quang, rồi từ giữa đôi lông mày cũng phóng một đạo hào quang rực rỡ khắp soi một trăm tám muôn ức na-do-tha hằng sa thế giới chư Phật ở phương Đông. Xa hơn số thế giới này, có một thế giới tên là Tịnh Quang Trang Nghiêm. Tại nước ấy, có Phật hiệu là Tịnh Hoa Tú Vương Trí đang thuyết pháp cho vô lượng vô biên Bồ-tát cung kính vây quanh nghe. Hào quang lông mày của đức Phật Thích Ca soi khắp nước Tịnh Quang.

Bây giờ trong nước Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm có một Bồ-tát tên là Diệu Âm, từ lâu đã trồng cội đức, cúng dường, gần gũi vô lượng chư Phật, cho nên đã thành tựu trí tuệ rất sâu và được nhiều thứ tam muội là: diệu tràng, pháp hoa, tịnh đức, túc vương trí, vô duyên, trí ẩn, giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn, tập nhất thể công đức, thanh tịnh, thần thông du hí, huệ cự, trang nghiêm vương, tịnh quang minh, tịnh tạng, bất cộng và nhật triền. Bồ-tát Diệu Âm được trăm ngàn muôn ức hằng hà sa đại tam muội như thế. Thân tâm trong ánh sáng đức Phật Thích Ca, Bồ-tát Diệu Âm liền bạch với Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí: “ Thế Tôn ! Tôi sẽ sang thế giới Ta-bà, lễ bái, gần gũi cúng dường Phật Thích Ca cùng ra mắt các Bồ-tát Văn Thù, Dược Vương, Dũng Thí, Tú Hoa Vương, Thượng Hành Ý, Trang Nghiêm Vương và Dược Thượng”.

Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí nói với Bồ-tát Diệu Âm: “ Người chẳng nên xem rẻ nước kia (thế giới Ta-bà) mà tưởng là thấp kém. Đây thiện nam tử, thế giới Ta-bà cao thấp không bằng phẳng, dãy dãy núi đất, núi đá và những nhơ xấu, thân Phật thấp nhỏ, hình các Bồ-tát cũng nhỏ như vậy, còn thân

người thì cao đến 42.000 do-tuần, thân ta đến 680.000 vạn do-tuần; thân người mà còn đoan chánh bậc nhất. Như thế, được trăm ngàn muôn phước làm cho hết sức sáng rõ. Vì vậy sang đến cõi Ta-bà, chớ nên xem khinh dùng sanh lòng nghĩ tưởng rằng Phật, Bồ-tát cùng nhân dân cõi nước này là thấp thỏi yếu đuối.

Bồ-tát Diệu Âm bạch: Thế Tôn ! Con nay qua cõi Ta-bà là do sức thần Như Lai, do thần thông du-hí của Như Lai, do công đức trí tuệ, trang nghiêm của Như Lai.

Lúc ấy, Bồ-tát Diệu Âm không rời khỏi chỗ ngồi, thân chẳng lay động, nhập chánh định, dùng sức mạnh của chánh định, tại núi Kỳ-xà-quật, cách chỗ Bồ-tát ngồi không xa, hoá ra 84.000 hoa sen báu, cộng bằng vàng diêm-phù-đàn, cành bằng bạc, nguy bằng kim cương và đài bằng báu.

Bồ-tát Văn Thù thấy vậy mới bạch với đức Thích Ca: “ Thế Tôn ! Do đâu mà có diêm tốt này?” Đức Phật đáp: Đó là diêm Bồ-tát Diệu Âm, từ nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí muốn cùng 84.000 Bồ-tát đến cõi Ta-bà, để cúng dường, gần gũi, lễ lạy ta và cũng muốn cúng dường nghe kinh Pháp Hoa.

Bồ-tát Văn Thù bạch: Thế Tôn ! Bồ-tát đó trông cội lành gì, tu công đức gì mà được sức đại thần thông như thế? Tu tam muội gì? Cúi xin Thế Tôn nói cho chúng con biết tên tam-muội đó vì chúng con muốn tu tam-muội ấy để thấy được sắc tướng và oai nghi tiền, dùng tự tại của Bồ-tát Diệu Âm. Khi Bồ-tát tới, cúi xin Thế Tôn dùng sức thần thông làm cho chúng con thấy được Bồ-tát. Đức Thích Ca đáp: Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu, sẽ vì các người mà hiện bày thân tướng của Bồ-tát Diệu Âm.

Tức thời Phật Đa Bảo bảo Bồ-tát Diệu Âm: “ Thiện nam tử ! Hãy đến đây, Văn Thù muốn thấy thân của người đấy”.

Bấy giờ Bồ-tát Diệu Âm, đang ẩn mặt ở nước kia, bèn cùng 84.000 Bồ-tát đồng qua cõi Ta-bà. Trái qua các nước, đâu đâu đất cũng chuyển động 6 cách, hoa sen bảy báu rưới như mưa, trăm ngàn nhạc trời chẳng trỗi tự kêu, mắt của Bồ-tát như cánh hoa sen xanh rộng lớn, diện mạo tốt đẹp hơn trăm ngàn muôn mặt trăng hợp lại, thân sắc vàng ròng trang nghiêm bằng vô lượng công đức, oai đức rất thanh, ánh sáng chói rực, đầy đủ các tướng như thân bền chắc của Na-la-diên.

Bồ-tát Diệu Âm vào đài bảy báu, bay lên hư không cách đất bảy cây đa-la và cùng chư Bồ-tát vây quanh, đến núi Kỳ-xà-quật ở cõi Ta-bà. Tới nơi rồi, Bồ-tát xuống đài, lấy chuỗi ngọc giá trị trăm ngàn cúng dường đức Phật Thích Ca mà bạch rằng: Thế Tôn ! Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí có lời hỏi thăm Thế Tôn ít bệnh, ít buồn, đi đứng thơ-thới, và hoạt động trong sự an-lạc không? Bốn đại có điều hoà chăng? Việc đời nhần được chăng? Chúng sanh dễ độ chăng? Không có nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bòn xén, kiêu mạn, phải vậy chăng? Không còn điều bất hiểu với cha mẹ, chẳng kính Sa-môn, tà kiến, tâm chẳng lành, năng hàng phục các ma oán chăng? Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu và trong tháp bảy báu, có đến nghe pháp chăng? Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí lại dặn tôi hỏi thăm Đa Bảo Như Lai có an ổn, ít buồn hay chịu đựng và ở lâu được chăng? Thế Tôn ! Tôi muốn thấy thân Phật Đa Bảo, cúi xin Thế Tôn chỉ cho tôi được thấy.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca nói với Phật Đa Bảo: Bồ-tát Diệu Âm muốn ra mắt Ngài. Đức Phật Đa Bảo liền nói với Bồ-tát Diệu Âm: Hay lắm ! Hay lắm ! Vì cúng dường Phật Thích Ca, cùng nghe kinh Pháp Hoa và thấy Văn Thù ... người đến cõi này !

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Hoa Đức bạch Phật Thích Ca: Thế Tôn! Bồ-tát Diệu Âm trông cội lành gì, tu công đức nào mà có sức thần thông như thế?

Đức Phật đáp: Thuở quá khứ có Phật hiệu Vân Lô Âm Vương, nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên Hi Kiến Suốt 12.000 năm, Bồ-tát Diệu Âm dùng 10.000 thứ kỹ nhạc cúng dường Phật Vân Lô Âm cúng dâng 84.000 bát bảy báu. Do nhân duyên quả báo đó mà nay sanh tại nước của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí và có sức thần như thế. Nay Hoa Đức, người nghĩ sao? Diệu Âm Bồ-tát thuở xưa đó, chính nay là Bồ-tát Diệu Âm đây. Bồ-tát Diệu Âm này đã từng cúng dường, gần gũi, vô lượng Phật, từ lâu vun trồng công đức, lại gặp hằng hà sa Phật. Nay Hoa Đức, người chỉ thấy thân hình của Diệu Âm ở tại đây, chẳng dè Bồ-tát ấy hiện các thứ thân hình, nơi nơi đều vì chúng sanh mà nói kinh điển này. Diệu Âm có thể hiện thân Phạm Vương, Đế Thích, Tự-tại-thiên, Đại-tự-tại-thiên, Thiên-đại-tướng-quân, Tỳ-sa-môn-thiên-vương, Chuyên-luân-thánh-vương, Tiểu-vương, Trưởng-giả, Cư-sĩ, Tể-quan, Bà-la-môn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc hiện thân vợ tể quan, hoặc hiện thân trai, gái, trời, rồng, dạ-xoa... người, cùng không phải loài người... mà nói kinh này. Bao nhiêu địa ngục, nga quý, súc sanh và ở đâu có tai nạn, Diệu Âm đều có khả năng cứu giúp, thậm chí đến trong hậu cung vua chúa, Bồ-tát cũng biến làm thân người nữ mà nói kinh này.

Hoa Đức, Bồ-tát Diệu Âm này hay cứu hộ các chúng sanh trong cõi Ta-bà , vì chúng sanh mà nói kinh Pháp Hoa , tuy vận dụng thần thông biến hoá như thế mà trí tuệ sáng soi cõi Ta-bà, khiến tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều được sự hiểu biết của mình, còn trong hằng hà sa thế giới mười phương cũng đều được như vậy. Nếu phải dùng hình Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát hay Phật để độ thoát chúng sanh thì Diệu Âm liền hiện ra hình ấy mà nói pháp. Thậm chí phải diệt độ để độ thoát chúng sanh thì cũng thị hiện diệt độ.

Bồ-tát Hoa Đức bạch Phật: Thế Tôn ! Bồ-tát Diệu Âm ở trong tam muội nào có thể biến hiện ở các nơi và trong nhiều thân hình như thế? Phật đáp: Tam muội đó gọi là: Hiện nhất thiết sắc thân.

Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát Vãng Lai này, 84.000 Bồ-tát cùng đi với Bồ-tát Diệu Âm đều được tam muội Hiện Nhất Thiết Sắc Thân.

Khi Bồ-tát Diệu Âm cúng dường đức Phật Thích Ca và tháp Đa Bảo xong rồi trở về nước mình, các nước của Bồ-tát trải qua đều chấn động, trên các mưa hoa sen báu, nhạc trời tự trở như lúc đi. Về đến nước rồi, Bồ-tát cùng 84.000 Bồ-tát vây quanh đến trước Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí bạch rằng: Thế Tôn ! Con đến cõi Ta-bà làm lợi ích cho chúng sanh, đã ra mắt lễ lạy, cúng dường đức Phật Thích Ca, ra mắt tháp Phật Đa Bảo lại gặp các Bồ-tát Văn Thù, Dược Vương, Dũng Thí và cũng đã làm cho 84.000 Bồ-tát này được tam muội Hiện nhất thiết sắc thân.

Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát vãng lai này 42.000 người cõi nhân thiên được vô sanh pháp nhẫn, còn Bồ-tát Hoa Đức được Pháp Hoa tam muội.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Diệu Âm là tiếng màu nhiệm. Diệu Âm Bồ-tát được biểu trưng cho tiếng màu nhiệm của chân tâm thanh tịnh. Kinh nói Diệu Âm Bồ-tát ở nước Nhất thiết tịnh quang trang nghiêm có nghĩa là Diệu Âm Bồ-tát chỉ có mặt ở thế giới “ Nhất thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm”. Cũng như tiếng lòng màu nhiệm chỉ hiện hữu ở tâm hồn trong sáng và thanh tịnh, không có các phiền não cấu uế nhiễm ô.

Muốn tiếp cận, gặp gỡ liên hệ Diệu Âm, phải nhờ ánh sáng Phật soi rọi mới thấy và liên hệ được. Cũng như muốn “nghe” được tiếng màu nhiệm của chân tâm thanh tịnh, phải có giác tri. Dùng ánh sáng trí tuệ giác soi rọi vào

tâm (hồi quang phản chiếu) mới “nghe” được tiếng mầu nhiệm của lòng trong sạch của mình. Nếu không dùng ánh sáng trí tuệ hồi quang phản chiếu, thì tiếng mầu nhiệm của tâm dù có, cũng như không, vì người ta sẽ không bao giờ “nghe” được. Diệu Âm dù sẵn ở thế giới Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm nhưng nếu không có “ánh sáng Phật” soi rọi thì Bồ-tát Diệu Âm không có điều kiện liên hệ tiếp cận với chúng sanh ở thế giới Ta-bà và Diệu Âm Bồ-tát có cũng như không có.

Diệu Âm Bồ-tát được nhiều tam muội, xét cho tột lý thì đó là chuyện tất nhiên. Bởi như ta đã hiểu, Diệu Âm Bồ-tát là biểu trưng cho tiếng mầu nhiệm của chân tâm thanh tịnh thì còn có thứ tam muội nào ngoài chân tâm thanh tịnh ấy? Cho nên kinh nói: “Bồ-tát được trăm nghìn muôn ức hằng hà sa các đại tam muội”.

Khi chưa có ánh sáng Phật soi đến thế giới Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm, thì hai thế giới cách xa tám trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa cõi Phật. Nhưng khi Phật Thích Ca dùng “ánh sáng Phật” soi rọi thì thế giới Ta-bà và thế giới Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm in tuồng như có một, chẳng còn cách trở bởi cự ly, cho nên Diệu Âm Bồ-tát chỉ trong khoảnh khắc đã tận mặt với chúng sanh, Bồ-tát và Phật ở cõi Ta-bà.

Tiếng mầu nhiệm của chân tâm rất thâm sâu, xa thăm đến nỗi dường như không có, nếu chúng sanh mê. Nhưng nó có thể đến rất nhanh, trong khoảnh khắc với ta, nếu ta có giác chiếu.

Diệu Âm dù thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ, nhưng không nên sanh tướng hạ liệt với Phật và Bồ-tát ở thế giới Ta-bà. Lời Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí dạy như thế. Bởi vì Phật, Phật đạo đồng. Bồ-tát phải hiểu như thế, mọi đệ tử Phật phải hiểu như thế. Và lại, Diệu Âm qua cõi Ta-bà là do sức thần Như Lai, nếu không có sức thần Như Lai thì Diệu Âm cũng không có khả năng đến. Chính Bồ-tát Diệu Âm đã hiểu như thế và sự thật là như thế. Bởi vì, nếu không có “giác tâm” hồi quang phản chiếu thì tiếng lòng mầu nhiệm không có cơ hội hiện ra.

Diệu Âm sắp đến cõi Ta-bà, bấy giờ cõi Ta-bà trở thành đẹp đẽ. 84.000 hoa sen báu mọc lên: cọng, cánh, nhụy, gương hạt toàn bằng vàng bạc, kim cương, chân-thúc-ca, các báu hoà hợp thành, để đón mời Bồ-tát Diệu Âm và 84.000 Bồ-tát tùy tùng sắp đến. Trên đường ngang qua, các cõi nước cũng đều có hiện tượng đẹp: Nhạc trời không trôi tự kêu, hoa sen báu tự rơi rải cúng dường Đại-địa (Tâm Địa) rung động sáu cách...

Tiếng lòng mầu nhiệm đến, thì cõi lòng ta sẽ có hiện tượng hân-hoan, đẹp đẽ, khinh an, thanh tịnh. Các tạp tướng ô trược ẩn đi, những gì quý báu trong sạch, trang nghiêm, an lành sẽ đến ở lòng ta.

Phật Thích Ca biểu trưng “thị giác”

Phật Đa Bảo biểu trưng “bản giác”

Phải vận dụng cả thị giác và bản giác mới có thể tận mặt, thấy được Diệu Âm. Chỉ có thị giác thôi, chưa đủ điều kiện tương kiến. Cho nên, Phật Thích Ca phải “mời” Phật Đa Bảo hiển bày thân tướng “Diệu Âm” cho Bồ-tát Văn Thù và đại chúng Pháp Hoa hải hội thấy. Sự việc đó nhằm dạy cho Phật tử phải vận dụng bản giác và thị giác của mình, khi muốn tận mặt Diệu Âm, muốn “nghe” Tiếng lòng mầu nhiệm.

Cũng như chư Bồ-tát “Tùng Địa Dũng Xuất” ở phẩm thứ 15, qua nghi lễ tương kiến thông thường, Bồ-tát Diệu Âm liền xin Phật Thích Ca được ra mắt Phật Đa Bảo. Vì bản giác, thị giác là mục tiêu đạt đến, là công tác hàng đầu đối với một Bồ-tát vậy.

Những lời vấn an Phật, của Bồ-tát Diệu Âm, được xem như tiếng nhắc nhở của Diệu Âm, của tiếng lòng mầu nhiệm.

- Ít bệnh, ít khô, thơ-thới an vui với việc làm trong cuộc sống hàng ngày.
- Điều hoà tứ đại (điều thân)
- Nhẫn nhục việc đời (điều tâm)
- Chế ngự dễ dàng tư tưởng (chúng sanh dễ độ)
- Không nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bòn xén, kiêu mạn.
- Không bất hiếu với cha mẹ.
- Không phi báng sa-môn.
- Không tà kiến chẳng lành.
- Hàng phục các oán thù khuấy nhiễu của ma.

- Kích khởi tâm biếng lười hay siêng năng nghe pháp.
- Hãy sống an ổn, sống kham nhẫn, đừng đau khổ, đừng bất mãn, đừng trốn tránh sự thực ở cõi đời.

Đó là những điều phát xuất từ Diệu Âm và phải được hiểu đó là Tiếng lòng mẫu nhiệm của ta, nhắc nhở cho ta những điều “ngăn dút” và những gì nên phát triển ở lòng mình.

Diệu Âm mà trở thành Diệu Âm Bồ-tát là do nhiều đời cúng dường Phật Vân lô âm. Cũng như vàng mà được thành vàng ròng là do trước đó đã nấu lọc quặng vàng. Tiếng lòng mẫu nhiệm đến với ta là trước đó ta đã phải nghe những tiếng lòng tạp tướng mà ta đã chế ngự dút bỏ hết đi rồi.

Diệu Âm có thể hiện đủ các loại thân hình. Từ Phạm Vương, Đế Thích, Tự-tại-thiên, Đại-tự-tại-thiên, thân vua lớn, vua nhỏ, thân trưởng giả, cư sĩ, quan quyền, sa-môn, bà-la-môn... Thiên long bát bộ, nhơn, phi nhơn... cho đến hậu cung của vua, Diệu Âm cũng hiện làm thân người nữ mà nói kinh Pháp Hoa.

Với chúng tánh lớn hơn, những người xuất ly tam giới, nếu cần thân Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Phật để độ được, thì Diệu Âm cũng tùy căn cơ mà hiện thân thuyết pháp hoá độ cho mỗi hạng người. Nếu cần sự hoá độ không lời, như đức nhẫn nhục, hạnh làm gương. Diệu Âm vẫn có khả năng tùy nghi độ thoát.

Nói trắng ra là ở giai cấp nào, người ở giới nào, căn tánh nào, cũng sẵn có Diệu Âm. Chỉ khác nhau ở chỗ có biết khai thác hay không, để cho Tiếng mẫu nhiệm của cõi lòng được hiện thực hay ẩn tàng mãi mãi để rồi mai một trong tâm khảm, dày đặc vô minh u tối !

Là Bồ-tát thì lấy sự độ sinh làm sự nghiệp. Cho nên cần có tam muội “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân”. Phải “Hiện nhất thiết sắc thân” mới lợi ích chúng sanh nhiều được. Cho nên 84.000 Bồ-tát tùy tùng và vô lượng Bồ-tát vãng lai đều được “Hiện nhất thiết sắc thân” tam muội.

Không có tam muội “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân” không hoàn thành vai trò và nhiệm vụ của một Bồ-tát được.

Diệu Âm Bồ-tát trở về thế giới Nhất thiết tịnh quang trang nghiêm. Thế là cõi Ta-bà không còn rục rở nữa. Những điềm lành, hiện tượng tốt không còn.

Ôi ! Nếu ta chẳng có khả năng cầm giữ Tiếng mầu nhiệm của chân tâm thanh tịnh ở với ta, thì cõi lòng của ta sẽ trở lại với bao nhiêu nhiệt não đau thương, với cuộc sống ê chề dục vọng...

Chúng ta hãy gắng mà “ giữ mãi Diệu Âm” ở lại !

---o0o---

PHẨM 25 : QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Vô Tận Ý lễ Phật bạch rằng: Thế Tôn ! Do nhân duyên nào mà Bồ-tát Quán Thế Âm có tên là Quán Thế Âm.

Phật bảo: Vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh đang bị khổ não mà nghe Bồ-tát Quán Thế Âm rồi “ nhất tâm” xưng niệm danh hiệu của Bồ-tát thì tất cả chúng sanh ấy đều được giải thoát khổ não.

Người nắm giữ danh hiệu của Bồ-tát Quán Thế Âm thì nhờ oai thần của Bồ-tát mà:

- Vào lửa, không bị lửa thiêu
- Chìm dưới nước, được vào chỗ cạn.
- Đi thuyền tìm châu báu trong biển lớn bị lạc vào nước quỷ La Sát sẽ thoát được nạn quỷ ấy.
- Sắp bị dao gậy chém đánh, thì dao gậy kia bị gãy từng khúc.
- Khỏi bị Dạ Xoa và La Sát làm hại, thậm chí chúng không dám ngó nhìn.
- Bị giềng xích gông cùm, đều có tội hay không, xiềng xích gông cùm thảy đều đứt rã.
- Gặp đường hiểm nạn, được thoát khỏi và không bị sợ hãi.

Lại nữa, chúng sanh nào nhiều dâm dục, nhiều giận hờn, nhiều ngu si, mà thường cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm thì được lia dục, lia sân, lia si.

Này Vô Tận Ý, Bồ-tát Quán Thế Âm oai thần vòi vọi như thế, cho nên chúng sanh phải một lòng tưởng nhớ.

Người nữ nào lễ bái, cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm để cầu con trai thì được con trai phước đức trí tuệ, còn muốn cầu con gái thì được con gái hình tướng xinh đẹp, trông sâu cội phước, người người kính mến.

Cung kính lễ bái Quán Thế Âm phước đức không bao giờ mất và nhiều như phước đức của người niệm danh hiệu và cúng dường sáu mươi ức hằng hà sa Bồ-tát.

Vô Tận Ý bạch: Thế Tôn ! Bồ-tát Quán Thế Âm làm thế nào mà đạo khắp Ta-bà? Sức mạnh phương tiện của Bồ-tát như thế nào?

Phật bảo: Nếu có chúng sanh quốc độ nào cần thân Phật mới độ thoát họ được, thì Bồ-tát Quán Thế Âm liền hiện thân Phật mà thuyết pháp cho họ nghe. Nếu cần thân Duyên Giác, thân Thanh Văn, thân Phạm Cư, thân Đế Thích, thân Tự Tại Thiên, thân Thiên Đại Tướng Quân, thân Tỳ-Sa-Môn, thân Tiểu Vương, thân Trưởng Giả, thân Cư-Sĩ, thân Tể Quan, thân Bà-la-môn, thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, thân con trai, thân con gái, thậm chí đến thân Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, cùng không phải loài người, để độ thoát một chúng sanh của một quốc độ nào đó, thì Bồ-tát Quán Thế Âm tùy trường hợp mà hiện thân ấy để hoá độ.

Vô Tận Ý, Bồ-tát Quán Thế Âm thành tựu công đức như thế, dùng các thứ thân hình, đạo cùng các nước mà độ thoát chúng sanh, vì vậy chúng người phải “nhất tâm” cúng dường. Bồ-tát Quán Thế Âm còn được cõi Ta-bà gọi là “Người bố thí vô úy” vì trong hoàn cảnh sợ hãi tai nạn nguy cấp, Bồ-tát có khả năng làm cho hết sợ.

Vô Tận Ý bạch Phật: Thế Tôn ! Con xin cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm. Nói xong, liền mở xâu chuỗi ngọc đang đeo nơi cổ, giá trị trăm ngàn lượng vàng, đem dâng cho Bồ-tát Quán Thế Âm mà nói rằng: Xin ngài nhận món pháp thí bằng châu báu này.

Bồ-tát Quán Thế Âm không chịu nhận. Vô Tận Ý lại thưa: Xin Ngài thương xót chúng tôi mà nhận cho.

Bấy giờ Phật bảo Bồ-tát Quán Thế Âm: Ông nên thương xót Vô Tận Ý và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, loài người và không phải người... mà nhận chuỗi ngọc.

Vô Tận Ý Bồ-tát nói một bài kệ, để hỏi đức Phật:

“ Thế Tôn đủ tướng tốt

Con nay xin hỏi Phật

Phật tử kia duyên gì

Tên là Quán Thế Âm”

Kệ đáp:

“ Vô Tận Ý nghe đây

Hãy nghe hạnh Quán Âm

Khéo ứng các nơi chốn

Thệ rộng sâu như biển

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn

Hầu nhiều nghìn ức Phật

Phát nguyện thanh tịnh lớn”

Ta vì ông lược nói:

Nghe danh và thấy thân

Tâm niệm không xao lãng

Hay diệt khổ ba cõi

Giả sử khởi ý hại

Xô rớt hầm lửa lớn

Do sức Quán Âm kia

Hầm lửa biến thành ao

Hoặc trôi dạt biển lớn

Cá, rồng, quý các nạn

Do sức Quán Âm kia

Sóng mòi đập chẳng chìm

Hoặc ở chót Tu-di

Bị người xô rớt xuống

Do sức Quán Âm kia

Như mặt trời trụ không

Hoặc bị người ác rượt

Rớt xuống núi kim cương

Do sức Quán Âm kia

Chẳng hại đến mây lông

Hoặc bị oán tặc vây

Đều cầm dao gia hại

Do sức Quán Âm kia

Đều liền sanh lòng lành

Hoặc bị khổ nạn vua

Gia hình mệnh sắp chết

Do sức Quán Âm kia

Dao liền gãy từng đoạn

Hoặc xiềng xích cầm tù

Tay chân bị cùm gông

Do sức Quán Âm kia

Tháo ra được thông thả

Trù ếm tra thuốc độc

Muốn hại chết người ta

Do sức Quán Âm kia

Người là, m mang hại lấy

Hoặc gặp La-sát dữ

Độc-long các quỷ yêu

Do sức Quán Âm kia

Chúng liền không dám hại

Hoặc thú dữ vây quanh

Nanh vút bén đáng sợ
Do sức Quán Âm kia
Chạy gấp chẳng kể đường
Rắn độc và bò cạp
Phun khí độc mịt mờ
Do sức Quán Âm kia
Tự khắc lui chạy hết

Mây đen sấm sét nổ
Giá tuôn mưa xối xả
Do sức Quán Âm kia
Tức thời tiêu tan hết

Chúng sanh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian
Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Mười phương các cõi nước
Không cõi nào chẳng hiện
Các loài trong đường dữ

Địa ngục, quý, súc sanh

Sanh, lão, bệnh, tử, khổ

Lần lần khiến dứt hết

Quán chơn, quán thanh tịnh

Quán trí tuệ quảng đại

Quán bi và quán từ

Thường nguyện thường chiêm ngưỡng

Quán thanh tịnh không nhớ

Trời trí tuệ phá tối

Hay phục tai gió lửa

Chiếu sáng khắp thế gian

Thê Bi ngừa sấm sét

Ý từ đám mây lành

Xôi mua pháp cam lồ

Dứt trừ lửa phiền não

Kiên tụng ở chỗ quan

Trong quân trận sợ sệt

Do sức Quán Âm kia

Oán cừu đều tan hết

Diệu Âm: Quán Thế Âm

Phạm âm, hải triều âm

Tiếng hơn hết thế gian

Cho nên thường phải niệm

Niệm niệm chớ sanh nghi

Quán Thế Âm Thánh Tịnh

Với khổ não chết chóc

Làm chỗ nương cậy cho

Đủ tất cả công đức

Mắt lành trông chúng sanh

Biển phước lớn vô lượng

Thế nên cần đánh lễ

Bấy giờ, Bồ-tát Trì Địa liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật thưa rằng:

Bạch Thế Tôn ! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn với sức thần thông, đạo nghiệp tự tại này thì nên biết công đức của người đó không phải tầm thường

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có 84.000 chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

---o0o---

THÂM NGHĨA

Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn thường gọi giản lược là phẩm Phổ Môn. Phẩm kinh này tùy chủng tánh và trình độ kiến giải của mỗi người mà

có sự nhận thức khác nhau. Vì vậy khi ứng dụng việc tu tập hành trì, mỗi người theo sự nhận thức của mình mà “tín ngưỡng”. Thế nên khó tìm một tiêu chuẩn mà nhất trí về Bồ-tát Quán Thế Âm và ý nghĩa của phẩm Phổ Môn này.

Theo sự phân pháp của Hải Ấn đại sư được nhiều bậc đa văn tiền bối tán đồng, phẩm Quán Thế Âm được liệt vào phần Nhập Phật tri kiến, giáo nghĩa rất thâm. Đây là pháp thực hành quán niệm dựa trên âm văn của nhĩ căn và thanh trần. Thanh trần và Âm, nhĩ căn và Văn vậy. Nhĩ căn có ba đức tánh Viên, Thông, Thường, nó đặc thù hơn các căn khác.

Ngồi một nơi yên tĩnh, mười phương có tiếng trống, cùng một lúc nghe đủ cả mười. Đó là đức Viên.

Cách vách có thể nghe tiếng. Tiếng gần tiếng xa cũng có thể nghe. Đó là đức Thông.

Có tiếng nghe đã đành, không tiếng tánh nghe vẫn có. Đó là đức Thường của nhĩ căn vậy.

“Phật xuất Ta-bà giới

Thử phương chân giáo thể

Thanh tịnh tại Âm văn

Dục thủ tam-ma-đề

Thật tòng Văn trung nhập”

Ý nghĩa bài kệ đó, nói lên ở kinh Thủ Lăng Nghiêm về sự ưu việt của Âm văn đó.

Phương pháp quán niệm Âm văn rất là quan trọng. Tu học phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát, Phật tử chúng ta hãy gác qua tình cảm do tập quán và truyền thuyết dân gian hời hợt. Hãy tìm hiểu kinh điển qua sự thấy biết, tư duy vận dụng lý trí có tánh khách quan, mới có thể nhận chân giáo lý, mới có thể biết được sự thật về những điều Phật dạy chúng ta.

Ở phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát thứ 20, đã đề cập Oai “Âm” Vương Phật. Đó là đức Bổn sư đã kín đáo gợi ý, mật chỉ tiên đề cho thính chúng Pháp Hoa hải hội về Âm văn trong hồi ấy.

Ở phẩm 21, Như Lai thân lực, Phật mật ý chỉ bày công dụng của Âm văn tỏ rõ hơn, qua hai sự kiện: tiếng tăng hắng và tiếng khầy móng tay, vang khắp mười phương quốc độ.

Ở phẩm 24, Diệu Âm, công dụng của Âm thanh đến đây đã thành Diệu: Diệu Âm đến, có mặt, thì cõi Ta-bà rực rỡ, trang nghiêm đẹp đẽ. Diệu Âm về, vắng tiếng, cõi Ta-Bà trở lại trạng thái cũ, không còn trang nghiêm đẹp đẽ nữa.

Phẩm Quán Thế Âm thứ 25 này, Phật dạy cho chúng ta cách Giữ diệu âm ở lại, để cõi Ta-bà xinh đẹp, rạng rỡ mãi.

Quán Thế Âm là danh hiệu “ Nhân cách hoá một phương pháp tu tập”.

Quán là vận dụng cái trí năng tri, soi rọi vào tâm để nhận thức đối tượng, như quán tưởng, quán niệm một đối tượng nào...

Thế có nghĩa là sự vận động tương tục không ngừng của sự vật. Ở đây nhằm chỉ bày sự tương tục của tâm tưởng chúng ta.

Âm là tiếng, Âm có âm hưởng, âm ba, âm thanh đều là đối tượng của Nhĩ căn.

Quán Thế Âm là quán niệm cái tiếng tâm thâm lặng mà trong như sương, trắng như tuyết, sáng chói như kim cương, nó thường xuyên liên tục không có phút giây gián đoạn ở lòng ta.

Ở đời có thứ tiếng nào thường xuyên liên tục không gián đoạn?

Tiếng của tâm ta. Tiếng lòng màu nhiệm của ta là thứ tiếng thường xuyên và liên tục không ngừng. Nó luôn luôn nói với chúng ta, nếu chúng ta để ý lắng nghe. Nó có khả năng nói ngày, nói đêm, nói ở mọi nơi chốn, chỉ trừ lúc ngủ không chiêm bao.

Nhưng làm sao biết được thứ tiếng nào là màu nhiệm?

Thứ tiếng có khuynh hướng tiến lên giải thoát giác ngộ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh định... được liệt vào tiếng màu nhiệm, là diệu âm đó. Trái lại, những thứ tiếng có chất vô minh, phiền não, khổ đau như : tham, sân, si, mạn... người Phật tử phải quên, bỏ nói đi, không nên lưu lại ở ký ức mình.

Diệu Âm tức Quán Thế Âm. Quán Thế Âm tức Diệu Âm đến rồi về để cho cõi Ta-bà trở lại trạng thái cũ, không giữ được vẻ xinh đẹp, trang nghiêm nữa. Đó là Diệu âm BỒ-tát vắng lai ở phẩm trước.

Kinh nói:

“Diệu Âm, Quán Thế Âm

Phạm Âm, Hải Triều Âm

Thắng bỉ thế gian âm

Thị cố tu thường niệm...”

Nghe phẩm Quán Thế Âm, mỗi người phải đặt mình là một Vô Tận Ý BỒ-tát. Phải sử dụng ý thức sâu xa vô tận, tư duy thăm thẳm tốt suốt nguồn tâm để nhận thức thâm nghĩa của kinh. Nếu sử dụng ý thức nông cạn, tư duy hời hợt, “tín ngưỡng” Quán Thế Âm như một đấng thần quyền, sẽ sa vào mê tín dị đoan, làm cho người trí khinh chê, chánh pháp từ đây mai một !

Giả sử có vô lượng chúng sanh đang gánh chịu nhiều điều khổ não mà được nghe “ Hạnh Quán Thế Âm”, liền quán âm thanh đó, thì họ sẽ được giải thoát những điều khổ não. Quán niệm “âm thanh” có nghĩa là tiếng của tâm mình, là Diệu Âm vậy.

Trọng tâm cứu khổ của Quán Thế Âm nhằm giải thoát sự khổ tâm, sự khổ tinh thần. Tất nhiên khi giải thoát khổ tinh thần, thì thân thể lành mạnh và mọi giá trị vật chất sẽ có ở tầm tay. Vì vật chất không ngoài tinh thần; tinh thần không ngoài vật chất. Hai thứ ấy tác động hữu cơ. Thế thì sự cứu độ, sự ban cho của Quán Thế Âm là cứu độ, ban cho tinh thần, ban cho những gì thuộc lãnh vực giải thoát giác ngộ của tâm tư và ý thức. BỒ-tát sẽ không ban cho vật chất hữu vi cho chúng sanh đâu, vì làm như vậy tức là dồn đẩy chúng sanh vào con đường khổ ải triền miên không lối thoát. Mà BỒ-tát thì không thể nào làm việc ác đức và tội lỗi đối với lương tâm mình.

Bởi vì:

“Đa dục vi khổ

Sanh tử bì lao

Tùng tham dục khởi

Thiểu dục vô vi

Thân tâm tự tại...”

Kinh Bát-đại Nhơn Giác, Bồ-tát đã thuộc nằm lòng.

...” Nhơn hệ ư thê tử xã trach, thậm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc khởi đản khu trì, tuy hữu khổ khẩu chi hoạn tâm hồn cam phục. Đầu nê tự nịch cố viết phạm phu, thấu đắc thủ môn xuất trần La-hán”.

Dính dấp vào con đường thê tử cũng như phu tử còn nguy khổ hơn bị tù. Ở tù còn có ngày mãn hạn, chứ thê tử thì không sao có được ngày tháng rảnh rang...

Kinh Tứ-thập nhị-chương, Bồ-tát cũng đã thuộc kỹ.

“ Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng, huyễn , bào, ảnh

Như lộ diệc như điện

Ứng tác như thị quán...”

Kinh Kim Cương Bát Nhã, Bồ-tát Quán Thế Âm thì làm sao quên được.

Quán Thế Âm Bồ-tát còn thuộc nhiều kinh lắm, chỉ có những người trong giới:

“Đẳng nhàn quá nhật, ngọt ngọt độ thời. Khả tích quang âm bất cầu thăng tiến. Đồ tiêu thập phương tín thí, diệc nãi cô phụ tứ ân...”

Họ cố ý bóp méo sự thật về “ Hạnh Quán Âm”. Họ tôn thờ và truyền bá Quán Thế Âm như một Bồ-tát chuyên làm công tác “ từ thiện xã hội”. Rằng Quán Thế Âm Bồ-tát hứa sẽ giúp đỡ, hộ độ tất cả những gì người tín chủ muốn, miễn là “ có lễ” và “ thiết lễ cầu an” trước tượng Ngài, thành tâm khấn nguyện và tụng phẩm “ Phổ Môn Kinh”

Không, không thể như vậy được. Bồ-tát là bậc Đại đạo tâm, thành tựu chúng sanh. Bồ-tát là bậc hữu tình đã giác ngộ. Bồ tát là bậc giác ngộ cho chúng sanh hữu tình. Đạo lý nhân quả Phật dạy, Bồ-tát đã thân chứng. Chánh, tà, chơn, nguy, chánh pháp, phi pháp, với trí tuệ “ hành thâm Bát nhã Ba la mật đa” không cần suy nghĩ, Bồ-tát đã biết rõ hết rồi.

Thế mà người ta nói: Bồ-tát là đại từ đại bi, cứu khổ, cứu nạn, Ngài độ hết thấy chúng sanh vô điều kiện, chỉ cần “ cúng dường”, “ cầu nguyện” và tha thiết “ khẩn vái” Ngài. Ý nghĩa nông cạn đó, việc làm không lý trí đó, đối với người trí, quả là sự bôi nhọ, sự sỉ nhục nặng nề đối với một Bồ-tát “Đẳng giác Quán Thế Âm”.

Muốn hiểu Bồ-tát Quán Thế Âm cứu khổ với hình thức nào, chúng ta phải hiểu những vấn đề được biểu trưng về khổ nạn và giải thoát khổ nạn được an vui như sau:

1. VỀ MẬT MẬT MẬT VÀ KHỔ NẠN:

Nạn lửa, chỉ cho tánh “ thấy biết”, vì tánh thấy biết trái ý hay sanh tánh nóng nảy như lửa. Cho nên về lửa có: Lửa giận tức. Lửa dâm dục. Lửa bất mãn, bất bình. Lửa hận não nung đốt tâm can.

Nạn nước, chỉ cho tánh “ nghe biết”, vì nếu nghe tiếng đàn giọng huyền, dễ bị cuốn trôi, nhận chìm trong nhục dục khổ đau. Tánh luyến-ái-nặng-nề, cũng được ám chỉ một hình thức cuốn trôi, nhận chìm của nước.

Quý la sát, ám chỉ những kẻ độc ác, hung bạo giết người.

Dao gậy, ví cho sức tác hại của sáu căn xúc đối với sáu trần, sanh ra sự đau khổ như cắt, như đánh.

Ma quỷ, chỉ sự cám dỗ của tham, sân, si, mạn, nghi, giải-đãi, thùy miên, phóng dật, hôn trầm...

Gông cùm xiền xích, biểu trưng cho sự mê mờ tốt xấu vì những thứ đó làm cho con người mất tự do tự tại, kìm hãm sức phát triển về thể xác lẫn tinh thần.

Giặc cướp , ám chỉ những hành động sai quấy tội lỗi. Do đó, mất sạch công đức lành ví như bị giặc cướp hết sạch của cải.

Nói chung, tất cả những từ có tính cách tác hại, gây đau khổ, mất mát ở phẩm Phổ Môn đều phải được hiểu là: những tác động tâm lý thuộc loại “ tâm sở bất thiện”. Không được hiểu đó là sự kiện “cụ thể” ở ngoại cảnh trước mắt. Hiểu trái lại thì nó trở thành chuyện mê tín hoang đường.

2. VỀ MẶT ĐƯỢC VÀ AN VUI:

Thất bảo là vàng bạc , lưu ly... biểu trưng thất thánh tài: tín, giới, văn, tài, quý, niệm, định, xả.

Của báu, biểu trưng tất cả công đức lành.

Con trai, biểu trưng trí tuệ và giác ngộ

Con gái, biểu trưng phước đức và giải thoát.

Ngoài ra, tất cả những từ mang tính cách “lành mạnh” và “ an vui” trong phẩm kinh này, phải được hiểu là: Phước đức, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến thuộc loại “ tâm sở thiện”. Tóm lại, “ tâm sở thiện hay bất thiện” cũng được hiểu đó là cách nói để biểu trưng. Vì lẽ Quán Thế Âm là pháp tu để “ Nhập Phật tri kiến” chứ không phải là một thần thánh để nguyện cầu.

Phẩm Phổ Môn là phẩm thứ 25 trong 28 phẩm kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, nếu đưa vào đây một Bồ-tát chuyên làm công tác xã hội tâm thường như thế, thì quả là phỉ báng Thế Tôn lắm vậy.

Người cúng dường và thọ trì danh hiệu 62 ức hàng hà sa Bồ-tát, cốt để được định tuệ, để trở về với tâm thanh tịnh, giải thoát giác ngộ của mình. Người quán niệm tiếng lòng màu nhiệm của mình thì người đó có định tuệ và đã sống với tâm thanh tịnh giải thoát giác ngộ. Vì vậy, thọ trì danh hiệu 62 ức hàng hà sa Bồ-tát và thọ trì một danh hiệu Quán Thế Âm thôi, hai công đức bằng nhau không khác, vì mục đích đạt đến ngang nhau.

Đáp câu hỏi của Vô Tận Ý Bồ-tát, Quán Thế Âm vân du khắp Ta-bà với hình thức nào?

Thế Âm thường trực ở trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh trong 10 pháp giới thánh phàm. Chúng sanh nào cần cứu độ thì Thế Âm dùng thân đó mà thuyết pháp hoá độ. Vì Thế Âm là “ tiếng lòng thường trực” của tất cả chúng sanh vậy.

Pháp Quán Thế Âm là thứ pháp thí cho chúng sanh vô-úy (không sợ). Vì quán niệm Thế Âm nhất tâm thanh tịnh, thì chẳng còn gì đáng sợ nữa, kể cả sự chết, hành giả cũng xem đó là việc rất bình thường. Bình thường vì đó là quy luật, là chân lý tất yếu, tự nhiên.

Giác ngộ vô thượng không có gì cao xa và bí ẩn cả.

Người giác ngộ là người hiểu rõ, nắm trọn quy luật đó, để cuộc sống khỏi bất mãn, khỏi khổ đau, mà kinh điển thường gọi là sống theo “ chân lý”. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát, Phật có ông nào trường sanh bất tử đâu. Thế mà cái chết của các Ngài được gọi là “ Niết Bàn” là “ Thoát ly sanh tử”. Còn phàm phu chỉ là chết mà gọi là “ sanh tử luân hồi”, “ưu bi khổ não”. Nguồn gốc do đâu? Do chấp cái “ Ta” và cái “ của Ta”. Khởi niệm chấp là trái với chân lý, trái quy luật thiên nhiên vũ trụ. Gốc khổ phát sinh từ ý niệm chấp thủ của con người, là “ vô minh nghiệp tướng”.

Quán Thế Âm là “ nhân”, “ bốn giác” và “ thi giác” là “ quả”. Bốn giác, thi giác mới là mục tiêu cứu cánh của tu pháp quán niệm Thế Âm. Vì vậy Thế Âm Bồ-tát không dám nhận “ quả” của Vô Tận Ý Bồ-tát cúng dường. Sau khi nghe lời Phật khuyến khích Thế Âm mới nhận, nhưng rồi tức khắc dâng lên Đa Bảo Như Lai (bốn giác) và Thích Ca Mâu Ni (thi giác). Vì chỉ có bốn giác và thi giác mới là địa vị thẩm quyền tối thượng để nhận “ của báu vô giá” của tấm lòng trong trắng “ Vô Tận Ý” hiển dâng.

Sắp chấm dứt thời pháp về Quán Thế Âm Trì Địa Bồ-tát (tâm địa) xuất hiện tán thán biểu đồng tình. Đó là một sự kiện có ý nghĩa sâu xa ! Tâm và Ý cần tiếp thu và nhận thức một cách hổ trợ và đồng bộ thì hiệu quả giác ngộ giải thoát mới cao. Rằng: Hãy vận dụng tâm và ý mà quán niệm Thế Âm. Làm được vậy là Diệu Âm sẽ ở mãi nơi lòng ta. Diệu âm không về đâu cả. –

--o0o--

PHẨM 26: ĐÀ LA NI

Lúc bấy giờ Bồ-tát Dược Vương đứng dậy chấp tay hướng Phật bạch rằng: Thế Tôn ! Nếu có trai lành gái tốt thọ trì kinh Pháp Hoa hoặc đọc tụng thông suốt, hiểu mau hoặc biên chép thành quyển, họ được phước đức nhiều chăng?

Đức Phật phản vấn: Này Dược Vương! Giả sử có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường tám trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa Phật, ý ông nghĩ sao, người cúng dường chư Phật như thế phước đức của họ có nhiều chăng?

Bồ-tát Dược Vương thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật nói: Nếu có trai lành gái tốt nào đọc tụng, giải nghĩa và tu hành đúng như lời, dầu chỉ là một bài kệ 4 câu, công đức của người này còn nhiều hơn người cúng dường chư Phật vừa nói.

Lúc đó, Bồ-tát Dược Vương bạch Phật: “ Thế Tôn ! Con nay sẽ hiến cho người giảng nói kinh Pháp Hoa một bài đà-la-ni (thần chú) để bảo hộ cho họ. Bồ-tát liền đọc bài chú:

“ An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ, chỉ lệ giá lê đê, xa mê, xa lý đa vĩ chuyên đế...”

Bồ-tát tiếp nói: Thế Tôn ! Thần chú này là của 62 ức hằng hà sa Phật nói. Ai xâm phạm hủy hoại Pháp sư coi như là xâm huỷ các đức Phật vậy.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca khen Bồ-tát Dược Vương. Hay thay! Hay thay ! Dược Vương vì thương tưởng muốn bảo hộ Pháp sư mà nói bài chú, người sẽ giúp ích rất nhiều cho chúng sanh.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Dũng Thí bạch Phật: “ Thế Tôn ! Con cũng xin vì người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa mà nói đà-la-ni. Được chú này rồi, thì Pháp sư không bị Dạ-xoa, La-sát hoặc Phú-đơn-na, Kiết-giá, Cưu-bàn-trà, ngạ quỷ tìm thấy chỗ ở của mình nữa. Nói xong, Bồ-tát đọc bài chú: “ Toa lệ, ma ha toa lệ, úc chỉ...” Rồi nói tiếp : “ Thế Tôn ! Thần chú này là của hằng hà sa Phật nói và cũng đều tùy hỉ. Ai xâm phạm pháp sư tức xâm phạm chư Phật rồi vậy”.

Bấy giờ, Thiên Vương Tỳ Sa-môn là vị Trời che chở cho thế gian, bạch Phật rằng: “ Thế Tôn ! Tôi cũng vì chúng sanh mà ủng hộ Pháp sư bằng đà-la-ni

này. Liền nói bài chú: “ A lê, na lê, a na lư,na lý, câu na lý”. Lại bạch: Thế Tôn ! Con đã dùng thần chú để ủng hộ Pháp sư , thì con cũng tự ủng hộ người trì kinh này, làm cho họ được trong khoảng trăm do tuần, khỏi điều tai nạn.

Bây giờ, Thiên vương Trì Quốc ở trong Pháp hội cùng với ngàn muôn ức na-do-tha Càn-thát-bà chấp tay bạch Phật: “ Thế Tôn ! Chúng con cũng dùng thần chú đà-la-ni bảo hộ người trì kinh Pháp Hoa”. Liền nói chú: “ A-dà-nê, dà nê, cù lợi, càn đà lợi, chiêm đà lợi, mà đặng kỳ thường cầu lợi, phù lâu tá nỉ ác đế”. Lại nói: “ Thế Tôn ! Thần chú này là của 42 ức Phật nói, ai xâm huỷ Pháp sư cũng tức là xâm huỷ các đức Phật rồi vậy”.

Bấy giờ 10 La-sát cùng bọn quỷ, cả mẹ lẫn con đều đong bạch Phật: Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa và trừ sự khổ hoạn cho họ, còn nếu có rẽ rình tìm chỗ đỡ của Pháp Sư thì khiến cho đừng tìm được. Nói xong, liền đọc bài chú: “ Y đề, y đề vãn, y đề lý, an đề lý...” Lại tiếp, Các Dạ-xoa, La-sát, nga quỷ... hoặc quỷ làm bệnh nóng, từ một tới bảy ngày, hay làm bệnh nóng luôn, các nam nữ, trai gái, tà trêu lên đầu chúng con chớ không có thể làm hại Pháp sư, dầu là trong giấc chiêm bao. Mười la-sát và bọn quỷ liền trước Phật nói bài kệ:

Ai chẳng thuận chú ta

Não loạn người nói pháp

Thời dầu vỡ bầy phần

Như nhánh cây A-lê

Như tội giết mẹ cha

Cũng như hoạ ép dầu

Như lờng cân tráo đấu

Như điều đạt phá tăng

Kẻ nào phạm Pháp sư

Sẽ mất họa như thế

Nói kệ xong, các nữ La-sát bạch Phật: Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ tự mình ủng hộ người thọ trì, đọc tụng kinh này, làm cho họ được an ổn, xa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc.

Phật bảo các La-sát: Hay thay ! Hay thay ! chỉ ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa, chúng người được phước chẳng thể lường, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ và dùng mọi thứ hoa hương, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc... cúng dường kinh. Nay Cao-đế ! Các người cùng quyến thuộc phải nên ủng hộ các Pháp sư như thế.

Lúc Phật nói phẩm “Đà-la-ni” này, có 68.000 người được “ Vô sanh pháp nhân”.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Người ta thường nói đạo Phật có 84.000 pháp môn hay nhiều hơn nữa. Hành giả có thể chọn pháp tu nào hợp ý thích của mình. Ví như một đại thành rộng lớn, thành thì một, nhưng cửa vào thành có nhiều, ai đi cửa nào tùy ý, miễn vào được thành là đến mục đích mong ước của người đi

Giáo lý Phật giáo, vốn đã có mầm phân chia tông phái từ Ấn Độ xa xưa. Đến thời kỳ Phật giáo truyền sang Trung Quốc, Đại thừa tư tưởng phát triển thịnh hành, các tông phái lại được lập ra và sự phân hoá lại càng rõ rệt thêm hơn nữa. Dù vậy, nhưng cách diễn đạt giáo lý, cách hướng dẫn tu hành, nhìn chung thì đại đồng tiểu dị nhưng cùng một đích là hướng dẫn con người đi vào đường giải thoát và giác ngộ.

Đặc biệt có hai giáo phái, nhìn qua như có sự đố kỵ lẫn nhau. Nhưng đi sâu vào để tìm hiểu hai dòng tư tưởng của hai chủ trương, ta thấy rõ: Họ gặp nhau ở mục đích đến, chỉ khác nhau ở lộ trình đi, chung nhau ở cứu cánh, chia nhau ở phương tiện. Đó là Hiền giáo và Mật giáo.

Hiền giáo thì tận dụng ngôn ngữ văn tự, dù phải viết, phải nói vạn ngữ thiên ngôn, chùng nào sáng tỏ vấn đề, người đọc và nghe hiểu được nghĩa lý ý thú kinh điển, áp dụng chủ thuyết: “ Văn nhi tư, tư nhi tu”. Hiền giáo rất chú trọng vấn đề tri thức cho người, hướng dẫn và truyền đạt giáo lý, khiến cho người nghe học và thực hành giáo lý ấy.

Mật giáo thì ngược lại, và có thể hiểu chủ trương của Mật giáo qua ý thơ của một Sư Tổ Việt Nam ở Huế mà tôi được nghe đức Hoà thượng Thượng Trí Hạ Thủ, cố Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung Ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Người nói cho tôi nghe và tôi được nhớ sau đây:

“ Kinh điển lưu truyền tám vạn tư

Học hành không thiếu cũng không dư

Năm nay tính lại chùng quên hết

Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ”

Có thể như vậy, mật giáo không chú trọng lý phải ngữ ngôn. Đà-la-ni là thứ văn tự ngữ ngôn không cần lý giải. Mật giáo chủ trương lối thực hành ! “ Tam mật tương ứng”. Thân mật, khẩu mật và ý mật, nghĩa là: Thân, khẩu , ý quyện chặt không rời. Thân ngồi kiết già. Miệng tụng Đà-la-ni tương tục. Ý lắng nghe lời chú hoặc quán một đối tượng do hành giả phát nguyện và hướng tâm vào. Pháp hành của hành giả trì Đà-la-ni là “ Tam mật”.

Tôi xin mở dấu ngoặc lớn ở đây: Rằng hành giả tu Mật nên đề ý:

Trì Đà-la-ni đừng dụng ý Cầu đắc, cầu chứng, kết quả điên loạn đến với hành giả rất nhanh. Hành giả nên tâm niệm rằng: Nước trong trăng hiện, mây tan trời hiện; quặng hết vàng hiện, phiền não vô minh hết, Phật tánh hiện. Bấy giờ tức thân thành Phật vậy.

Dựa trên tông chỉ Mật giáo là tam mật tương ứng, tức thân thành Phật để luận xét ta thấy rằng trì Đà-la-ni nhằm dẫn dắt đưa hành giả từ “ Tri kiến lập tri” lần đến “ Tri kiến vô kiến” của hiện tượng trực giác và cái đích cuối cùng là vô phân biệt trí, thứ trí căn bản của Bồ-tát Đại Trí Văn Thù.

Đà-la-ni là thứ văn tự ngữ ngôn, biểu trưng sự tận cùng ngôn ngữ. Vô lượng, vô số, bất khả thuyết a-tăng-kỳ , hằng hà sa Phật, từ vô lượng kiếp đều sử dụng thứ ngôn ngữ này. Thứ ngôn ngữ nhằm để phủ định ngôn ngữ. Phải đi đến tận cùng ngôn ngữ : rời danh tự, rời nói năng, rời tư duy phân biệt. Đó là điểm đến, là mục đích cuối cùng của pháp môn tu Mật của Đà-la-ni, Mật giáo.

Tam mật tương ứng rồi thì có tất cả: Thập thiện nghiệp, tứ đế pháp, thập nhị nhân duyên quán. Niệm Phật tam muội, chỉ quán, lục độ, Đà-la-ni... hàm dung thâm nhiếp vô lượng pháp môn vậy.

Đà-la-ni là pháp môn hành trì đem lại cho hành giả công đức vô cùng to lớn. Bậc cao như Bồ-tát Dược Vương, Dũng Thí bậc trung như Tỳ Sa-môn Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương, thấp như La-sát, các quý đều phát nguyện trì Đà-la-ni, lấy Đà-la-ni làm pháp môn tu tập, gieo giống Phật của mình.

Đà-la-ni, xếp vào phẩm thứ 26 của kinh Pháp Hoa, nhằm đưa hành giả Pháp Hoa lên ngang hàng với Đại Trí Văn Thù, chuẩn bị cho Đại Trí Văn Thù xuất hiện. Văn Thù và Phổ Hiền phải trùng phùng xuất hiện thì thời pháp tối thượng thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh mới đến hồi kết thúc, Đà-la-ni là pháp hành hiệu quả rất cao, phẩm Đà-la-ni chuẩn bị cho hành giả Pháp Hoa đi lần đến “ Tri hành hợp nhất” vậy.

---o0o---

PHẨM 27: DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ

Lúc bấy giờ, Phật bảo đại chúng: Thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên kiếp, có đức Phật hiệu Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí , tại nước Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên là Hỷ Kiến.

Tại Pháp hội của đức Phật đó, có một nhà vua tên là Diệu Trang Nghiêm, phu nhân tên là Tịnh Đức và hai con tên là Tịnh Tạng và Tịnh Nhân.

Hai người con có sức thần thông lớn, có phước đức và trí tuệ, từ lâu tu tập 10 pháp ba-la-mật, rành cả 37 phẩm trợ đạo, lại các môn tam muội của Bồ-tát như: Nhật-tinh-tú, Tịnh-quang, Tịnh-sắc, Tịnh-chiếu, Trường-trang-nghiêm, Đại-oai-đức.

Lúc đó, vì muốn dẫn đường cho vua Diệu Trang Nghiêm và cũng vì lòng thương chúng sanh, Phật Vân Lô Âm nói kinh Pháp Hoa này.

Bấy giờ, Tịnh Tạng và Tịnh Nhân đến chỗ mẹ ở, chấp tay thưa: “ Xin mẹ đến chỗ Phật Vân Lô Âm ngự, chúng con cũng sẽ theo hầu để gần gũi và cúng dường Phật”. Vì sao? Vì Phật đang vì Trời, người nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên phải nghe và tin nhận.

Phu nhân bảo hai con: Cha chúng con tin theo ngoại đạo, nhiều sâu pháp Bà-la-môn, các con nên qua thưa với cha chúng con để cùng nhau đồng đi.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhân thưa: Chúng con là con của Vua Pháp, sao lại sanh vào nhà tà kiến?

Phu nhân dạy: Các con nên thương tưởng cha các con mà hiển phép thần thông biến hoá, thấy được phép ấy, ắt lòng cha con thanh tịnh, hoặc nghe lời chúng ta mà qua đến chỗ Phật.

Ngay lúc đó, hai người con, vì tưởng nhớ đến cha, bay vọt lên hư không cao bằng bảy cây đa-la, hiện các món thần thông như: đi, đứng, ngồi, nằm trong hư không, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, dưới thân ra nước, trên thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đến choán hết hư không rồi hiện lại nhỏ, nhỏ lại hiện ra lớn, ẩn mất trong hư không rồi bỗng nhiên hiện ra trên đất, vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất.

Thấy thần lực của con như vậy, vua cha lòng rất vui mừng, như được vật chưa từng có, bèn chấp tay hướng về phía con mà nói rằng: Thầy của các con là ai? Các con là đệ tử của ai?

Hai con thưa: Đức Phật Lô Ít Âm Tú Vương Hoa Trí hiện đang ngồi trên pháp toà dưới cây bồ-đề bằng bảy báu, trong đám trời, người trên thế gian, rộng nói kinh Pháp Hoa, là thầy của chúng con đó; chúng con là đệ tử của Ngài.

Vua cha nói: “ Ta nay cũng muốn ra mắt thầy các con, vậy chúng ta cùng đi”.

Khi đó hai người con, từ hư không xuống, đến chỗ mẹ ở chấp tay thưa: Phụ vương nay đã tin hiểu, có thể kham phát tâm Vô Thượng Giác. Chúng con đã vì cha mà làm xong Phật sự rồi, vậy mong mẹ bằng lòng cho chúng con xuất gia tu hành ở chỗ đức Phật Lô Ít Âm. Nói xong, hai người lại đọc bài kệ:

Xin mẹ cho các con

Xuất gia làm Sa-môn

Các Phật rất khó gặp

Cho con theo Phật học

Gặp hoa Ưu-đàm khó

Gặp Phật còn khó hơn

Khỏi các nạn cũng khó

Nên cho con xuất gia.

Mẹ liền bảo: “ Cho các con xuất gia, vì Phật rất khó gặp”

Hai con liền thưa: Thưa cha mẹ, như thế thì hay lắm ! Chúng con xin qua chỗ Phật Vân Lô Âm để gần gũi cúng dường. Khó cho người gặp hoa Linh Thoại, khó cho rùa một mắt gặp bông cây nổi, gặp được Phật cũng khó như thế. Chúng ta phước đức đời trước sâu dày nên mới sanh đời này gặp Phật pháp, bởi vậy xin cha mẹ nghe chúng con mà xuất gia. Các đức Phật khó gặp, thời kỳ gặp Phật cũng khó có.

Lúc đó, nơi hậu cung vua Diệu Trang Nghiêm có 84.000 người đều có thể thọ trì được kinh Pháp Hoa này. Còn Bồ-tát Tịnh Nhãn và Bồ-tát Tịnh Tạng , vì muốn làm cho tất cả chúng sanh xa lìa các đường dữ, nên Tịnh Nhãn đã từ lâu thông đạt “ Pháp Hoa Tam Muội”, và Tịnh Tạng từ vô lượng kiếp đã thông đạt môn “ Ly chư ác thú tam muội”

Phu nhân của vua được môn “ Chư Phật Tập tam muội” năng biết tạng bí mật của chư Phật

Nhờ hai con dùng sức phương tiện khéo hoá độ như thế, lòng vua tin hiểu, ưa mến Phật pháp.

Bấy giờ, nhà vua với quần thần quyên thuộc, Tịnh Đức phu nhân với thế nữ nơi hậu cung, hai vương tử với 42.000 người đồng một lúc đi qua chỗ Phật Lô Âm ở. Đến nơi rồi, tất cả đều làm lễ rồi đứng qua một bên. Phật vì vua nói Pháp, chỉ dạy điều lợi ích , vui mừng, nhà vua lấy làm vui đẹp.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân mở chuỗi trân châu giá trị trăm ngàn đang đeo ở cổ, tung rải trên đức Phật. Trong hư không, chuỗi ấy hoá thành đài báu bốn trụ, trên đài có giương báu lớn, trăm ngàn muôn thiên y phủ lên, trên đó có Phật ngồi kiết già, phóng hào quang sáng lớn. Nhà vua mới nghĩ rằng: Thân Phật ít có, đoan trang, nghiêm chỉnh hết sức đặc thù, là một sắc thân vi diệu bậc nhất.

Bấy giờ Phật Lô Âm bảo bốn chúng: Các người thấy vua Diệu Trang Nghiêm chấp tay đứng trước ta đó chẳng? Nhà vua ở trong pháp ta, làm Tỳ-kheo siêng năng tu tập các pháp trợ Phật đạo, rồi đây sẽ được làm Phật, hiệu là Ta La Thọ Vương, nước tên Đại Quang, kiếp tên Đại Cao Vương, Phật Ta La Thọ Vương có vô lượng Bồ-tát và vô lượng Thanh Văn, nơi đó bình chánh công đức như vậy.

Vua Diệu Trang Nghiêm tức thì giao nước cho em, rồi cùng phu nhân, hai người con và các quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu hành.

Xuất gia rồi, trong 84.000 năm, thường tinh tấn tu hành theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa; sau đó được tam muội “ Nhất thế Tịnh Công đức Trang Nghiêm”. Được tam muội rồi, liền bay lên hư không, ca bảy cây đa-la mà bạch Phật: Thế Tôn ! Hai người con của con đây đã làm Phật sự, dùng thần thông biến hoá xoay tâm tà của con, khiến con an trụ trong Phật pháp mà được thấy Thế Tôn. Hai người con ấy là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước, làm lợi ích cho con, nên đến sanh vào nhà con.

Phật Văn Lô Âm bảo nhà vua: Đúng thế ! Đúng thế ! Quả như lời ông nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trồng cội lành, thì đời đời được gặp hàng thiện tri thức hay làm Phật sự, chỉ dạy cho sự lợi ích vui mừng, khiến vào đường Vô Thượng Giác.

Đại Vương nên biết ! Nhân duyên lớn nào mà giáo hoá, dìu dắt làm cho được thấy Phật, phát tâm Vô Thượng Giác thì đó là thiện tri thức.

Đại Vương ! Đại Vương thấy hai người con này chẳng? Hai người ấy đã từng cúng dường 650.000 muôn ức hằng hà sa đức Phật, thân cận cung kính chư Phật, nơi chỗ chư Phật ở, thọ trì kinh Pháp Hoa thương tưởng những chúng sanh tà kiến mà khiến cho họ trụ trong chánh kiến.

Vua Diệu Trang Nghiêm, từ trên hư không xuống, tán thán công đức Như Lai xong, liền bạch Phật: Thế Tôn ! Thật là chưa từng có, pháp của Như Lai đầy đủ những công đức vi diệu làm nên Phật sự không thể nghĩ bàn, dạy răn việc làm, khiến được an ổn rất hay. Từ nay, con nguyện không còn theo “ tâm hành” của mình nữa, chẳng sanh lòng tà kiến, ngạo ngễ, giận hờn”.

Thưa xong, vua làm lễ rồi lui ra.

Phật bảo đại chúng: Ý các người nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải người nào lạ, chính nay là Bồ-tát Hoa Đức hiện ở trước Phật đó. Hai

người con là Bò-tát Dược Vương và Dược Thượng vậy. Hai Bò-tát này đã thành tựu các công đức lớn như thế, ai mà biết danh tự của hai Bò-tát đó, thì đáng cho nhân dân lễ lạy.

Lúc Phật nói phẩm “ Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự” này, có 84.000 người xa trần lụy, rời cầu nhiễm, ở trong các pháp, được các pháp “ nhân tịnh”.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự này, Phật nói về chuyện tiền kiếp xa xưa của Bò-tát Dược Vương và Dược Thượng, hai con của Diệu Trang Nghiêm Vương cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ hằng hà sa kiếp, ở vào thời Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai.

Chuân bị nói kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, ngay ở phẩm Tựa, Phật cho đại chúng biết rằng: Cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp về trước có hai muôn ức Phật nối tiếp ra đời, cùng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Đức Phật rốt sau vốn là một nhà vua, trước khi xuất gia đã có 8 người con tên là: Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bửu Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hường Ý, và Pháp Ý. Tám người con nghe vua cha xuất gia, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác bèn xuất gia và đều làm nên Phật sự.

Ở phẩm thứ 27, Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự sắp kết thúc thời pháp nói về kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Phật cũng lại nói lên câu chuyện của một nhà vua nhưng ngược lại với nhà vua được giới thiệu ở phẩm Tựa là con và vợ đi tu trước, và con đã có thần thông, vua cha thấy vậy mới xuất gia theo.

Qua hai sự kiện “ lịch sử” xa xưa đó, ta thấy dụng ý bố cục về thời pháp Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Ta có thể hiểu mật ý của Phật qua hai câu chuyện “ bản sự” đó nhằm chỉ dạy cho người đệ tử Phật rằng: Trong nước, vua là quan trọng. Trong con người, Dê bát thức tâm vương là quan trọng.

Lật đổ, tấn phong một ông vua là phải trải qua một biến cố. Cải tạo, chuyên hoá Tâm vương cũng phải qua một biến cố “ lục chủng chấn động” tức là tiền lục thức rung chuyển ở cõi đất tâm.

Ở phẩm Tựa, vua cha tu trước thành Phật, con thấy vậy xuất gia tu theo. Có nghĩa là phát tâm dũng mãnh xuất gia trước, lần lần chuyển hoá, cải tạo tiền thất thức từ từ. Ở phẩm 27, con và vợ tu trước có thần thông... vua cha thấy vậy tu theo. Có nghĩa là chuyển hoá, cải tạo tiền thất thức trước, để làm tăng-thượng-duyên cải tạo đệ bát Alaya, chuẩn bị tiến lên quả Phật.

Hai sự kiện “ lịch sử bốn sanh” lâu đời ấy chỉ cho Phật tử hai phương pháp chuyển hoá bát thức tâm vương qua hai chiều hướng thuận nghịch. Tuy nhân duyên hoàn cảnh, mỗi người đều có thể chuyển hoá một trong hai cách, cách nào cũng thành công được.

Tịnh Nhãn biểu trưng cho nhãn thức.

Tịnh Tạng biểu trưng cho ý thức.

Nói Nhãn và Ý, ẩn lược Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức hàm chứa ở trong đó. Như nói “ Tri kiến” là gồm công dụng của 6 giác quan vậy. Tịnh Đức phu nhân biểu trưng đệ-thất-mạt-na. Vậy Tịnh Nhãn, Tịnh Tạng và Tịnh Đức phu nhân ám tỷ cho bảy thức tâm vương trước. Diệu Trang Nghiêm Vương ám tỷ đệ bát Alaya.

Nói rằng Tịnh Nhãn, Tịnh Tạng hiện thân biến, có nghĩa là hai người con này đã có sự tự tại giải thoát, trong mọi phiền trược khổ đau mà người thường bị hãm vây ràng buộc bởi: lửa, nước, đất, không, cao thấp, lớn nhỏ, trên dưới, đi đứng, nằm ngồi trong cuộc sống.

Vua cha thấy sự tự tại, giải thoát của hai con mà lòng ham mộ, nghĩ rằng địa vị của một nhà vua, chỉ vì cái ta và cái của ta mà suốt cuộc đời chẳng có chút giải thoát tự do nào. Cho nên sau đó, vua giao nước cho em, rồi đi xuất gia hành đạo giải thoát.

Tâm Vương mà chuyển hoá được thanh tịnh, thì tất cả tâm-sở cũng sẽ được chuyển hoá theo. Vua Diệu Trang Nghiêm xuất gia theo đó 84.000 người ở hậu cung của vua cũng đều thọ trì tu học kinh Pháp Hoa thông thuộc.

Chuỗi ngọc trân châu, kim cương, vàng bạc mà sử dụng không đúng chỗ, nó trở thành nguyên nhân tai họa, đau khổ, và chết chóc. Biết cởi mở, biến hiện dâng đúng thời, đúng lúc; vì giác ngộ, giải thoát mà hiến dâng thì trân châu, vàng bạc trở thành một thứ công cụ phục vụ cho Phật pháp, chói lợi ánh sáng quang minh, vĩ đại, làm cho người hiến dâng thấy Phật, thấy pháp, thấy được tướng giải thoát giác ngộ ngay trước mắt.

Gặp gỡ thiện tri thức, làm tăng thượng duyên dắt dẫn cho nhau đi trên đường giải thoát giác ngộ, đó không phải là việc ngẫu nhiên. Người Phật tử phải tin như vậy. Nhưng người Phật tử cũng không được tin đó là định mệnh an bày hay sự ân sủng của một thế lực siêu nhiên. Mà đó là kết quả do ta đã gieo hạt tốt, trồng cây lành ở đời này hay đời khác.

Người thiện tri thức làm tăng-thượng-duyên ấy, với bản thân họ, cũng không phải chuyện ngẫu nhiên. Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí nói với vua Diêu Trang Nghiêm rằng: “ Hai người con này của Đại Vương đã đồng cúng dường 65.000 muôn ức na-do-tha hằng hà sa các đức Phật, gần gũi, cúng dường, và thọ trì kinh Pháp Hoa, thường thương tưởng những chúng sanh tà kiến mà làm người thiện tri thức để khiến cho họ được chánh kiến.

Vua Diêu Trang Nghiêm xưa kia, nay là Bồ-tát Hoa Đức ở trước Phật đây. Còn Tịnh Nhân và Tịnh Tạng hồi đó, nay là Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát đây. Rõ là: Bồ-tát không sợ sanh tử, chẳng ham Niết Bàn. Vì sanh tử không làm cho Bồ-tát khổ đau, thì “ sanh tử tức Niết Bàn” vậy. Công đức tu hành, cội lành đã trồng ở vô lượng vô biên a-tăng-kỳ hằng hà sa số kiếp trước, thế mà, đến nay vẫn còn là Bồ-tát Hoa Đức. Bồ-tát Dược Vương, Bồ-tát Dược Thượng. Các Ngài không mong Niết Bàn mà cũng chưa cầu thành Phật, để rồi mình sẽ được ở một cõi nước giàu đẹp, sang trọng: vàng bạc, lưu ly, pha lê... các trân bảo hợp thành. Bởi vì Bồ-tát hiểu rằng:

Với một tâm lòng đầy bất mãn thì ở trên vàng bạc, lưu ly, pha lê... cũng không an vui, giải thoát và sung sướng được đâu. Phải biết đủ, chỉ có biết đủ thì dù đạm bạc, thô sơ, giản dị cũng đủ đem lại cho người ta sung sướng, mát mẻ, an vui, thoải mái và bằng lòng. Nếu dùng cái nghĩa chữ Niết Bàn với ý tham vọng mù quáng xa xôi của những người chưa hiểu được đạo Phật thì: sung sướng, mát mẻ, an vui, thoải mái và bằng lòng đó chính là Niết Bàn. Có từng ấy yếu tố là có Niết Bàn rồi vậy. Tuy nhiên, Niết Bàn có Niết Bàn Hữu Thượng và Niết Bàn Vô Thượng. Điều đó tùy thuộc ở sự đoạn “hoặc” cứu cánh hay chưa cứu cánh của mỗi người.

Thảo nào, đến nay mà ba Bồ-tát còn ở cõi Ta-bà, không xin “ bỏ nhiệm” một cảnh giới đẹp đẽ cao sang nào khác.

Người mà biết danh tự của hai vị Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng thì trời và người nên phát tâm cung kính. Vì hai Bồ-tát này là phương thuốc chúa và phương thuốc thượng đẳng có thể cứu bệnh khổ chúng sanh trong vô lượng đời.

PHẨM 28: PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ Hiền dùng sức thần thông tự tại, cùng vô lượng vô số Bồ-tát và chư Thiên Long... đến núi Kỳ-xà-quật cõi Ta-bà, làm lễ và bạch Phật: Thế Tôn ! Con ở nơi nước của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, xa nghe ở cõi Ta-bà này có thuyết kinh Pháp Hoa, nên cùng vô lượng Bồ-tát đến nghe lãnh, cúi mong Thế Tôn vì chúng con, nói kinh cho nghe ! Sau khi Như Lai diệt độ, các trai lành gái tốt làm thế nào mà được kinh Pháp Hoa?

Phật bảo Bồ-tát Phổ Hiền: “ Sau Như Lai diệt độ, thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được kinh Pháp Hoa thì trước phải thành tựu 4 pháp (hội đủ 4 điều kiện) là:

1. Được chư Phật hộ niệm
2. Trông các cội công đức
3. Vào trong chánh định
4. Phát tâm cứu tất cả chúng sanh

Bồ-tát Phổ Hiền bạch Phật: Thế Tôn ! Năm trăm năm về sau, trong đời ác trược, nếu có người thọ trì kinh Pháp Hoa, con sẽ bảo hộ họ, trừ các suy tôn, hoạn-hoạn, làm cho họ được an ổn và khiến các loài ma quỷ đều không có dịp làm hại. Ai trong lúc đi đứng mà thọ trì đọc tụng kinh này, thì con sẽ cõi voi trắng cùng chư Đại Bồ-tát, hiện ra trước người đó để cúng dường, bảo hộ và an ủi tâm người đó, bởi lẽ phải cúng dường kinh Pháp Hoa. Nếu người đó ngồi suy gẫm nghĩa kinh, thì con cũng cõi voi trắng hiện ra cùng người ấy chung đọc tụng và làm cho họ thông thuộc, nếu có người quên mất một câu hay một bài kệ của kinh. Người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa mà được thấy thân con thì lòng rất vui mừng, lại thêm tinh tấn và được tam muội cùng các “triền đà-la-ni”, “pháp âm đà-la-ni...”

Thế Tôn ! Năm trăm năm về sau, trong đời ác trược, trong hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nếu có người cần mẫn thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này mà muốn tu tập, thì trong 21 ngày, phải một lòng tinh tấn. Mãn 21 ngày rồi, con sẽ cõi voi trắng sáu ngà cùng vô lượng Bồ-tát vây quanh, hiện ra trước người đó để nói pháp chỉ dạy sự lợi ích vui mừng và

cho chú đà-la-ni. Được chú này rồi, thì không có loài phi-nhân nào có thể phá hoại được, cũng không bị nữ nhân hoặc loạn.

Bach xong, Bồ-tát Phổ Hiền đọc bài chú và tiếp thừa; Thế Tôn ! Bồ-tát nào nghe được chú này, phải biết đó là sức mạnh thần thông của Phổ Hiền. Ai thọ trì được kinh Pháp Hoa, thì đó là nhờ sức oai-thần của Phổ Hiền. Ai thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chính, hiểu nghĩa lý và chỉ thú của kinh, đúng theo lời kinh mà tu hành, thì người đó tu hạnh Phổ Hiền, ở nơi vô lượng Phật sâu trồng cội lành và được Như Lai lấy tay xoa đầu. Nếu chỉ biên chép không, thì khi mệnh chung, sẽ sanh lên trời Đao lợi, được thiên nữ trỗi nhạc đón rước, vui chơi khoái lạc, đầu đội mũ bảy báu. Còn ai thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa, thì khi mạng chung, được ngàn đức Phật đưa tay tiếp dẫn khiến chẳng sợ sệt, chẳng đoạ vào nẻo dữ liền lên cung trời Đâu Suất được cùng chư Đại Bồ-tát và trăm ngàn muôn ức chư thiên cùng ở.

Thế Tôn ! Con xin đem sức thần thông thủ hộ kinh Pháp Hoa để sau khi Như Lai diệt độ, tại cõi Diêm-phù-đề, làm cho kinh này lưu truyền rộng không cho đoạn tuyệt.

Lúc bấy giờ, đức Thích Ca khen: Hay thay ! Hay thay ! Phổ Hiền ! Ông có khả năng hộ trợ Kinh này, làm cho chúng sanh được an vui lợi ích. Vì đã thành tựu nhiều công đức không thể nghĩ bàn, vì tâm từ-bi của ông đã sâu lớn vì từ lâu xa ông đã phát tâm cầu Vô-thượng-giác, cho nên nay mới năng phát nguyện thần thông thủ hộ kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông mà bảo vệ người thọ trì danh hiệu của Bồ-tát Phổ Hiền.

Này Phổ Hiền ! Ai thọ trì, đọc tụng, sửa đổi những nhớ tưởng của mình cho chân chính, tu tập, biên chép kinh Pháp Hoa này, nên biết người ấy ắt thấy Phật Thích Ca nói ra, nên biết người ấy được Phật khen ngợi, nên biết người ấy được Phật Thích Ca lấy áo trùm thân. Người như thế thì không còn trở lại ham mê những vui sướng của thế gian, chẳng ưa thích kinh sách của ngoại đạo, cũng chẳng còn vui gần gũi ngoại đạo, kẻ ác, hàng thịt, người nuôi heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, kẻ buôn nữ sắc. Người có tâm ý chân chất ngay thẳng, những nhớ tưởng đều chân chính, có phước đức lớn. Người đó chẳng bị ba món độc tham, sân, si làm náo hại. Người đó ít ham muốn, biết đủ có khả năng tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền ! Năm trăm năm sau khi Phật diệt độ, thấy người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa, thì phải nghĩ rằng người ấy chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các thứ ma, thành Vô Thượng Giác, chuyên pháp luân đáng trông pháp,

thổi loa pháp , rưới mưa pháp, sẽ ngồi trên pháp toà sư tử trong đám trời người.

Phổ Hiền ! Ở đời sau, ai thọ trì đọc tụng kinh này thì người đó chẳng còn ham ưa về quần áo, giường nằm, ăn uống. Nói tóm là không còn thiết tha với những vật cần cho sự sống, còn có mong ước gì thì cũng không mong ước những việc hư huyền, lại ngay trong hiện đời, được phước báo và thẳng tiến trên đường giải thoát.

Thấy người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa mà chê là người vô trí, điên cuồng, rốt cuộc không lợi ích gì, ai phạm tội ấy sẽ có báo ứng, đời đời không mất. Trái lại, ai cúng dường khen ngợi, thì ngay trong hiện đời được quả báo tốt.

Thấy người thọ trì, đọc tụng và vạch bày lỗi lầm của người ấy, dầu có dầu không, thì ngay trong hiện đời phải mắc bệnh cùi. Còn khinh cười thì đời đời răng nướu thừa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghê độc máu mủ, bụng thủng, thở ngắn và các bệnh nặng khác. Vì vậy, này Phổ Hiền, nếu thấy người thọ trì kinh này thì phải đứng dậy ra xa tiếp rước, như kính đón Phật vậy.

Lúc Phật nói phẩm “ Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát này” có hàng hà sa Bồ-tát được muôn ức đà-la-ni. Chư Bồ-tát đông như bụi trong 3.000 đại thiên thế giới được đầy đủ hạnh Phổ Hiền.

---o0o---

THÂM NGHĨA

Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát được xếp vào phẩm thứ 28 cuối cùng của bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nó có ý nghĩa nghệ thuật về hình thức bố cục, có ý nghĩa sâu xa về nội dung giáo lý:

Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, có nghĩa là khuyên hành giả Pháp Hoa phát khởi hạnh Phổ Hiền. Phổ Hiền được biểu trưng cho đức Tinh Tấn. Hạnh khắp pháp giới là Phổ. Vị gần quả Phật là Hiền.

Nếu Phổ Hiền biểu trưng cho Lý, thì Văn Thù biểu trưng cho Trí. Văn Thù là Trí thì Phổ Hiền là Hành

Văn Thù xuất hiện giới thiệu kinh Pháp Hoa ở phẩm đầu, Phổ Hiền xuất hiện kết thúc kinh Pháp Hoa ở phẩm cuối. Cái ý nghĩa biểu trưng qua danh hiệu của hai Bồ-tát, đến đây chúng ta được nhận thấy rõ ràng.

Cũng như Bồ-tát Diệu Âm ở phẩm Diệu Âm, Bồ-tát Phổ Hiền từ phương Đông xuất hiện, trên đường đi đến cõi Ta-bà để nghe Phật giảng kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, các nước Bồ-tát đi ngang qua đều rung động: Vô lượng trăm ngàn muôn ức các thứ kỹ nhạc không trời tự kêu, hoa sen báu trở đầy khắp đất.

Cũng vậy, với cõi đất tâm của tất cả chúng ta khi phát khởi lòng tinh tấn tu học Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì cõi lòng sẽ rung động biến chuyển: hiện tượng khinh an, giải thoát sẽ đến với ta và cõi lòng sẽ vui tươi đẹp đẽ, nhìn đâu cũng đẹp như hoa, nghe đâu cũng êm ái, cũng vui tươi như nhạc.

Sau Phật diệt độ, đệ tử Phật muốn được Pháp Hoa tam muội, cần phải có 4 điều:

1. Được các Phật hộ niệm. Nghĩa là phải thấp sáng hiện hữu, giữ tâm luôn luôn ở trong trạng thái giác chiếu.
2. Trồng cây công đức. Hành giả phải luôn luôn phát triển hạnh lành.
3. Siêng tu chánh định. Phải giữ tâm thanh tịnh ngăn dứt vọng niệm tạp tướng: Nhơn, ngã, thị, phi.
4. Phát tâm cứu giúp tất cả chúng sanh. Thể hiện lòng từ qua hành động vị tha vô ngã.

Bốn điều Phật dạy cho Bồ-tát Phổ Hiền cũng tức là dạy cho Phật tử hậu lai, những ai tu hành muốn đắc Pháp Hoa tam muội.

Tu hạnh Phổ Hiền (tinh tấn) thì tất cả các loại ác ma không có cơ hội làm hại, vì Phổ Hiền đã phát nguyện: Phổ Hiền sẽ cõi bạch tượng hiện đến thủ hộ an ủi hành giả và cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Phổ Hiền sẽ cõi bạch tượng hiện đến nhắc cho hành giả những câu, những nghĩa lý Pháp Hoa mà hành giả quên sót.

Phổ Hiền khiến cho người thọ trì đọc tụng Pháp Hoa được thấy Phổ Hiền lòng sanh vui mừng và thêm tinh tấn. Hành giả sẽ được tam muội và các thứ

“ triền đà-la-ni” “ pháp âm phương tiện đà-la-ni” và trăm ngàn muôn ức đà-la-ni khác.

Tu tập là việc làm thường xuyên, ngừa lỗi dứt ác là việc làm suốt cả cuộc đời. Tuy vậy, cũng phải ấn định mốc thời gian để hành giả tập trung sức tinh tấn, trong kỳ hạn nào đó hợp khả năng, hoàn cảnh của mỗi người, 21 ngày, 49 ngày, 80 ngày, 100 ngày hay 120 ngày chỉ là bước đi từng bước trên con đường dài đi đến giác ngộ giải thoát. Định mốc thời gian để trải nghiệm sức tinh tấn của mình. Nếu sức tinh tấn kiên trì, hành giả sẽ thân thấy Phổ Hiền hiện đến nói pháp cho nghe và khiến cho hành giả thành tựu Vô phân biệt trí (Phổ Hiền cho chú Đà-la-ni)

Phổ Hiền cho chú Đà-la-ni... có nghĩa là hành giả với sức tinh tấn của mình rồi sẽ đạt đến Vô phân biệt trí.

Hành giả được Vô phân biệt trí do sức “ tinh tấn” thọ trì, đọc tụng Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, đó là sự kết quả của “ Tri hành hợp nhất” vậy.

Hành giả đạt đến chỗ tri hành hợp nhất là nhiệm vụ của Văn Thù và Phổ Hiền được hoàn thành. Cho nên Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh được kết thúc ở phẩm “ Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát”.

Các bố cục của kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa nhằm hướng dẫn cho hành giả Pháp Hoa từ tri đến hành. Từ hành đến Chứng thể nhập tri kiến Phật. Cái dụng ý đó , đến đây hành giả nhận thấy rõ ràng hơn.

Người thực hành hạnh Phổ Hiền là người đã trồng sâu gốc rễ lành trong vô lượng vô biên các Phật. Người đó được chư Phật lấy tay xoa đầu, lấy y mà trùm cho.

Hạnh Phổ Hiền là hạnh tinh tấn trong tinh tấn. Đối với Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói , tìm hiểu ý thú, ghi nhớ chân chánh, như thuyết tu hành, đó là hạnh Phổ Hiền, là Phổ Hiền Bồ-tát hiện thân.

Người thọ trì, đọc tụng, tu tập kinh Pháp Hoa là người thấy tánh, cho nên chẳng bao lâu thành Phật và làm tất cả việc Phật.

Chê bai khinh rẻ kinh Pháp Hoa là chê bai khinh rẻ chân lý, phủ nhận Phật tánh, chối bỏ khả năng thành Phật của mình, người đó sẽ sống đời sống hắc ám, vô minh, như ô-ước, hôi tanh, như người hủi lở... Người đó không bao

giờ nhận thức, thấy được chân lý như mù, sống trong dày vò tà kiến, như tay chân cong queo, lời nói chẳng ai thích nghe, như môi sứt, răng sêu, người trí xa lánh như xa lánh kẻ lừa dối hôi tanh.

Tóm lại, chê bai kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì những người này luôn luôn là những người bị dày vò đau khổ, vì sống không có ánh sáng trí tuệ, họ sẽ đau khổ triền miên như tâm trạng những kẻ cùng một lúc bị nhiều bạo bệnh liên tục hoành hành.

Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ-Tát.

Nam Mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-Tát.

Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-Tát.

HẾT